

QUYỂN 2

(Quyển Nhân-Duyên)

(NIDĀNA-VAGGA)

VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYỂN* lớn (Vagga); mỗi *QUYỂN* lớn được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó. Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết Nhân Duyên, liên-kết Ca-Diếp, liên-kết Gia Chủ Citta...). Trong nhiều chương lại có các *NHÓM kinh* (vagga). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Spk**, **Spk-Pt**...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin của các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là theo các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... , đó là số của các chú thích trong phiên bản Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gôi ngòi thiên (tọa cụ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *liên-kết* (chương) dài hay vài *liên-kết* ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Số kinh tóm-lược là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần nhìn lướt qua. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều liên-kết các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ quyển nào hoặc trong một quyển đó có thể chọn những chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc liên-kết ‘Nhập-lưu’, về Mục-kiền-liên thì đọc liên-kết ‘Mục-kiền-liên’ ...

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bò-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)
(hiệu đính và in 2020)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN	v
Chương 12. Liên Kết NHÂN-DUYÊN	1
NHÓM 1. NHÓM ‘NHỮNG VỊ PHẬT’ (<i>Buddha-vagga</i>).....	3
1 (1) <i>Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc</i>	3
2 (2) <i>Phân Tích Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc</i>	4
3 (3) <i>Hai Đường Hướng</i>	7
4 (4) <i>Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi)</i>	7
5 (5) <i>Phật Sikhī (Thi-khí)</i>	8
6 (6) <i>Phật Vessabhū (Tỳ-xá-phù)</i>	8
7 (7) <i>Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn)</i>	8
8 (8) <i>Phật Koṇāgamana (Câu-na-hàm)</i>	8
9 (9) <i>Phật Kassapa (Ca-diếp)</i>	8
10 (10) <i>Phật Thích-Ca, Đại Sa-Môn Cồ-Đàm</i>	8
NHÓM 2. NHÓM ‘DƯỠNG CHẤT’ (<i>Āhāra-vagga</i>).....	13
11 (1) <i>Dưỡng Chất</i>	13
12 (2) <i>Moḷiya Phagguna</i>	14
13 (3) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	16
14 (4) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	17
15 (5) <i>Kaccānagotta</i>	18
16 (6) <i>Người Thuyết Pháp</i>	20
17 (7) <i>Tu Sĩ Lỡ Tên Ca-Diếp</i>	21
18 (8) <i>Du Sĩ Timbaruka</i>	24
19 (9) <i>Người Trí và Người Ngụ</i>	26

20	(10) <i>Những Điều Kiện (duyên)</i>	28
NHÓM 3. NHÓM ‘MƯỜI NĂNG LỰC’ (<i>Dasabala-vagga</i>) ... 31		
21	(1) <i>Mười Năng Lực (1)</i>	31
22	(2) <i>Mười Năng Lực (2)</i>	31
23	(3) <i>Nguyên Nhân Kế Trước</i>	33
24	(4) <i>Những Du Sĩ Khác Đạo</i>	37
25	(5) <i>Ngài Bhūmija</i>	41
26	(6) <i>Ngài Upavāṇa</i>	45
27	(7) <i>Những Điều Kiện (duyên)</i>	47
28	(8) <i>Tỳ Kheo</i>	48
29	(9) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	49
30	(10) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	50
NHÓM 4. NHÓM ‘TỖ KHEO KALĀRA TỪ GIAI CẤP CHIẾN-SĨ’ (<i>Kaḷāra-khattiya-vagga</i>)..... 52		
31	(1) <i>Điều Ất Xảy Ra (Hữu duyên thì hữu sinh)</i>	52
32	(2) <i>Tỳ Kheo Kaḷāra</i>	54
33	(3) <i>Các Trường Hợp Hiểu-Biết (1)</i>	60
34	(4) <i>Các Trường Hợp Hiểu-Biết (2)</i>	62
35	(5) <i>Do Có Vô Minh Là Điều Kiện (1)</i>	63
36	(6) <i>Do Có Vô Minh Là Điều Kiện (2)</i>	66
37	(7) <i>Không Phải Là Cửa-Ta</i>	66
38	(8) <i>Sự Cố-Ý (1)</i>	67
39	(9) <i>Sự Cố-Ý (2)</i>	68
40	(10) <i>Sự Cố-Ý (3)</i>	69
NHÓM 5. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (<i>Gahapati-vagga</i>) 71		
41	(1) <i>Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (1)</i>	71

42	(2) <i>Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (2)</i>	74
43	(3) <i>Khổ</i>	74
44	(4) <i>Thế Giới</i>	76
45	(5) <i>Ở Ñātika</i>	77
46	(6) <i>Một Bà-la-môn</i>	79
47	(7) <i>Bà-la-môn Jāṇussoṇi</i>	80
48	(8) <i>Một Nhà Vũ Trụ Luận</i>	80
49	(9) <i>Người Đệ Tử Thánh Thiện (1)</i>	81
50	(10) <i>Người Đệ Tử Thánh Thiện (2)</i>	83
NHÓM 6. NHÓM KHỔ (<i>Dukkha-vagga</i>).....		84
51	(1) <i>Sự Điều Tra Thâu Suốt</i>	84
52	(2) <i>Sự Dính Chấp</i>	88
53	(3) <i>Những Gông Cùm (1)</i>	89
54	(4) <i>Những Gông Cùm (2)</i>	90
55	(5) <i>Cây Lớn (1)</i>	91
56	(6) <i>Cây Lớn (2)</i>	92
57	(7) <i>Cây Non</i>	92
58	(8) <i>Phần Danh-Sắc</i>	93
59	(9) <i>Thức</i>	94
60	(10) <i>Nhân Duyên</i>	95
NHÓM 7. 'NHÓM LỚN' (<i>Mahā-vagga</i>).....		98
61	(1) <i>Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (1)</i>	98
62	(2) <i>Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (2)</i>	100
63	(3) <i>Thịt Của Người Con</i>	101
64	(4) <i>Nếu Có Tham Dục</i>	104
65	(5) <i>Kinh Thành</i>	106

66	(6) <i>Sự Khám Phá</i>	110
67	(7) <i>Bó Cây Sậy</i>	115
68	(8) <i>Kosambī</i>	118
69	(9) <i>Sự Dâng Trào</i>	120
70	(10) <i>Susīma</i>	121
NHÓM 8. 'NHÓM CÁC TU SĨ & BÀ-LA-MÔN'		
(<i>Samaṇabrāhmaṇa-vagga</i>)		132
71	(1) <i>Sự Già-Chết</i>	132
72	(2) — 81 (11) <i>Sự Sinh</i>	132
NHÓM 9. 'NHÓM GỘP LẠI & TÓM LƯỢC' (<i>Antara-peyyāla-</i>		
<i>vagga</i>)		134
82	(1) <i>Một Vị Thầy</i>	134
83	(2) <i>Sự Tu Tập</i>	134
84	(3) — 93 (12) <i>Sự Phán Đấu</i>	135
Chương 13. Liên Kết SỰ ĐỘT-PHÁ		137
1	<i>Móng Tay</i>	139
2	<i>Hồ Nước</i>	139
3	<i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)</i>	140
4	<i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)</i>	141
5	<i>Trái Đất (1)</i>	141
6	<i>Trái Đất (2)</i>	142
7	<i>Đại Dương (1)</i>	142
8	<i>Đại Dương (2)</i>	143
9	<i>Núi (1)</i>	144
10	<i>Núi (2)</i>	144
11	<i>Núi (3)</i>	145

Chương 14. Liên Kết CÁC YẾU-TỐ 147

NHÓM 1. 'NHÓM SỰ ĐA-DẠNG' (*Nānatta-vagga*)..... 149

- 1 (1) *Nhiều Loại Yếu-Tố*..... 149
- 2 (2) *Nhiều Loại Tiếp-Xúc*..... 149
- 3 (3) *Không Tùy Thuộc Các Loại Tiếp-Xúc* (ngược lại thì không)
150
- 4 (4) *Nhiều Loại Cảm-Giác (1)* 151
- 5 (5) *Nhiều Loại Cảm-Giác (2)* 152
- 6 (6) *Nhiều Loại Yếu-Tố Bên Ngoài*..... 153
- 7 (7) *Nhiều Loại Nhận-Thức* 153
- 8 (8) *Không Tùy Thuộc Các Loại Tìm-Câu...* (ngược lại thì
không)..... 154
- 9 (9) *Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài*..... 156
- 10 (10) *Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài (2)* (ngược lại thì không)
157

NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (*Dutiya-vagga*)..... 160

- 11 (1) *Bảy Yếu-Tố* 160
- 12 (2) *Có Một Nhân* 161
- 13 (3) *Hội Trường Gạch*..... 164
- 14 (4) *Tính Khí Thấp Kém* 165
- 15 (5) *Đi Tới Đi Lui* 166
- 16 (6) *Có Thêm Bài Kệ* 168
- 17 (7) *Thiếu Niềm-Tin...* 169
- 18 (8) *Bắt Rẽ Từ Những Người Thiếu Niềm-Tin* 170
- 19 (9) *Bắt Rẽ Từ Những Người Không Biết Xấu-Hổ*..... 171
- 20 (10) *Bắt Rẽ Từ Những Người Không Sợ-Hãi Việc Làm Sai
Trái* 172

21	(11) <i>Bắt Rễ Từ Những Người Không Học-Hiểu</i>	173
22	(12) <i>Bắt Rễ Từ Những Người Lười-Nhác</i>	173
NHÓM 3. NHÓM ‘ĐƯỜNG NGHIỆP’ (<i>Kammapatha-vagga</i>)		
.....		175
23	(1) <i>Những Người Không Định-Tâm</i>	175
24	(2) <i>Những Người Thất Đức</i>	175
25	(3) <i>Năm Giới Tu Tập</i>	176
26	(4) <i>Bảy Đường Nghiệp</i>	176
27	(5) <i>Mười Đường Nghiệp</i>	177
28	(6) <i>Con Đường Tám Phần</i>	177
29	(7) <i>Mười Yếu-Tố</i>	178
NHÓM 4. ‘NHÓM THỨ TƯ’ (<i>Catuttha-vagga</i>)		179
30	(1) <i>Bốn Yếu-Tố</i>	179
31	(2) <i>Trước Khi Ta Giác Ngộ</i>	179
32	(3) <i>Ta Đã Quyết Tâm</i>	180
33	(4) <i>Nếu Mà Không Có...</i>	181
34	(5) <i>Chỉ Toàn Khổ</i>	182
35	(6) <i>Khoái Lạc</i>	183
36	(7) <i>Khởi Sinh</i>	184
37	(8) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	184
38	(9) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	185
39	(10) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (3)</i>	186
Chương 15. Liên Kết VÔ-THỦY		187
NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (<i>Paṭhama-vagga</i>)		189
1	(1) <i>Cổ Cây</i>	189
2	(2) <i>Trái Đất</i>	190

3	(3) <i>Nước Mắt</i>	191
4	(4) <i>Sữa Mẹ</i>	192
5	(5) <i>Núi</i>	193
6	(6) <i>Hạt Cải</i>	194
7	(7) <i>Các Đệ Tử</i>	194
8	(8) <i>Sông Hằng</i>	195
9	(9) <i>Khúc Cây</i>	196
10	(10) <i>Ngưòi</i>	197
NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (<i>Dutiya-vagga</i>)		199
11	(1) <i>Bất Hạnh</i>	199
12	(2) <i>Hạnh Phúc</i>	199
13	(3) <i>Ba Mười Vị Tỳ Kheo</i>	200
14	(4) <i>Mẹ</i>	202
15	(5) <i>Cha</i>	202
16	(6) <i>Anh</i>	202
17	(7) <i>Chị</i>	202
18	(8) <i>Con Trai</i>	202
19	(9) <i>Con Gái</i>	202
20	(10) <i>Núi Vepulla</i>	202
Chương 16. Liên Kết CA-DIẾP		207
1	<i>Sự Biết Hải Lòng</i>	209
2	<i>Không Sợ Hãi Việc Làm Sai Trái...</i>	210
3	<i>Như Mặt Trăng</i>	212
4	<i>Khách Của Gia Đình</i>	214
5	<i>Tuổi Già</i>	215
6	<i>Sự Đê Xương (I)</i>	216

7	<i>Sự Đê Xương (2)</i>	219
8	<i>Sự Đê Xương (3)</i>	220
9	<i>Những Tầng Thiên-Định & Những Trí-Biết Trực Tiếp</i>	222
10	<i>Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni</i>	227
11	<i>Áo Cà-Sa</i>	229
12	<i>Sau Khi Chết</i>	234
13	<i>Sự Giả Mạo Giáo Pháp Đích Thực</i>	235
Chương 17. Liên Kết LỢI-DANH		239
NHÓM 1. 'NHÓM THỨ NHẤT' (Paṭhama-vagga)		241
1	<i>(1) Tai Hại (chết chóc)</i>	241
2	<i>(2) Lưỡi Câu</i>	241
3	<i>(3) Con Rùa</i>	242
4	<i>(4) Con Dê Lông Dày</i>	243
5	<i>(5) Con Bọ Trong Phân</i>	243
6	<i>(6) Sét Đánh</i>	244
7	<i>(7) Mũi Tên Tắm Độc</i>	245
8	<i>(8) Chó Rừng</i>	245
9	<i>(9) Cuồng Phong</i>	246
10	<i>(10) Có Thêm Bài Kệ</i>	247
NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (Dutiya-vagga)		249
11	<i>(1) Bình Bát Vàng</i>	249
12	<i>(2) Bình Bát Bạc</i>	249
13	<i>(3) Một Đồng Tiền Vàng Suvanna</i>	250
14	<i>(4) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Suvanna</i>	250
15	<i>(5) Một Đồng Tiền Vàng Singi</i>	250
16	<i>(6) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Singi</i>	250

17	(7) <i>Trái Đất Chứa Toàn Vàng</i>	250
18	(8) <i>Mọi Phần Thường Vật Chất</i>	250
19	(9) <i>Mạng Sống</i>	250
20	(10) <i>Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất</i>	250
NHÓM 3. 'NHÓM THỨ BA' (<i>Tatiya-vagga</i>).....		251
21	(1) <i>Một Phụ Nữ</i>	251
22	(2) <i>Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất</i>	251
23	(3) <i>Con Trai Duy Nhất</i>	251
24	(3) <i>Con Gái Duy Nhất</i>	252
25	(5) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	253
26	(6) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	254
27	(7) <i>Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (3)</i>	254
28	(8) <i>Da</i>	255
29	(9) <i>Sợi Dây</i>	255
30	(10) <i>Một Tỳ Kheo</i>	256
NHÓM 4. 'NHÓM THỨ TƯ' (<i>Catuttha-vagga</i>).....		257
31	(1) <i>Sự Chia Rẽ</i>	257
32	(2) <i>Gốc Rễ Thiện</i>	257
33	(3) <i>Bản Chất Thiện</i>	257
34	(4) <i>Bản Chất Sáng</i>	258
35	(5) <i>Không Lâu Sau Khi Ông Ấy Bỏ Đi</i>	258
36	(6) <i>Năm Trăm Cổ Xe</i>	259
37	(7) <i>Mẹ</i>	260
38	(8) <i>Cha</i>	260
39	(9) <i>Anh</i>	260
40	(10) <i>Chị</i>	260

41	(11) <i>Con Trai</i>	260
42	(12) <i>Con Gái</i>	260
43	(13) <i>Vợ</i>	260
Chương 18. Liên Kết RĀHULA		261
NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (<i>Paṭhama-vagga</i>)		263
1	(1) <i>Mắt</i>	263
2	(2) <i>Những Hình-sắc</i>	264
3	(3) <i>Thức</i>	264
4	(4) <i>Sự Tiếp Xúc</i> (xúc).....	265
5	(5) <i>Cảm Giác</i> (thọ)	265
6	(6) <i>Nhận Thức</i> (tưởng)	266
7	(7) <i>Sự Cố Ý</i> (tư).....	266
8	(8) <i>Dục Vọng</i> (ái)	266
9	(9) <i>Các Yếu Tố</i> (giới)	267
10	(10) <i>Các Uẩn</i> (tập hợp, đồng)	267
NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (<i>Dutiya-vagga</i>).....		269
11	(1) <i>Mắt</i>	269
12	(2) <i>Những Hình-sắc</i>	269
13	(3) <i>Thức</i>	269
14	(4) <i>Sự Tiếp Xúc</i> (xúc).....	269
15	(5) <i>Cảm Giác</i> (thọ)	269
16	(6) <i>Nhận Thức</i> (tưởng)	269
17	(7) <i>Sự Cố Ý</i> (tư).....	269
18	(8) <i>Dục Vọng</i> (ái)	269
19	(9) <i>Những Yếu Tố</i> (xứ)	269
20	(10) <i>Các Uẩn</i> (tập hợp, đồng)	269

21	(11) <i>Khuyñh Hướng Tiềm Ẩn</i> (tùy miên)	269
22	(12) <i>Không Còn</i>	270
Chương 19. Liên Kết LAKKHAṆA		273
NHÓM 1. 'NHÓM THỨ NHẤT' (<i>Paṭhama-vagga</i>)		275
1	(1) <i>Bộ Xương</i>	275
2	(2) <i>Miếng Thịt</i>	276
3	(3) <i>Cục Thịt</i>	277
4	(4) <i>Người Bị Lột Da</i>	277
5	(5) <i>Lông Bằng Lưỡi Kiếm</i>	277
6	(6) <i>Lông Bằng Lưỡi Giáo</i>	278
7	(7) <i>Lông Bằng Mũi Tên</i>	278
8	(8) <i>Lông Bằng Kim (1)</i>	278
9	(9) <i>Lông Bằng Kim (2)</i>	279
10	(10) <i>Tinh Hoàn Bằng Cái Nồi</i>	279
NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (<i>Dutiya-vagga</i>)		280
11	(1) <i>Đầu Bị Dìm</i>	280
12	(2) <i>Người Ăn Phân</i>	280
13	(3) <i>Người Phụ Nữ Bị Lột Da</i>	280
14	(4) <i>Người Đàn Bà Xấu Xí</i>	281
15	(5) <i>Người Đàn Bà Cháy Bốc Khói</i>	281
16	(6) <i>Thân Không Đầu</i>	281
17	(7) <i>Tỳ Kheo Xấu Ác</i>	282
18	(8) <i>Tỳ Kheo Ni Xấu Ác</i>	282
19	(9) <i>Một Nữ Tu Tập Sự Xấu Ác</i>	282
20	(10) <i>Một Sa-Di Xấu Ác</i>	282
21	(11) <i>Một Sa-Di Ni Xấu Ác</i>	282

Chương 20. Liên Kết VÍ DỤ..... 285

<i>1 Đỉnh Chóp Mái Nhà</i>	<i>287</i>
<i>2 Móng Tay.....</i>	<i>287</i>
<i>3 Các Gia Đình.....</i>	<i>288</i>
<i>4 Những Nồi Thức Ăn.....</i>	<i>288</i>
<i>5 Ngọn Giáo</i>	<i>289</i>
<i>6 Cung Thủ.....</i>	<i>290</i>
<i>7 Cái Chốt Trống</i>	<i>291</i>
<i>8 Những Khối Gỗ.....</i>	<i>292</i>
<i>9 Con Voi Đực</i>	<i>293</i>
<i>10 Con Mèo</i>	<i>294</i>
<i>11 Con Chó Rừng (1).....</i>	<i>296</i>
<i>12 Con Chó Rừng (2).....</i>	<i>296</i>

Chương 21. Liên Kết CÁC TỖ KHEO 299

<i>1 Kolita.....</i>	<i>301</i>
<i>2 Upatissa</i>	<i>302</i>
<i>3 Cái Thùng.....</i>	<i>303</i>
<i>4 Tỷ Kheo Mới Thụ Giới</i>	<i>305</i>
<i>5 Sujāta</i>	<i>307</i>
<i>6 Lakunṭaka Bhaddiya.....</i>	<i>307</i>
<i>7 Visākha</i>	<i>308</i>
<i>8 Nanda</i>	<i>310</i>
<i>9 Tissa</i>	<i>311</i>
<i>10 Tỷ Kheo Tên Là Trưởng Lão (Thera)</i>	<i>312</i>
<i>11 Đại Kappina</i>	<i>313</i>
<i>12 Những Người Đồng Hành</i>	<i>314</i>

BẢNG VIẾT TẮT.....	317
CHÚ THÍCH	323

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 12

Liên Kết NHÂN-DUYÊN

(12 Nidāna-saṃyutta)

(12 Tương ứng Nhân-Duyên)

NHÓM 1

NHÓM ‘NHỮNG VỊ PHẬT’

(*Buddha-vagga*)

1 (1) *Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’? Do có *vô-minh* là điều kiện (duyên) nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý* (hành);¹ do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện nên có *thức*; do có thức là điều kiện nên có *phần danh-sắc*; do có phần danh-sắc là điều kiện nên có *sáu giác-quan* [sáu cơ-sở cảm nhận] do có sáu giác-quan là điều kiện nên có *cảm-giác*; do có cảm-giác là điều kiện nên có *dục-vọng*; do có dục-vọng là điều kiện nên có *sự dính-chấp* (chấp thủ) do có sự dính-chấp là điều kiện nên có *sự hiện-hữu*; do có sự hiện-hữu là điều kiện nên có *sự sinh-ra*; do có *sự sinh-ra* là điều kiện, nên xảy ra *sự già-chết*, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là *sự khởi-sinh tùy thuộc*.

“Nhưng (ngược lại), với sự phai biến sạch sẽ và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý* (hành); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt *thức*; khi chấm dứt thức thì chấm dứt *phần danh-sắc*; khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt *sáu giác-quan* [sáu cơ-sở cảm nhận]; khi chấm dứt sáu giác-quan thì chấm dứt *cảm-giác*; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt *dục-vọng*, khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt *sự dính-chấp* (chấp thủ) khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt *sự hiện-hữu*; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (không còn) *sự già-chết*, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”

Đó là điều đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hân hoan và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

(SN 12:01)

2 (2) *Phân Tích Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’, và ta sẽ phân tích nó cho các thầy. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Do có vô-minh là điều kiện (duyên) nên có những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện nên có thức; ... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *già-chết*? Sự già đi của những chúng sinh trong những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự già đi của họ, răng rụng, tóc bạc, da nhăn nheo, suy giảm sức sống, suy

thoái các giác quan: đây được gọi là sự già. Sự chết của những chúng sinh trong những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự hủy hoại của họ, sự tan rã, biến mất, tử vong, chết, sự hết thời gian (sống), sự tan rã của năm-uẩn, sự nằm xuống của xác thân: đây gọi là sự chết.² Như vậy sự già và sự chết này hợp chung được gọi là sự già-chết.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *sinh*? Sự sinh ra của những chúng sinh khác nhau thành những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự được sinh ra, sự hạ vào [trong dạ con], sự sản sinh, sự hiện thân của năm-uẩn, sự có được sáu giác-quan [sáu cơ-sở cảm nhận]. Đây được gọi là sự sinh.³

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *hiện-hữu*? Có ba loại sự hiện hữu: sự hiện hữu ở cõi dục giới, sự hiện hữu ở cõi sắc giới, sự hiện hữu ở cõi vô sắc giới. Đây được gọi là sự hiện hữu.⁴

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *dính-chấp*? Có bốn loại sự dính chấp (chấp thủ): sự dính chấp vào những khoái-lạc giác-quan (dục chấp), sự dính chấp vào những quan-điểm này nọ (kiến chấp), sự dính chấp vào sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cầm thủ), sự dính chấp vào giáo lý về cái ‘ta’ (ngã chấp). Đây được gọi là sự dính-chấp.⁵

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *dục-vọng*? Có sáu loại dục vọng: dục vọng vì hình-sắc (sắc dục), dục vọng vì âm-thanh (thanh dục), dục vọng vì mùi-hương (hương dục), dục vọng vì mùi-vị (vị dục), dục vọng vì những đối-tượng chạm xúc (xúc dục), dục vọng vì những hiện-tượng thuộc tâm (pháp dục).

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác*? Có sáu loại cảm giác: cảm giác có từ mắt tiếp xúc, cảm giác có từ tai tiếp xúc, cảm giác có từ mũi tiếp xúc, cảm giác có từ lưỡi tiếp xúc, cảm giác có từ thân tiếp xúc, cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm giác.

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự *tiếp-xúc*? Có sáu loại tiếp xúc: tiếp xúc ở/bởi mắt, tiếp xúc ở tai, tiếp xúc ở mũi, tiếp xúc ở lưỡi, tiếp xúc ở thân, tiếp xúc ở tâm. Đây được gọi là sự tiếp xúc.

(8) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sáu giác-quan* (cơ-sở cảm nhận)? Giác quan mắt, giác quan tai, giác quan mũi, giác quan miệng, giác quan thân, giác quan tâm. Những đây được gọi là sáu giác quan.

(9) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần danh-sắc*? Cảm giác, nhận thức, ý định, sự tiếp xúc, sự chú tâm (tác ý): đây được gọi là phần danh (phần tâm thân). Bốn yếu tố lớn (tứ đại) và phần sắc có từ bốn yếu tố lớn đó: đây được gọi là phần sắc (sắc thân, thuộc thể sắc). Như vậy phần danh này và phần sắc này hợp với nhau được gọi chung là phần danh-sắc.⁶

(10) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Có sáu loại thức: thức mắt, thức tai, thức mũi, thức lưỡi, thức thân, thức tâm. (Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, tâm thức). Đây được gọi là thức.

(11) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý* (hành)? Có ba loại sự tạo-tác cố-ý: sự tạo-tác cố-ý của thân (thân hành), sự tạo-tác cố-ý của lời nói (khẩu hành), sự tạo-tác cố-ý của tâm (tâm hành). Những đây được gọi là những sự tạo-tác cố-ý (các hành).⁷

(12) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *vô-minh*? Không hiểu biết về sự khổ, không hiểu biết nguồn-gốc khổ, không hiểu biết về sự chấm-dứt khổ, không hiểu biết về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Đây được gọi là sự vô-minh.⁸

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có *vô-minh* là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý*; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có *thức*.... Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này.

“Nhưng (ngược lại), với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý*; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt *thức*.... Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”⁹

(SN 12:02)

3 (3) Hai Đường Hướng

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đường hướng sai và đường hướng đúng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường hướng sai? (đó là) Do có vô-minh là điều kiện nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện nên có thức.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là đường sai.”

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường hướng đúng? (đó là) Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt thức.... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là đường đúng.”

(SN 12:03)

4 (4) Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi)

Ở Sāvattihī.¹⁰

“Này các Tỳ kheo, trước khi giác ngộ, khi vị ấy là một bò-tát,¹¹ chưa giác ngộ hoàn toàn, lúc đó điều này đã xảy đến với Vipassī, bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác:¹² ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết đi và tái sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào mới nhận thấy sự giải-thoát khỏi sự khổ đau [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’ ... [*Các kinh 6–9 bên dưới đều tiếp tục với nội dung như kinh 12:10 bên dưới*] ...

“‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỳ kheo, như vậy đó, trong vị Bò-tát Vipassī đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.”

(SN 12:04)

- 5 (5) *Phật Sikhī* (Thi-khí)
- 6 (6) *Phật Vessabhū* (Tỳ-xá-phù)
- 7 (7) *Phật Kakusandha* (Câu-luru-tôn)
- 8 (8) *Phật Koṇāgamana* (Câu-na-hàm)
- 9 (9) *Phật Kassapa* (Ca-diếp)
- 10 (10) *Phật Thích-Ca, Đại Sa-Môn Cồ-Đàm*

[I. Sự Khởi-Sinh]

“Này các Tỳ kheo, trước khi giác ngộ, khi ta còn là một Bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, lúc đó điều này đã xảy đến với ta: ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết rồi lại sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ

đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào mới nhận thấy sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’

(1) “Này các Tỳ kheo, rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có già-chết? Thứ gì làm điều kiện (duyên) tạo ra sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), trong ta có [đã xảy ra] sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng:¹³ ‘*Khi có sinh thì có già-chết; sự già-chết có sinh là điều kiện (duyên) của nó.*’¹⁴

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sinh? Thứ gì là điều kiện tạo ra sự sinh?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có sự hiện-hữu là có sinh; sự sinh có sự hiện-hữu là điều kiện của nó.*’

(3) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự hiện-hữu? Thứ gì làm điều kiện tạo ra sự hiện-hữu?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có sự dính-chấp là có sự hiện-hữu; sự hiện-hữu có sự dính-chấp là điều kiện của nó.*’

(4) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự dính-chấp? Thứ gì làm điều kiện tạo ra sự dính-chấp?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có dục-vọng là có sự dính-chấp; sự dính-chấp có dục-vọng là điều kiện của nó.*’

(5) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có dục-vọng? Thứ gì làm điều kiện tạo ra dục-vọng?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có cảm-giác là có dục-vọng; dục-vọng có cảm-giác là điều kiện của nó.*’

(6) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có cảm-giác? Thứ gì làm điều kiện tạo ra cảm-giác?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ

rằng: ‘*Khi có tiếp-xúc là có cảm-giác; cảm-giác có sự tiếp-xúc là điều kiện của nó.*’

(7) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có tiếp-xúc? Thứ gì làm điều kiện tạo ra sự tiếp-xúc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có sáu giác-quan là có tiếp-xúc; sự tiếp-xúc có sáu giác-quan là điều kiện của nó.*’

(8) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sáu giác-quan? Thứ gì làm điều kiện tạo ra sáu giác-quan?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có phần danh-sắc là có sáu giác-quan; sáu giác-quan có phần danh-sắc là điều kiện của nó.*’

(9) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có phần danh-sắc? Thứ gì làm điều kiện tạo ra phần danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có thức là có phần danh-sắc; phần danh-sắc có thức là điều kiện của nó.*’

(10) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có thức? Thứ gì làm điều kiện tạo ra thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có những sự tạo-tác cố-ý là có thức; thức có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện của nó.*’¹⁵

(11) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có những sự tạo-tác cố-ý? Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi có vô-minh là có những sự tạo-tác cố-ý; những sự tạo-tác cố-ý có vô-minh là điều kiện của nó.*’

(12) “Nhu vậy, do có *vô-minh* là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý*; do có *những sự tạo-tác cố-ý* là điều kiện, nên có *thức*.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ *đồng khổ* này.

“‘Sự khởi-sinh, sự khởi-sinh’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi lên một tâm nhìn, sự hiểu biết, trí-tuệ, sự hiểu biết đích thực, và ánh sáng.

[II. Sự Chấm-Dứt]

(1) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi không có thứ gì, thì không có *già-chết*? Khi chấm dứt thứ gì thì chấm dứt sự *già-chết*?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự *đột-phá* bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi không có sự sinh-ra thì không có già-chết; khi chấm dứt sự sinh thì chấm dứt sự già-chết.*’

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi không có thứ gì thì không có *sinh*? Khi chấm dứt thứ gì thì chấm dứt sự *sinh*?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự *đột-phá* bằng trí-tuệ rằng: ‘*Khi không có sự hiện-hữu thì không có sự sinh-ra; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh.*’ ...

(3) ... ‘*Khi không có sự dính-chấp thì không có sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu.*’ ...

(4) ... ‘*Khi không có dục-vọng thì không có sự dính-chấp; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp.*’ ...

(5) ... ‘*Khi không có cảm-giác thì không có dục-vọng; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng.*’ ...

(6) ... ‘*Khi không có tiếp-xúc thì không có cảm-giác; khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác.*’ ...

(7) ... ‘*Khi không có sáu giác-quan thì không có tiếp-xúc; khi chấm dứt sáu giác-quan thì chấm dứt sự tiếp-xúc.*’ ...

(8) ... ‘*Khi không có phần danh-sắc thì không có sáu giác-quan; khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu giác-quan.*’ ...

(9) ... ‘*Khi không có thức, thì không có phần danh-sắc; khi chấm dứt thức thì chấm dứt phần danh-sắc.*’ ...

(10) ... ‘*Khi không có những sự tạo-tác cố-ý thì không có thức; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt thức.*’ ...

(11) ... ‘*Khi không có vô-minh, thì không có những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý.*’

(12) “Nhu vậy, với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý*; khi chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý* thì chấm dứt *thức*.... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

““Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi lên một tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.”¹⁶

(SN 12:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘DƯỠNG CHẤT’

(*Āhāra-vagga*)

11 (1) *Dưỡng Chất*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống) của những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.¹⁷ Bốn đó là gì? *Thức-ăn*, thô và tinh; thứ hai, *sự tiếp-xúc*; thứ ba, *ý-muốn* [sự cố-ý của tâm]; thứ tư, *thức*. Đây là bốn loại dưỡng chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.¹⁸

“Này các Tỳ kheo, bốn loại dưỡng-chất này có thứ gì là nguồn gốc của chúng, thứ gì là nguyên gốc của chúng, từ thứ gì chúng được sinh ra và tạo ra? Bốn loại dưỡng chất này có dục-vọng (sự thèm khát) là nguồn gốc của chúng, dục-vọng là nguyên gốc của chúng, chúng được sinh ra và tạo ra từ dục-vọng.¹⁹

“Và dục-vọng này thì có thứ gì là nguồn gốc của nó, thứ gì là nguyên gốc của nó, từ thứ gì nó được sinh ra và tạo ra? Dục-vọng có cảm-giác là nguồn gốc nó, có cảm-giác là nguyên gốc của nó, nó được sinh ra và tạo ra từ cảm-giác.

“Và cảm-giác có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Cảm-giác có sự tiếp-xúc là nguồn gốc của nó ...

“Và sự tiếp-xúc có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Sự tiếp-xúc có sáu giác-quan là nguồn gốc của nó ...

“Và sáu giác-quan có thứ gì là nguồn gốc của chúng ...? Sáu giác-quan có phần danh-sắc là nguồn gốc của chúng ...

“Và phần danh-sắc có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Phần danh-sắc có thức là nguồn gốc của nó ...

“Và thức có thứ gì là nguồn gốc của nó ...? Thức có những sự tạo-tác cố-ý là nguồn gốc của nó ...

“Và những sự tạo-tác cố-ý có thứ gì là nguồn gốc của chúng ...? Những sự tạo-tác cố-ý có vô-minh là nguồn gốc của chúng ...

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có vô-minh là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh, thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý, thì chấm dứt thức.... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:11)

12 (2) *Moliya Phagguna*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống) của những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? Thức ăn, thô và tinh; thứ hai, sự tiếp xúc; thứ ba, ý-muốn (sự cố ý của tâm); thứ tư, thức. Đây là bốn loại dưỡng chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.²⁰ Khi điều này được nói ra, Ngài Moliya Phagguna đã nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ai tiêu thụ dưỡng chất thức?”²¹

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai tiêu thụ’.²² Nếu ta có nói ‘Ai tiêu thụ’ thì câu hỏi đó mới đúng chỗ. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy, nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, dưỡng chất thức làm điều kiện (duyên) cho cái gì?’²³ Câu trả lời đúng của nó là: ‘Dưỡng chất thức là một điều kiện tạo ra sự tái hiện-hữu trong tương lai.²⁴ Khi nào có thức, thì có [sinh ra] sáu giác-quan;²⁵ khi có sáu giác-quan, thì có sự tiếp-xúc.’”

“Thưa Thế Tôn, ai làm ra sự tiếp-xúc?”

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai làm ra sự tiếp-xúc.’ Nếu ta có nói ‘Ai làm ra sự tiếp-xúc’ thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều kiện thì có [sinh ra] thức?’. Câu trả lời đúng là: ‘Với sáu giác-quan là điều kiện, nên có [sinh ra] sự tiếp-xúc; khi có sự tiếp-xúc, thì có cảm-giác.’”

“Thưa Thế Tôn, ai cảm giác?”

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai cảm giác.’ Nếu ta có nói ‘Ai cảm giác’ thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều kiện, thì có [sinh ra] cảm-giác?’. Câu trả lời đúng là: ‘Với sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; khi có cảm-giác, thì có dục-vọng (sự thèm khát).’”

“Thưa Thế Tôn, ai thèm khát?”

“Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai thèm khát.’ Nếu ta có nói ‘Ai thèm khát’ thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều kiện thì có [sinh ra] dục-vọng (sự thèm khát)? Câu trả lời đúng là: ‘Với cảm-giác là điều kiện, nên có [sinh ra] dục-vọng; khi có dục-vọng là điều kiện, thì có sự

dính-chấp (chấp thủ); khi có sự dính-chấp, thì có sự hiện-hữu;²⁶ khi có sự hiện-hữu, thì có sự sinh-ra ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.’

“Nhưng, này Phagguna, với sự phai biến và chấm dứt sáu giác-quan để tiếp xúc thì chấm dứt (không còn) sự tiếp-xúc; khi chấm dứt tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sinh-ra thì chấm dứt (không còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:12)

13 (3) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó;²⁷ những ai không hiểu sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ những điều (sự thật, chân lý) này nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn) hay mục tiêu của bà-la-môn.²⁸

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới

sự chấm dứt nó; những ai hiểu sự sinh ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều này, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 12:13)

14 (4) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu những điều này, nguồn-gốc của những điều này, sự chấm-dứt của những điều này, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều này: cái gì là những điều họ không hiểu, nguồn-gốc của những điều gì mà họ không hiểu, sự chấm-dứt những điều gì họ không hiểu, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều gì mà họ không hiểu?

“Họ không hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Họ không hiểu sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Đó là những điều họ không hiểu, nguồn-gốc của chúng họ không hiểu, sự chấm-dứt của chúng họ không hiểu, con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng họ không hiểu.

“Những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ những điều này, nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó, nguồn-gốc của những điều đó, sự chấm-dứt của những điều đó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều đó: cái gì là những điều họ hiểu được, nguồn-gốc của những điều họ hiểu được, sự chấm-dứt của những điều họ hiểu được, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều họ hiểu được?”

“Họ hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Họ hiểu được sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Đó là những điều họ hiểu được, nguồn-gốc của chúng họ hiểu được, sự chấm-dứt của chúng họ hiểu được, con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng họ hiểu được.

“Những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chúng ngộ những điều này, ngay trong kiếp này đã chúng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 12:14)

15 (5) *Kaccānagotta*

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Kaccānagotta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào²⁹ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘Cách-nhìn đúng đắn, cách-nhìn đúng đắn.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có cách-nhìn đúng đắn?”

- “Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các bậc thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan-điểm—một là ‘ý-niệm có sự

hiện-hữu trường tồn’ (thường kiến), và hai là ‘ý-niệm không có sự hiện-hữu trường tồn’ (đoạn kiến).³⁰ Nhưng đối với người đã nhìn thấy nguồn gốc *khởi-sinh* (sinh) của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng (ý niệm) về sự ‘không-hiện-hữu’ đối với thế giới; (tức không coi thế giới là không hiện hữu, vì rõ ràng nó có khởi sinh). Và đối với người đã nhìn thấy sự *chấm-dứt* (diệt) của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng về sự ‘luôn-hiện-hữu’ đối với thế giới; (tức không còn coi thế giới là hiện hữu trường tồn, vì rõ ràng nó có biến diệt).³¹

- “Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian bị trói buộc bởi sự dính-líu, sự dính-chấp, và sự cố-chấp.³² Nhưng có người này [nhờ có chánh-kiến nên] không bị dính líu và dính chấp bởi sự dính-líu và sự dính-chấp đó, bởi quan-điểm này nọ của tâm, bởi sự cố-chấp, bởi khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên); người đó không còn quan niệm về một ‘cái ‘ta’ của mình’ (bản ngã của mình, tự ngã) nào cả.”³³ Người đó không còn lơ mờ hay nghi ngờ về chân-lý, (biết rõ): thứ gì khởi sinh chỉ là khổ khởi sinh, thứ gì chấm dứt chỉ là khổ chấm dứt; (tức: chỉ có khổ sinh và khổ diệt). Sự hiểu-biết về điều này của người đó là không phụ thuộc vào người khác (tự mình thấy biết, tự trí). Này Kaccāna, theo cách như vậy là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).³⁴

“Này Kaccāna, (nếu nói) ‘tất cả đều hiện hữu’: đây là một cực đoan. (nếu nói) ‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là một cực đoan thứ hai. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vậy: ‘Do có *vô-minh* là điều kiện, nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý*; do có *những sự tạo-tác cố-ý* là điều kiện, nên có *thức*.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác-cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt thức.... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’”

(SN 12:15)

16 (6) Người Thuyết Pháp

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một người thuyết Pháp, một người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người thuyết Pháp?”

“Này Tỳ kheo, (a) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ (kinh hãi, ghê tởm, quay lưng) đối với sự *già-chết*, để dẫn tới sự phai-biến và chầm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là một người thuyết Pháp. (b) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *già-chết*, để dẫn tới sự phai-biến và chầm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (b) Nếu ai, thông qua sự ghê-sợ đối với sự *già-chết*, thông qua sự phai-biến và chầm-dứt của nó, được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp (hết chấp-thủ), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này các Tỳ kheo, (a) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *sinh ...* dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *vô-minh*, để dẫn tới sự phai-biến và chầm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là một người thuyết Pháp. (b) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự *sinh ...* sự *vô-minh*, để dẫn tới sự phai-biến và chầm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (c) Nếu ai, thông qua sự ghê-sợ đối với sự *sinh ...* sự *vô-minh*, thông qua sự phai-biến và chầm-dứt của nó, được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 12:16)

17 (7) *Tu Sĩ Lỏa Thề Tên Ca-Diếp*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá),³⁵ trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiểm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô thành Rājagaha để khát thực. Tu sĩ lỏa thề tên Ca-diếp [Kassapa] nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy, ông đã đến gần đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên và nói với đức Thế Tôn: “Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-Đàm về một điều, mong thầy làm ơn trả lời câu hỏi của chúng tôi.”

“Giờ không phải lúc thích hợp để hỏi, này ông Ca-diếp. Chúng tôi đã đi vào khu nhà dân rồi.”

Lần thứ hai và lần thứ ba, tu sĩ lỏa thề Ca-diếp vẫn nói với đức Thế Tôn: “Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-Đàm về một điều, mong thầy làm ơn trả lời câu hỏi của chúng tôi.”

“Giờ không phải lúc thích hợp để hỏi, này ông Ca-diếp. Chúng tôi đã đi vào khu nhà dân rồi.”³⁶

Rồi tu sĩ lỏa thề Ca-diếp lại nói với đức Thế Tôn: “Chúng tôi không muốn hỏi Thầy Cồ-Đàm quá nhiều điều đâu.”

“Vậy thì ông hãy hỏi điều ông muốn hỏi đi, ông Ca-diếp.”

“Thưa Thầy Cồ-Đàm, là sao: (i) có phải khổ là do chính mình tạo ra?

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, (ii) vậy có phải khổ là do người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, vậy là sao: (iii) có phải khổ là do chính mình và người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, (iv) vậy có phải khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên tình cờ, không phải do chính mình hay người khác gây ra?”³⁷

“Không phải vậy, ông Ca-diếp”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, vậy là sao: vậy là không có khổ à?”

“Không phải là không có khổ, này ông Ca-diếp; có sự khổ đau mà.”

“Vậy có phải Thầy Cồ-Đàm không biết và không thấy về khổ?”

“Không phải là ta không biết và không thấy sự khổ, này ông Ca-diếp. Ta biết sự khổ là gì, ta thấy sự khổ là gì.”

“Khi hỏi thầy câu nào: ‘Thầy Cồ-Đàm: có phải khổ do chính mình tạo ra?, hoặc ‘Khổ là do người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ là do chính mình và người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ không do ai gây ra?’, thì thầy đều trả lời: ‘Không phải vậy, ông Ca-diếp’. Rồi khi hỏi tiếp: ‘Thầy Cồ-Đàm, vậy là không có khổ à?’, thầy lại nói: ‘Không phải không có khổ, ông Ca-diếp; có sự khổ đau mà’. Rồi khi hỏi: ‘Vậy có phải Thầy Cồ-Đàm không biết và không thấy sự khổ?’, thầy lại nói: ‘Không phải ta không biết và không thấy sự khổ. Ta biết sự khổ là gì. Ta thấy sự khổ là gì’.

“Thưa Thầy, vậy thì bậc Thế Tôn hãy giảng giải cho tôi về sự khổ đi. Bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy cho tôi về sự khổ.”

(a) “Này ông Ca-diếp, [nếu ai nghĩ:] ‘Người làm cũng chính là người ném trái [hậu quả]’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Khổ là do chính mình tạo ra’, chiếu theo cái người (tác nhân) đã có từ đầu. Khi ai đã chấp như vậy, điều đó sẽ dẫn đến tư tưởng trường-tồn (bất diệt).

(b) “Nhưng, này ông Ca-diếp, [nếu ai nghĩ:] ‘Người làm là một người, người ném trái [hậu quả] là người khác’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Khổ là do người khác gây ra’, chiếu theo cái người bị (thụ nhân) cảm

giác khổ đó. Khi ai đã chấp như vậy, điều đó sẽ dẫn đến tư tưởng diệt-vong (đoạn diệt).

(c) “Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai [Tathāgata] chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo³⁸ như vậy: ‘Do có *vô-minh* là làm điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý*; do có *những sự tạo-tác cố-ý* làm điều kiện, nên có *thức*.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý*; khi chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý* thì chấm dứt *thức*.... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’”

Khi điều này được nói ra, tu sĩ lỏa thể Ca-diếp đã nói với đức Thế Tôn:

“Thật kỳ diệu, thưa thầy! Thật kỳ diệu, thưa thầy! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Con xin được thụ giới xuất gia *dưới* đức Thế Tôn, con mong được thụ giới cao hơn?”³⁹

“Này Ca-diếp, người trước giờ thuộc giáo phái khác nay muốn thụ giới xuất gia và thụ giới cao hơn theo Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải trải qua thời gian thử thách bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, nếu họ muốn họ có thể cho phép người đó thụ giới xuất gia và thụ giới cao hơn để trở thành một Tỳ kheo. Nhưng có những cá nhân khác biệt được ta ngoại lệ chấp nhận.” (ngoại lệ là đủ phẩm chất để xuất gia, không cần qua thời gian thử thách, được Phật đặc cách lúc này.)⁴⁰

“Thưa Thế Tôn, nếu một người trước giờ thuộc giáo phái khác nay muốn thụ giới xuất gia và thụ giới cao hơn theo Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải trải qua thời gian thử thách bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu

các Tỷ kheo hài lòng với người đó, nếu họ muốn họ có thể cho phép người đó thụ giới xuất gia và thụ giới cao hơn để trở thành một Tỷ kheo; vậy con xin sống trong thời gian thử thách bốn năm. Sau bốn năm, nếu các Tỷ kheo hài lòng với con, nếu họ muốn họ sẽ cho con thụ giới xuất gia và thụ giới cao hơn để trở thành một Tỷ kheo.”

Rồi tu sĩ lỏa thể Ca-diếp đã được thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), và ông cũng được thụ giới cao hơn (đại thọ giới, thành Tỷ kheo) ngay sau đó. Và không bao lâu sau khi thầy ấy thụ giới cao hơn, sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Ca-diếp, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh (phạm hạnh) mà vì (mục tiêu) đó những người các họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Ca-diếp đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 12:17)

18 (8) *Du Sī Timbaruka*

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có du sĩ Timbaruka đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-Đàm, là sao: có phải sướng và khổ là do chính mình tạo ra?”⁴¹

“Không phải vậy, này ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, vậy có phải sừng và khỏ là do người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, vậy là sao: vậy khỏ và sừng là do chính mình và người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, vậy có phải khỏ và sừng phát sinh một cách ngẫu nhiên, không phải do chính mình hay người khác gây ra?”

“Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-Đàm, vậy là sao: vậy là không có khỏ và sừng à?”

“Không phải là không có khỏ và sừng, này ông Timbaruka; có khỏ và có sừng mà.”

“Vậy có phải Thầy Cồ-Đàm không biết và không thấy sự khỏ và sự sừng?”

“Không phải là ta không biết và không thấy sự khỏ và sự sừng, này ông Timbaruka. Ta biết sự khỏ là gì và sự sừng là gì. Ta thấy sự khỏ là gì và sự sừng là gì.”

“Khi hỏi thầy câu nào: ‘Thầy Cồ-Đàm: có phải khỏ và sừng do chính mình tạo ra?, hoặc ‘Khỏ và sừng là do người khác gây ra?’, hoặc ‘Khỏ và sừng là do chính mình và người khác gây ra?’, hoặc ‘Khỏ và sừng không do ai gây ra?’, thầy đều trả lời: ‘Không phải vậy, ông Timbaruka’. Rồi khi hỏi tiếp: ‘Thầy Cồ-Đàm, vậy là sao: bộ không có khỏ và sừng à?, thầy lại nói: ‘... có sự khỏ và sự sừng mà’. Rồi khi hỏi: ‘Vậy có phải Thầy Cồ-Đàm không biết và không thấy sự khỏ và sự sừng?’, thầy lại nói: ‘Không phải ta không biết và không thấy sự khỏ và sự sừng. Ta biết sự khỏ và sự sừng là gì. Ta thấy sự khỏ và sự sừng là gì.’”

“Thưa thầy, vậy bậc Thế Tôn hãy giảng giải cho tôi về sự khổ và sự sướng. Bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy cho tôi về sự khổ và sự sướng.”

- “Này ông Timbaruka, [nếu ai nghĩ] ‘Cái cảm-giác và người cảm nhận là một’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Sướng và khổ là do chính mình tạo ra’, chiếu theo cái người (tác nhân) đã có từ đầu. Ta không nói như vậy. Nhưng, ông Timbaruka, [nếu ai nghĩ] ‘Cảm-giác là một, người cảm nhận nó là khác’ [thì họ sẽ chấp rằng] ‘Sướng và khổ là do người khác gây ra], chiếu theo cái người bị (thụ nhận) cảm-giác đó. Ta cũng không nói như vậy.

- “Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai [Tathāgata] chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo như vậy: ‘Do có *vô-minh* là làm điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý*; do có *những sự tạo-tác cố-ý* làm điều kiện, nên có *thức*.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý*; khi chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý* thì chấm dứt *thức*.... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này’.”

Khi điều này được nói ra, du sĩ Timbaruka đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm!... Con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Kể từ hôm nay, xin Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:17)

19 (9) Người Trí và Người Ngu

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, đối với những người-ngu, còn bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này đã khởi sinh từ đó (từ vô-minh và dục-vọng). Vì vậy nên có thân này và phần danh-sắc bên

ngoài: là bộ-đôi như vậy. Tùy thuộc bộ-đôi này nên có sự tiếp-xúc. Chỉ do có sáu giác-quan mà khi tiếp xúc thông qua chúng—hoặc qua một hay vài giác-quan—người ngu ném trái sưng và khổ.⁴²

“Này các Tỳ kheo, đối với những người-trí, cũng còn bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này là khởi sinh từ đó. Vì vậy có thân này và phần danh-sắc bên ngoài: là bộ-đôi như vậy. Tùy thuộc bộ-đôi này nên có sự tiếp-xúc. Chỉ do có sáu giác-quan mà khi tiếp xúc thông qua chúng—hoặc qua một hay vài giác-quan—người-trí cũng ném trái sưng và khổ. Vậy thì, này các Tỳ kheo, đâu là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người-trí và người-ngu?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo trả lời. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, do bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này khởi sinh từ đó. Đối với người-ngu thì sự vô-minh đó chưa được phá bỏ và dục-vọng đó chưa được diệt sạch hoàn toàn. Vì lý do gì? Vì những người-ngu chưa sống đời sống tâm linh để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau. Do vậy, khi thân tan rã, người-ngu lại chuyển vào (tái sinh vào) thân [khác]. Do bị chuyển vào thân [khác] nên người ngu vẫn không thoát khỏi sự sinh, già, chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đối với người-trí, cũng do bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này khởi sinh từ đó. Đối với người-trí thì sự vô-minh đó đã được phá bỏ và dục-vọng đó đã được

diệt sạch hoàn toàn. Vì lý do gì? Vì những người-trí đã sống đời sống tâm linh để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau. Do vậy, khi thân tan rã, người-trí không còn chuyển vào (tái sinh vào) thân [khác]. Do không chuyển vào thân [khác] nên người-trí thoát khỏi sự sinh, già, chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người-trí và người-ngu; khác nhau ở chỗ sự sống đời sống tâm linh.”⁴³

(SN 12:17)

20 (10) Những Điều Kiện (duyên)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về “sự khởi-sinh tùy thuộc” và “những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc” (lý duyên khởi và những pháp duyên khởi). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi-sinh tùy thuộc? ‘Do có sinh là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự già-chết’: dù cho những Như Lai xuất hiện hay không, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc-chắn (ổn định, không sai khác) của Giáo Pháp, là đường lối cố-định của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rõ ràng cụ thể.⁴⁴ Một Như Lai thức tỉnh (giác ngộ) tới điều (nguyên lý, lẽ thực) này, và đột phá (chứng ngộ) tới điều này.⁴⁵ Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó. Và Như Lai nói rằng: ‘Hãy nhìn coi! Này các Tỳ kheo, do có sinh là điều kiện (duyên), nên có sự già-chết’.

‘Do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sinh’ ...

‘Do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu’ ...

‘Do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp’ ...

‘Do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng’ ...

‘Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm-giác ...

‘Do có sáu giác-quan là điều kiện, nên có sự tiếp-xúc’ ...

‘Do có phân danh-sắc là điều kiện, nên có sáu giác-quan’ ...

‘Do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức’ ...

‘Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý’: cho dù những Như Lai có xuất hiện hay không, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc-chắn của Giáo Pháp, là đường lối cố-định của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rõ ràng cụ thể. Một Như Lai đã thức tỉnh tới điều này và đột phá tới điều này. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó. Và Như Lai nói rằng: ‘Hãy nhìn coi! Đây các Tỳ kheo, do có vô-minh là điều kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác cố-ý’.

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, tính thực-tại trong điều này, sự không sai-lầm, sự không-thể nào khác, tính điều-kiện rõ ràng như vậy: đây được gọi là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi).⁴⁶

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc? Đây các Tỳ kheo: “sự già-chết là vô thường, là có điều kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu-diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt).

“Sự hiện-hữu là vô thường ...

“Sự dính-chấp là vô thường ...

“Dục-vọng là vô thường ...

“Cảm-giác là vô thường ...

“Sự tiếp-xúc là vô thường ...

“Sáu giác-quan là vô thường ...

“Phần danh-sắc là vô thường ...

“Thức là vô thường ...

“Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ...

“Vô-minh là vô thường, là có điều kiện, là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt).”

Này các Tỳ kheo, những hiện-tượng này được gọi là những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc (các pháp duyên khởi).

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng sự khởi-sinh tùy thuộc đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng,⁴⁷ thì không thể nào người đó còn chạy-lại vào quá khứ và nghĩ suy: ‘Ta có hiện hữu trong quá khứ? Ta không hiện hữu trong quá khứ? Ta đã là gì trong quá khứ? Ta đã ra sao trong quá khứ? Sau khi làm vậy, ta đã trở thành gì trong quá khứ?’ Hoặc người đó còn chạy-tới vào tương lai và nghĩ suy: ‘Ta sẽ hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ không hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ là gì trong tương lai? Ta sẽ ra sao trong tương lai? Sau khi làm vậy, ta sẽ trở thành gì trong tương lai?’ Hoặc người đó còn bị ngu-mờ trong hiện tại và nghĩ suy: ‘Tôi đang hiện hữu? Tôi đang không hiện hữu? Tôi đang là gì? Tôi đang ra sao? Sự hiện hữu (sự sống) này—nó có từ đâu, và nó sẽ đi về đâu?’⁴⁸

“Vì lý do gì [mà người đó không còn làm như vậy]? Bởi vì người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng (i) sự khởi-sinh tùy thuộc này (lý duyên khởi) đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng và (ii) những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc (những pháp duyên khởi) như vậy.”

(SN 12:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘MƯỜI NĂNG LỰC’

(*Dasabala-vagga*)

21 (1) Mười Năng Lực (1)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỷ kheo, nhờ có được mười năng-lực và nền tảng của sự tự-tin, nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của vị Trời Brāhma như vậy.⁴⁹ ‘Này là thân-sắc (sắc), này là sự khởi-sinh của sắc, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác (thọ), này là sự khởi-sinh của cảm-giác, này là sự biến-diệt của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là sự khởi-sinh của nhận-thức, này là sự biến-diệt của nó; này là những sự tạo-tác cố-ý (hành), này là sự khởi-sinh của những sự tạo-tác cố-ý, này là sự biến-diệt của chúng; này là thức, này là sự khởi-sinh của thức, này là sự biến-diệt của thức’.

“Như vậy khi cái này có mặt, nên cái kia sinh ra; do có khởi sinh cái này, nên cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, cái kia không sinh ra; do chấm dứt cái này, nên cái kia chấm dứt. Đó là, do có *vô-minh* là điều kiện, nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý*; do có *những sự tạo-tác cố-ý*, nên có *thức*.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác cố-ý*; khi *những sự tạo-tác cố-ý* chấm dứt thì chấm dứt *thức*.... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:21)

22 (2) Mười Năng Lực (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có được mười năng-lực và nền tảng của sự tự-tin, nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của vị Trời Brāhma như vậy: ‘Này là thân-sắc ... [*giống như đoạn này trong kinh kể trên*] ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’

“Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày một cách hay khéo như vậy, được làm sáng tỏ, được khai mở, được cho thấy (hiển lộ), là không bị chấp vá.⁵⁰ Này các Tỳ kheo, khi Giáo Pháp đã được ta giảng bày một cách hay khéo như vậy, được làm sáng tỏ, được khai mở, được cho thấy, là không bị chấp vá, điều đó (cũng đã) đủ (lý do) cho một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin sẽ phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) của mình như vậy: ‘Quyết tâm rằng, cho dù chỉ còn da, gân, xương, và dù thịt máu khô cạn trong thân này của ta, ta cũng không xao lãng sự nỗ-lực (tinh tấn) cho tới khi nào ta chưa chứng ngộ điều có thể chứng ngộ bằng sức người, bằng năng lực của con người, bằng sự nỗ lực của con người.’⁵¹

“Này các Tỳ kheo, người lười-biếng sống trong sự khổ đau, được chằm bón bằng những trạng thái tâm bất thiện xấu ác, và những điều thiện tốt cho bản thân mà người đó đã lơ-lãng (bỏ mất) là rất nhiều. Nhưng một người nỗ-lực thì sống một cách hạnh phúc, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện xấu ác, và những điều thiện tốt cho bản thân mà người đó đạt-được là rất nhiều. Điều (trạng thái) tối thượng không thể chứng ngộ bởi hạng người thấp kém; chỉ bậc tối thượng mới chứng ngộ được điều (trạng thái) tối thượng.⁵² Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này như là phần kem sữa (ngon lành nhất); vị Sư Thầy đang có mặt ở đây. Bởi vậy, này các Tỳ kheo, hãy phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ, [với ý nghĩ, tâm niệm]: ‘Theo cách như vậy thì (a) sự xuất gia tu hành này của chúng ta sẽ không

bị căn cõi, mà được phì nhiêu và đơm hoa kết quả; và (b) khi chúng ta dùng y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh [được cúng dường bởi các thí chủ] thì những sự phụng sự (cúng dường, giúp đỡ) của họ cho chúng ta cũng sẽ mang lại nhiều phước quả và lợi lạc cho họ.’⁵³ Nay các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.

“(i) Xét nghĩ về sự tốt lành của chính mình thì cũng đủ (lý do) để mình phấn đấu (tu tập) một cách chuyên chú cho mục-tiêu đó; (ii) Xét nghĩ về sự tốt lành của người khác thì cũng đủ để mình phấn đấu một cách chuyên chú cho mục-tiêu đó; (iii) xét nghĩ về sự tốt lành của cả mình và những người khác thì cũng đủ để mình phấn đấu một cách chuyên chú cho mục-tiêu đó.”

(SN 12:22)

23 (3) *Nguyên Nhân Kế Trước*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiêu diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy. Cho người biết cái gì, cho người thấy cái gì, để sự tiêu diệt ô-nhiễm có xảy ra? ‘Này là sắc, này là sự khởi-sinh của sắc, này là sự biến-diệt của sắc; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác cố ý ... này là thức, này là sự khởi-sinh của thức, này là sự biến-diệt của thức’: đó là cho người biết như vậy, cho người thấy như vậy, (biết và thấy sự sinh-diệt của năm uẩn) để sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy ra.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *trí-biết về sự (đã) tiêu diệt ô-nhiễm* (lậu tận minh) có một nguyên nhân kế trước (kế cận); nó không thiếu một nguyên nhân kế trước. Và cái gì là nguyên nhân kế trước để có được sự hiểu-biết về sự tiêu-diệt đó? Nên nói đó là: sự giải-thoát.⁵⁴

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự giải-thoát* cũng có một nguyên nhân kế trước; nó không thiếu một nguyên nhân kế trước. Và cái gì là nguyên nhân kế trước để có sự giải-thoát? Nên nói đó là: sự chán-bỏ.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự chán-bỏ* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự ghê-sợ.⁵⁵

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự ghê-sợ* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự hiểu-biết và tầm-nhìn (tri và kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự hiểu-biết và tầm-nhìn* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự định-tâm.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự định-tâm* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự hạnh-phúc (lạc).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự hạnh-phúc* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự tĩnh-lặng (của tâm; khinh an).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự tĩnh-lặng* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự hoan-hỷ (hỷ).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự hoan-hỷ* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: niềm-vui (sự phấn khởi, vui vầy).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *niềm-vui* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: niềm-tin.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *niềm-tin* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự thật khổ-đau. (Vì thấy rõ có sự thật khổ-đau nên mới có niềm-tin vào con đường tu tập để tiêu diệt khổ đau)⁵⁶

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự khổ-đau* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự sinh-ra. (Vì có sinh-ra nên mới có khổ đau)

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự sinh* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: sự hiện-hữu.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự hiện-hữu* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *sự dính-chấp*. (chấp thủ, thủ)

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự dính-chấp* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *dục-vọng*. (ái)

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *dục-vọng* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *cảm-giác*. (thọ)

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *cảm-giác* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *sự tiếp-xúc* (xúc).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự tiếp-xúc* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *sáu giác-quan* (sáu cơ-sở cảm nhận, sáu xứ).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sáu giác-quan* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *phần danh-sắc*.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *phần-danh sắc* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *thức*.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *thức* cũng có một nguyên nhân kế trước ... Nên nói đó là: *những sự tạo-tác cố-ý*. (hành)

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng *những sự tạo-tác cố-ý* cũng có một nguyên nhân kế trước; nó không thiếu một nguyên nhân kế trước. Và cái gì là nguyên nhân kế trước để có những sự tạo-tác cố-ý. Nên nói đó là: *sự vô-minh*.

“Như vậy, này các Tỳ kheo:

Do có *vô-minh* là nguyên nhân kế trước, nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý;

Do có *những sự tạo-tác cố-ý* là nguyên nhân kế trước, nên có *thức*;

Do có *thức* là nguyên nhân kế trước, nên có *phần danh-sắc*;

Do có *phần danh-sắc* là nguyên nhân kế trước, nên có *sáu giác-quan*;

Do có *sáu giác-quan* là nguyên nhân kế trước, nên có sự tiếp-xúc;

Do có sự tiếp-xúc là nguyên nhân kế trước, nên có cảm-giác;

Do có *cảm-giác* là nguyên nhân kế trước, nên có dục-vọng;

Do có *dục-vọng* là nguyên nhân kế trước, nên có sự dính-chấp;

Do có *sự dính-chấp* là nguyên nhân kế trước, nên có sự hiện-hữu;

Do có *sự hiện-hữu* là nguyên nhân kế trước, nên có sự sinh;

Do có *sự sinh-ra* là nguyên nhân kế trước, nên có sự khổ-đau;

Do có *sự thật khổ-đau* là nguyên nhân kế trước, nên có niềm-tin;

Do có *niềm-tin* là nguyên nhân kế trước, nên có niềm-vui;

Do có *niềm-vui* là nguyên nhân kế trước, nên có sự hoan-hỷ;

Do có *sự hoan-hỷ* là nguyên nhân kế trước, nên có sự hạnh-phúc;

Do có *sự hạnh-phúc* là nguyên nhân kế trước, nên có sự tĩnh-lặng;

Do có *sự tĩnh-lặng* là nguyên nhân kế trước, nên có sự định-tâm;

Do có *sự định-tâm* là nguyên nhân kế trước, nên có (khởi sinh) sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực là;

Do có *sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực* là nguyên nhân kế trước, nên có sự ghê-sợ;

Do có *sự ghê-sợ* là nguyên nhân kế trước, nên có sự chán-bỏ;

Do có *sự chán-bỏ* là nguyên nhân kế trước, nên có sự giải-thoát;

Do có *sự giải-thoát* là nguyên nhân kế trước, nên có được *trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm*.

“Này các Tỳ kheo, giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao

hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương;⁵⁷ (cứ nhân duyên và khởi sinh liên hoàn như vậy); cũng giống như vậy, khi có *vô-minh* là nguyên nhân kế trước, thì có [sinh ra] *những sự tạo-tác cố-ý*; khi có *những sự tạo-tác cố-ý* là nguyên nhân kế trước, thì có *thức* ... khi có *sự giải-thoát* là nguyên nhân kế trước, thì có được *trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm* (lậu tận minh).”

(SN 12:23)

24 (4) Những Du Sĩ Khác Đạo

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm).

[i]

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta) mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, đi vô thành Rājagaha để khát thực. Rồi ý này đã xảy đến với thầy ấy: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thành Rājagaha. Ta thử ghé qua khu ở (khu trú, thường là khu vườn) của những du sĩ thuộc giáo phái khác.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất đi đến khu ở của những du sĩ khác đạo đó. Thầy chào hỏi với những du sĩ đó và, sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ khác đạo đã nói với thầy:

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác

gây ra.⁵⁸ Nay thiện hữu Xá-lợi-phất, sa-môn Cồ-Đàm nói sao về điều này? Vị ấy dạy gì? Làm sao chúng tôi trả lời nếu chúng tôi (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều tu sĩ Cồ-Đàm đã nói và không diễn dịch sai lời của vị ấy bằng điều gì trái với điều (mà vị ấy đã nói) đó? Và làm thế nào chúng tôi giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của chúng tôi không tạo cơ sở lý lẽ nào để (người nghe) phê bình?”

“Này các thiện hữu, đức Thế Tôn đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. (*) Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời của đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở có lý nào để (người nghe) phê bình.⁵⁹

“Trong đó, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình tạo ra, thì điều đó (cách-nhìn đó) cũng bị điều kiện (bị tác động, do duyên) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc.

“Trong đó, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình tạo ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây

ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ trải nghiệm [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

[ii]

Ngài Ānanda đã nghe cuộc đối thoại này giữa thầy Xá-lợi-phất và các du sĩ khác đạo. Rồi, sau khi đã đi khát thực một vòng trong thành Rājagaha và trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn nghe toàn bộ cuộc đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và các du sĩ ngoài đạo. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Tốt, tốt, này Ānanda! Ai trả lời đúng là trả lời giống như thầy Xá-lợi-phất đã nói. Này Ānanda, ta đã nói rằng khổ phát sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người đó đang nói điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; là người đó giải thích theo đúng Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ gì để (người nghe) phê bình.

- “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra, thì điều đó (cách-nhìn đó) cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc.

- “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên

chứ không phải do mình hay người khác tạo ra, thì không thể nào họ sẽ trải nghiệm [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

“Này Ānanda, trong một lần ta đang ở tại đây, ở Rājagaha, trong khu Rừng Tre, ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bảy Sóc. Lúc đó, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, ta đi vô thành Rājagaha để khát thực. Lúc đó ý này đã xảy đến với ta: ‘Giờ vẫn còn sớm để đi khát thực trong thành Rājagaha. Ta thử ghé tới khu ở của những du sĩ khác đạo.’ Rồi ta đi tới khu ở của những du sĩ khác đạo. Ta chào hỏi những du sĩ đó, và sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, ta ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đã nói với ta khi ta đang ngồi xuống một bên: ... [*Những du sĩ đó đã hỏi chính xác những câu hỏi mà họ đã hỏi thầy Xá-lợi-phất, và cũng nhận được những câu trả lời y hệt như những câu trả lời của thầy Xá-lợi-phất*] ... thì không thể nào họ sẽ trải nghiệm [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn. Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Cái cách mà toàn bộ ý nghĩa có thể được nói ra trong một câu đơn giản như vậy! Cùng ý nghĩa đó có thể được nói ra một cách chi tiết để nó được sâu sắc và sâu sắc hơn về mặt biểu nghĩa, hay không?”⁶⁰

“Vậy thì, này Ānanda, hãy tự mình làm rõ ý nghĩa đó đi.”

“Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con: ‘Này thiện hữu Ānanda, cái gì là nguồn gốc của sự già-chết, cái gì là nguyên gốc nhân của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời rằng: ‘Này các bạn, sự già-chết có sinh là nguồn gốc của nó, sinh là nguyên gốc của nó, nó được sinh ra và tạo ra từ sự sinh.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.

“Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con: ‘Này thiện hữu Ānanda, cái gì là nguồn gốc của sinh, cái gì là nguyên gốc của sinh, từ đâu nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời rằng: ‘Này các bạn: sinh có sự hiện-hữu là nguồn gốc của nó, sự hiện-hữu là nguyên gốc

của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự hiện-hữu ... Sự hiện-hữu có sự dính-chấp là nguồn gốc của nó ... Sự dính-chấp có dục-vọng là nguồn gốc của nó ... Dục-vọng có cảm-giác là nguồn gốc của nó ... Cảm-giác có sự tiếp-xúc là nguồn gốc của nó ... Sự tiếp-xúc có sáu giác-quan là nguồn gốc của nó, sáu giác-quan là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sáu giác-quan. Nhưng: với sự phai biến và chấm dứt sáu giác-quan thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt (không còn) sự sinh-ra thì chấm dứt (đâu còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

(SN 12:24)

25 (5) Ngài Bhūmija

Ở Sāvattihī.

[i]

Lúc đó, vào buổi cuối chiều, Ngài Bhūmija ra khỏi nơi ẩn tu, và đến gặp Ngài Xá-lợi-phát.⁶¹ Thầy ấy chào hỏi thầy Xá-lợi-phát, và sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phát:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng

(iii) khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra.⁶² Nay đạo hữu Xá-lợi-phất, đức Thế Tôn đã nói sao về điều này? Đức Thế Tôn đã dạy gì? Làm sao tôi trả lời nếu tôi (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của Đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó? Và làm thế nào tôi giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của tôi không tạo cơ sở lý lẽ nào để (người nghe) phê bình?”

“Nay các đạo hữu, đức Thế Tôn đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời của đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở có lý nào để (người nghe) phê bình.

- “Trong đó, này đạo hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình tạo ra, thì điều đó (cách-nhìn đó) cũng bị điều kiện (bị tác động, do duyên) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc.

- “Trong đó, này đạo hữu, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình

tạo ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

[ii]

Ngài Ānanda đã nghe cuộc đối thoại này giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Bhūmija. Rồi thầy ấy đã đến gặp gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn nghe toàn bộ cuộc đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Bhūmija. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Tốt, tốt, này Ānanda! Ai trả lời đúng là trả lời giống như thầy Xá-lợi-phất đã nói. Này Ānanda, ta đã nói rằng khổ phát sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người đó đang nói điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; là người đó giải thích theo đúng Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ nào để (người nghe) phê bình.

- “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra, thì điều đó (cách-nhìn đó) cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc.

- “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la-môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra ... cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, không phải do mình hay người khác tạo ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.

[iii]⁶³

“Này Ānanda, khi có thân, vì có sự cố-ý của thân (thân tư tâm sở) nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có lời-nói, vì có sự cố-ý trong lời-nói (khẩu tư tâm sở) nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có tâm, vì có sự cố-ý trong tâm (tâm tư tâm sở) nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong—với sự vô-minh chính là điều kiện (duyên).⁶⁴

(1) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự phát của mình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân (thân hành) tạo điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong thân tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.⁶⁵

(2) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói (khẩu hành) tạo điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích giục bởi người khác, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, một

người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong lời nói tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.

(3) “Này Ānanda, (i) *hoặc* do sự tự phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm (tâm hành)⁶⁶ tạo điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) *hoặc* do bị kích giục bởi người khác, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) *hoặc* một cách cố-tình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) *hoặc* một cách vô-tình, một người tạo ra sự tạo-tác cố-ý trong tâm tạo điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh bên trong.

(4) “Có vô-minh nằm bên trong những trạng thái này. (nên Phật đã nói: ‘*Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý!*’). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì thân không còn tồn tại để làm điều kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; thì lời-nói không còn tồn tại để làm điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; thì tâm không còn tồn tại để làm điều kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.⁶⁷ Ruộng-đất đó [nơi phát sinh] không tồn tại, căn-cứ đó [sự trợ giúp] không tồn tại, cơ-sở đó [điều kiện] không tồn tại, và chỗ-nơi đó [nguyên nhân] không tồn tại làm điều kiện (duyên) để sướng và khổ khởi sinh bên trong.”⁶⁸ (tức là: hết vô-minh thì không còn khởi sinh năm-uẩn, là cơ sở của mọi sự nếm trải, thì đâu còn trải nghiệm sự sướng và khổ nào nữa)

(SN 12:25)

26 (6) Ngài Upavāṇa

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Upavāṇa đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:⁶⁹

“Thưa đức Thế Tôn, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra. Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn nói sao về điều này? Đức Thế Tôn đã dạy gì? Làm sao con trả lời nếu con (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó? Và làm thế nào con giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của con không tạo cơ sở lý lẽ nào để (người nghe) phê bình?”

“Này Upavāṇa, ta đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở nào để (người nghe) phê bình.

- “Trong đó, này Upavāṇa, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do mình tạo ra, thì điều đó (cách-nhìn đó) cũng bị điều kiện (bị tác động, duyên) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả mình và người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện

bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra, thì điều đó cũng bị điều kiện bởi sự tiếp-xúc.

“Trong đó, này Upavāṇa, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do mình tạo ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả mình và người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, trong trường hợp các tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra, thì không thể nào họ sẽ ném trái [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.”

(SN 12:26)

27 (7) *Những Điều Kiện* (duyên)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, do có vô-minh là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết? Sự già-chết của những chúng sinh khác nhau ... [*giống hết trong đoạn này trong kinh SN 12:02*] ... như vậy sự già và sự chết này được gọi chung là sự già-chết. Do có khởi sinh sự sinh nên có khởi sinh sự già-chết; khi chấm dứt sự

sinh thì chấm dứt sự già-chết. Chỉ Bát Thánh Đạo (con đường tám phần thánh thiện) này là con đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc nghề nghiệp đúng đắn, sự nỗ lực đúng đắn, sự chú tâm đúng đắn, và sự định tâm đúng đắn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sinh?... sự hiện-hữu?... sự dính-chấp? ... dục-vọng? ... cảm-giác? ... sự tiếp-xúc? ... sáu giác-quan? ... phần danh-sắc? ... thức? ... những sự tạo-tác cố-ý? Có ba loại sự tạo-tác cố-ý: sự tạo-tác cố-ý thuộc thân (thân hành), sự tạo-tác cố-ý thuộc lời-nói (khẩu hành), sự tạo-tác cố-ý thuộc tâm (tâm hành). Do có khởi sinh vô-minh nên khởi sinh những sự tạo-tác cố-ý. Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý. Chỉ Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm, cách-nhìn đúng đắn ... sự định tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được tính điều-kiện (duyên) như vậy; hiểu được nguồn-gốc của tính điều kiện (duyên tập) như vậy; hiểu được sự chấm-dứt điều kiện (duyên diệt); hiểu biết con-đường dẫn tới sự chấm dứt điều kiện (duyên diệt đạo), thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), đã thành tựu về tầm-nhìn, người đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này, người đã nhìn thấy Giáo Pháp đích thực này, là người có được (sở hữu) trí-biết của một học-nhân, trí-biết đích thực (chân trí) của một học-nhân, là người đã chứng nhập vào dòng Giáo Pháp, một thánh nhân với trí-tuệ thâm-nhập, là người đứng vững vàng trước cánh cửa dẫn tới sự Bất Tử.”⁷⁰

(SN 12:27)

28 (8) Tỳ Kheo

Ở Sāvattihī.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó hiểu được sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết? ... [*Giống hết đoạn này trong bài kinh SN 12:27 kể trên*] ... Chỉ Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hiểu được như vậy về sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; khi người đó hiểu được như vậy về sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), đã thành tựu về tầm-nhìn, người đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này, người đã nhìn thấy Giáo Pháp đích thực này, là người có được (sở hữu) sự hiểu-biết của một học-nhân (người đang, sự hiểu-biết đích thực của một học-nhân, là người đã chứng nhập vào dòng Giáo Pháp, một thánh nhân với trí-tuệ thâm-nhập, là người đứng vững vàng trước cánh cửa dẫn tới sự Bất Tử.”

(SN 12:28)

29 (9) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hoàn-toàn hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó;⁷¹ họ là những người không hoàn-toàn hiểu sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn; và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ (lý duyên-khởi đó) bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hoàn-toàn hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; là những người hoàn-toàn hiểu sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn; và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ (lý duyên-khởi đó) bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 12:29)

30 (10) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la-môn không hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì không thể nào họ tiếp tục an trú mà thoát khỏi (vượt

qua, không bị) sự già-chết. Đối với những tu sĩ và bà-la-môn không hiểu sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì không thể nào họ tiếp tục an trú mà thoát khỏi (vượt qua, không còn) những sự tạo-tác cố-ý.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la-môn hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì có thể rằng họ sẽ tiếp tục an trú thoát khỏi (vượt qua, không còn) sự già-chết. Đối với những tu sĩ và bà-la-môn hiểu được sự sinh ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì có thể rằng họ sẽ tiếp tục an trú thoát khỏi (vượt qua, không còn) những sự tạo-tác cố-ý những sự tạo-tác cố-ý.”

(SN 12:30)

NHÓM 4
NHÓM ‘TỖ KHEO KALĀRA
TỪ GIAI CẤP CHIẾN-SĨ’
(*Kaḷāra-khattiya-vagga*)

31 (I) Điều Ất Xây Ra (*Hữu duyên thì hữu sinh*)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī... Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Ajita*’ của chương *Pārāyana* (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói:⁷²

*‘Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp (là A-la-hán),
Và các hạng người đang tu học (là bậc học-nhân):
Trong đó xin hỏi về cách hành xử của họ,
Hãy chu đáo, nói cho con biết, thưa Thế Tôn.’*⁷³

—thì nghĩa của những lời trên, được nói một cách ngắn gọn, có thể được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

Khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy Xá-lợi-phất:

“Này Xá-lợi-phất, trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Ajita*’ của quyển *Pārāyana* (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói: Thì nghĩa của những lời trên, được nói một cách ngắn gọn, có thể được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?” Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Xá-lợi-phất vẫn im lặng.⁷⁴

“Này Xá-lợi-phất, thầy có nhìn thấy: ‘Điều này (đã) ắt sẽ xảy ra’? Này Xá-lợi-phất, thầy có nhìn thấy: ‘Điều này (đã) ắt sẽ xảy ra’?”

“Thưa Thế Tôn, **(i)** một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*điều này ắt sẽ xảy ra*’. Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*điều này ắt sẽ xảy ra*’, nên người đó đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘*điều ắt sẽ xảy ra*’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. (*điều ắt sẽ xảy ra*: là năm-uẩn)⁷⁵ **(ii)** Một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, rằng: ‘*Sự khởi-sinh của nó xảy ra do có thứ như dưỡng chất*’.⁷⁶ **(iii)** Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, nên người đó đang tu tập vì mục đích để dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘*sự khởi-sinh của nó là tùy thuộc dưỡng chất mà có*’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. **(iv)** Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*Khi chấm dứt dưỡng chất đó thì ‘điều ắt sẽ xảy ra’ cũng bị chấm dứt*’. **(v)** Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, nên người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘*thứ phải bị chấm dứt*’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. Theo cách như vậy người đó là một người đang tu học (bậc học nhân).

“Và, thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người đã thấu rõ Giáo Pháp? Thưa Thế Tôn, **(i)** một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*điều ắt sẽ xảy ra*’, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘*điều ắt sẽ xảy ra*’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp. **(ii)** Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*Sự khởi-sinh của nó là do có thứ là dưỡng chất*’. **(iii)** Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘*thứ tùy thuộc vào dưỡng chất mà có*’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp. **(iv)** Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘*Khi chấm dứt dưỡng chất đó thì ‘điều ắt sẽ xảy ra’ cũng bị chấm dứt*’. **(v)** Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘*thứ sẽ bị chấm dứt*’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó đã được giải thoát

nhờ sự không còn dính-chấp. Theo một cách như vậy là một người đã thấu rõ Giáo Pháp.

“Như vậy đó, thưa Thế Tôn, trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Ajita*’ của chương Pārāyana (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bi Ngạn) có nói:

*‘Những người đã giác ngộ Giáo Pháp (A-la-hán),
Và các hạng người đang tu học (học nhân):
Trong đó xin hỏi về cách hành xử của họ,
Hãy chu đáo, nói cho con biết, thưa Thế Tôn.’*

—thì con hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy về những lời đã được nói một cách ngắn gọn ở trên.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất!... [*Phật lặp lại toàn bộ lời trên của thầy Xá-lợi-phất*] ... theo cách như vậy thì nghĩa của những đã được nói một cách ngắn gọn ở trên có thể được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

(SN 12:31)

32 (2) Tỳ Kheo Kaḷāra

Ở Sāvattḥī.

[i]

Lúc đó Tỳ kheo Kaḷāra đến gặp Ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi với nhau. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, Tỳ kheo Moliya Phagguna đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”

“Vậy chắc thầy ấy đã không tìm thấy sự yên-ủi trong Giáo Pháp và Giới Luật này.” (Thầy Xá-lợi-phất nói).

“Vậy sao, vậy còn thầy Xá-lợi-phất đã đạt tới sự yên-ủi trong Giáo Pháp và Giới Luật này chưa?”

“Tôi không có sự lờ mờ (về điều đó), này đạo hữu. (tức: chắc chắn là có được)

“Nhưng trong tương lai thì sao, đạo hữu?”

“Tôi không nghi ngờ về điều đó, này đạo hữu.”

Rồi Tỳ kheo Kaḷāra đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, thầy ấy kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) trạng thái hiện-hữu này nữa.’”⁷⁷

Rồi đức Thế Tôn đã gọi một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy nhân danh ta đến nói thầy Xá-lợi-phất là Sư Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại, và đi tới chỗ thầy Xá-lợi-phất và nói với thầy ấy: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, Sư Thầy (Phật) mới cho gọi đạo hữu đến”.

“Được rồi, đạo hữu”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại, và thầy đi đến chỗ đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, có đúng thầy đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, con đã không tuyên bố vấn đề đó bằng những câu và chữ như vậy.”

“Vậy theo cách nào, này Xá-lợi-phất, một người họ tộc tuyên bố về trí-biết cuối cùng thì những lời người đó đã tuyên bố nên được hiểu như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, con đã vừa thưa rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con đã không tuyên bố vấn đề đó bằng những câu và chữ như vậy’”

“Này Xá-lợi-phất, nếu những người khác hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thầy đã biết cách nào, thầy đã thấy cách nào, để thầy (có thể) tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’?—khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?’⁷⁸ (*Phật ví hỏi để thầy Xá-lợi-phất trả lời theo cách của Giáo Pháp*)

“Nếu họ có hỏi con điều này, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Do có sự tiêu diệt cái nguồn-gốc làm khởi sinh sự sinh, nên tôi hiểu rằng: “Khi [nguyên nhân, nhân] bị tiêu diệt, thì [tác động, quả] bị tiêu diệt”. Sau khi đã hiểu được điều này, nên tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.’⁷⁹

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguồn gốc của sự sinh, cái gì là nguyên gốc của nó, từ thứ gì nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?’ (*Giờ thầy Xá-lợi-phất bắt đầu trả lời theo vòng nhân-duyên*).

“Nếu họ hỏi câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, sự sinh có sự hiện-hữu là nguồn gốc của nó, sự hiện-hữu là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự hiện-hữu.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguồn gốc của sự hiện-hữu...?’—khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Nếu họ hỏi con câu đó, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, sự hiện-hữu có sự dính-chấp là nguồn gốc của nó...’”

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguồn gốc của sự dính-chấp...?’ ... Cái gì là nguồn gốc của dục-vọng, cái gì là nguyên gốc của nó, từ thứ gì nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Nếu họ hỏi con câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, dục-vọng có cảm-giác là nguồn gốc của nó, cảm-giác là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ cảm-giác’. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào thầy biết, theo cách nào thầy thấy, rằng sự khoái-thích trong những cảm-giác đã không còn bên trong thầy?’—khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”⁸⁰

“Nếu họ hỏi con câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, có ba loại cảm-giác như vậy. Ba đó là gì? Cảm giác sướng, cảm giác khổ, và cảm giác không sướng không khổ. Này các bạn, ba loại cảm giác này là vô thường; mà thứ gì vô thường là khổ. Khi điều (sự thật, chân lý) này đã được thấu hiểu, thì sự khoái-thích trong những cảm-giác không còn ở trong tôi’. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Tốt, Tốt, này Xá-lợi-phất! Đó cũng là một phương pháp [khác] để giải thích ngắn gọn cùng một điều như vậy: ‘Bất cứ thứ gì được cảm nhận thì (nó) nằm trong sự khổ’ (mọi thứ được cảm nhận đều thuộc khổ!). Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thông qua (nhờ có) loại giải-thoát nào mà thầy đã tuyên bố sự

hiểu-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’?”—khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Nếu họ hỏi con câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, thông qua sự giải-thoát bên-trong, thông qua sự tiêu-diệt mọi sự dính-chấp, tôi an trú một cách chánh niệm theo một cách để những ô-nhiễm không còn chảy (ra-vào) bên trong tôi, và tôi không coi thường chính mình (không tự ti)’. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”⁸¹

“Giỏi, giỏi, này Xá-lợi-phát! Đây là một phương pháp [khác] để giải thích ngắn gọn cùng một điều như vậy: ‘Tôi không còn lờ-mờ về những ô-nhiễm đã được nói (chỉ ra) bởi bậc Sa-Môn (tức Phật); tôi không còn nghi-ngờ về sự chúng đã bị loại bỏ bởi tôi.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành⁸² đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ẩn cư của mình.

[ii]

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, thầy Xá-lợi-phát đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các đạo hữu, về câu hỏi đầu tiên đức Thế Tôn đã hỏi tôi, tôi chưa từng suy xét nó trước đó: cho nên tôi đã do dự về nó. Nhưng khi đức Thế Tôn chấp thuận câu trả lời của tôi, thì điều này đã xảy đến với tôi: ‘Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả ngày tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả đêm bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả đêm tôi vẫn có thể trả lời được cho đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương

pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt *cả ngày và đêm*, suốt hai ngày và đêm, suốt ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày và đêm— thì suốt bảy ngày và đêm tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.”

Lúc đó, Tỳ kheo Kaḷāra xuất thân từ giai cấp chiền-sĩ đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, thầy ấy kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phát đã cất lên tiếng gầm sư tử như vậy:

“Này các đạo hữu, về câu hỏi đầu tiên đức Thế Tôn đã hỏi tôi, tôi chưa từng suy xét nó trước đó: cho nên tôi đã do dự về nó. Nhưng khi đức Thế Tôn chấp thuận câu trả lời của tôi, thì điều này đã xảy đến với tôi: ‘Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt *cả ngày* tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt *cả đêm* bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả đêm tôi vẫn có thể trả lời được cho đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt *cả ngày và đêm*, suốt hai ngày và đêm, suốt ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày và đêm—thì suốt bảy ngày và đêm tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.’”

“Này Tỳ kheo, thầy Xá-lợi-phát đã thâm nhập thấu suốt yếu-tố đó của Giáo Pháp (pháp giới đó) bằng một sự thâm nhập thấu suốt mà nhờ đó, nếu ta có hỏi thầy ấy về vấn đề đó bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau suốt bảy ngày và đêm, thì suốt bảy ngày và đêm đó thầy ấy vẫn có thể trả lời được cho ta bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.”⁸³

(SN 12:32)

33 (3) Các Trường Hợp Hiểu-Biết (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về bốn mươi bốn trường hợp của sự hiểu-biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, bốn mươi bốn trường hợp của sự hiểu-biết là gì? Sự hiểu biết về sự già-chết, sự hiểu biết về sự khởi-sinh của nó, sự hiểu biết về sự chấm-dứt của nó, sự hiểu biết về con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó.

“Sự hiểu biết về sự sinh ... Sự hiểu biết về sự hiện-hữu ... Sự hiểu biết về sự dính-chấp ... Sự hiểu biết về dục-vọng ... Sự hiểu biết về sự tiếp-xúc ... Sự hiểu biết về sáu giác-quan ... Sự hiểu biết về phần danh-sắc ... Sự hiểu biết về thức ... Sự hiểu biết về những sự tạo-tác cố-ý, sự hiểu biết về sự khởi-sinh của chúng, sự hiểu biết về sự chấm-dứt của chúng, sự hiểu biết về con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Này các Tỳ kheo, đây là bốn mươi bốn trường hợp sự hiểu-biết. (*Tức: 11 nhân duyên, 11 nhân duyên sinh, 11 nhân duyên diệt, và 11 đạo = 44.*)

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết?... [*Giống hết đoạn định nghĩa trong bài kinh SN 12:02 ở trên*] ... Như vậy, sự già và sự chết này được gọi chung là sự già-chết. Khi chấm dứt sự sinh thì chấm dứt sự già chết. Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt già-chết; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, sự mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì đây là sự hiểu-biết của người đó về

nguyên-lý (giáo pháp).⁸⁴ Bằng phương tiện là nguyên-lý này—đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được thông thấu—⁸⁵ người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) đó đối với quá khứ và tương lai như vậy: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã trực tiếp hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì tất cả họ đã trực tiếp hiểu được điều đó đúng hết như cách ta đang hiểu. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ trực tiếp hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì tất cả họ sẽ trực tiếp hiểu được điều đó đúng hết như cách ta đang hiểu.’ Đây là *sự hiểu-biết* của người đó về *tính kế-thừa*.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại hiểu-biết—*sự hiểu biết về nguyên-lý* và *hiểu biết về tính kế-thừa*—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn, thành tựu về tâm-nhìn, là người đã đạt tới sự hiểu-biết chân-thực (chân trí), người đã có được sự hiểu-biết chân-thực của một bậc học-nhân, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một thánh nhân với trí-tuệ thâm nhập, là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.”

(2)–(11) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự sinh*? ... Cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý*? ... [*như định nghĩa trong bài kinh SN 13:02 ở trên*] ... Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... định tâm đúng đắn.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý*, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, thì đây là *sự hiểu-biết* của người đó về *nguyên-lý* (giáo pháp). Bằng phương tiện là nguyên-lý này—đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được thông thấu—người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) đó đối

với quá khứ và tương lai như vậy: ... Đây là *sự hiểu biết* của người đó về *tính kế-thừa*.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại hiểu biết—*sự hiểu biết về nguyên-lý* và *sự hiểu biết về tính kế-thừa*—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn ... là người đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.”

(SN 12:33)

34 (4) Các Trường Hợp Hiểu-Biết (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy mươi bảy trường hợp của sự hiểu-biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Này các Tỳ kheo, bảy mươi bảy trường hợp của sự hiểu-biết là gì? Sự hiểu-biết rằng: ‘Già-chết có sự sinh là điều kiện (duyên) của nó.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Khi không có sự sinh-ra thì không có già-chết.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, già-chết có sự sinh là điều kiện.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, khi không có sự sinh thì không có già-chết.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, già-chết có sự sinh là điều kiện.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, khi không có sự sinh thì không có già-chết.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp [Giáo Pháp ở đây là ‘lý duyên-khởi’] cũng phải bị tiêu diệt, phai biến, biến mất, và chấm dứt.’⁸⁶

(2)–(11) “Sự hiểu-biết rằng: ‘Sự sinh có sự hiện-hữu là điều kiện’ ...
... Sự hiểu-biết rằng: ‘Những sự tạo-tác cố-ý có vô-minh là điều kiện.’

Sự hiểu-biết rằng: ‘Không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác cố-ý.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, sự tạo-tác cố-ý có vô-minh là điều kiện.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác cố-ý.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, sự tạo-tác cố-ý có vô-minh là điều kiện.’ Sự hiểu-biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác cố-ý.’ Sự hiểu biết: ‘(Ngay cả cái) sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp cũng phải bị tiêu diệt, phai biến, biến mất, và chấm dứt.

“Này các Tỳ kheo, đó được gọi là bảy mươi bảy trường hợp của sự hiểu-biết.”

(11 nhân duyên; 1 khi có nhân duyên và 1 khi không có nhân duyên là 2; 2 quá khứ, 2 tương lai, 1 hiểu biết về tính ổn định của Giáo Pháp = 77)

(SN 12:34)

35 (5) Do Có Vô Minh Là Điều Kiện (1)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, do có vô-minh là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.”

Sau khi đức Thế Tôn nói điều này, một vị Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự già-chết, và đối với ai có sự già-chết này?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời.⁸⁷ “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự già-chết, và đối với ai có sự già-chết này? hoặc ai

nói ‘Già-chết là một thứ, người mà đối với họ có sự già-chết là thứ khác’—thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi. Nếu có quan điểm rằng ‘*linh hồn và thân xác là giống nhau*’, thì không có sự sống của đời sống tâm linh; và nếu có quan điểm rằng ‘*linh hồn là một thứ, thân xác là một thứ*’, thì cũng không có sự sống của đời sống tâm linh.⁸⁸ Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘*Do có sự sinh là điều kiện, nên có sự già-chết.*’”

“Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự sinh, và vì ai có sự sinh này?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự sinh, và đối với ai có sự sinh?’ hoặc ai nói ‘Sự sinh là một thứ, người mà đối với họ có sự sinh là thứ khác’—thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt ý nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi ... Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘*Do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh.*’”

“Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự hiện-hữu, và đối với ai có sự hiện-hữu này?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự hiện-hữu, và đối với ai có sự hiện-hữu này?’ hoặc ai nói ‘Sự hiện-hữu là một thứ, người mà đối với họ có sự hiện-hữu là thứ khác’—thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt ý nghĩa. Chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi ... Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘*Do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu ... ‘Do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp’ ... ‘Do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng’ ... ‘Do có sự tiếp-xúc, nên có cảm-giác’ ... ‘Do có sáu giác-quan, nên có sự tiếp-xúc’ ... ‘Do có phần danh-sắc, nên có sáu giác-quan’ ... ‘Do có thức, nên có phần danh-sắc’ ... ‘Do có những sự tạo-tác cố-ý, nên có thức.*’

“Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là những sự tạo-tác cố-ý, và đối với ai có những sự tạo-tác cố-ý?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy những sự tạo-tác cố-ý là gì, và vì ai mà có những sự tạo-tác cố-ý?’ hoặc ai nói ‘Những sự tạo-tác cố-ý là một thứ, cái người vì đó mà có những sự tạo-tác cố-ý là thứ khác’—thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt ý nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi. Nếu có quan điểm rằng ‘*Linh hồn và thân xác là giống nhau*’, thì không có sự sống của đời sống tâm linh; và nếu có quan điểm rằng ‘*Linh hồn là một thứ, thân xác là một thứ*’, thì cũng không có sự sống của đời sống tâm linh. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘*Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý.*’

(nhưng) “Với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì dù có những sự vận vẹo, những sự vận động, và những sự dao động nào như kiêu—‘Vậy cái gì là sự *già-chết*, và đối với ai có sự *già-chết*?’ hoặc ‘*Già-chết* là một thứ, người mà đối với họ có sự *già-chết* là thứ khác’ hoặc ‘*Linh hồn và thân xác là một*’ hay ‘*Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác*’—thì mọi điều chấp đó đều bị dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ, để nó không còn khởi sinh trong tương lai.

“Với sự phai biến và chấm dứt *vô-minh* thì dù có những sự vận vẹo, những vận động, và những sự dao động nào như kiêu—‘Vậy cái gì là *sự sinh*, và đối với ai có sự *sinh*?’ ... ‘Vậy cái gì là *sự hiện-hữu*, và đối với ai có sự *hiện-hữu*?’ ... ‘Vậy cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý*, và đối với ai có những sự *tạo-tác cố-ý*?’ hoặc ‘*Những sự tạo-tác cố-ý* là một thứ, người mà đối với họ có những sự *tạo-tác cố-ý* là thứ khác’ hoặc ‘*Linh hồn và thân xác là một*’ hay ‘*Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác*’—thì mọi điều chấp đó đều bị dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm

thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ, để nó không còn khởi sinh trong tương lai.

(SN 12:35)

36 (6) Do Có Vô Minh Là Điều Kiện (2)

[Giống hết bài kinh **SN 12:35** kể trên; chỉ khác ở chỗ là: (1) Phật đã nói những điều đó từ đầu tới cuối cho cả nhóm Tỳ kheo [“Này các Tỳ kheo”], chứ không phải chỉ nói riêng cho một vị Tỳ kheo như bài kinh kể trên, và (2) cũng không có người đối thoại nào hỏi những câu hỏi không hợp lý như trên. Chỉ là Phật tự nói luôn những loại điều chấp không hợp lý đó.]

(SN 12:36)

37 (7) Không Phải Là Cửa-Ta

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, thân này không phải ‘cửa-ta’ [‘cửa các thầy’], cũng không phải cửa-ai khác.⁸⁹ Đó là nghiệp cũ, được coi là đã được tạo ra và được tạo tác bởi sự cố-ý (tư tâm sở), là thứ để được cảm nhận (theo nghĩa thân là cơ sở để cảm nhận mọi thứ).⁹⁰ Trong đó, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng (như lý tác ý) vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vậy: ‘Do có thứ này, nên có [sinh ra] thứ kia; do khởi sinh thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra] thứ kia; khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt. Đó là, ‘do có vô-minh là điều kiện, nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức....’ Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, ‘với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm

dứt những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt thức....’ Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:37)

38 (8) Sự Cố-Ý (I)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có một khuynh hướng theo đó: điều này trở thành một cơ sở cho sự liên-tục (duy trì) của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp (duyên) cho sự lập thành của thức. Khi thức được lập thành và đã tăng trưởng *là có sự sản sinh ra* sự hiện-hữu mới (sự tái hữu) trong tương lai. Khi có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai, là có sự sinh-ra sau đó, rồi có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.⁹¹

- “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và người không dự tính, nhưng vẫn có một khuynh hướng theo điều gì, thì điều này cũng trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập thành của thức. Khi thức được lập thành.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo một điều nào, thì sẽ không có một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ sở, là không có sự trợ giúp cho sự lập thành của thức. Nếu thức không được lập thành và tăng trưởng *thì không có sự sản sinh ra* sự hiện-hữu mới trong tương lai. Nếu không có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai, thì không có sự sinh-ra sau đó (hết hữu thì hết sinh), (nên cũng) không có

sự già-và-chết, không có sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:38)

39 (9) Sự Cố-Ý (2)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có một khuynh hướng theo đó: điều đó sẽ trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập thành của thức. Khi thức được lập thành và đã tăng trưởng là có một *gốc-gác sinh ra* phần danh-sắc.⁹² Do có phần danh-sắc là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sáu giác-quan; do có sáu giác-quan là điều kiện, nên có sự tiếp-xúc; do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác ... dục-vọng ... sự dính-chấp ... sự hiện-hữu ... sự sinh-ra; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và người không dự tính, nhưng vẫn có một khuynh hướng theo một điều gì, thì điều này sẽ trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập thành của thức. Khi thức đã được lập thành và đã tăng trưởng là có một *gốc-gác sinh ra* phần danh-sắc. Do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có [sinh ra] sáu giác-quan ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người không ý định, và người không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo điều nào, thì không có một cơ sở nào cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ sở, thì không có một *gốc-gác* nào sinh ra phần danh-sắc. Khi chấm dứt phần

danh-sắc thì chắm dứt sáu giác-quan ... Đó là sự *chắm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:39)

40 (10) Sự Cố-Ý (3)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có một khuynh hướng theo đó: điều đó sẽ trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập thành của thức. Khi thức được lập thành và đã tăng trưởng, là có thiên-hướng [tức: dục vọng]. Khi có thiên-hướng về đâu, là có sự đến-đi. Khi có sự đến-đi, là có sự chết-đi và sự tái-sinh.⁹³ Khi có sự chết-đi và tái-sinh, là có sự sinh-ra sau đó, rồi có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và không dự tính, nhưng vẫn có một khuynh hướng theo điều gì, thì điều đó trở thành một cơ sở cho sự liên tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập thành của thức.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người không ý định, và không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo điều nào, thì không có một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ sở, thì không có sự trợ giúp cho sự lập thành của thức. Nếu thức không được lập thành và tăng trưởng, thì không có sự thiên-hướng (dục vọng). Nếu không có sự thiên-hướng về đâu thì không có sự đến-đi. Nếu không có sự đến-đi, thì không có sự chết-đi và sự tái-sinh. Nếu không có sự chết-đi và tái-sinh, thì không có sự sinh-ra sau đó, thì đâu có sự già-chết, sự buồn sầu,

than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”⁹⁴

(SN 12:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘GIA CHỦ’

(*Gahapati-vagga*)

41 (1) Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (1)

Ở Sāvattthī. Lúc đó có gia chủ tên Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, (a) khi ‘năm sự thù-ghét đáng sợ’ đã lắng lặn bên trong một người đệ tử thánh thiện, và (b) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’, và (c) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cõi súc sinh, đã hết bị cõi naga quỷ, đã hết bị cảnh giới thống khổ, những nơi đến thấp xấu, cõi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của tôi.’⁹⁵

(I) “Cái gì là năm sự thù-ghét đáng-sợ đã lắng lặn?”

(1) Này gia chủ, người sát-sinh, thì do hành vi đó, gây ra sự thù ghét đáng sợ trong kiếp này và sự thù ghét đáng sợ trong kiếp sau, và người đó nếm trải sự đau đớn và khổ sở về tâm. Như vậy, người kiêng cử sát-sinh thì sự thù ghét đáng sợ đó đã lắng lặn.

(2) “Người gian-cấp (trộm, cướp, gian, lận, tham những...) ... (3) người tà-dâm tà dục (tính dục bất chính) ... (4) người nói-dối nói láo ... (5) người uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống lơ tâm phóng dật, thì do hành vi đó, gây ra sự thù ghét đáng sợ trong kiếp này và sự thù ghét đáng sợ trong kiếp sau, và người đó nếm trải sự đau đớn và khổ sở về tâm. Như vậy, người kiêng cử gian-

cấp ... kiêng cử tà-dâm tà dục ... kiêng cử nói-dối nói láo ... kiêng cử uống rượu mạnh, rượu nhẹ, và dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống loi tâm phóng dật, thì sự thù ghét đáng sợ đó đã lắng lặn.

“Đó là năm sự thù ghét đáng sợ đã lắng lặn.

(II) “Và cái gì là ‘bốn yếu tố Nhập-lưu’ mà người đó có được?⁹⁶

(1) Ở đây, này gia chủ, người người đệ tử thánh thiện đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc Phúc Lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, bậc thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’

(2) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi những người trí hiền.’

(3) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của Đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) cao nhất ở thế gian.’

(4) “Người đó có được đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng (tức, năm giới hạnh)—không bị sút mẻ, không bị chấp vá, không bị ô nhiễm, không bị vết chàm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.⁹⁷

“Đây là bốn yếu tố Nhập-lưu mà người đó có được.

(III) “Và cái gì là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ?⁹⁸ Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vậy: “Do có thứ này, nên có [sinh ra] thứ kia; do khởi sinh thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra] thứ kia; khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt.⁹⁹

• “Đó là: ‘Do có vô-minh là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức; do có thức là điều kiện, nên có phần danh-sắc; do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có sáu giác-quan [cơ-sở cảm nhận]; do có sáu giác-quan là điều kiện, nên có sự tiếp-xúc; do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm-giác’ do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng; do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp; do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên mới xảy ra sự già và chết; sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng. Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều khởi sinh)

“Nhưng: ‘Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý, thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức, thì chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc, thì chấm dứt sáu giác-quan; khi chấm dứt sáu giác-quan, thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt sự dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt chấm dứt sự già và chết; sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng. Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều hoàn diệt)

“Đây là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và đã thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ.

“Này gia chủ, (I) khi ‘năm sự thù-ghét đáng sợ’ này đã lắng lặn bên trong một người đệ tử thánh thiện, và (II) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này, và (III) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ này bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về bản thân mình: ‘Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cõi súc sinh, đã hết bị cõi ngạ quỷ, đã hết bị cảnh giới thống khổ, những nơi đến thấp xấu, cõi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn ràng buộc với thế giới đầy đọa, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của tôi.’”

(SN 12:41)

42 (2) Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (2)

[Giống hết bài kinh **SN 12:41** kể trên, chỉ khác là nó được nói cho “một số Tỳ kheo” thay vì cho gia chủ Cấp Cô Độc]

(SN 12:42)

43 (3) Khổ

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nguồn-gốc và sự phai-biến của sự khổ (sự khổ trong vòng luân hồi).¹⁰⁰ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói”.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc của khổ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba

thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Đây là *nguồn-gốc* của khổ.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương ... Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị ... Tùy thuộc vào thân và những đối-tượng chạm xúc ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Đây chính là *nguồn-gốc* của khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai-biến của khổ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Đây chính là sự phai biến của khổ.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này thì chấm dứt sự dính-chấp chấm dứt sự hiện-hữu chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Đây chính là sự *phai-biến* của khổ.”

(SN 12:43)

44 (4) Thế Giới

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nguồn-gốc và sự phai-biến của thế giới, (thế giới của những sự tạo-tác).¹⁰¹ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc của thế giới? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng; do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp; do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này các Tỳ kheo, đây là *nguồn-gốc* của thế giới.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị Tùy thuộc vào thân và những đối-tượng chạm xúc Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng; do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp ... sự hiện-hữu ... sự sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này các Tỳ kheo, đây chính là *nguồn-gốc* của thế giới.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai-biến của thế giới? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Này các Tỳ kheo, đây chính là sự *phai-biến* của thế giới.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này thì chấm dứt sự dính-chấp ... chấm dứt sự hiện-hữu ... chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này. Đây chính là sự *phai-biến* của thế giới.”

(SN 12:44)

45 (5) Ở Ñātika

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Ñātika trong Hội Trường Gạch. Lúc đó, khi đức Thế Tôn ở một mình trong chỗ ăn cư, đức Thế Tôn đã (tự mình) thốt ra bài thuyết Pháp như vậy.¹⁰²

“Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-

vọng; do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng; do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác; do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo đứng gần đó đã lén nghe được đức Thế Tôn nói. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đang đứng lắng nghe và nói với thầy ấy: “Này Tỳ kheo, thầy đã nghe bài thuyết Pháp phải không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Hãy học bài thuyết Pháp này, này Tỳ kheo, hãy nắm vững nó và ghi nhớ nó. Bài thuyết Pháp này là hữu ích và liên quan tới những căn bản của đời sống tâm linh.”

(SN 12:45)

46 (6) Một Bà-la-môn

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-Đàm, là sao: có phải người làm chính là người ném trái [hậu quả, nghiệp quả] đó?”¹⁰³

“(nếu nghĩ) ‘Người làm chính là người ném trái [hậu quả]’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-Đàm, có phải người làm là một người, và người ném trái [hậu quả] là người khác?”

“(nếu nghĩ) ‘Người làm là một người, và người ném trái [hậu quả] là người khác’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo như vậy: ‘Do có vô-minh làm điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý làm điều kiện, nên có thức... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt thức... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.’”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! ... Con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:46)

47 (7) Bà-la-môn Jāṇussoṇi

Ở Sāvathī. Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:¹⁰⁴

“Thưa Thầy Cồ-Đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?”

“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều hiện hữu’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-Đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?”

“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là cực đoan thứ hai, này bà-la-môn. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo ... [*Tiếp tục y hết lời bài kinh SN 12:46 kể trên*]”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:47)

48 (8) Một Nhà Vũ Trụ Luận

Ở Sāvathī. Lúc đó có bà-la-môn là một nhà vũ trụ luận đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-Đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?” (tư tưởng bất-diệt)

“‘Tất cả đều hiện hữu’: này bà-la-môn, đây là vũ trụ luận xưa cũ nhất.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-Đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?” (tu tưởng diệt-vong)

“‘Tất cả đều không hiện hữu’: này bà-la-môn, đây là vũ trụ luận xưa cũ nhì.”

“Vậy là sao, Thầy Cồ-Đàm: có phải tất cả đều là một hợp thể?” (Ý hỏi: tất cả có tính thường-hằng hay không?, đây và câu thứ nhất là tu tưởng bất-diệt)

“‘Tất cả đều là một hợp thể’: này bà-la-môn, đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ ba.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-Đàm: có phải tất cả đều là số nhiều?” (Ý hỏi: Vậy tất cả có bản chất khác với những cái trên?, đây và câu thứ hai là thuộc tu tưởng diệt-vong)

“‘Tất cả đều là số nhiều’: này bà-la-môn, đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ tư. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo ...” [*Tiếp tục y hết lời bài kinh SN 12:46 ở trên*]

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:48)

49 (9) Người Đệ Tử Thánh Thiện (1)

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện không còn nghĩ suy: ‘Khi thứ gì có mặt, thì cái gì xảy ra? Khi có sự khởi-sinh của thứ gì, thì cái gì khởi sinh? [*Khi thứ gì có mặt, thì có (sinh ra) những sự tạo-tác cố-ý? Khi thứ gì có mặt, thì có thức.*]¹⁰⁵ Khi thứ gì có mặt, thì có phần danh-sắc? ... Khi thứ gì có mặt, thì có sự già-chết?’

“Thay vì vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đó đã có sự hiểu-biết về nguyên-lý này: mọi thứ đều tùy thuộc vào những thứ khác (mà khởi sinh): ‘Khi thứ này có mặt, thì thứ kia xảy ra; khi có sự khởi-sinh của thứ này, thì thứ kia khởi sinh. [Khi vô-minh có mặt, thì có (sinh ra) những sự tạo-tác cố-ý. Khi những sự tạo-tác cố-ý có mặt, thì có thức.] Khi có thức thì có phần danh-sắc ... Khi có sự sinh-ra, thì có sự già-chết.’ Người đó hiểu: ‘Thế giới *khởi sinh* theo cách như vậy.’

- “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện không còn nghĩ suy: ‘Khi thứ gì không có mặt, thì không có thứ gì? Khi có sự chấm dứt thứ gì, thì thứ gì chấm dứt? [Khi thứ gì không có mặt, thì không có (sinh ra) những sự tạo-tác cố-ý? Khi thứ gì không có mặt, thì không có thức?] Khi thứ gì không có mặt, thì không có phần danh-sắc? ... Khi thứ gì không có mặt, thì không có sự già-chết?’”

“Thay vì vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đó đã có sự hiểu-biết về nguyên-lý này: mọi thứ đều tùy thuộc những thứ khác (mà chấm dứt): ‘Khi thứ này không có mặt, thì không có thứ kia; khi có sự chấm dứt thứ này, thì thứ kia chấm dứt. [Khi không có vô-minh, thì không có (sinh ra) những sự tạo-tác cố-ý. Khi không có những sự tạo-tác cố-ý, thì không có thức.] Khi không có thức, thì không có phần danh-sắc ... Khi không có sự sinh-ra, thì đâu có sự già-chết.’ Người đó hiểu: ‘Thế giới *chấm dứt* theo cách như vậy.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về sự khởi-sinh và biến-diệt của thế giới đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), đã thành tựu về mặt tâm-nhìn, người đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này, người đã nhìn thấy Giáo Pháp đích thực này, là người có được sự hiểu-biết của một bậc học-nhân, người bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một bậc thánh (Nhập-lưu) với trí-tuệ thâm nhập, là người đứng vững vàng trước cánh cửa dẫn tới sự Bất Tử.”

(SN 12:49)

50 (10) Người Đệ Tử Thánh Thiện (2)

[Giống hết bài kinh **SN 12:49** kể trên. Chỉ khác là: những đoạn trong ngoặc vuông [...] ở trên thì không-có trong các phiên bản phiên bản Thái, Tích Lan. Nhưng bài kinh **SN 12:50** này trong các phiên bản khác thì đều có ghi đủ các đoạn đó.]

(SN 12:50)

NHÓM 6

NHÓM KHỔ

(*Dukkha-vagga*)¹⁰⁶

51 (1) Sự Điều Tra Thấu Suốt

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang thực hiện một sự điều-tra thấu-suốt, theo cách nào là người đó điều tra một cách thấu suốt để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo thực hiện một sự điều-tra thấu-suốt, người đó điều tra một cách thấu suốt như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi sự già-chết]: cái gì là nguồn gốc của sự khổ này, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt, thì sự già-chết xảy ra? Khi cái gì không có mặt, thì sự già-chết không xảy ra?’

- “Khi điều tra một cách thấu suốt, người đó hiểu được như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi sự già-chết]: khổ này có sự sinh là nguồn gốc của nó, sự sinh là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự sinh. Khi có sự sinh-ra, thì có sự già-chết; nếu không có sự sinh-ra, thì đâu có sự già-chết.’

-- “Người đó hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó thực hiện cách đó và hướng dẫn bản thân mình (tu tập) theo đúng như vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự già-chết. (*diệt già-chết*).

(2)–(11) “Rồi, điều tra thêm nữa, người đó điều tra một cách thấu suốt như vậy: ‘Cái gì là nguồn gốc của sự sinh này, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? ... Cái gì là nguồn gốc của sự hiện-hữu này? ... sự dính-chấp này? ... dục-vọng này? ... cảm-giác này? ... sự tiếp-xúc này? ... sáu giác-quan này? ... phần danh-sắc này? ... thức này? ... Cái gì là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố-ý, cái gì là nguyên gốc của chúng, từ cái gì chúng được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt, thì có những sự tạo-tác cố-ý xảy ra? Khi cái gì không có mặt, thì những sự tạo-tác cố-ý không xảy ra?’

- “Khi điều tra một cách thấu suốt, người đó hiểu được như vậy: ‘Những sự tạo-tác cố-ý có vô-minh là nguồn gốc của chúng, vô-minh là nguyên gốc của chúng; chúng được sinh ra và tạo ra từ vô-minh. Khi có vô-minh, thì có những sự tạo-tác cố-ý xảy ra; nếu không có vô-minh, thì những sự tạo-tác cố-ý không xảy ra.’

-- “Người đó hiểu được những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Người đó thực hiện cách đó và hướng dẫn bản thân mình (tu tập) theo đúng như vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự

hoàn toàn diệt-khô, để chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý. (*diệt sinh ... diệt hành*)

“Này các Tỳ kheo, nếu một người còn chìm đắm trong vô-minh mà tạo ra một sự tạo-tác cố-ý (mang tính) công đức (*thuộc 13 loại hành thiện: 8 dục giới, 5 sắc giới*), thì thức sẽ đi đến chỗ phước đức; nếu người đó tạo ra một sự tạo-tác cố-ý phi công đức (*thuộc 12 loại hành bất thiện*), thì thức sẽ đi đến chỗ vô phước đức; nếu người đó tạo ra một sự tạo-tác cố-ý bất-lay-động (*4 loại hành thiện vô sắc giới*), thì thức sẽ đi đến chỗ bất-lay-động. Nhưng, khi một Tỳ kheo đã loại bỏ vô-minh và đã phát khởi trí-biết đích thực (chân trí, minh), thì, với sự phai biến vô-minh và sự khởi-sinh trí-biết đích thực (minh), người đó không còn tạo ra một sự tạo-tác cố-ý mang tính công đức, hay một sự tạo-tác cố-ý phi công đức, hay một sự tạo-tác cố-ý bất lay động nào nữa. Bởi do người đó không còn tạo ra hay tạo lập những sự tạo-tác cố-ý nào nữa, nên người đó không-còn dính-chấp với bất cứ điều gì trong thế giới. Do không-còn dính-chấp, nên người đó không còn bị khích-động (tức: không còn khởi khát-dục hay sợ-hãi).¹⁰⁷ Do không còn bị khích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa.’

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nên nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không nên khoái thích nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không sân bực nó’; người đó hiểu: ‘Không ghê ghét nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không làm ngơ’; người đó hiểu rõ: ‘Không si mờ về nó’.

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm thấy tách-ly (không dính theo nó). Khi người đó cảm nhận một cảm-giác

khô, người đó cảm thấy tách-ly. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác không khô không sượng, người đó cảm thấy tách-ly.

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng với thân này.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng mạng sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng mạng sống.’¹⁰⁸ Người đó hiểu rõ: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng (thân hoại, mạng chung), thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây (tắt bật, không còn đi đâu tái sinh nữa); chỉ còn lại những mảnh xác của thân.’¹⁰⁹

“Này các Tỳ kheo, giả sử một người lấy một cái nồi đất sét nóng rực từ trong lò nung của người thợ gốm, và đặt nó trên nền đất phẳng: nhiệt nóng của nó sẽ bị giải tán ngay tại chỗ đó, và chỉ còn lại những mảnh gốm của nồi đất sét. Cũng giống như vậy, khi người đó cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng với thân này kết liễu cùng với mạng sống người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng, thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây; chỉ còn lại những mảnh xác của thân.’¹¹⁰

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có thể nào một Tỳ kheo đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận) mà còn tạo ra một sự tạo-tác cố-ý công đức, hay một sự tạo-tác cố-ý phi công đức, hay một sự tạo-tác cố-ý bất lay động?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Khi đã *dứt sạch* những sự tạo-tác cố-ý, với sự chấm dứt mọi sự tạo-tác cố-ý, thì có còn thấy thức (thức tái sinh) hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Khi đã *dứt sạch* thức, với sự chấm dứt của thức, thì có còn thấy phần danh-sắc hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Khi đã dứt sạch phần danh-sắc ... dứt sạch sáu giác-quan ... dứt sạch sự tiếp-xúc ... dứt sạch cảm-giác ... dứt sạch dục-vọng ... dứt sạch sự dính-chấp ... dứt sạch sự hiện-hữu ... dứt sạch sự sinh, với sự chấm dứt của sự sinh-ra, thì có còn thấy sự già-chết hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Điều đó chính xác là như vậy, và không thể sai khác! *Này các Tỳ kheo, hãy đặt niềm-tin vào ta về điều này, hãy nhất quyết về điều này. Hãy bỏ hết sự lơ-mờ và nghi-ngờ về điều này. Đơn giản đây chính là sự chấm-dứt khổ.*”

(SN 12:51)

52 (2) Sự Dính Chấp

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong mọi thứ có thể bị dính chấp (có thể làm mình bị dính chấp theo chúng), thì dục-vọng sẽ tăng lên. Do có dục-vọng là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp; do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đống khổ này.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một đồng lửa lớn đang cháy, tiêu hao mười, hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi khối củi, và một người cứ châm thêm củi khô, phân bò khô, và củi khô vào trong nó. Như vậy, được duy trì bằng nhiên liệu đó, được cấp nhiên liệu bằng những thứ khô đó, ngọn lửa lớn đó càng cháy thêm rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ

suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ dễ bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ càng tăng ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi có sự chấm dứt của dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một đồng lửa lớn đang cháy, tiêu hao tiêu hao mười, hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi khối củi, và một người *không* châm thêm củi khô, phân bò khô, hay củi khô vào trong nó. Như vậy, khi nguồn nhiên liệu đầu đã cháy hết, không được châm thêm nhiên liệu nào nữa, không được duy trì, thì đồng lửa lớn đó sẽ bị tắt ngấm. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:52)

53 (3) *Những Gông Cùm (I)*

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình (như tham muốn, nhục dục),¹¹¹ thì dục-vọng tăng lên. Do có dục-vọng là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp; do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên có sự già-

chết, sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đống khổ này.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một ngọn đèn dầu đang cháy phụ thuộc vào dầu và tim đèn, và một người cứ châm thêm dầu vào nó và chỉnh gạt (muội) tim đèn. Như vậy, do được duy trì bởi dầu, được cấp nhiên liệu bằng dầu, thì ngọn đèn dầu đó sẽ cháy rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đống khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi có sự chấm dứt của dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu ... chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đống khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một ngọn đèn dầu đang cháy phụ thuộc vào dầu và tim đèn, và một người *không* châm thêm dầu vào nó và *không* chỉnh gạt (muội) tim đèn. Như vậy, khi nguồn nhiên liệu dầu đã cháy hết, do không được châm thêm nhiên liệu nào nữa, không được duy trì, thì ngọn đèn dầu đó sẽ bị tắt ngấm. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ chấm dứt ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đống khổ này.”

(SN 12:53)

54 (4) Những Gông Cùm (2)

[Giống hệt bài kinh **SN 12:53** kể trên, chỉ khác nhau là: trong cả hai phần nói về sự tăng-lên và sự chấm-dứt, các ví dụ được nói ra trước, và phần nói về giáo pháp được nói sau.]

(SN 12:54)

55 (5) Cây Lớn (1)

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dấn chấp, thì dục-vọng tăng lên. Do có dục-vọng là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dấn-chấp ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đống khổ này.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dấn chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đống khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dấn chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dấn-chấp ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đống khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây, rồi đào gốc rỗi, và bứng sạch rễ cây, kể cả rễ nhỏ và rễ con. Người đó chặt thân cây thành khúc, chặt thành miếng nhỏ, bằm nhỏ thành mảnh. Rồi người đó phơi những mảnh cây dưới nắng và gió, rồi đốt cháy chúng, và hốt lấy tro. Sau khi làm như vậy, người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc

quãng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:55)

56 (6) Cây Lớn (2)

[Giống hệt bài kinh **SN 12:55** kể trên, chỉ khác là: trong cả hai phần nói về sự tăng-lên và sự *chấm-dứt*, các ví dụ được nói ra trước, và phần nói về giáo pháp được nói sau.]

(SN 12:56)

57 (7) Cây Non

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên. Do có dục-vọng là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây non, và một người cứ thường dọn sạch cỏ xung quanh gốc của nó, thường bón thêm đất tốt, thường tưới nước cho nó. Được duy trì bởi sự chăm sóc đó, được nuôi dưỡng bởi sự chăm sóc đó, nên cây non đó sẽ lớn lên, tăng trưởng, và phát tán rộng. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-

thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây non. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*như đoạn này của kinh 12:55 ở trên*] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây non đó đã bị chặt đứt rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:57)

58 (8) *Phản Danh-Sắc*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thoả-thích trong những thứ có thể gông cùm mình [có dục-vọng nằm bên dưới sự suy ngẫm đó], thì có một gốc-gác sinh ra phản danh-sắc.¹¹² Do có phản danh-sắc là điều kiện, nên có [sinh ra] sáu giác-quan ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống

rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thoả-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc ... Đó là *nguồn- gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không-có một gốc-gác để sinh ra phần danh-sắc. Khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu giác-quan ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*như đoạn này của kinh 12:55 ở trên*] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt rể, bị thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không-có một gốc-gác để sinh ra phần danh-sắc... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:58)

59 (9) Thức

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thoả-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra thức. Do có thức là điều kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi

nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra thức.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không-có một gốc-gác để sinh ra thức. Khi chấm dứt thức thì chấm dứt phần danh-sắc ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*như đoạn này của kinh 12:55 ở trên*] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt rể, bị thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì không có một gốc-gác để sinh ra thức... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

(SN 12:59)

60 (10) Nhân Duyên

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru, ở nơi có một quận thị của họ có tên là Kammāsadamma. Lúc đó Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn. ‘Sự khởi-sinh tùy thuộc’ này (lý duyên khởi) là thật sâu xa và thật sâu xa trong những hàm nghĩa, nhưng đối với con nó dường như hết sức rất rõ ràng.”

“Không phải chỉ vậy đâu, này Ānanda! Không phải chỉ vậy đâu, này Ānanda! ‘Sự khởi-sinh tùy thuộc’ này là thật sâu xa và thật sâu xa về mặt hàm nghĩa. Này Ānanda, bởi do không hiểu biết và không thâm nhập Giáo Pháp này, nên thế hệ (chúng sinh) này đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bụi nhùi đan rối, và không thể vượt khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến thấp xấu, cõi địa ngục, vòng luân hồi sinh tử.

- “Này Ānanda, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiên ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên. Do có dục-vọng là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này Ānanda, giả sử có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên ... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này Ānanda, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này Ānanda, giả sử có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗi. Người đó chặt đứt ngang gốc cây ... [*như đoạn này của kinh 12:55 ở trên*] ... người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt rễ, bị thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đống khổ này.”

(SN 12:59)

NHÓM 7

‘NHÓM LỚN’

(*Mahā-vagga*)

61 (1) *Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (1)*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc ...

- “Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy¹¹³ có thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với **thân** này do bốn yếu-tố lớn (tứ đại) hợp thành; người đó có thể trở nên chán-bỏ đối với nó và được giải-thoát khỏi nó. Vì lý do gì? Bởi vì nhìn thấy sự lớn lên và sút xuống trong thân này do bốn yếu-tố lớn hợp thành, nhìn thấy nó được nâng lên và đặt xuống một bên. Vì vậy người phàm phu không được chỉ dạy có thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân này do bốn yếu-tố lớn hợp thành; người đó có thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và được giải-thoát khỏi nó.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với cái được gọi là ‘**tâm**’, hay ‘tâm thần’, hay ‘thức’ (đây là ba tên gọi đối với giác-quan ‘tâm’)¹¹⁴—thì người phàm phu không được chỉ dạy không thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó, không thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và không được giải-thoát khỏi nó. Vì lý do gì? Vì đã từ lâu họ luôn nắm giữ, chấp hữu, nắm chặt chấp thủ như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’.¹¹⁵ Vì vậy người phàm phu không được chỉ dạy không thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó, không thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và không được giải-thoát khỏi nó.

“Vậy thì, này các Tỳ kheo, đối với người phàm phu không được chỉ dạy (thì thà) nhận cái thân ‘tứ đại’ này là cái ‘ta’, như vậy vẫn còn tốt hơn nhận lấy ‘tâm’ là cái ‘ta’. Vì lý do gì? Vì thân ‘tứ đại’ này còn thấy trụ được một năm, hai, ba, bốn, năm, hay mười năm, hai mươi, ba mươi,

bốn mươi, năm mươi, hay một trăm năm, hoặc lâu hơn. Chứ cái được gọi là ‘tâm’ và ‘tâm thần’ và ‘thức’ thì luôn khởi sinh thành này và chấm dứt thành khác (sinh-diệt liên tục) suốt ngày suốt đêm. Giống như một con khỉ chạy nhảy khắp trong rừng luôn chụp nắm cành cây, chụp rồi thả, rồi chụp nắm cành khác (chụp thả liên tục liên tục); cũng giống như vậy, cái được gọi là ‘tâm’, ‘tâm thần’, hay ‘thức’ thì luôn khởi sinh thành này và chấm dứt thành khác (sinh-diệt liên tục) suốt ngày suốt đêm.

“Trong khi đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng (như lý tác ý) về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) như vậy: ‘Khi cái này có mặt, thì cái kia xảy ra; khi có sự khởi-sinh cái này, thì cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, thì cái kia không xảy ra; khi chấm dứt cái này, thì cái kia chấm dứt.’ Đó là, ‘do có vô-minh là điều kiện, nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý’; ‘do có những sự tạo-tác cố-ý, nên có thức’ ... Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, ‘với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt thức’... Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đồng khổ này.”

“Sau khi nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức, (ghê-sợ đối với năm-uẩn). Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 12:59)

62 (2) Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (2)

[Giống hết kinh **SN 12:61** kể trên từ câu đầu cho tới chỗ ví dụ ‘con khỉ’. Rồi bỏ đi phần ví dụ ‘con khỉ’, và tiếp tục như sau:]

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện thì chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng (như lý tác ý) về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) như vậy: ‘Khi cái này có mặt, thì cái kia xảy ra; khi có sự khởi-sinh cái này, thì cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, thì cái kia không xảy ra; khi chấm dứt cái này, thì cái kia chấm dứt.’ Này các Tỳ kheo, **(i)** tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng nên có một cảm-giác sướng khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác sướng khởi-sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó— cũng chấm dứt và lắng lặn. **(ii)** Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ nên có một cảm-giác khổ khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì chấm dứt cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác khổ khởi-sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó— cũng chấm dứt và lắng lặn. **(iii)** Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính (không sướng không khổ) nên có một cảm-giác trung tính khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác trung tính khởi-sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó— cũng chấm dứt và lắng lặn.

“Này các Tỳ kheo, giống như nhiệt được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc và cọ-sát của hai cây mồi lửa, nhưng khi tách rời hai cây đó thì nhiệt nóng cũng chấm dứt và lắng lặn;¹¹⁶ cũng giống như vậy, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ ... tùy thuộc một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên có một cảm-giác trung tính khởi sinh ... Khi chấm dứt sự tiếp-

xúc được trải nghiệm là trung tính đó thì cảm-giác tương ứng ... — cũng chấm dứt và lắng lặn.

“Sau khi nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức, (ghê-sợ đối với năm-uẩn). Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 12:62)

63 (3) *Thịt Của Người Con*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng chất để duy trì (sự sống) của những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? Thức-ăn, thô và tinh; thứ hai, sự tiếp-xúc; thứ ba, ý-muốn [sự cố-ý của tâm]; thứ tư, thức. Đây là bốn loại dưỡng chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.

“Và, này các Tỳ kheo, dưỡng chất *thức-ăn* nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có cặp vợ chồng chỉ mang ít đồ ăn và đang đi băng qua vùng sa mạc. Cùng đi với họ là đứa con duy nhất, đứa con thân thương và yêu dấu. Rồi tới giữa sa mạc, chỗ đồ ăn ít ỏi của họ cũng hết sạch, trong khi còn một vùng sa mạc lớn phía trước phải băng qua (để sống sót). Người chồng và vợ nghĩ rằng: ‘Chỗ đồ ăn ít ỏi của chúng ta đã hết sạch, trong khi còn một vùng sa mạc lớn phía trước phải băng

qua. Chắc chúng ta phải giết đũa con duy nhất của mình, đũa con thân thương và yêu dấu, và làm thành thịt khô và thịt ướp. Bằng cách ăn thịt con mình thì chúng ta mới có thể băng qua hết sa mạc này. Còn hơn để cả ba đều chết!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, vợ chồng đó đã giết đũa con duy nhất, đũa con thân thương và yêu dấu, làm thành thịt khô và thịt ướp, và bằng cách ăn thịt con mình họ có thể vượt qua vùng sa mạc còn lại. Trong khi họ đang ăn thịt con mình, họ đấm ngực và than khóc: ‘Con đang ở đâu, hỡi đũa con duy nhất của chúng ta? Con đang ở đâu, hỡi đũa con duy nhất của chúng ta?’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Có phải họ ăn thức ăn đó là để giải trí, hay để thưởng thức, hay để thân được đẹp đẽ và hấp dẫn?”

“Không phải vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có phải họ ăn thức ăn đó là chỉ để có thể băng qua sa mạc?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

(1) “Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *dưỡng chất thức-ăn* nên được nhìn thấy.¹¹⁷ Khi dưỡng chất *thức-ăn* được hiểu hoàn toàn, thì *tham-dục-năm dây khoái-lạc giác-quan* sẽ được hiểu hoàn toàn. Khi tham-dục-năm dây khoái-lạc giác-quan được hiểu hoàn toàn, thì không-còn gông-cùm nào trói buộc một người đệ tử thánh thiện quay lại (tái sinh) thế gian này nữa. (quả bất-lai nhờ giác ngộ dưỡng chất thức-ăn)¹¹⁸

(5) “Và, này các Tỳ kheo, *dưỡng chất sự tiếp-xúc* nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có một con bò bị lở da. Nếu nó đứng dựa vô tường, những sinh vật sống trên tường sẽ cắn rĩa nó. Nếu nó đứng dựa vô cây, những sinh vật sống trên cây sẽ cắn rĩa nó. Nếu nó đứng dưới nước, những sinh vật sống trong nước sẽ cắn rĩa nó. Nếu nó đứng giữa

không khí, những sinh vật sống trong không khí sẽ cắn rủa nó. Dù con bò lở da có đứng ở ở đâu, những sinh vật sống ở đó sẽ cắn rủa nó.

“Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *dưỡng chất tiếp-xúc* nên được nhìn thấy.¹¹⁹ Khi dưỡng chất *tiếp-xúc* được hiểu hoàn toàn, thì ba loại *cảm-giác* sẽ được hiểu hoàn toàn. Khi ba loại cảm-giác được hiểu hoàn toàn, thì, ta nói rằng, một người đệ tử thánh thiện không-cần phải làm gì thêm nữa. (quả a-la-hán nhờ giác ngộ dưỡng chất sự tiếp-xúc)¹²⁰

(3) “Và, này các Tỳ kheo, *dưỡng chất ý-muốn* (sự cố ý, ý hành) nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có một hồ than sâu hơn chiều cao của một người, chứa đầy than đang cháy rực nhưng không khói, không có lửa ngọn. Một người đến đó, người đó đang muốn sống, không muốn chết, thích sống và ghét khổ. Rồi có hai người lực sĩ nắm hai tay người đó và kéo người đó tới chỗ hồ than. Ý-muốn của người đó lúc này là thoát khỏi đó, mong-muốn của người đó lúc này là thoát khỏi đó, ước-muốn của người đó lúc này là thoát khỏi đó. Vì lý do gì? Vì người đó biết: ‘Ta sẽ rớt xuống hồ than và do vậy ta sẽ bị chết hoặc đau đớn như chết.’

“Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *dưỡng chất ý-muốn* nên được nhìn thấy.¹²¹ Khi dưỡng chất *ý-muốn* được hiểu hoàn toàn, thì ba loại *dục-vọng* sẽ được hiểu hoàn toàn. Khi ba loại dục-vọng được hiểu hoàn toàn, thì, ta nói rằng, một người đệ tử thánh thiện không-cần phải làm thêm gì nữa.¹²² (a-la-hán nhờ giác ngộ dưỡng chất ý-muốn)

(4) “Và, này các Tỳ kheo, *dưỡng chất thức* nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử người ta bắt một kẻ cướp, một tên tội phạm, và dẫn người đó tới trước nhà vua, và thưa rằng: ‘Thưa bệ hạ, người này là một kẻ cướp, một tên tội phạm. Xin hãy định hình phạt hấn theo ý của bệ hạ.’ Nhà vua nói với họ: ‘Các người, cứ làm đi, buổi sáng đâm hấn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi sáng họ đâm người đó bằng một trăm ngọn

giáo. Rồi tới buổi trưa nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó ra sao rồi?’ – ‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’ – ‘Vậy cứ làm đi, buổi trưa đâm hẳn bằng một trăm ngọn giáo’. Buổi trưa họ đâm người đó bằng một trăm ngọn giáo. Rồi tới buổi chiều nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó sao rồi?’ – ‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’ – ‘Vậy cứ làm đi, buổi chiều đâm hẳn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi chiều họ đâm hẳn bằng một trăm ngọn giáo.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Liệu người đó, sau khi bị đâm bằng ba trăm ngọn giáo, có nếm trải sự đau đớn và khổ sở vì bị như vậy hay không?”

“Thưa Thế Tôn, ngay cả khi bị đâm bởi một ngọn giáo người đó đã nếm trải sự đau đớn và khổ sở vì bị như vậy, nói chi tới ba trăm ngọn giáo.”

“Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng *dưỡng chất thức* nên được nhìn thấy.¹²³ Khi dưỡng chất *thức* được hiểu hoàn toàn, thì *phần danh-sắc* sẽ được hiểu hoàn toàn. Khi phần danh-sắc được hiểu hoàn toàn, thì, ta nói rằng, một người đệ tử thánh thiện không-cần phải làm thêm gì nữa.”¹²⁴ (qua a-la-hán nhờ giác ngộ dưỡng chất thức)

(SN 12:63)

64 (4) Nếu Có Tham Dục

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng chất để duy trì (sự sống) của những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? Thức-ăn, thô và tinh; thứ hai, sự tiếp-xúc; thứ ba, ý-muốn [sự cố-ý của tâm]; thứ tư, thức. Đây là bốn loại dưỡng chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu có tham-dục đối với *dưỡng chất thức-ăn*, nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng (3 chữ đồng nghĩa ‘tham’), thì *thức* sẽ được lập thành ở đó và tăng trưởng. Khi thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng, là có một góc-gác sinh ra *phần danh-sắc*.¹²⁵ Khi có phần danh-sắc, thì phát tăng *những sự tạo-tác cố-ý*. Khi những sự tạo-tác cố-ý phát tăng, thì có sự sản sinh ra *sự hiện-hữu* mới trong tương lai (sự tái hữu). Khi có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai, thì sau đó sẽ có *sự sinh-ra* và *sự già-chết*. Ở đâu có sự sinh-ra và sự già-chết thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng.

2.-4. “Này các Tỳ kheo, nếu có tham-dục đối với dưỡng chất *sự tiếp-xúc*, hoặc đối với dưỡng chất *ý-muốn*, hoặc đối với dưỡng chất *thức*, nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng, thì thức được hình thành ngay ở đó và tăng trưởng. Khi thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng ... thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, ví như có một nghệ sĩ hay họa sĩ, dùng nước màu, hoặc màu sơn cánh kiến, hoặc màu nghệ vàng, hoặc màu chàm, hoặc màu đỏ thắm, để vẽ *thành hình* một người nam hay nữ trên mặt ván gỗ hay trên tường hay trên vải bạt. Cũng giống như vậy, nếu có tham-dục đối với dưỡng chất *thức-ăn*, hoặc đối với dưỡng chất *tiếp-xúc*, hoặc đối với dưỡng chất *ý-muốn*, hoặc đối với dưỡng chất *thức*, nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng, thì thức được *hình thành* ngay ở đó và tăng trưởng. Khi thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng ... thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng.

- “Này các Tỳ kheo, nếu *không* có tham-dục đối với dưỡng chất *thức-ăn*, hoặc đối với dưỡng chất *tiếp-xúc*, hoặc đối với dưỡng chất *ý-muốn*, hoặc đối với dưỡng chất *thức*, nếu *không* có sự khoái-thích, nếu không có dục-vọng, thì thức *không* được hình thành ở đó và tăng trưởng. Khi thức không được hình thành và tăng trưởng, là không có một góc-gác sinh ra *phần danh-sắc*. Khi không có phần danh-sắc, thì không phát sinh *những sự tạo-tác cố-ý*. Nếu không có những sự tạo-tác cố-ý, thì không

sản sinh ra *sự hiện-hữu* mới trong tương lai. Nếu không sản sinh ra sự hiện hữu mới trong tương lai, thì sau đó không có *sự sinh-ra* và *sự già-chết*. Ở đâu không có sự sinh-ra và sự già-chết thì, ta nói rằng, cũng không có sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một ngôi nhà hay hội trường có mái nhọn, có các cửa sổ hướng bắc, hướng nam, hướng đông. Khi mặt trời lên và một tia nắng chiếu vào một cửa sổ, nó sẽ được *thành hình* ở đâu?”

“Trên bức tường phía tây, thưa Thế Tôn.”

“Nếu không có bức tường phía tây, thì nó được thành hình ở đâu?”

“Trên đất, thưa Thế Tôn.”

“Nếu không có đất, thì nó được thành hình ở đâu?”

“Trên nước, thưa Thế Tôn.”

“Nếu không có nước, thì nó được thành hình ở đâu?”

“Nó không được thành hình ở đâu hết, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, nếu *không* có tham-dục đối với dưỡng chất *thức-ăn*, hoặc đối với dưỡng chất *tiếp-xúc*, hoặc đối với dưỡng chất *y-muốn*, hoặc đối với dưỡng chất *thức*, nếu *không* có sự khoái-thích, nếu không có dục-vọng, thì *thức không* được *hình thành* ở đó và tăng trưởng ... thì, ta nói rằng, cũng không có sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng.”

(SN 12:64)

65 (5) Kinh Thành

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi giác ngộ, khi ta còn là một Bô-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này đã xảy đến với ta: ‘Chao ôi, thế gian này

đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết rồi lại sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào (họ) mới nhận thấy (nhận ra) sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’¹²⁶

(1) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có già-chết? Cái gì là điều kiện (duyên) cho sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi có sinh thì có già-chết; sự già-chết có sinh là điều kiện của nó.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có sự sinh? ... có sự hiện-hữu? ... có sự dính-chấp? ... có dục-vọng? ... có cảm-giác? ... có sự tiếp-xúc? ... có sáu giác quan? ... có phần danh-sắc? Cái gì là điều kiện cho phần danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi có thức thì có phần danh-sắc; phần danh-sắc có thức là điều kiện của nó.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có thức? Cái gì là điều kiện cho thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ: ‘Khi có phần danh-sắc thì có thức; thức có phần danh-sắc là điều kiện của nó.’¹²⁷

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Thức này quay lại; nó không vượt quá phần danh-sắc.’¹²⁸ Tới ngưỡng mức này là một người được sinh ra và già-và-chết, rồi chết-và-tái sinh, đó là, khi có thức với phần danh-sắc là điều kiện của nó và khi có phần danh-sắc với thức là điều kiện của nó. Do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có sáu giác-quan; do có sáu giác-quan là điều kiện, nên có sự tiếp-xúc... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.’

“‘Sự khởi-sinh, sự khởi-sinh’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự già-chết? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt sự già-chết’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi không có sinh thì không có sự già-chết; khi chấm dứt sinh là chấm dứt sự già-chết.’

“Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự sinh? ... không có sự hiện-hữu? ... không có sự dính-chấp? ... không có dục-vọng? ... không có cảm-giác? ... không có sự tiếp-xúc? ... không có sáu giác-quan? ... không có phần danh-sắc? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt phần danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi không có thức thì không có phần danh-sắc; khi chấm dứt thức là chấm dứt phần danh-sắc.’

“Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi cái gì không có thì thức không có? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vậy: ‘Khi không có phần danh-sắc thì không có thức; khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt thức.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Ta đã khám phá ra con-đường dẫn tới sự giác-ngộ, đó là, khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức là chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc là chấm dứt sáu giác-quan; khi chấm dứt sáu giác-quan là chấm dứt sự tiếp-xúc... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đống khổ này.’

“‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

(3) “Này các Tỳ kheo, ví như có một người đang đi lang thang qua một khu rừng có thể nhìn thấy một con-đường cỏ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiên nhân trong quá khứ. Người ấy có thể đi theo con đường đó và có thể tới gặp một thành phố cỏ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn cây trái, hồ nước, và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Rồi người đó có thể về bẩm báo với nhà vua hay một vị quan triều: ‘Thưa, đức ngài có biết, khi tôi đang đi lang thang qua một khu rừng, tôi đã phát hiện một con-đường cỏ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiên nhân trong quá khứ. Tôi đã đi theo con đường đó và đã tới gặp một thành phố cỏ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn cây trái, hồ nước, và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Thưa đức ngài, hãy khôi phục lại kinh thành đó!’ Rồi nhà vua hoặc vị quan triều đó có thể cho khôi phục lại kinh thành đó, và không lâu sau kinh thành đó thành công và phát đạt, có nhiều dân cư trú, đông người đến sống, kinh thành đó càng được tăng trưởng và mở rộng.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy con-đường cỏ xưa đó, con-đường cỏ xưa đã được bước đi bởi những bậc Toàn Giác (những vị Phật) trong quá khứ. Và cái gì là con-đường cỏ xưa đó, đường-đi cỏ xưa đó? Nó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) này; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn. Ta đã đi theo con-đường đó, và nhờ làm vậy, ta đã trực-tiếp biết sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Ta đã trực-tiếp biết sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-

giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... *những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng* (vô-minh), sự chám-dứt của chúng, và con đường dẫn tới sự chám dứt chúng.¹²⁹

Sau khi đã trực-tiếp biết chúng, ta đã giảng giải chúng cho những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, và những đệ tử tại gia nữ. Nay các Tỳ kheo, đời-sống tâm-linh này đã được thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, được truyền rộng, đã được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.”¹³⁰

(SN 12:65)

66 (6) Sự Khám Phá

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru, ở nơi có một quận thị của họ tên là Kammāsadamma. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có tham gia vào ‘sự khám-phá hướng-nội’ hay không?”¹³¹

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tham gia vào sự khám phá hướng-nội.”

“Này Tỳ kheo, thầy tham gia sự khám phá hướng-nội theo cách nào?”

Vị Tỳ kheo đó giải trình, nhưng cách thầy ấy giải thích đã không làm hài lòng đức Thế Tôn (tức không dựa theo phương pháp lý duyên-khởi). Rồi Ngài Ānanda nói:

“Bây giờ là lúc để nghe điều đó, thưa Thế Tôn! Bây giờ là lúc để nghe điều đó, thưa bậc Phúc Lành! Xin Thế Tôn hãy giải thích về sự

khám phá hướng-nội. Sau khi nghe điều đó từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Ồ đây, này các Tỳ kheo, khi tham gia vào sự khám phá hướng-nội, một Tỳ kheo khám phá như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi] *sự già-chết*: cái gì là nguồn gốc của khổ, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt thì xảy ra sự già-chết? Khi cái gì không có mặt thì không xảy ra sự già-chết?’

“Khi người đó khám phá, người đó hiểu được như vậy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi] *sự già-chết*: khổ đau này có sự dính-chấp (chấp thủ, thủ)¹³² là nguồn gốc của nó, sự dính-chấp là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự dính-chấp. Khi có sự dính-chấp, thì có sự già-chết; khi không có sự dính-chấp, thì không xảy ra sự già-chết.’

“Người đó hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn dắt phù hợp với sự chấm-dứt nó. Người đó thực hiện cách đó và hướng dẫn bản thân mình (tu tập) theo đúng như vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự già-chết.

(2) “Rồi, tham gia thêm nữa sự khám phá hướng-nội, người đó khám phá như vậy: ‘Cái gì là nguồn gốc của sự dính-chấp, cái gì là nguyên gốc của sự dính-chấp, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt thì xảy ra sự dính-chấp? Khi cái gì không có mặt thì xảy ra sự dính-chấp’

“Khi người đó khám phá, người đó hiểu biết như vậy: ‘Sự dính-chấp có dục-vọng là nguồn gốc của nó ... Khi có dục-vọng, thì xảy ra sự dính-chấp; khi không có dục-vọng, thì không có sự dính-chấp.’”

“Người đó hiểu được sự dính-chấp, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn dắt phù hợp với sự chấm-dứt của nó. Người đó thực hiện cách đó và hướng dẫn bản thân mình (tu tập) theo đúng như vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự dính-chấp.

(3) “Rồi, tham gia thêm nữa sự khám phá hướng-nội, người đó khám phá như vậy: ‘Khi dục-vọng này khởi sinh, nó khởi sinh ở đâu? Khi nó lắng lặn, dựa theo cái gì nó lắng lặn?’”

“Khi người đó khám phá, người đó hiểu được như vậy: ‘Hễ thứ gì có bản chất sừng và dễ chịu: thì chính đó là chỗ dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính đó cũng là chỗ nó lắng lặn khi nó lắng lặn.’ Và thứ gì trong thế gian có bản chất sừng và dễ chịu? Mắt có bản chất sừng và dễ chịu trong thế gian: chính tại đó dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính tại đó nó lắng lặn khi nó lắng lặn. Cũng giống như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, và tâm có bản chất sừng và dễ chịu: chính tại đó dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính tại đó nó lắng lặn khi nó lắng lặn.

(a) “Này các Tỳ kheo, các tu sĩ và những bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã coi những thứ có [một] bản chất sừng và dễ chịu (trong số các bản chất của chúng) trong thế gian là thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh (vô bệnh), là chắc chắn (an ổn, bảo toàn): thì họ đã nuôi dưỡng dục-vọng. Khi nuôi dưỡng dục-vọng, họ đã nuôi dưỡng sự dính-chấp. Khi nuôi dưỡng sự dính-chấp, họ đã nuôi dưỡng sự khổ đau. Khi nuôi dưỡng sự khổ đau, họ đã không thoát khỏi sự sinh, sự già-chết; họ không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra; họ đã không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Các tu sĩ và những bà-la-môn nào trong *tuong lai* sẽ coi những thứ có bản chất sừng và dễ chịu trong thế gian là thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, là chắc chắn: thì họ sẽ nuôi dưỡng dục-vọng ... họ sẽ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.¹³³

“Các tu sĩ và những bà-la-môn nào trong *hiện tại đang* coi những thứ có bản chất sừng và dễ chịu trong thế gian là thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, là chắc chắn: thì họ đang nuôi dưỡng dục-vọng ... họ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có một cái ly bằng đồng thau đang đựng thức uống có màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc. Rồi có một người đến đó, đang bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng, mệt đuối, khô héo, và khát nước. Họ nói với anh ta: ‘Này người tốt, thức uống trong ly đồng này có màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc. Nếu anh muốn thì cứ uống. Nếu anh uống nó, nó sẽ làm thỏa thích anh bằng màu sắc, mùi hương, và mùi vị của nó, nhưng uống nó rồi anh sẽ bị chết hoặc đau khổ như chết.’ Bất ngờ, không kịp suy xét gì, người đó uống chỗ nước đó— người đó không từ chối nó— và do vậy anh ta bị chết hoặc đau khổ như chết.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, dù các tu sĩ và những bà-la-môn trong *quá khứ đã* ... trong *tuong lai* sẽ ... trong *hiện tại đang* cho rằng những thứ trong thế giới có bản chất sừng và dễ chịu là thường hằng, hay hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, hay là chắc chắn: thì họ đã ... sẽ ... đang nuôi dưỡng dục-vọng ... họ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

(b) “Này các Tỳ kheo, các tu sĩ và những bà-la-môn nào trong *quá khứ đã* coi những thứ có bản chất sừng và dễ chịu trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ đã dẹp bỏ dục-vọng. Khi dẹp bỏ dục-vọng, họ đã dẹp bỏ sự dính-chấp. Khi dẹp bỏ

sự dính-chấp, họ đã loại bỏ khổ đau. Khi loại bỏ sự khổ đau, họ đã được giải thoát khỏi sự sinh, sự già-chết; họ đã được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra; họ đã được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, các tu sĩ và những bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ sẽ dẹp bỏ dục-vọng ... họ sẽ được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, các tu sĩ và những bà-la-môn trong *hiện tại đang* coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ đang dẹp bỏ dục-vọng ... họ được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử có một cái ly bằng đồng thau đang đựng thức uống màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc ... [*như ví dụ trên cho đến:*] ... nhưng uống nó rồi anh sẽ bị chết hoặc đau khổ như chết.’ Rồi người đó nghĩ rằng: ‘Ta có thể giải cơn khát bằng nước, nước sữa, cháo, hay nước xúp, nhưng ta không nên uống loại thức uống này, bởi vì nếu uống nó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và đau-khổ lâu dài.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó không uống thứ nước đó mà từ chối nó, và nhờ vậy anh ta không bị chết hoặc đau khổ như chết.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, dù các tu sĩ và những bà-la-môn trong *quá khứ đã* ... trong *tương lai sẽ* ... trong *hiện tại đang* cho rằng những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ *đã* ... *sẽ* ... *đang* dẹp bỏ dục-vọng. Khi dẹp bỏ dục-vọng ... họ được thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”

(SN 12:66)

67 (7) *Bó Cây Sậy*

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la [Mahākoṭṭhita] đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai, ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Thầy ấy chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Là sao, đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải sự già-chết là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do cả mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?”

(1) “Này đạo hữu Câu-hi-la, sự già-chết không phải do mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình hay người khác gây ra. Nhưng, thay vì vậy: ‘do có sự sinh là điều kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết.’” (có sinh ra thì có già-chết).

(2)–(9) “Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải sự sinh là do chính mình tạo ra ... Có phải sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách tự nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, sự sinh ... phần danh-sắc không phải do mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình và người khác gây ra; nhưng, thay vì vậy: ‘do có thức là điều kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc.’”

“Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải thức là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách tự nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, thức không phải do chính mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình và người khác gây ra; nhưng, thay vì vậy: ‘*do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có [sinh ra] thức.*’ (thức và phần danh-sắc vừa là nhân vừa là duyên của nhau, kinh **12:65**)

“Bây giờ chúng tôi hiểu lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất như vậy: ‘Này đạo hữu Câu-hi-la, phần danh-sắc không phải do chính mình tạo ra ... nhưng thay vì vậy: ‘*do có thức là điều kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc.*’. Giờ chúng tôi cũng hiểu lời tuyên thuyết [thêm] của thầy Xá-lợi-phất như vậy: ‘Này đạo hữu Câu-hi-la, thức không phải do chính mình tạo ra ... nhưng thay vì vậy: ‘*do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có [sinh ra] thức.*’. Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào để nhìn thấy được ý nghĩa của lời tuyên thuyết này?”

- “Được, này đạo hữu, tôi sẽ làm một ví dụ cho thầy, bởi những người thông minh ở đây đều hiểu được ý nghĩa của một lời tuyên thuyết nhờ có ví dụ. Ví dụ như, có hai bó cây sậy có thể đứng dựa vào nhau (tương hỗ); cũng giống như vậy, do có phần danh-sắc là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] thức; do có thức là điều-kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc. Rồi, do có phần danh-sắc là điều-kiện, nên có [sinh ra] sáu giác-quan; do có sáu giác-quan là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc ... Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này.

- “Này đạo hữu, nếu có người lấy đi một bó sậy, thì bó thứ hai sẽ ngã, và nếu có người lấy đi bó sậy kia, thì bó sậy này cũng ngã. Cũng giống như vậy, khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt thức; khi chấm

dứt thức thì chấm dứt phần danh-sắc. Khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu giác-quan; khi chấm dứt sáu giác-quan là chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác là chấm dứt dục-vọng ... Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”

“Thật kỳ diệu, đạo hữu Xá-lợi-phất! Thật tuyệt vời, đạo hữu Xá-lợi-phất! Nguyên lý này đã được tuyên thuyết một cách thật hay khéo bởi thầy Xá-lợi-phất. Chúng tôi vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất về ba mươi sáu nền tảng này như vậy: ¹³⁴

(1) “Này đạo hữu, **(i)** nếu một Tỳ kheo *chỉ dạy* Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự già-chết, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là người thuyết giảng Giáo Pháp. **(ii)** Nếu ai đang *tu tập* vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự già-chết, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp (học-nhân). **(iii)** Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với sự già-chết, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này (vô-học nhân, A-la-hán).”

(2)–(12). “Này đạo hữu, **(i)** nếu một Tỳ kheo *chỉ dạy* Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... vô-minh, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của sự sinh ... vô-minh, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là người thuyết giảng Giáo Pháp. **(ii)** Nếu ai đang *tu tập* vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự sinh ... vô-minh, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của sự sinh ... vô-minh, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập theo đúng Giáo Pháp. **(iii)** Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với sự sinh ... vô-minh, thông qua sự phai-biến

và chãm-dứt của sự sinh ... vô-minh, người tu được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỷ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 12:67)

68 (8) *Kosambī*

Trong một lần Ngài Musīla, Ngài Savitṭha, Ngài Nārada, và Ngài Ānanda đang sống ở thị trấn Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita [Ghosita-rama].¹³⁵

Lúc đó thầy Savitṭha đã nói với thầy Musīla:

(I) “Này đạo hữu Musīla, không phải do niềm-tin, không phải do thiên-kiến cá nhân, không dựa theo lời-truyền từ xưa, không phải do sự suy-xét theo lý, không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó:¹³⁶ liệu thầy Musīla có tự-biết của mình như vậy: ‘Do có sinh là điều kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết’, hay không?”

(1) “Này đạo hữu Savitṭha, không phải do niềm-tin, không phải do thiên-kiến cá nhân, không dựa theo lời-truyền từ xưa, không phải do sự suy-xét theo lý, không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó: tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: ‘Do có sinh là điều kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết’.”

(2)–(12) “Này đạo hữu Musīla, không phải do niềm-tin ... không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của như vậy: ‘Do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh’? ‘Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý’, hay không?”

“Này đạo hữu Savitṭha, không phải do niềm-tin ... không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó, tôi tự-biết điều này, tôi tự-

thấy điều này: ‘Do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh’ ... ‘Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý’.”

(II) “Này đạo hữu Musīla, không phải do niềm-tin ... không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vậy: ‘Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết’? ... ‘Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý’, hay không?”

“Này đạo hữu Savitṭha, không phải do niềm-tin ... không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: ‘Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết’ ‘Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý’.”

(III) “Này đạo hữu Musīla, không phải do niềm-tin, không phải do thiên-kiến cá nhân, không dựa theo lời-truyền từ xưa, không phải do sự suy-xét theo lý, không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vậy: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’, hay không?”¹³⁷

“Này đạo hữu Savitṭha, không phải do niềm-tin ... không phải do có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ điều đó, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’.”

“Như vậy thầy Musīla là một A-la-hán, người đã diệt sạch những ô-nhiễm của mình.”

Khi điều này được nói ra, thầy Musīla chỉ im lặng.¹³⁸

Rồi thầy Nārada nói với thầy Savitṭha: “Này đạo hữu Savitṭha, sẽ thật tốt lành nếu tôi cũng được hỏi một loạt câu hỏi đó. Hãy hỏi tôi loạt câu hỏi đó, tôi sẽ trả lời cho thầy.”

“Vậy thì tôi đề thầy Nārada nhận trả lời loạt câu hỏi đó. Tôi sẽ hỏi thầy Nārada loạt câu hỏi đó, đề thầy trả lời cho tôi.”

[Rồi thầy Savitṭha hỏi thầy Nārada loạt câu hỏi như đã hỏi thầy Musīla; và thầy Nārada cũng trả lời giống hệt như thầy Musīla, như ở trên.]

“Như vậy thầy Nārada là một A-la-hán, người đã diệt sạch những ô-nhiễm của mình.”

“Này đạo hữu, tôi đã rõ ràng nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’, (nhưng) tôi chưa phải là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm của mình.¹³⁹ Này đạo hữu, giả sử có một cái giếng nằm trên đường giữa sa mạc, nhưng không có một dây thừng hay gàu múc nước. Rồi có một người đến đó, đang bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng, mệt đuối, khô héo, và khát nước. Người đó nhìn xuống giếng và anh ta có sự-biết ‘Đây là nước’, nhưng anh ta không/chưa thể nào chạm tới nước được. Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mặc dù tôi đã rõ ràng nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt của sự hiện-hữu’, nhưng tôi chưa phải là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.”

Khi điều này được nói ra, thầy Ānanda mới hỏi thầy Savitṭha: “Này đạo hữu Savitṭha, sau khi thầy Nārada mới nói ra như vậy, thầy có muốn nói sao về thầy ấy không?”

“Này đạo hữu Ānanda, sau khi thầy Nārada nói ra như vậy, tôi không muốn nói điều gì về thầy ấy, ngoài sự tốt đẹp và thuận lợi (dành cho thầy ấy).”

(SN 12:68)

69 (9) Sự Dâng Trào

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói:

“Này các Tỳ kheo, biển dâng nước làm cho các sông dâng nước; các sông dâng nước làm cho các suối dâng nước; các suối dâng nước làm cho các hồ dâng nước; các hồ lớn dâng nước làm cho các hồ nhỏ dâng nước. Cũng giống như vậy, vô-minh khởi lên làm cho những sự tạo-tác cố-ý khởi lên; những sự tạo-tác cố-ý khởi lên làm cho thức khởi lên; thức khởi lên làm cho phần danh-sắc khởi lên; phần danh-sắc khởi lên làm cho sáu giác-quan khởi lên; sáu giác-quan khởi lên làm cho cảm-giác khởi lên; cảm-giác khởi lên làm cho dục-vọng khởi lên; dục-vọng khởi lên làm cho sự dính-chấp khởi lên; sự dính-chấp làm cho sự hiện-hữu khởi lên; sự hiện-hữu khởi lên làm cho sự sinh khởi lên; sự sinh khởi lên làm cho sự già-chết khởi lên.

“Này các Tỳ kheo, biển xuống nước làm cho các sông xuống nước; các sông xuống nước làm cho các suối xuống nước; các suối xuống nước làm cho các hồ xuống nước; các hồ lớn xuống nước làm cho các hồ nhỏ xuống nước. Cũng giống như vậy, vô-minh lặn xuống làm cho những sự tạo-tác cố-ý lặn xuống; những sự tạo-tác cố-ý lặn xuống làm cho thức lặn xuống ... sự sinh lặn xuống làm cho sự già-chết lặn xuống.”

(SN 12:69)

70 (10) *Susīma*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

[i]

Bấy giờ, vào dịp đó đức Thế Tôn được vinh danh, được tôn trọng, được kính trọng, được kính lễ, và được tôn kính, và đức Thế Tôn có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang. Tăng Đoàn các Tỳ kheo cũng được vinh danh, được tôn trọng, được kính trọng, được kính lễ, và được tôn kính, và các Tỳ kheo cũng có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang. Nhưng những du sĩ giáo các phái khác thì không được vinh danh, tôn trọng, kính trọng, kính lễ, và tôn kính, và họ cũng không có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang.

Bấy giờ, vào lúc đó có du sĩ tên Susīma cũng đang trú ngụ ở Rājagaha cùng với một đoàn nhiều du sĩ. Lúc đó đoàn du sĩ của Susīma đã nói ông rằng: “Này, đạo hữu Susīma, hãy đến sống đời sống tâm linh (đến tu) theo sa-môn Cồ-Đàm, (tức: hãy gia nhập Tăng đoàn để tu học theo Phật). Hãy nắm vững Giáo Pháp của vị ấy và về dạy lại cho chúng tôi. Rồi chúng ta sẽ nắm vững Giáo Pháp của vị ấy và chỉ dạy lại cho những người tại gia. Và nhờ đó chúng ta cũng sẽ được (người tại gia) vinh danh, tôn trọng, kính trọng, kính lễ, và tôn kính, và chúng ta cũng có được y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Được rồi, này các đạo hữu”, du sĩ Susīma đáp lại. Rồi ông đến gặp Ngài Ānanda, và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda: “Thiện hữu Ānanda, tôi muốn đến sống đời sống tâm linh (tức: xin đến tu) theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.”

Rồi thầy Ānanda đã dẫn du sĩ Susīma đến gặp đức Thế Tôn. Thầy ấy kính chào đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, vị du sĩ Susīma này nói rằng vị ấy muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.”

“Được rồi, Ānanda, hãy cho phép người đó xuất gia.” Rồi du sĩ Susīma đã thụ giới xuất gia (thành sa-di) và thụ giới cao hơn (đại thụ

giới, thành Tỳ kheo) dưới đức Thế Tôn¹⁴⁰ (mà không cần qua thời gian tập sự).

[ii]

Bấy giờ, vào dịp sau đó, có một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng (sự giác ngộ) của mình trước mặt đức Thế Tôn, họ nói: “Chúng con hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa.’” Thầy Susīma lúc đó đã nghe được sự việc này, nên thầy ấy đã đến gặp các Tỳ kheo đó, chào hỏi với họ, và ngồi xuống một bên, và nói với họ:

“Có thật quý vị đã tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn, rằng: ‘Chúng con hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’, hay không?”

“Đúng vậy, này đạo hữu.”

(i) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể sử dụng nhiều loại năng-lực tâm-linh (*thần thông biến hóa*), chẳng hạn như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; quý vị hiện hình và biến hình; quý vị đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi trên chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

(ii) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể, bằng yếu tố tai thiên-thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài

người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần, hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

(iii) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông), hay không? Quý vị có hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm cao thượng là cao thượng, và tâm không cao thượng là không cao thượng; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát’, hay không?”.

“Không, thưa đạo hữu.”

(iv) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (quý vị nhớ rõ) ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn

thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’, hay không? Quý vị có nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những cách thức và chi tiết của chúng, hay không?

“Không, thưa đạo hữu.”

(v) “Vây, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể, với mắt thiên-thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra*, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và quý vị đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp thủ cách-nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, quý vị đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và quý vị đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động của mình như vậy.’, hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

(vi) “Vây, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có an trú trong những sự giải-thoát bình-an vượt trên sắc giới, đó là những tầng chúng đắc vô-sắc giới, sau khi đã tiếp xúc với chúng bằng thân này?”¹⁴¹

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này quý vị, ở đây: (a) với sự trả-lời như vậy và (b) sự không-chứng-đắc những trạng thái đó, sao lại có thể là như vậy, này các đạo hữu?” (tức như vậy sao có thể có được trí-biết cuối cùng mà tuyên bố)

“Chúng tôi được giải thoát nhờ trí-tuệ, này đạo hữu Susīma.”¹⁴²

“Này các đạo hữu, tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều quý vị vừa nói ra một cách vắn tắt như vậy. Sẽ tốt lành nếu quý vị giải thích cho tôi theo cách để tôi có thể hiểu rõ một cách chi tiết ý nghĩa của điều quý vị vừa nói ra một cách vắn tắt đó.”

“Đạo hữu Susīma, dù thầy có hiểu hay không, (điều đó là) chúng tôi được giải-thoát nhờ trí-tuệ.”

[iii]

Rồi thầy Susīma đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, thầy ấy kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện của thầy ấy với các vị Tỳ kheo. [Đức Thế Tôn nói rằng:]

“Này Susīma, trước tiên có *trí-biết về tính chắc-chắn* (ổn định, không thể sai khác) của *Giáo Pháp* có trước, sau đó mới tới *trí-biết về Niết-bàn*.”¹⁴³

“Thưa Thế Tôn, con không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn giải thích cho con theo cách để con có thể hiểu một cách chi tiết điều Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt đó.”

“Này Susīma, dù thầy có hiểu hay không, trước tiên có *trí-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp* có trước, sau đó mới tới *trí-biết về Niết-bàn*.”¹⁴⁴

“Này Susīma, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có nên được coi: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’”, hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Cảm-giác là thường hằng hay vô thường? ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường? ... Những sự tạo-tác cố-ý là thường hằng hay vô thường? ... Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có nên được coi: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’, hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Do vậy, này Susīma, mọi thể-sắc (vật chất, hình-sắc, kể cả thân sắc) dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—tất cả thể-sắc nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: “Đây là không phải ‘của-ta’, đây là không phải cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã’ của ta’.”

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Những sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—tất cả thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: “Đây là không phải ‘của-ta’, đây là không phải cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã’ của ta’.”

“Này Susīma, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự

ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Do có sinh là điều kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có [sinh ra] sự sinh-ra’ ... ‘Do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu’ ... ‘Do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp ... ‘Do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng’ ... ‘Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm-giác’ ... ‘Do có sáu giác-quan là điều kiện, nên có sự tiếp-xúc’ ... ‘Do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có sáu giác-quan’ ... ‘Do có thức là điều kiện, nên có phần danh-sắc’ ... ‘Do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức’ ... ‘Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt già-chết’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh’ ... ‘Khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu’ ... ‘Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

(i) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể (đạt được và) dùng nhiều loại năng lực thần-thông khác nhau hay không, như (*thần thông biến hóa*) biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, hay không?” (các thần-thông có được thông qua pháp tu thiên-định)

“Không, thưa Thế Tôn.”

(ii) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể, với yếu tố tai thiên thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần*, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(iii) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể *hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông)*, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(iv) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể *nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những cách thức và chi tiết của chúng (túc mạng minh)*, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(v) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể, với mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, và nhìn thấy cách những chúng sinh trả giá theo nghiệp của mình*, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(vi) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có an trú trong những sự giải-thoát bình-an vượt trên sắc giới, là những tầng chứng đắc vô-sắc giới, sau khi đã tiếp xúc chúng bằng thân này, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Này Susīma, ở đây: (a) với sự trả-lời như vậy và (b) sự không-chứng-đắc những trạng thái đó, sao lại có thể là như vậy, này Susīma?”

[iv]

Rồi thầy Susīma đã quỳ xuống cúi đầu dưới chân đức Thế Tôn và nói:

“Thưa Thế Tôn, con đã vi phạm một tội trong đó con đã thật ngu xuẩn, ngu mờ, và vô ích khi (giả) xuất gia để thành một kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày thật hay khéo như vậy. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của con đã được nhìn thấy là một tội, coi đó là điều để con giữ giới sau này.”

“Này Susīma, thầy đã vi phạm một tội trong đó thầy thật ngu xuẩn, ngu mờ, và vô ích khi (giả) xuất gia để thành kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày thật hay khéo như vậy.¹⁴⁵ Này Susīma, giả sử người ta bắt một kẻ cướp, một tên tội phạm, và dẫn người đó tới trước nhà vua, và thưa rằng: ‘Thưa bệ hạ, người này là một kẻ cướp, một tên tội phạm. Xin hãy định hình phạt hấn ta theo ý của bệ hạ.’ Nhà vua nói với họ: ‘Các người, cứ làm đi, trói tay kẻ này sau lưng, cạo đầu hấn, và dẫn hấn đi khắp phố phường, khắp quảng trường, đánh trống lên (cho mọi người tới coi). Rồi lôi hấn qua cửa thành phía nam, ra ngoài phía nam kinh thành, và chặt đầu hấn.’ Thầy nghĩ sao, này Susīma, người đó sẽ ném trái đau đớn và khổ sở vì bị chặt đầu hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Cho dù người đó có ném trái sự đau đớn và khổ sở vì bị chặt đầu, nhưng cái việc (giả) xuất gia để thành kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày thật hay khéo như vậy còn tạo ra hậu quả đau đớn hơn, cay đắng hơn nhiều và rất nhiều, nó dẫn tới địa ngục. Nhưng vì thầy đã nhìn thấy tội của mình là một tội và muốn tu sửa theo

đúng Giáo Pháp, chúng ta tha thứ cho thầy vì điều này. Vì điều đó (cho thầy) là có sự tăng trưởng trong Giới Luật của Thánh Nhân (tức: Giới luật Tỳ kheo) khi người tu biết nhìn thấy tội của mình là tội, biết tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, và thực thi giữ giới-hạnh trong tương lai.”

(SN 12:70)

NHÓM 8

‘NHÓM CÁC TU SĨ & BÀ-LA-MÔN’

(*Samaṇabrāhmaṇa-vagga*)

71 (1) *Sự Già-Chết*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói:

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ điều đó, nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị ấy, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 12:71)

72 (2) — 81 (11) *Sự Sinh...*

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường

dẫn tới sự chấm dứt chúng: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ điều đó, nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó, trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 12:72—81)

NHÓM 9

‘NHÓM GỘP LẠI & TÓM LƯỢC’

(*Antara-peyyāla-vagga*)¹⁴⁶

82 (1) *Một Vị Thầy*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, đúng như nó thực là, thì người đó nên tìm kiếm một người thầy (tức: Đức Phật, hay một thánh tăng, một sư thầy) để biết điều đó đúng như nó thực là.

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự sinh ... sự hiện-hữu ... sự dính-chấp ... dục-vọng ... cảm-giác ... sự tiếp-xúc ... sáu giác-quan ... phần danh-sắc ... thức ... những sự tạo-tác cố-ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, đúng như nó thực là, thì người đó nên tìm kiếm một người thầy để biết điều đó đúng như nó thực là.”

(SN 12:82)

83 (2) *Sự Tu Tập*

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự già-chết ... những sự tạo-tác cố-ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, đúng như nó thực là, thì người đó nên thực hành sự tu-tập để mà biết điều đó đúng như nó thực là.”

(SN 12:83)

84 (3) — 93 (12) Sự Phấn Đấu...

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự già-chết ... những sự tạo-tác cố-ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, đúng như chúng thực là, thì người đó nên làm sự cố-gắng ... phát khởi mong-muốn ... phát khởi sự nhiệt-thành ... (tu tập) không ngại ngớt (miên mật) ... phát khởi sự nhiệt-tâm ... áp dụng sự nỗ-lực (tinh tấn) ... thực hành sự kiên-trì ... thực hành sự chánh-niệm ... thực hành sự rõ-biết (tỉnh giác) ... thực hành sự chuyên-cần để mà biết điều này đúng thực như nó là.”

(SN 12:84—93)

Chương 13

Liên Kết SỰ ĐỘT-PHÁ

(13 Abhisamaya-samyutta)

(13 Tương ứng Chứng-Ngộ)

1 Móng Tay

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra một chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay của ta hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu thì nhiều hơn. Chút đất đức Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhất (chút vạt, chẳng là gì). Nó không bằng được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá [= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu], thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau còn lại chỉ là nhỏ nhất.¹⁴⁷ Cái sau không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đống khổ trước-khi nó được tiêu diệt và loại bỏ, vì chỉ còn khổ tối đa trong bảy kiếp nữa thôi. Này các Tỳ kheo, sự đột-phá vào Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tâm-nhìn của Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:01)

2 Hồ Nước

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một hồ nước dài năm mươi dặm Ấn (*yojana*, do-tuần), rộng năm mươi dặm Ấn, và sâu năm mươi dặm Ấn, có đầy nước, nước tràn bờ đến mức con quạ có thể uống nước từ (mép,

bờ) hồ, và có một người dùng đầu lá cỏ [cỏ *kusa*] để lấy nước lên. Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nước dính theo đầu lá cỏ hay nước trong hồ nước đó?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong hồ nước nhiều hơn. Nước dính theo đầu lá cỏ chỉ là nhỏ nhất. Nó không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong hồ nước.”

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu), thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau lại chỉ là nhỏ nhất ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tâm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:02)

3 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (I)

Ở Sāvattihī.

“Nay các Tỳ kheo, giả sử có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—một người lấy ở đó hai hoặc ba giọt nước. Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: hai, ba giọt nước đó hay nước chỗ các sông hợp lưu?”

“Thưa Thế Tôn, nước ở chỗ các sông hợp lưu nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy lên chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước ở chỗ các sông hợp lưu.”

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn

lao như vậy, sự đạt-tới tâm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:03)

4 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—giả sử nước của các sông bị tiêu tán và hết sạch, chỉ còn sót lại hai hay ba giọt. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì nhiều hơn: nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch hay hai, ba giọt nước còn sót lại?”

“Thưa Thế Tôn, nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của số nước đã bị tiêu tán và hết sạch.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tâm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:04)

5 Trái Đất (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đặt lên trên mặt đất bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ

sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu này nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tầm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:05)

6 Trái Đất (2)

Ở Sāvattthī.

“Giả sử đại địa cầu bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tầm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:06)

7 Đại Dương (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người lấy lên hai hoặc ba giọt nước từ đại dương. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì là nhiều hơn: hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương hay nước trong đại dương?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong đại dương.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tâm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:07)

8 Đại Dương (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: nước trong đại dương hay hai, ba giọt nước còn sót lại đó?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại đó chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong đại dương bị tiêu diệt và loại bỏ.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn

lao như vậy, sự đạt-tới tầm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:08)

9 *Núi (1)*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có người đặt lên dãy núi Himalaya (Hy-mã-lạp-sơn), vua của các dãy núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải hay dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tầm-nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:09)

10 *Núi (2)*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là nhiều hơn?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của phần dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu), thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. Cái sau không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đồng khổ trước-khi nó được tiêu diệt và loại bỏ, vì chỉ còn khổ tối đa trong bảy kiếp nữa thôi. Này các Tỳ kheo, sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới tầm nhìn của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”

(SN 13:10)

11 Núi (3)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có người đặt lên núi Tu-di [núi Sineru], vua của các ngọn núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh hay núi Tu-di, vua của các ngọn núi?”

“Thưa Thế Tôn, núi Tu-di, vua của các ngọn núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhất. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của núi Tu-di, vua của các ngọn núi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những sự thành-tựu của các tu sĩ khổ hạnh, những bà-la-môn, và các du sĩ của các giáo phái khác

(ngoại đạo) không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của sự thành tựu một người đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu). Nay các Tỳ kheo, thành-tựu của một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, trí-biết trực tiếp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.”¹⁴⁸

(SN 13:11)

Chương 14

Liên Kết CÁC YẾU-TỐ

(14 Dhātu-saṃyutta)

(14 Tương ứng Giới)

NHÓM 1

‘NHÓM SỰ ĐA-DẠNG’

(*Nānatta-vagga*)

1 (1) *Nhiều Loại Yếu-Tố*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự [đa dạng] nhiều loại yếu-tố (thành tố, nhân tố, nguyên tố; giới). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”¹⁴⁹

“Dạ, thưa đức Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố mắt, yếu-tố hình-sắc, yếu-tố thức mắt; yếu-tố tai, yếu-tố âm thanh, yếu-tố thức tai; yếu-tố mũi, yếu-tố mùi hương, yếu-tố thức mũi; yếu-tố lưỡi, yếu-tố mùi vị, yếu-tố thức lưỡi; yếu-tố thân, yếu-tố đối-tượng chạm xúc, yếu-tố thức thân; yếu-tố tâm, yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm, yếu-tố thức tâm. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.”

(SN 14:01)

2 (2) *Nhiều Loại Tiếp-Xúc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào [sự đa dạng] nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố mắt, yếu-tố tai, yếu-tố mũi, yếu-tố lưỡi, yếu-tố thân, yếu-tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.”

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc? Tùy thuộc vào yếu-tố mắt nên khởi sinh sự tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào yếu-tố tai nên khởi sinh tiếp-xúc tai; tùy thuộc vào yếu-tố mũi nên khởi sinh tiếp-xúc mũi; tùy thuộc vào yếu-tố lưỡi nên khởi sinh tiếp-xúc lưỡi; tùy thuộc vào yếu-tố thân nên khởi sinh tiếp-xúc thân; tùy thuộc vào yếu-tố tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc.”

(SN 14:02)

3 (3) Không Tùy Thuộc Các Loại Tiếp-Xúc (ngược lại thì không)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc. (Nhưng, ngược lại) các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố mắt ... yếu-tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; theo cách nào là (ngược lại) các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc?

“Tùy thuộc vào mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; (nhưng, ngược lại) yếu-tố mắt không khởi-sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt ... tùy thuộc vào tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; (nhưng, ngược lại) yếu-tố tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; (nhưng, ngược lại) các yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.”

(SN 14:03)

4 (4) Nhiều Loại Cảm-Giác (1)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố mắt ... yếu-tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác? Tùy thuộc vào yếu-tố mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt.

Tùy thuộc vào yếu-tố tai nên khởi sinh tiếp-xúc tai; tùy thuộc vào tiếp-xúc tai nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai.

Tùy thuộc vào yếu-tố mũi nên khởi sinh tiếp-xúc mũi; tùy thuộc vào tiếp-xúc mũi nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi.

Tùy thuộc vào yếu-tố lưỡi nên khởi sinh tiếp-xúc lưỡi; tùy thuộc vào tiếp-xúc lưỡi nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi.

Tùy thuộc vào yếu-tố thân nên khởi sinh tiếp-xúc thân; tùy thuộc vào tiếp-xúc thân nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân.

Tùy thuộc vào yếu-tố tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.”

(SN 14:04)

5 (5) Nhiều Loại Cảm-Giác (2)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác. (Nhưng, ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố mắt ... yếu-tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác? Theo cách nào là (ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc?

“Tùy thuộc vào yếu-tố mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt; (nhưng, ngược lại) yếu-tố mắt không khởi-sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt ... Tùy thuộc vào yếu-tố tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm; (nhưng, ngược lại) yếu-tố tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác. (Nhưng, ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc.”

(SN 14:05)

[Năm Yếu Tố Bên Ngoài]

6 (6) Nhiều Loại Yếu-Tố Bên Ngoài

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nhiều loại yếu-tố. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa đức Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố hình-sắc, yếu-tố âm thanh, yếu-tố mùi hương, yếu-tố mùi vị, yếu-tố đối tượng chạm xúc, yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm. Này các Tỳ kheo, đây là nhiều loại yếu-tố.”

(SN 14:06)

7 (7) Nhiều Loại Nhận-Thức

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức; tùy thuộc vào nhiều loại nhận-thức nên khởi sinh nhiều loại ý-định; tùy thuộc vào nhiều loại ý-định nên khởi sinh nhiều loại tham-muốn; tùy thuộc vào nhiều loại tham-muốn nên khởi sinh nhiều loại đam-mê; tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu.

“Và, này các Tỳ kheo cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố hình-sắc ... yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu?”

“Tùy thuộc vào yếu-tố hình-sắc nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc; tùy thuộc vào nhận-thức về hình-sắc nên khởi sinh ý-định đối với hình-sắc; tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc nên khởi sinh tham-muốn đối với hình-sắc; tùy thuộc vào tham-muốn hình-sắc nên khởi sinh đam-mê hình-sắc; tùy thuộc vào đam-mê hình-sắc nên khởi sinh sự tìm-cầu hình-sắc.

“Tùy thuộc vào yếu-tố âm-thanh ... mùi hương ... mùi vị ... sự chạm-xúc....

“Tùy thuộc vào yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh ý-định đối với các hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào ý-định đối với các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh tham-muốn đối với các hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào tham-muốn các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh đam-mê các hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào đam-mê các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự tìm-cầu các hiện-tượng thuộc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu.”

(SN 14:07)

8 (8) Không Tùy Thuộc Các Loại Tìm-Cầu... (ngược lại thì không)

Ở Sāvattī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... [giống hết đoạn kinh này trong bài kinh **SN**

14:07 *kể trên*] ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu. (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu; các loại tham-muốn không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại đam-mê; các loại ý-định không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tham-muốn; các loại nhận-thức không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại ý-định; các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố hình-sắc ... yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu? (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu ... các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức?

“Tùy thuộc vào yếu-tố hình-sắc nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc; [... tùy thuộc vào đam-mê hình-sắc nên khởi sinh tìm-cầu hình-sắc. (Nhưng, ngược lại) Đam-mê hình-sắc không khởi-sinh tùy thuộc vào sự tìm-cầu hình-sắc; tham-muốn hình-sắc không khởi-sinh tùy thuộc vào sự đam-mê hình-sắc; ý-định đối với hình-sắc không khởi-sinh tùy thuộc vào sự tham-muốn đối với hình-sắc; sự nhận-thức về hình-sắc không khởi-sinh tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc; yếu-tố hình-sắc không khởi-sinh tùy thuộc vào sự nhận-thức về hình-sắc.]¹⁵⁰ ...

“Tùy thuộc vào yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm; ... tùy thuộc vào đam-mê các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh tìm-cầu các hiện-tượng thuộc tâm ... (nhưng, ngược lại) ... yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào sự nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại

đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu. (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu ... các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.”

(SN 14:08)

9 (9) *Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài*

Ở Sāvattī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức; tùy thuộc vào nhiều loại nhận-thức nên khởi sinh nhiều loại ý-định; tùy thuộc vào nhiều loại ý-định nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác; tùy thuộc vào nhiều loại cảm-giác nên khởi sinh nhiều loại tham-muốn; tùy thuộc vào nhiều loại tham-muốn nên khởi sinh nhiều loại đam-mê; tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu; tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được (đạt được những đối-tượng như hình-sắc, âm-thanh...).¹⁵¹

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố hình-sắc ... yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được?

“Tùy thuộc vào yếu-tố hình-sắc nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc; tùy thuộc vào nhận-thức về hình-sắc nên khởi sinh ý-định đối với hình-sắc; tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc nên khởi sinh sự tiếp-xúc với hình-sắc; tùy thuộc vào tiếp-xúc với hình-sắc nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với hình-sắc; tùy thuộc vào cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với hình-sắc nên khởi sinh tham-muốn

hình-sắc; tùy thuộc vào sự tham-muốn hình-sắc nên khởi sinh đam-mê hình-sắc; tùy thuộc vào sự đam-mê hình-sắc nên khởi sinh sự tìm-cầu hình-sắc; tùy thuộc vào sự tìm-cầu hình-sắc nên khởi sinh sự đạt-được hình-sắc.

“Tùy thuộc vào yếu-tố âm-thanh ... mùi-hương ...

“Tùy thuộc vào yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh ý-định đối với các hiện-tượng thuộc tâm ... sự tiếp-xúc với các hiện-tượng thuộc tâm ... cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với các hiện-tượng thuộc tâm ... tham-muốn các hiện-tượng thuộc tâm ... đam-mê các hiện-tượng thuộc tâm ... sự tìm-cầu các hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào sự tìm-cầu các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự đạt-được các hiện-tượng thuộc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được.”

(SN 14:09)

10 (10) *Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài (2)* (ngược lại thì không)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... [*giống hệt như trong bài kinh SN 14:09 kể trên*] ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được. (Nhưng, ngược lại) các loại tìm-cầu không khởi-sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được; các loại đam-mê không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu ... các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu-tố hình-sắc ... yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được? Theo cách nào là (ngược lại) các loại tìm-cầu không khởi-sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được... các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức?

“Tùy thuộc vào yếu-tố hình-sắc nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc ... tùy thuộc vào yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm ... tùy thuộc vào sự tìm-cầu các hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự đạt-được các hiện-tượng thuộc tâm. (Nhưng, ngược lại) sự tìm-cầu các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào sự đạt-được các hiện-tượng thuộc tâm; sự đam-mê các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào sự tìm-cầu các hiện-tượng thuộc tâm; sự tham-muốn các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào sự đam-mê các hiện-tượng thuộc tâm; cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào sự tham-muốn các hiện-tượng thuộc tâm; sự tiếp-xúc với các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với các hiện-tượng thuộc tâm; ý-định đối với các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc với các hiện-tượng thuộc tâm; nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào ý-định đối với các hiện-tượng thuộc tâm; yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm không khởi-sinh tùy thuộc vào sự nhận-thức về các hiện-tượng thuộc tâm.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức ... tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được; (nhưng, ngược lại) các loại tìm-cầu không khởi-sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được ... các loại yếu-tố không khởi-sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.”

(SN 14:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

[Bảy Yếu-Tố]

11 (1) *Bảy Yếu-Tố*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bảy yếu-tố (giới, cảnh giới). Bảy đó là gì? Yếu-tố ánh sáng, yếu-tố đẹp, yếu-tố xứ không gian vô biên, yếu-tố xứ thức vô biên, yếu-tố xứ trống không (vô sở hữu xứ), yếu-tố xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ), yếu-tố sự chấm dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng). Đây là bảy yếu-tố.”¹⁵²

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, như đối với yếu-tố ánh sáng ... yếu-tố sự chấm dứt nhận-thức và cảm-giác: tùy thuộc vào cái gì để các yếu-tố này được nhận biết (được nhìn ra, được phân biệt)?”

“Này Tỳ kheo, yếu-tố ‘ánh sáng’ được nhận biết tùy thuộc vào sự ‘tối’. Yếu-tố ‘đẹp’ được nhận biết tùy thuộc vào sự ‘xấu xí’. Yếu-tố ‘xứ không gian vô biên’ được nhận biết tùy thuộc vào ‘thể-sắc’ (sắc giới). Yếu-tố ‘xứ thức vô biên’ được nhận biết tùy thuộc vào ‘xứ không gian vô biên’. Yếu-tố ‘xứ trống không’ được nhận biết tùy thuộc vào ‘xứ thức vô biên’. Yếu-tố ‘xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận thức’ được nhận biết tùy thuộc vào ‘xứ trống không’. Yếu-tố ‘sự chấm dứt nhận-thức và cảm-giác’ được nhận biết tùy thuộc vào ‘sự chấm dứt’.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, như đối với yếu-tố ánh sáng ... yếu-tố sự chấm dứt nhận-thức và cảm-giác: làm cách nào để đạt tới sự chứng ngộ những yếu-tố (cảnh giới) đó?”

“Yếu-tố ánh sáng, yếu-tố đẹp, yếu-tố ‘xứ không gian vô biên’, yếu-tố ‘xứ thức vô biên’, yếu-tố ‘xứ trống không’: những yếu-tố (cảnh giới) này được chứng ngộ với sự nhận-thức ([vẫn còn nhận-thức]). Yếu-tố ‘xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’: yếu-tố này được chứng ngộ với sự tàn dư các sự tạo-tác ([vẫn còn các hành tạo-tác vi tế]). Yếu-tố ‘sự chấm dứt nhận-thức và cảm-giác’: yếu-tố này được chứng ngộ như sự chứng ngộ sự chấm-dứt (tịch diệt).”

(SN 14:11)

12 (2) Có Một Nhân

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỷ kheo, ý nghĩ tham-dục khởi lên với (có) một nhân (nguyên nhân, nguồn gốc), không phải không có nhân; ý nghĩ ác-ý khởi lên với một nhân, không phải không có nhân; ý nghĩ gây-hại khởi lên với một nhân, không phải không có nhân. Và theo cách nào là như vậy?

- “Tùy thuộc vào yếu-tố *tham-dục* (dục giới) nên khởi sinh nhận-thức về nhục dục; tùy thuộc vào nhận-thức nhục dục nên khởi sinh ý-định nhục dục; tùy thuộc vào ý-định nhục dục nên khởi sinh tham-muốn nhục dục; tùy thuộc vào tham-muốn nhục dục nên khởi sinh đam-mê nhục dục; tùy thuộc vào đam-mê nhục dục nên khởi sinh một sự tìm-cầu nhục dục. Do dẫn vào sự tìm-cầu nhục dục, nên người phàm phu không được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân mình một cách sai lạc theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm (hành động, lời nói, tâm ý; ba tà nghiệp).

- “Tùy thuộc vào yếu-tố *ác-y* (sân giới) ([gồm sự sân và ý nghĩ sân: *dosa* và *dosa-vitakka*]) nên khởi sinh nhận-thức *ác-y*; tùy thuộc vào nhận-thức *ác-y* nên khởi sinh ý-định *ác-y*; tùy thuộc vào ý-định *ác-y* nên khởi sinh tham-muốn [bị thúc giục bởi] *ác-y*; tùy thuộc vào tham-muốn [bị thúc giục bởi] *ác-y* nên khởi sinh đam-mê [bị thúc giục bởi] *ác-y*; tùy thuộc vào đam-mê [bị thúc giục] bởi *ác-y* nên khởi sinh một sự tìm-câu [bị thúc giục bởi] *ác-y*. Do dẫn vào một sự tìm-câu [bị thúc giục bởi] *ác-y*, nên người phàm phu không được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân mình một cách sai lạc theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

- “Tùy thuộc vào yếu-tố *gây-hại* (tôn giới) [gồm sự gây-hại và ý nghĩ gây-hại]) nên khởi sinh nhận-thức về sự gây-hại; tùy thuộc vào nhận-thức về sự gây-hại nên khởi sinh ý-định để gây-hại; tùy thuộc vào ý-định để gây-hại nên khởi sinh tham-muốn để gây-hại; tùy thuộc vào tham-muốn để gây-hại nên khởi sinh đam-mê để gây-hại, tùy thuộc vào đam-mê để gây-hại nên khởi sinh một sự tìm-câu để gây-hại. Do dẫn vào một sự tìm-câu để gây-hại, nên người phàm phu không được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân một cách sai trái theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người quăng một cây đuốc đang cháy mạnh vào một bụi cỏ khô. Nếu người đó không nhanh chóng dùng tay và chân của mình để dập tắt ngọn lửa thì những sinh vật đang sống trong bụi cỏ và thân cây ở đó sẽ gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, nếu tu sĩ hay bà-la-môn nào không nhanh chóng dẹp bỏ, xua tan, xóa bỏ, và tiêu diệt những nhận-thức sai lạc (tà tưởng) thì người đó sẽ sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự phiền bức, sự tuyệt vọng, và cơn sốt (khổ não); và khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong một nơi đến thấp xấu.

(2) “Này các Tỳ kheo, ý nghĩ từ-bỏ khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân; ý nghĩ vô-sân khởi sinh với một nhân, không phải

không có nhân; ý nghĩ vô-hại khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân. Và theo cách nào là như vậy?

- “Tùy thuộc vào yếu-tố *từ-bỏ* (xuất ly giới) nên khởi sinh nhận-thức về sự từ-bỏ; tùy thuộc vào nhận-thức về sự từ-bỏ nên khởi sinh ý-định về sự từ-bỏ; tùy thuộc vào ý-định về sự từ-bỏ nên khởi sinh tham-muốn đối với sự từ-bỏ; tùy thuộc vào tham-muốn đối với sự từ-bỏ nên khởi sinh đam-mê đối với sự từ-bỏ; tùy thuộc vào đam-mê đối với sự từ-bỏ nên khởi sinh một sự tìm-cầu đối với sự từ-bỏ. Do dẫn vào một sự tìm-cầu đối với sự từ-bỏ, nên người đệ tử thánh thiện được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách đúng đắn theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

- “Tùy thuộc vào yếu-tố *vô-sân* (vô-sân giới) [gồm sự vô-sân và ý nghĩ vô-sân]) nên khởi sinh nhận-thức về sự vô-sân; tùy thuộc vào nhận-thức về sự vô-sân nên khởi sinh ý-định về sự vô-sân; tùy thuộc vào ý-định về sự vô-sân nên khởi sinh tham-muốn [được dẫn dắt bởi sự] vô-sân; tùy thuộc vào tham muốn [được dẫn dắt bởi sự] vô-sân nên khởi sinh đam-mê [được dẫn dắt bởi sự] vô-sân; tùy thuộc vào đam-mê [được dẫn dắt bởi sự] vô-sân nên khởi sinh một sự tìm-cầu [được dẫn dắt bởi sự] vô-sân. Do dẫn vào một sự tìm-cầu [được dẫn dắt bởi sự] vô-sân, nên người đệ tử thánh thiện được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách đúng đắn theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

- “Tùy thuộc vào yếu-tố *vô-hại* (vô-tôn giới) [gồm ý nghĩ vô-hại và bi-mẫn]) nên khởi sinh nhận-thức vô-hại; tùy thuộc vào nhận-thức về sự vô-hại nên khởi sinh ý-định về sự vô-hại; tùy thuộc vào ý-định về sự vô-hại nên khởi sinh tham-muốn đối với sự vô-hại; tùy thuộc vào tham-muốn đối với sự vô-hại nên khởi sinh đam-mê đối với sự vô-hại; tùy thuộc vào đam-mê đối với sự vô-hại nên khởi sinh một sự tìm-cầu đối với sự vô-hại. Do dẫn vào một sự tìm-cầu đối với sự vô-hại, nên người đệ tử thánh thiện được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách đúng đắn theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người quăng cây đuốc đang cháy mạnh vào một bụi cỏ khô. Nếu người đó nhanh chóng dùng tay và chân của mình dập tắt ngọn lửa thì những sinh vật sống trong bụi cỏ và thân cây ở đó sẽ không gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, nếu tu sĩ hay bà-la-môn nào nhanh chóng dẹp bỏ, xua tan, xóa bỏ, và tiêu diệt những nhận-thức sai lạc (tà tưởng) đã khởi sinh trong mình thì người đó sống một cách hạnh phúc trong kiếp này, không còn bị sự phiền bức, sự tuyệt vọng, và cơn sốt (khổ não); và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ tái sinh vào một nơi đến tốt lành.”

(SN 14:12)

13 (3) Hội Trường Gạch

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nātika, trong chỗ (được gọi là) Hội Trường Bằng Gạch. Ở đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một yếu-tố (khuyh hướng, tính khí, nét hạnh) nên khởi sinh một nhận-thức, nên khởi sinh một cách-nhìn, nên khởi sinh một ý-nghĩ.”¹⁵³

► ([Lưu ý: từ chỗ này trở đi (cho đến hết **NHÓM 2** và **NHÓM 3**, tức từ kinh **SN 14:13** cho đến **SN 14:29**): chữ “yếu-tố” lại có nghĩa là: *khuyh-hướng, tính-khí, hay nét-hạnh của người!*])

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Saddha Kaccāyana đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đối với những người chưa giác ngộ hoàn toàn, (trong họ) khởi sinh cách-nhìn này: ‘Đây là những bậc Toàn Giác’, thì do tùy thuộc vào điều gì mà có cách-nhìn như vậy?”¹⁵⁴

“Này Kaccāyana, yếu-tố này lần mạnh, đó là yếu-tố vô-minh. Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố *thấp kém* nên khởi sinh nhận-thức thấp kém, cách-nhìn thấp kém, ý-nghĩ thấp kém, sự cố-ý thấp kém, mong-muốn thấp kém, ước-muốn thấp kém, một con-người thấp kém với lời-nói thấp kém. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều thấp kém. Sự tái sinh của người đó là thấp kém, ta nói như vậy.

“Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố *trung bình* nên khởi sinh nhận-thức trung bình, cách-nhìn trung bình, ý-nghĩ trung bình, sự cố-ý trung bình, mong-muốn trung bình, ước-muốn trung bình, một con-người trung bình với lời-nói trung bình. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều trung bình. Sự tái sinh của người đó là trung bình, ta nói như vậy.

“Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố *cao thượng* nên khởi sinh nhận-thức cao thượng, cách-nhìn cao thượng, ý-nghĩ cao thượng, sự cố-ý cao thượng, mong-muốn cao thượng, ước-muốn cao thượng, một con-người cao thượng với lời-nói cao thượng. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều cao thượng. Sự tái sinh của người đó là cao thượng, ta nói như vậy.”

(SN 14:13)

14 (4) *Tính Khí Thấp Kém*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỷ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, khuynh hướng, nét hạnh) nên những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với

nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ cũng vậy, theo cách những yếu-tố, những chúng sinh đã đến với nhau và kết hội với nhau.... Trong tương lai cũng vậy, theo cách những yếu-tố, những chúng sinh sẽ đến với nhau và kết hội với nhau.... Giờ trong hiện tại cũng vậy, theo cách các yếu-tố, những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành.”

(SN 14:14)

15 (5) *Đi Tới Đi Lui*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào lúc đó, không xa chỗ đức Thế Tôn, Ngài Xá-lợi-phất đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo; Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) ... Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) ... Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) ... Ngài Phú-lâu-na (Puṇṇa Mantāniputta) ... Ngài Upāli (Ưu-ba-ly) ... Ngài Ānanda đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo. Và không xa chỗ đức Thế Tôn, thầy Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) cũng đang bước tới bước lui cùng một nhóm Tỳ kheo.

Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy Xá-lợi-phất (đệ nhất trí-tuệ) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả các Tỳ kheo đó đều là bậc có-trí-tuệ lớn (đại trí). Các thầy có thấy Mục-kiền-liên (đệ nhất thần thông) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là bậc có năng-lực tâm-linh lớn (đại thần thông). Các thầy có thấy Ca-diếp (đệ nhất hạnh đầu-đà/ 13 giới tu khổ hạnh) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó là những bậc chủ trương tu theo (mười ba) giới tu khổ hạnh (hạnh đầu-đà). Các thầy có thấy A-nậu-lâu-đà (đệ nhất thiên nhân) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là bậc có được mắt thiên thánh (thiên nhãn thông). Các thầy có thấy Phú-lâu-na (đệ nhất thuyết Pháp) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những bậc thuyết Pháp. Các thầy có thấy Upāli (đệ nhất trì giới/ luật tạng) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những người nghiêm giữ Giới Luật?. Các thầy có thấy Ānanda (đệ nhất đa văn) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những bậc tốt chữ đa văn. Các thầy có thấy Đề-bà-đạt-đa đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tất cả họ đều có ước muốn xấu ác.”

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, khuynh hướng, nết hạnh), những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau.

Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ họ đã làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.”

(SN 14:15)

16 (6) Có Thêm Bài Kệ

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

“Giống như phân thì đến với phân và kết hợp với phân; nước tiểu với nước tiểu; nước miếng với nước miếng; mũ đờm với mũ đờm; và máu với máu; chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ, họ làm như vậy, trong tương lai họ sẽ làm như vậy, và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách các yếu tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí tốt. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

“Giống như sữa thì đến với sữa và kết hợp với sữa; dầu với dầu; bơ với bơ; mật ong với mật ong; mật đường với mật đường; tương tự như

vậy, chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn nói thêm như vậy:

“Tù gặp gỡ (nhìn, nghe, tiếp xúc) nên sinh ra rừng nhục-dục,
Nhờ không gặp gỡ nên rừng bị chặt đứt.
Như những người leo lên tấm ván,
Sẽ bị chìm trong biển sóng,
Người đức-hạnh cũng sống như chết chìm,
Khi giao lưu với kẻ lời tâm lười biếng.

“Do vậy người sống nên tránh gặp loại người đó:
Người lười biếng, không nỗ lực tinh tấn.
Hãy gặp gỡ bậc trí hiền:
Những người thiên tập kiên định,
Những thánh nhân sống tách ly ẩn dật,
Thì sự tinh tấn sẽ luôn được phát khởi trong mình.”

(SN 14:16)

17 (7) *Thiếu Niềm-Tin...*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỷ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người thiếu niềm-tin thì đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin, những người không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) với những người không biết xấu-hổ, những người không biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người không biết sợ-hãi việc làm sai trái, những

người không học-hiểu với những người không học-hiểu, những người lười-biếng với những người lười-biếng, những người có tâm lăng-xăng (thiếu chánh niệm, thất niệm) với những người có tâm lăng-xăng, những người vô-trí với những người vô-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách các yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có niềm-tin đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người biết xấu-hổ với những người biết xấu-hổ, những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người có học-hiểu¹⁵⁵ với những người có học-hiểu, những người siêng-năng với những người siêng-năng, những người có tâm chánh-niệm với những người có tâm chánh-niệm, những người có trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.

(SN 14:17)

18 (8) *Bắt Rẽ Từ Những Người Thiếu Niềm-Tin*

(i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng), những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *thiếu niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin; những người không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) với những người không biết xấu-hổ; những người vô-trí với những người vô-trí.

Những người *có niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người biết xấu-hổ với những người biết xấu-hổ, những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá

khứ là như vậy, trong tương lai sẽ như vậy, và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

[*Bốn phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không biết xấu-hổ”; “những người biết xấu-hổ” ở hai đoạn trên.*]

(ii) những người không sợ-hãi việc làm sai trái; những người biết sợ-hãi việc làm sai trái;

(iii) những người không học-hiểu; những người có học-hiểu;

(iv) những người lười-nhác; những người siêng-năng;

(v) những người có tâm lãng-xăng; những người có tâm chánh-niệm.

(SN 14:18)

19 (9) *Bắt Rễ Từ Những Người Không Biết Xấu-Hổ*

(i) “Này các Tỷ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *không biết xấu-hổ* (về mặt đạo đức) đến với nhau và kết hội với những người không biết xấu-hổ, những người không sợ-hãi việc làm sai trái với những người không sợ-hãi việc làm sai trái, những người vô-trí với những người vô-trí.

Những người biết xấu-hổ đến với nhau và kết hội với những người biết xấu-hổ, những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người có-trí với những người có-trí. [Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.]”

[Ba phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp

phẩm chất “những người không sợ-hãi việc làm sai trái”; “những người biết sợ-hãi việc làm sai trái”:]

(ii) những người không học-hiểu; những người có học-hiểu;

(iii) những người lười-nhác; những người siêng-năng;

(iv) những người có tâm lãng-xăng; những người có tâm chánh-niệm.

(SN 14:19)

20 (10) *Bắt Rẽ Từ Những Người Không Sợ-Hãi Việc Làm Sai Trái*

(i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *không sợ-hãi việc làm sai trái* với những người không sợ-hãi việc làm sai trái, những người không học-hiểu với những người không học-hiểu, những người vô-trí với những người vô-trí.

Những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người có học-hiểu với những người có học-hiểu, những người có-trí với những người có-trí. [Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.]”

[Hai phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không học-hiểu”; “những người có học-hiểu”:]

(i) những người lười-nhác; những người siêng năng;

(ii) những người có tâm lãng-xăng; những người có tâm chánh-niệm.

(SN 14:20)

21 (11) *Bắt Rẽ Từ Những Người Không Học-Hiểu*

(i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính nết, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *không học-hiểu* với những người không học-hiểu, những người *lười-nhác* với những người *lười-nhác*, những người *vô-trí* với những người *vô-trí*.

Những người có học-hiểu với những người có học-hiểu, những người siêng năng tinh tấn với những người siêng năng tinh tấn, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

(ii) “Những người không học-hiểu đến với nhau và kết hội với những người không học-hiểu, những người có tâm lãng-xăng với những người có tâm lãng-xăng, những người *vô-trí* với những người *vô-trí*.

Những người có học-hiểu với những người có học-hiểu, những người có tâm chánh-niệm với những người có tâm chánh-niệm, những người có-trí với những người có. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

(SN 14:21)

22 (12) *Bắt Rẽ Từ Những Người Lười-Nhác*

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *lười-nhác* đến với nhau và kết hội những người *lười-nhác*, những người có tâm lãng-xăng với những người có tâm lãng-xăng, những người *vô-trí* với những người *vô-trí*.

Những người nỗ-lực (tinh tấn) đến với nhau và kết hội với những người nỗ-lực, những người có chánh-niệm với những người có chánh-niệm, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.”

(SN 14:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘ĐƯỜNG NGHIỆP’

(*Kamma-patha-vagga*)

23 (1) Những Người Không Định-Tâm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người *thiếu niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin, những người *không biết xấu-hổ* (về mặt đạo đức) với những người không biết xấu-hổ, những người *không sợ-hãi việc làm sai trái* với những người không sợ-hãi việc làm sai trái, những người *không định-tâm* với những người không định-tâm, những người *vô-trí* với những người vô-trí.

“Những người *có niềm-tin* đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người *biết xấu-hổ* với những người biết xấu-hổ, những người *biết sợ-hãi việc làm sai trái* với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người *đạt-định* với những người đạt-định, những người *có-trí* với những người có-trí.”

(SN 14:23)

24 (2) Những Người Thất Đức

[Giống hệt bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “những người không định-tâm” và “những người có định-tâm” được thay thế tương ứng bởi chữ “những người thất-đức” (thiếu giới-hạnh) và “những người có đức-hạnh” (có giới-hạnh).]

(SN 14:24)

25 (3) Năm Giới Tu Tập

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát-sinh; những người gian-cấp ... những người có tà-dâm tà dục ... những người nói-dối nói láo ... những người uống rượu nhẹ, rượu nặng hay dùng những chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật ... đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người kiêng cử sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cử sát-sinh; những người kiêng cử sự gian-cấp ... kiêng cử tà-dâm tà dục ... kiêng cử việc nói-dối nói láo ... kiêng cử việc uống rượu nhẹ, rượu nặng và dùng những chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật ... đến với nhau và kết hội với những người cũng kiêng cử như vậy.”

(SN 14:25)

26 (4) Bảy Đường Nghiệp

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát-sinh; những người gian-cấp ... những người tà-dâm tà dục ... những người nói-dối nói láo ... những người nói lời gây chia-rẽ ... những người nói lời gắt-gông nạt nộ ... những người nói chuyện tầm-phào tán dóc ... đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người kiêng cữ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cữ sát-sinh; những người kiêng cữ gian-cấp ... kiêng cữ tà-dâm tà dục ... kiêng cữ nói-dối nói láo ... kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ ... kiêng cữ nói lời gắt-gông nạt nộ ... kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc ... đến với nhau và kết hội với những người cũng kiêng cữ như vậy.”

(SN 14:26)

27 (5) Mười Đường Nghiệp

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát-sinh; những người ... [*giống hết đoạn này trong kinh SN 14:26 kể trên, và thêm:*] ... những người thêm-khát ... những người mang ác-ý ... những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn sai lạc.

“Những người kiêng cữ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cữ sát-sinh; những người kiêng cữ ... [*giống hết đoạn này trong bài kinh kể trên, và thêm:*] ... những người không thêm-khát ... những người không ác-ý ... những người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn đúng đắn.”

(SN 14:27)

28 (6) Con Đường Tám Phần

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn sai lạc; những người có ý-định sai lạc (tà tư duy) ... lời-nói sai trái (tà ngữ) ... hành-động sai trái (tà nghiệp) ... sự mưu-sinh nghề nghiệp sai trái (tà hạnh) ... nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) ... chú-tâm sai lạc (tà niệm) ... định-tâm sai lạc (tà định) đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn đúng đắn; những người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) ... hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... sự mưu sinh nghề nghiệp đúng đắn (chánh hạnh) ... nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) ... chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) ... định-tâm đúng đắn (chánh định) đến với nhau và kết hội với nhau.”

(SN 14:28)

29 (7) Mười Yếu-Tố

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nét hạnh, khuynh hướng) mà những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có cách-nhìn sai lạc ... [*giống hệt như kinh SN 14:28 kể trên, và thêm:*] ... sự hiểu-biết sai lạc ... sự giải-thoát sai lạc đến với nhau và kết hội với nhau.

“Những người có cách-nhìn đúng đắn ... [*giống hệt như kinh kể trên, và thêm:*] ... sự hiểu-biết đúng đắn ... sự giải-thoát đúng đắn đến với nhau và kết hội với nhau.”

(SN 14:29)

NHÓM 4
‘NHÓM THỨ TU’
(*Catuttha-vagga*)
[Bốn Yếu-Tố]

30 (1) Bốn Yếu-Tố

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc...

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí. Đây là bốn yếu-tố.”

(SN 14:30)

31 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) yếu-tố đất? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi trong trường hợp yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí?’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng khoái và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào yếu-tố đất: đây chính là sự thỏa-thích trong yếu-tố đất. Mà yếu-tố đất là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: nên đây chính là sự nguy-hại trong yếu-tố đất. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với yếu-tố đất: đây chính là sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất.’

“Sự sướng khoái và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí: đây chính là sự thỏa-thích trong yếu-tố khí. Mà yếu-tố nước ... nhiệt ... khí là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: nên đây chính là sự nguy-hại trong yếu-tố nước ... nhiệt ... khí. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với yếu-tố khí: đây chính là sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí.’

“Này các Tỳ kheo, khi ta *chưa* trực tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu tố này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã thức tỉnh tới (57) tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ (quần thể) chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta *đã* trực tiếp biết những điều này, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã thức tỉnh tới (57) tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

“Trí-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải thoát của-tâm của ta ([thông qua thánh quả A-la-hán]) là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

(SN 14:31)

32 (3) *Ta Đã Quyết Tâm*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự *thỏa-thích* trong yếu-tố đất. Mọi sự thỏa thích trong yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong yếu-tố đất với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự *nguy-hại* trong yếu-tố đất. Mọi sự nguy hại trong yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong yếu-tố đất với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự *thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất*. Mọi sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm *thỏa-thích* trong ... sự *nguy-hại* trong ... sự *thoát-khỏi khỏi yếu-tố nước* ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí. Mọi sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí với xa tới mức nào.

“Này các Tỳ kheo, khi ta *chưa* trực tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là, ta đã không tuyên bố ... [*giống hết đoạn này ở bài kinh kể trên*] ... Nhưng khi ta *đã* trực tiếp biết điều này, đúng như nó thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã thức tỉnh tới (57) tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

Trí-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải thoát của-tâm của ta ([thông qua thánh quả A-la-hán]) là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

(SN 14:32)

33 (4) Nếu Mà Không Có...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong yếu-tố đất, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự

nguy-hại trong yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong yếu-tố đất, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi, nên chúng sinh có thể thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong yếu-tố khí, nên chúng sinh bị say-mê với nó... nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí, nên chúng sinh có thể thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, do chúng sinh *chưa* trực tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu tố này, đúng như chúng thực là, nên họ *chưa* thoát-khỏi thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thoát-khỏi thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người; họ chưa được thoát ly khỏi nó, chưa được giải thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không còn những rào-cản.¹⁵⁶ Nhưng khi họ *đã* trực tiếp biết tất cả điều này, đúng như chúng thực là, thì họ *đã* thoát-khỏi thế giới này ... có các thiên thần và loài người; họ đã được thoát ly khỏi nó, đã được giải thoát khỏi nó, và họ sống với một cái tâm không còn những rào-cản.”

(SN 14:33)

34 (5) *Chỉ Toàn Khổ*

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố đất này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị say mê với nó. Nhưng

bởi vì yếu-tố đất là (có) sương, ¹⁵⁷ chìm đắm trong sự sương, chìm ngập trong sự sương, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khô, nên chúng sinh mới bị say mê với nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố nước này chỉ toàn khô ... nếu yếu-tố nhiệt này chỉ toàn khô ... nếu yếu-tố khí này chỉ toàn khô, chìm đắm trong sự khô, chìm ngập trong sự khô, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sương, thì chúng sinh đâu bị say mê với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố khí là (có) sương, chìm đắm trong sự sương, chìm ngập trong sự sương, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khô, nên chúng sinh mới bị say mê với nó.

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố đất này chỉ toàn sương, chìm đắm trong sự sương, chìm ngập trong sự sương, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khô, thì chúng sinh đâu nhận thấy [trải nghiệm] sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố đất là (có) khô, chìm đắm trong sự khô, chìm ngập trong sự khô, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự sương, nên chúng sinh mới nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố nước này chỉ toàn sương ... nếu yếu-tố nhiệt này chỉ toàn sương ... nếu yếu-tố khí này chỉ toàn sương, chìm đắm trong sự sương, chìm ngập trong sự sương, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khô, thì chúng sinh đâu nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố nước ... nhiệt ... khí là (có) khô, chìm đắm trong sự khô, chìm ngập trong sự khô, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự sương, nên chúng sinh mới nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó.”

(SN 14:34)

35 (6) Khoái Lạc

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố đất là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố nước ... trong yếu-tố nhiệt ... trong yếu-tố khí là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.

“Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố đất ... trong yếu-tố khí là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 14:35)

36 (7) Khởi Sinh

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố đất là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.¹⁵⁸ Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí là sự khởi-sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, và sự phai biến của yếu-tố đất ... yếu-tố khí là sự chấm dứt của khổ đau, sự lặn mất của căn bệnh, sự phai biến của sự già-chết.”

(SN 14:36)

37 (8) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (I)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được *sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) đó, nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được *sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) đó, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 14:37)

38 (9) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được *nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn ...

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (*khi xem xét, khi xét theo*) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) đó, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 14:38)

39 (10) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (3)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được yếu-tố đất, *nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó*; ai không hiểu được yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí, *nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó*: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn ...

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) đó, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 14:39)

Chương 15

Liên Kết **VÔ-THỦY**

(15 *Anamatagga-saṃyutta*)

(15 *Tương ứng Vô-Thủ*)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

[CỎ CÂY]

1 (I) Cỏ Cây

Ở Sāvattthī.

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu (vô thủy) có thể nhận biết được (là không thể khám phá được, không thể nghĩ bàn).¹⁵⁹ Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

“Này các Tỷ kheo, giả sử một người đi chặt hết các cỏ, cây, cành, lá ở trong cõi Diêm-phù-nê [*Jambudīpa*] này, và gom chất tất cả chúng lại thành một đồng. Sau đó, người đó ngồi lấy từng cái ra đếm, và nói: ‘Đây là mẹ ta, đây là mẹ của mẹ ta.’ Chuỗi số những người mẹ và bà ngoại của người đó sẽ như là bất tận; cũng như số cỏ, cây, cành, lá là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỷ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỷ kheo, từ biết bao lâu các

người đã luôn ném trái (vô vản) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sinh thối trong nghĩa (vô vản lận). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [ném trái sự ghê-sợ] đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:01)

2 (2) Trái Đất

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

“Này các Tỳ kheo, giả sử một người có thể lấy hết đất của đại địa cầu này để nặn thành những hòn đất bằng cỡ hạt táo tàu, mỗi lần nặn xong một viên rồi bỏ xuống và nói: ‘Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi.’ Chuỗi số của những người cha và ông nội của người đó sẽ như là bất tận, cũng như (đất của) đại địa cầu này là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, từ biết bao lâu các người đã luôn ném trái (vô vản) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sinh thối trong nghĩa (vô vản lận). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [ném trái sự ghê-sợ] đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:02)

3 (3) Nước Mắt

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, cái nào là nhiều hơn: nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong đó; khóc và than khóc vì gặp những thứ mình khó chịu, không muốn và mất những thứ mình dễ chịu, yêu thích— nước mắt này hay nước trong bốn biển?”

“Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì nước mắt mà mọi người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi; khóc và than khóc vì bị gặp những gì mình không ưa thích và bị chia lìa với những gì mình ưa thích— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi; khóc và than khóc bị gặp những gì mình không ưa thích và bị chia lìa với những gì mình ưa thích— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng nếm trái *cái chết của mẹ mình*; khi nếm trái điều đó, các người đã khóc than và ai oán vì bị gặp những gì mình không ưa thích và bị chia lìa với những gì mình ưa thích— dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong bốn biển.

“Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã nếm trái *cái chết của cha ... cái chết của anh em ... cái chết của chị em ... cái chết của con trai*

... cái chết của con gái ... sự mất đi người thân họ hàng ... sự mất mát tài sản ... sự mất mát do đau bệnh; khi ném trái điều đó, các người đã khóc than và ai oán vì bị gặp những gì mình không ưa thích và bị chia lìa với những gì mình ưa thích— dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong bốn biển. Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:03)

4 (4) Sữa Mẹ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: sữa mẹ mà các người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu (trong đó)— sữa đó hay nước trong bốn biển?”

“Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì sữa mẹ mà mọi người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Sữa mẹ mà mọi người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.” Vì lý do gì? Bởi vì vòng

luân hồi sinh tử này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:04)

5 (5) Núi

Ở Sāvattihī.

Một Tỳ kheo tới gặp đức Thế Tôn, kính chào Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, một đại kiếp là bao lâu?”¹⁶⁰

“Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm .”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?”

“Được, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Này Tỳ kheo, giả sử có một khối núi đá lớn kéo dài một dặm Ấn (*yojana*, do-tuần), ngang một dặm Ấn, một khối núi đá liền đặc, không có lỗ hoặc khe nứt.¹⁶¹ Cứ sau mỗi một trăm năm có một người dùng một miếng vải lụa mềm chùi một cái lên khối núi. Dù khối núi to nhưng cứ một trăm năm chùi một cái cũng tới lúc mòn hết khối núi đó, nhưng khoảng thời gian đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:05)

6 (6) Hạt Cải

Ở Sāvattthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, một đại kiếp dài bao nhiêu?”

“Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều năm, hay rất nhiều trăm năm, hay rất nhiều ngàn năm, hay rất nhiều trăm ngàn năm.”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?”

“Được, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Này Tỳ kheo, giả sử có một khu thành với các tường thành bằng sắt dài một dặm Ấn, rộng một dặm Ấn, và cao một dặm Ấn, chứa đầy hạt cải được nêm chặt. Cứ hết một trăm năm một người tới lấy đi một hạt cải. Đồng hạt cải rất to nhưng cứ lấy như vậy sau một thời gian rất dài cũng cạn đi và hết đi, nhưng khoảng thời gian đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:06)

7 (7) Các Đệ Tử

Ở Sāvattḥī.

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu đại kiếp đã qua đi?”

“Này các Tỳ kheo, nhiều đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp.”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?”

“Được, này các Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có bốn người đệ tử ở đây, mỗi người có tuổi thọ là một trăm năm, sống được một trăm năm, và mỗi ngày mỗi người trong họ nhớ lại được một trăm ngàn đại kiếp. Cho dù mỗi người có tuổi thọ một trăm năm, sống được một trăm năm nhưng cho tới khi chết tất cả họ (cộng lại) cũng không nhớ hết được số lượng đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:07)

8 (8) Sông Hằng

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Rồi có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi đức

Thế Tôn. Sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-Đàm, có bao nhiêu đại kiếp đã qua đi?”

“Này bà-la-môn, nhiều đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp.”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, Thầy Cồ-Đàm?”

“Được, này bà-la-môn”, đức Thế Tôn nói.

“Này bà-la-môn, giả sử như số hạt cát nằm từ chỗ sông Hằng bắt nguồn cho tới chỗ nó đổ ra biển (Hằng hà sa số): không dễ gì đếm được số hạt cát đó và nói nó là rất nhiều hạt cát, hay rất nhiều trăm hạt cát, hay rất nhiều ngàn hạt cát, hay rất nhiều trăm ngàn hạt cát. Này bà-la-môn, số đại kiếp đã trôi qua đi thậm chí còn nhiều hơn số hạt cát đó. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì, này bà-la-môn, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

Khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã thưa với đức Thế Tôn: Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm!... Kể từ hôm nay xin Thầy Cồ-Đàm hãy nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 15:08)

9 (9) Khúc Cây

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm đầu tiên, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Giống như một khúc cây bị quăng lên, có lúc thì gốc nó rút xuống trước, có lúc cạnh thân rút xuống trước, có lúc đầu rút xuống trước (không thể nào đoán biết được); cũng giống như vậy, khi chúng sinh lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử do còn bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, lúc thì họ (chết) từ thế giới này (sinh) đến thế giới khác, lúc từ thế giới khác đến thế giới này.¹⁶² Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:09)

10 (10) Người

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo,!”¹⁶³

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vậy:

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm đầu tiên, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Một người, lang thang và trôi giạt do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc

bởi đục-vọng, có thể để lại một khối xương, một đồng xương, một núi xương bằng Núi Vepulla này, nếu có ai gom chúng lại để tiêu hủy thì cũng không thể tiêu hủy hết chúng được. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn đã nói thêm như vậy:

“Đồng xương một người để lại,
Chỉ sau một đại kiếp,
Cũng chất cao bằng núi:
Bậc Đại Sa-môn đã nói vậy.
Tuyên bố đồng xương đó là rất lớn,
Lớn như Núi Vepulla,
Nằm ở hướng bắc Núi Kèn Kèn,
Trong dãy núi Magadha (Ma-kiệt-đà).

“Nhưng khi ai nhìn-thấy bằng trí-tuệ chánh đúng,
Những điều chân-lý của bậc thánh nhân—
Đó là, khổ và nguồn-gốc khổ,
Sự chinh-phục khổ,
Và Con-đường Tám phần (Bát Thánh Đạo),
Dẫn tới sự phai biến khổ—
Thì người đó, còn lang thang chỉ trong bảy kiếp nữa,
Rồi sẽ chấm dứt mọi khổ đau,
Bằng cách tiêu-diệt mọi gông-cùm trời buộc.”

(SN 15:10)

NHÓM 2
‘NHÓM THỨ HAI’
(*Dutiya-vagga*)
[Bất Hạnh]

11 (1) Bất Hạnh

Trong một lần, khi đang sống ở Sāvathī, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu, từ khi chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Mỗi khi các thầy nhìn thấy ai gặp sự bất-hạnh, sự khốn-khổ, thì các thầy có thể kết luận: ‘Chúng ta cũng vậy, cũng đã ném trải muôn vàn sự (khốn khổ) như vậy trong cái đường (luân hồi) dài thăm thẳm này.’ Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:11)

12 (2) Hạnh Phúc

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Mỗi khi các thầy nhìn thấy ai hạnh-phúc và may-mắn, thì các thầy có thể kết luận: ‘Chúng ta cũng vậy,

cũng đã nếm trải muôn vàn sự (hạnh phúc) như vậy trong cái đường (luân hồi) dài thăm thẳm này.’ Bởi vì sao? Bởi vì, này bà-la-môn, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:12)

13 (3) Ba Mươi Vị Tỳ Kheo

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre. Lúc đó có ba mươi vị Tỳ kheo từ Pāvā đã đến gặp đức Thế Tôn— tất cả họ đều là những người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khát thực, người mặc y áo làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc.¹⁶⁴ Sau khi đến gặp, họ kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi ý này đã xảy đến với đức Thế Tôn: “Ba mươi vị Tỳ kheo này đều là những người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khát thực, người mặc y áo làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc. Vậy ta sẽ dạy cho họ Giáo Pháp theo cách để ngay trong khi họ đang ngồi nghe tâm của họ được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dòng máu chảy mà các người đã đổ ra những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu thắm thắm trong (vòng luân hồi) đó— dòng máu này hay nước trong bốn biển?”

“Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn giảng dạy thì dòng máu chảy mà chúng con đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.”

“Tốt, tốt này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Dòng máu chảy mà các thầy đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu thắm thắm trong vòng luân hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng là bò, và những khi bò bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn cả nước trong bốn biển. Đã từ lâu các người đã từng là trâu, là cừu, dê, nai, gà, heo.... Đã từ lâu các người đã từng bị bắt là kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường, kẻ phạm tội tà-dâm tà dục, và những khi đó các người bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn nước trong bốn biển. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi những lời thuyết giảng này được nói ra, tâm của ba mươi Tỳ kheo đến từ xứ Pāvā đã được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp.

(SN 15:13)

14 (4) Mẹ

15 (5) Cha

16 (6) Anh

17 (7) Chị

18 (8) Con Trai

19 (9) Con Gái

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được... Này các Tỳ kheo, không dễ gì tìm ra một người trong cái đường (luân hồi) thăm thẳm này chưa từng là mẹ của mình ... là cha của mình ... là anh của mình ... là chị của mình ... là con trai của mình ... là con gái của mình. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được ... Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 15:14–19)

20 (10) Núi Vepulla

Ở Sāvathī.

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha, trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(i) “Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsāra*] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu, từ lúc

chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Nay các Tỳ kheo, trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi là núi Pācīnavamsa, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Tivara. Tuổi thọ của người Tivara là 40.000 năm. Họ có thể leo lên núi Pācīnavamsa trong bốn ngày và leo xuống trong bốn ngày. Vào thời đó có đức Thế Tôn Kakusandha (Phật Câu-lưu-tôn), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy có tên là Vidhura and Sañjīva, một đôi xuất sắc. Nay các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những vị đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng (bát-niết-bàn). Nay các Tỳ kheo, những sự tạo-tác cố-ý thật là vô thường, thật bất ổn, thật không đáng tin cậy. Nay các Tỳ kheo, điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.

(ii) “Này các Tỳ kheo, [một thuở khác] trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Vañkaka, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Rohitassa. Tuổi thọ của người Rohitassa là 30.000 năm. Họ có thể leo lên Núi Vañkaka trong ba ngày và leo xuống trong ba ngày. Vào thời đó có bậc Thế Tôn Koṇāgamana (Phật Câu-na-hàm), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy có tên là Bhiyyosa và Uttara, một đôi xuất sắc. Nay các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những vị đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng (bát-niết-bàn). Nay các Tỳ kheo, những sự tạo-tác cố-ý thật là vô thường ... quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải thoát khỏi chúng.

(iii) “Này các Tỳ kheo, [một thuở khác nữa] trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Supassa, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Suppiya. Tuổi thọ của người Suppiya là 20.000 năm. Họ có thể leo lên núi Supassa trong hai ngày và leo xuống trong hai

ngày. Vào thời đó có bậc Thế Tôn Kassapa (Phật Ca-diếp), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy là Tissa và Bhāradvāja, một đôi xuất sắc. Nay các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những người đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (Bát-niết-bàn). Nay các Tỳ kheo, những sự tạo-tác cố-ý thật là vô thường ... quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải thoát khỏi chúng.

(iv) “Nay các Tỳ kheo, hiện tại, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Vepulla, và trong thời hiện tại những người ở đây được gọi là người Magadha (Ma-kiệt-đà). Tuổi thọ của người Magadha chỉ là ngắn ngủi, hạn hữu, như thoáng qua; ai sống thọ nhất cũng chỉ được 100 tuổi hay ít hơn. Những người Magadha leo lên Núi Vepulla trong một giờ và leo xuống trong một giờ. Trong thời này Ta đã khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hai người đệ tử của ta tên là Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên, một cặp xuất sắc. Rồi cũng sẽ đến thời, nay các Tỳ kheo, cái tên núi này rồi sẽ biến mất, những người này rồi sẽ chết đi, và Ta rồi sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng (bát-niết-bàn). Nay các Tỳ kheo, những sự tạo-tác cố-ý thật là vô thường, thật bất ổn, thật không đáng tin cậy. Nay các Tỳ kheo, điều này là quá đủ để (chúng ta) ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), quá đủ để chúng ta chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải thoát khỏi chúng.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Đây từng được gọi,
Là núi Pācīnavamsa bởi những người Tivara
Là núi Vaṅkaka bởi người những người Rohitassa,
Là núi Supassa bởi những người Suppiya,
Là núi Vepulla bởi những người Magadha.

“Chao ôi, những sự tạo-tác cố-ý (hành) đúng thực vô-thường,
Bản chất chúng là khởi sinh và biến diệt.

Sau khi sinh là diệt:

Sự lắng-lặn của chúng mới là chân hạnh phúc.”

(SN 15:20)

Chương 16

Liên Kết CA-DIỆP

(16 *Kassapa-samyutta*)

(16 *Tương ứng Ca-diếp*)

1 Sự Biết Hải Lòng

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp (Kassapa) này hải lòng với mọi thứ y vải, và thầy nói đề cao về sự biết hải-lòng với *mọi thứ y vải*, và thầy không tìm kiếm bất chính hay làm điều gì bất chính vì vấn đề y áo.¹⁶⁵ Nếu thầy ấy không có được y áo thầy ấy cũng không bị khích động, và nếu có được y áo thầy ấy dùng nó mà không bị dính chấp vào nó, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào nó; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu biết sự giải-thoát.

“Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp này hải lòng với mọi thứ *thức ăn khát được ... mọi thứ chỗ ở ... mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh ...* và nếu có được chúng thầy ấy dùng nó mà không bị dính chấp vào chúng, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu biết sự giải-thoát.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Chúng ta sẽ hải-lòng với mọi thứ y vải, và chúng ta sẽ nói đề cao về sự biết hải-lòng với mọi thứ y vải, và chúng ta không tìm kiếm bất chính hay làm điều gì bất chính vì vấn đề y áo. Nếu chúng ta không có được y áo thì chúng ta cũng không bị khích động, và nếu có được y áo chúng ta dùng nó mà không bị dính chấp vào nó, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào nó; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu biết sự giải-thoát.

““Chúng ta sẽ hải-lòng với mọi thứ *thức ăn khát được ... mọi thứ chỗ ở ... mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh ...* và nếu chúng ta có được chúng, chúng ta sẽ dùng chúng mà không bị dính chấp vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu biết sự giải-thoát.’ Các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ đề xướng tám gương thầy Ca-diếp hoặc người giống thầy Ca-diếp cho các thầy (noi theo). Sau khi được đề xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.”

(SN 16:01)

2 Không Sợ Hãi Việc Làm Sai Trái...

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp và Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Bārāṇasī (Ba-la-nại), trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Thầy ấy chào hỏi với thầy Đại Ca-diếp, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ca-diếp:

(1) “Này đạo hữu, nghe nói rằng ai *không nhiệt-thành* và ai *không biết sợ-hãi việc làm sai trái* thì không thể nào giác ngộ được, không thể nào Niết-bàn, không thể nào đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử); nhưng ai *nhiệt-thành* và *biết sợ-hãi việc làm sai trái* thì có thể giác ngộ, có thể Niết-bàn, có thể đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc.¹⁶⁶ Này đạo hữu, theo cách nào có điều như vậy?”

“Này đạo hữu, ở đây một Tỳ kheo *không phát khởi sự nhiệt-thành* vì không biết suy nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện đã khởi sinh trong ta mà chưa bị loại bỏ, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành không khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái thiện lành đã khởi sinh trong ta giờ không còn,

điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là không nhiệt-thành.¹⁶⁷

“Và, này đạo hữu, theo cách nào người đó là *không biết sợ-hãi việc làm sai trái*? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo không bị sợ hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ hoặc không sợ hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta giờ không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là không biết sợ hãi với việc làm sai trái.

(2) “Này đạo hữu, theo cách như vậy là người không nhiệt-thành và người không biết sợ-hãi việc làm sai trái thì không thể nào giác ngộ, không thể nào Niết-bàn, không thể đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc.

“Và, này đạo hữu, theo cách nào một người là *nhiệt-thành*? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo phát khởi sự nhiệt thành bằng cách biết suy nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ ... và biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là nhiệt thành.

“Và, này đạo hữu, theo cách nào người đó là *biết sợ-hãi việc làm sai trái*? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo biết sợ hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ và sợ hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là biết sợ-hãi việc làm sai trái.

“Này đạo hữu, theo cách như vậy là người nhiệt-thành và người biết sợ-hãi việc làm sai trái có thể giác ngộ được, có thể Niết-bàn, có thể đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi trói-buộc.”

3 Như Mặt Trăng

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, các thầy phải như mặt trăng khi đến gặp các gia đình—thu mình (thân) và thu tâm (phải dè dặt, không xông xáo nghênh ngang), luôn hành vi như người mới đến, không khinh xuất đối với các gia đình. Giống như một người đang nhìn xuống một cái giếng cũ, một vực núi, hay một vực sông sâu; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên đến gặp các gia đình (với phong cách) như vậy.

“Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp như mặt trăng khi đến gặp các gia đình— thu mình và thu tâm, luôn hành vi như một người mới đến, không khinh xuất đối với các gia đình. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, loại Tỳ kheo nào xứng đáng đến gặp các gia đình?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được trông nhờ vào đức Thế Tôn. Vậy sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ.”

Rồi, đức Thế Tôn đã vẫy tay trong không trung và nói:

“Này các Tỳ kheo, giống như bàn tay này không bị mắc kẹt trong không trung, không bị dính giữ bởi không trung, không bị ràng buộc bởi không trung; cũng giống như vậy một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với tâm không bị mắc kẹt, không bị dính giữ, không bị ràng buộc với các gia đình, biết nghĩ (cầu mong) rằng: ‘Ai (các Tỳ kheo) muốn được lợi sẽ được lợi; ai (những người tại gia) muốn làm công đức sẽ làm được công đức!’ Tỳ kheo đó luôn vui mừng và hạnh phúc khi thấy ai được lợi cũng như khi mình được lợi.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, theo cách nào sự thuyết pháp của một Tỳ kheo là không trong sạch, và theo cách nào sự thuyết pháp của một Tỳ kheo là trong sạch?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng đều bắt rễ từ đức Thế Tôn”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: ‘Mong họ biết lắng nghe Giáo Pháp từ ta! Sau khi đã lắng nghe, mong họ đạt được niềm tin vào Giáo Pháp! Khi đã tin (Giáo Pháp), thì *họ sẽ tin vào ta!*’ Sự chỉ dạy Giáo Pháp như vậy của một Tỳ kheo là không trong sạch.

“Nhưng một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: ‘Giáo Pháp được khéo léo giảng bày bởi đức Thế Tôn, là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được những người hiền trí tự mình chứng ngộ. Ôi, mong họ biết lắng nghe Giáo Pháp từ ta! Sau khi đã lắng nghe, *mong họ thực hành theo đúng như vậy!*’ Như vậy là người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì tính siêu-việt thực chất của Giáo Pháp; người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì lòng bi-mẫn và tha-thương, vì sự quan-tâm hiền từ (dành cho họ). Sự chỉ dạy Giáo Pháp như vậy của một Tỳ kheo là trong sạch.

“Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: ‘Giáo Pháp được khéo léo giảng bày bởi đức Thế Tôn Ôi, mong họ biết lắng nghe Giáo Pháp! Sau khi đã lắng nghe, *mong họ thực hành theo đúng như vậy!*’ Thầy ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì tính siêu-việt thực chất của Giáo Pháp; thầy ấy chỉ dạy Giáo

Pháp cho người khác vì lòng bi-mẫn và tha-thương, vì sự quan-tâm hiền từ (dành cho họ).

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ đề xướng cho các thầy tắm gương thầy Ca-diếp hoặc người giống như thầy Ca-diếp. Sau khi được đề xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.”

(SN 16:03)

4 Khách Của Gia Đình

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, loại Tỳ kheo nào không xứng đáng là khách của các gia đình và loại Tỳ kheo nào xứng đáng là khách của các gia đình?

“Dạ, thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...” ... Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể đến gặp các gia đình với ý nghĩ: ‘Mong họ bố thí cho ta, chứ không giữ lại! Mong họ bố thí cho ta nhiều, chứ không ít! Mong họ bố thí cho ta thứ tốt, chứ không phải thứ xấu! Mong họ nhanh bố thí cho ta, chứ không chậm! Mong họ bố thí cho ta một cách chu đáo, chứ không phải qua loa!’ Khi một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy, nếu họ không bố thí thì người đó sẽ thấy bị tổn thương; vì chuyện đó nên người đó nếm trải sự khổ đau và khó chịu. Nếu họ bố thí ít chứ không nhiều ... Nếu họ bố thí thứ xấu chứ không tốt ... Nếu họ chậm bố thí chậm chứ không nhanh ... Nếu họ bố thí một cách qua loa chứ không chu đáo, thì người đó sẽ thấy bị tổn thương; vì chuyện đó nên người đó nếm trải sự khổ đau và khó chịu. Tỳ kheo như vậy không xứng đáng là khách của các gia đình.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể đến gặp các gia đình với ý nghĩ: ‘Khi đang ở chỗ các gia đình của người khác, làm sao ta có thể

nghĩ rằng: “Mong họ bố thí cho ta, chứ không giữ lại! ... Mong họ bố thí cho ta một cách kính trọng, chứ không qua loa!?” Khi một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy, nếu họ không bố thí nếu họ bố thí một cách qua loa chứ không chu đáo, thì người đó cũng không bị tổn thương; người đó không vì chuyện đó mà nếm trải sự khổ đau và khó chịu. Tỳ kheo như vậy xứng đáng là khách của các gia đình.

“Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy Như vậy nếu họ không bố thí ... nếu họ bố thí một cách qua loa chứ không chu đáo, thì thầy ấy cũng không bị tổn thương; thầy ấy không vì chuyện ấy mà nếm trải sự khổ đau và khó chịu.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ đề xướng với các thầy tám gương thầy Ca-diếp hoặc người giống như thầy Ca-diếp. Sau khi được đề xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.”

(SN 16:04)

5 Tuổi Già

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre, ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, thầy nay đã già, và mấy bộ y áo cũ tàn làm từ giẻ rách bao bố nay đã thành nặng nề đối với thầy. Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên mặc y áo của những người tại gia cúng dường, chấp nhận những bữa ăn họ mời tới ăn (tức không nhất thiết phải đi khát thực để ăn khát được), và sống ở nơi gần ta.”¹⁶⁸

“Thưa Thế Tôn, đã từ lâu con là người *sống tu trong rừng* và đã nói lời đề cao việc *sống tu trong rừng*; con là người *ăn thức ăn (tự mình đi) khát thực* và đã nói lời đề cao sự *ăn thức ăn khát thực*; con đã là người

mặc y áo làm từ giẻ rách và đã nói lời đề cao sự mặc y áo làm từ giẻ rách; con là người *chỉ dùng ba bộ y* và đã nói lời đề cao sự chỉ có ba bộ y; con có *ít mong-cầu* và đã nói lời đề cao sự sống ít mong-cầu (thiểu dục); con đã *hài-lòng* và đã nói lời đề cao về sự biết hài-lòng (tri túc); con đã *sống ẩn-dật* và đã nói lời đề cao về sự sống ẩn dật; con đã *tách-ly khỏi xã hội* và đã nói lời đề cao về sự sống tách ly khỏi xã hội; con đã *nỗ-lực* và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).”¹⁶⁹

“Này Ca-diếp, do suy xét những lợi ích nào mà từ lâu thầy đã là một người *sống tu trong rừng ...* và đã nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn)?”

“Thưa Thế Tôn, do suy xét hai ích lợi. **(i)** Đối với con, con thấy một sự sống vui-sướng trong chính kiếp này, và **(ii)** con có lòng bi-mẫn cho những thế hệ sau, với ý nghĩ rằng: ‘Cầu mong những người thế hệ sau noi theo tấm gương của con!’ Vì sau khi họ nghe được rằng: ‘Những đệ tử đã giác ngộ của Đức Phật là những người *sống tu lâu trong rừng* và đã nói lời đề cao sự sống tu ở trong rừng ... đã *nỗ-lực* và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn)’, thì họ sẽ tu tập theo như vậy, và điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Do suy xét về hai ích lợi này, thưa Thế Tôn, nên con từ lâu đã là người *sống tu trong rừng ...* và đã nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).”

“Lành thay, lành thay, này Ca-diếp! Thầy đang thực hành vì phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của các thiên thần và loài người.

Nếu vậy, này Ca-diếp, thầy cứ mặc y áo làm từ giẻ rách bao bố, đi xin ăn, và sống tu trong rừng.”

(SN 16:05)

6 Sự Đề Xướng (1)

Ở Rājagaha trong khu Rừng Tre. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, hãy đề xướng (giáo giới) cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên đề xướng cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp.”

“Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ khó khuyên bảo được, và họ có những phẩm tính làm cho họ khó khuyên bảo được. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng.

“Ở đây, thưa Thế Tôn, con thấy Tỳ kheo tên Bhaṇḍa, là một học trò của thầy Ānanda, và Tỳ kheo tên Abhiñjika, là một học trò của thầy Anuruddha (A-nậu-lâu-đà), đã tranh chấp nhau về vấn đề học-hiểu của họ, họ nói qua nói lại: ‘Này, Tỳ kheo, ai có thể nói thêm? Ai có thể nói đúng hơn? Ai có thể nói lâu hơn?’”

Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy nhân danh ta đến nói cho Tỳ kheo Bhaṇḍa và Tỳ kheo Abhiñjika rằng Sư Thầy (tức Phật) cho gọi họ tới.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy đó đi tới các Tỳ kheo kia và nói với họ: “Sư Thầy mới cho gọi các thầy.”

“Được, thưa đạo hữu”, hai Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này hai Tỳ kheo, có thật là hai thầy đã tranh chấp nhau về vấn đề học-hiểu, như để coi ai có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Bộ mấy thầy đã từng nghe ta chỉ dạy Giáo Pháp như vậy: ‘Này, các Tỳ kheo, hãy tranh chấp lẫn nhau về vấn đề học-hiểu, và coi ai có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn’ hay sao?”

“Dạ không có, thưa Thế Tôn.”

“Vậy, nếu các thầy chưa bao giờ nghe ta dạy Giáo Pháp như vậy, thì tại sao các thầy lại làm như những kẻ vô tri rồ dại; do thấy và biết cái gì mà sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo như vậy mà lại đi tranh chấp lẫn nhau về vấn đề học-hiểu của mình, để coi ai là người có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn, như vậy?”

Rồi hai Tỳ kheo đó đã quỳ xuống cúi đầu dưới chân đức Thế Tôn và nói:

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã vi phạm một tội—thật ngu xuẩn, ngu mờ, và vô lý—trong đó, sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo như vậy mà chúng con lại đi tranh chấp với nhau về vấn đề học-hiểu của mình, để coi ai là người có thể nói thêm, ai có thể nói nhiều hơn, ai có thể nói lâu hơn. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của chúng con đã được nhìn thấy là một tội, coi đó là điều để chúng con giữ giới sau này.”

“Được rồi, này các Tỳ kheo, các thầy đã vi phạm một tội—thật ngu xuẩn, ngu mờ, và vô lý—trong đó, sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo mà các thầy lại đi tranh chấp với nhau về vấn đề học-hiểu của mình... Nhưng vì các thầy đã nhìn thấy tội của mình là một tội và biết tu sửa đúng theo Giáo Pháp, chúng ta tha thứ tội đó cho các thầy. Vì điều đó (cho thấy) là có sự tăng trưởng trong Giới Luật của Thánh Nhân (tức: Giới luật Tỳ kheo) khi người tu biết nhìn thấy tội của mình là tội, biết tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, và thực thi giữ giới hạnh trong tương lai.”

(SN 16:06)

7 Sự Đề Xương (2)

Ở Rājagaha trong khu Rừng Tre. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, hãy đề xương cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên đề xương cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp.”

(a) “Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ khó khuyên bảo được, và họ có những phẩm tính làm cho họ khó khuyên bảo được. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Thưa Thế Tôn, đối với người không có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, không biết sợ-hãi việc làm sai trái, không nỗ-lực tinh tấn, và không trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành (của người đó) chỉ sa-sút, chứ không tăng trưởng. Giống như, suốt hai tuần tối trời (trăng khuyết dần), dù ngày hay đêm mặt trăng cũng sa-sút về màu sắc, về độ tròn đầy, và về độ sáng tỏ, về đường kính và chu vi; cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, không sợ-hãi việc làm sai trái, không nỗ-lực tinh tấn, và không trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành chỉ sa-sút, chứ không tăng trưởng.

“Thưa Thế Tôn, một người không có niềm-tin: đây là một trường hợp sa-sút. Một người không biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... không biết sợ-hãi việc làm sai trái ... lười-biếng ... vô-trí ... sân-giận ... xấu-ác: đây là một trường hợp sa-sút. Khi không có các Tỳ kheo là những người đề xương (giáo giới, chỉ dạy việc tu tập cho họ): đây là một trường hợp sa-sút.

(b) “Thưa Thế Tôn, đối với người có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, biết sợ-hãi việc làm sai trái, có nỗ-lực tinh tấn, và có trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành (của người đó) chỉ tăng trưởng, chứ không sa-sút. Giống như, suốt hai tuần sáng trời (trăng tròn dần), dù ngày hay đêm mặt trăng cũng tăng trưởng về màu sắc, về độ tròn đầy, và về độ sáng tỏ, về đường kính và chu vi; cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, biết sợ-hãi việc làm sai trái, có nỗ-lực tinh tấn, và có trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành chỉ tăng trưởng, chứ không sa-sút.

“Thưa Thế Tôn, một người có niềm-tin: đây là một trường hợp không sa-sút. Một người biết xấu-hổ về mặt đạo đức... biết sợ-hãi việc làm sai trái ... có nỗ-lực ... có trí-tuệ ... không sân-giận ... không xấu-ác: đây là một trường hợp không sa-sút. Khi có các Tỳ kheo là những người đề xướng (giáo giới, chỉ dạy việc tu tập cho họ): đây là một trường hợp không sa-sút.

“Lành thay, lành thay, này Ca-diếp!”

[*Rồi Đức Phật lặp lại toàn bộ lời tuyên thuyết trên của thầy Đại Ca-diếp.*]

(SN 16:07)

8 Sự Đề Xướng (3)

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy:

“Này Ca-diếp, hãy đề xướng cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên đề xướng cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp.”

“Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ khó khuyên bảo được, và họ có những phẩm tính làm cho họ khó khuyên bảo được. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng.”

(a) “Chỉ vậy sao, này Ca-diếp, trong *quá khứ* những Tỳ kheo trưởng lão là những người sống trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng; họ là những người ăn thức ăn khát thực và nói lời đề cao sự ăn thức ăn khát thực; họ là những người mặc y áo làm từ giẻ rách và nói lời đề cao sự mặc y áo làm từ giẻ rách; họ là những người chỉ có ba bộ y và nói lời đề cao sự chỉ có ba bộ y; họ có ít mong-cầu và đề cao sự sống có ít mong-cầu; họ hài-lòng và nói lời đề cao sự biết hài-lòng; họ sống ẩn-dật và nói lời đề cao sự sống ẩn-dật; họ tách-ly khỏi xã hội và nói lời đề cao về sự tách-ly khỏi xã hội; họ nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).

“Lúc đó, có một Tỳ kheo là người sống trong rừng và đề cao sự sống tu trong rừng ... khi người đó nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), các Tỳ kheo trưởng lão đã mời người đó chỗ ngồi, và nói: ‘Đến đây, này Tỳ kheo. Gọi tên Tỳ kheo này là gì? Đây là một Tỳ kheo xuất sắc. Tỳ kheo này nhiệt tình tu tập. Đến đây, này Tỳ kheo, đây là chỗ ngồi, mời ngồi.’ Lúc đó ý nghĩ này xảy đến với những Tỳ kheo mới thụ giới: ‘Hình như mỗi khi có một Tỳ kheo là người sống trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng khi người đó nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), thì các Tỳ kheo trưởng lão liền mời người đó chỗ ngồi’ Rồi những Tỳ kheo mới thụ giới đó cũng thực hành theo như vậy, và điều đó sẽ dẫn tới phúc-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ.

(b) “Nhưng, này Ca-diếp, thời *bây giờ* các Tỳ kheo trưởng lão *không còn* là những người sống trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng họ *không còn* nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn). Thời *bây giờ* Tỳ kheo nào có danh và nổi tiếng, thì người có được nhiều y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang, thì các Tỳ

kheo trưởng lão mời chỗ ngồi, và nói: ‘Đến đây, này Tỳ kheo. Gọi tên Tỳ kheo này là gì? Đây là một Tỳ kheo xuất sắc. Tỳ kheo này nhiệt tình kết giao với các huynh đệ của mình trong đời sống tu hành. Đến đây, này Tỳ kheo, đây là chỗ ngồi, mời ngồi.’ Rồi ý nghĩ này xảy đến với những Tỳ kheo mới thụ giới: ‘Hình như mỗi khi có một Tỳ kheo có danh và nổi tiếng, là người có được nhiều y phục, thức ăn khát thực, chỗ ở, và thuốc thang, thì các Tỳ kheo trưởng lão liền mời người đó chỗ ngồi’ Rồi những Tỳ kheo mới thụ giới đó cũng thực hành theo kiểu như vậy, và điều đó dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ.

“Này Ca-diếp, ai nói một cách đúng đắn có thể nói (một sự thật) rằng: ‘Những người sống đời sống tu hành [thánh thiện] đã bị làm hư bởi sự hư-hỏng của những người đang sống đời tu hành [thánh thiện]; người sống đời sống tu hành đã bị phá-bại bởi sự phá-bại của những người đang sống đời sống tu hành’, đơn giản là như vậy, người nói một cách đúng đắn có thể nói điều này.”

(SN 16:08)

9 Những Tầng Thiên-Định & Những Trí-Biết Trực Tiếp

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly. Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất này.

(2) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (tâm và tứ *nói trên*), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm. Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): với sự lắng lặn của ý-nghĩ và sự soi-xét, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai này.

(3) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Với sự phai biến luôn của sự hoan-hỷ, ta an trú buông-xả, và có-chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm sự hạnh-phúc với thân này; ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân tả là: ‘Người đó an trú buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba này.

(4) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Với sự dẹp bỏ sựống và khổ, và với sự phai biến trước đó của sự vui và sự buồn, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sự sựống hay sự khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư này.

(5) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Với sự vượt trên mọi nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến các nhận-thức về tiếp-xúc giác-quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới các nhận-thức về sự khác-biệt này nọ, (chỉ) ý thức rằng ‘không gian là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không gian vô biên này.

(6) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Bằng sự vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, ý thức rằng ‘thức là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong xứ thức vô biên này.

(7) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Bằng sự vượt trên cảnh xứ thức vô biên, ý thức rõ sự ‘không có gì’, ta chứng nhập và an trú trong cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong xứ trống-không này.

(8) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Bằng sự vượt trên cảnh xứ trống-không, ta chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong xứ không có nhận-thức mà cũng còn những nhận-thức (vi tế) này.

(9) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Bằng sự vượt trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, ta chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác này.

(10) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Vận dụng nhiều loại năng-lực tâm-linh như: là một, ta biến thành nhiều người; sau khi thành nhiều người, ta biến thành một người; ta hiện hình và biến hình; ta đi xuyên qua tường, xuyên qua thành, xuyên qua núi như đi qua khoảng không; ta chui xuống đất và chui lên như lặn rẽ trong nước; ta đi trên mặt nước như đi trên đất; ngồi trên chân, ta bay đi trong không gian như chim; ta dùng tay chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy

lực và lớn mạnh như vậy; ta vận hành thân bay xa tới tận cõi trời [brahmā]. Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): vận dụng nhiều loại năng lực tâm linh (*thần thông biến hóa*) như vậy.

(11) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Với yếu-tố tai thiên thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta nghe cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, những âm thanh ở gần và ở xa. Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): với yếu-tố mắt thiên thánh, có thể nghe cả hai loại âm thanh như vậy.

(12) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Hiểu biết tâm của những chúng sinh và người khác, sau khi đã bao trùm (tâm) họ bằng tâm của ta (tha tâm thông). Ta hiểu biết một tâm có tham là tâm có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; một tâm thụ động (co lại) là tâm thụ động và một tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng; một tâm cao thượng là tâm cao thượng; một tâm còn có thể vượt qua (chưa cao nhất) là tâm còn có thể vượt qua và một tâm không thể vượt qua (cao nhất, tối thượng) là một tâm không thể vượt qua; một tâm đạt định là tâm đạt định và một tâm không đạt định là tâm không định; một tâm được giải thoát là tâm được giải thoát và một tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát. Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): hiểu biết tâm của những chúng sinh và người khác như vậy, sau khi đã bao trùm họ bằng tâm của thầy ấy.

(13) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (*túc mạng minh*); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới

co-lại và giã-ra: (ta nhớ lại rõ) ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những cách thức và chi tiết của chúng.

(14) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Với yếu-tố mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp thủ cách-nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động của mình như vậy.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): với mắt thiên

thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, thầy ấy có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy.

(15) “Này các Tỳ kheo: Bằng sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ta chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm (không còn ô-nhiễm), và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ. Thầy Ca-diếp cũng vậy: bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, thầy Ca-diếp chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm, và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.”¹⁷⁰

(SN 16:09)

10 Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Ngài Đại Ca-diếp đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc.

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, thầy ấy đến gặp thầy Đại Ca-diếp và nói: “Đi nào, Ngài Ca-diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni.”¹⁷¹

“Thầy đi đi, này đạo hữu Ānanda, thầy là người bận bịu với nhiều phận sự.”

Lần thứ hai thầy Ānanda nói với thầy Đại Ca-diếp: “Đi nào, Ngài Ca-diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni.”

“Thầy đi đi, này đạo hữu Ānanda, thầy là người bận bịu với nhiều phận sự.”

Lần thứ ba thầy Ānanda nói với thầy Đại Ca-diếp: “Đi nào, Ngài Ca-diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni.”

Rồi, vào buổi sáng, thầy Đại Ca-diếp mặc y áo, và mang theo bình bát và cà-sa, đã cùng với thầy Ānanda đi đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chọn sẵn. Rồi một số Tỳ kheo ni đến gặp thầy Đại Ca-diếp, kính chào thầy, và ngồi xuống một bên. Trong khi họ đang ngồi, thầy Đại Ca-diếp đã đề xướng, chỉ dạy, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo ni bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi Tỳ kheo ni tên Thullatissā, cảm thấy không bằng lòng, đã đi đến đạt sự không bằng lòng của mình như vậy:

“Làm sao Sư Thầy Đại Ca-diếp nghĩ tới việc thuyết Pháp trước mặt Sư Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha?¹⁷² Đối với việc Sư Thầy Đại Ca-diếp nghĩ tới việc thuyết Pháp trước mặt Sư Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha— điều này giống như một người bán kim dạo nghĩ tới việc bán cây kim cho người làm kim vậy!”

Thầy Đại Ca-diếp có nghe được Tỳ kheo ni Thullatissā tuyên bố như vậy, và thầy nói với thầy Ānanda:

“Là sao, này đạo hữu Ānanda, tôi là người bán kim dạo và thầy là người làm kim, hay tôi là người làm kim và thầy là người bán kim dạo?”

“Xin hãy nhẫn nhịn, Ngài Kassapa, phụ nữ là ngu xuẩn.” (*nguyên văn kinh gốc*)¹⁷³

“Khoan đã, đạo hữu Ānanda! Đừng để Tăng Đoàn có dịp điều tra (tìm hiểu) thêm về thầy.¹⁷⁴ Thầy nghĩ sao, này đạo hữu, đức Thế Tôn có đưa thầy ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: (1) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): Tách ly khỏi những khối-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm)

và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly. Thầy Ānanda cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất này’, hay không?”

“Không có, thưa ngài.”

“Này đạo hữu, tôi là người đức Thế Tôn đã đưa ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: ‘Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn ... ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên) ... Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.’

[*Tiếp tục giống như kinh SN 16:09 kể trên: làm lượt các giai đoạn chứng-đắc thiền định và sáu trí-biết trực tiếp từ (2)—(14) ...*]

(15) ... “Tôi là người đức Thế Tôn đã đưa ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: ‘Này các Tỳ kheo: Bằng sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ta chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm (không còn ô-nhiễm), và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ. Thầy Ca-diếp cũng vậy: bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, thầy Ca-diếp chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm, và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.’

“Này đạo hữu, ai nghĩ có thể che đậy sáu trí-biết trực tiếp (sáu trí) của ta thì chẳng khác nào như nghĩ tới việc dùng một lá cọ để che giấu một con voi đực cao bảy hoặc bảy rưỡi cubit (1 cubit = 45.72cm)”
Nhưng Tỳ kheo ni Thullatissā đã rút ra khỏi đời sống tâm linh.¹⁷⁵

(SN 16:10)

11 Áo Cà-Sa

Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre, ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn Của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó, Ngài Ānanda đang đi du hành ở vùng Dakkhiṇāgiri cùng với một đoàn tăng nhiều Tỳ kheo. Bấy giờ, vào lúc đó, có ba mươi Tỳ kheo—là các học trò của thầy Ānanda— hầu hết đều trẻ tuổi, đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Sau khi thầy Ānanda đã đi xong chuyến du hành ở Dakkhiṇāgiri theo ý thầy ấy, thầy đã trở về Rājagaha, ở khu Rừng Tre, (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Thầy ấy đến gặp thầy Đại Ca-diếp, kính chào và ngồi xuống một bên, và thầy Đại Ca-diếp đã nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu Ānanda, có bao nhiêu lý do mà đức Thế Tôn đã đề ra giới-luật rằng khi ăn với các gia đình, các Tỳ kheo không được ăn theo nhóm quá ba người? (tức không tụ tập thành nhóm đông)”

“Thưa Ngài Ca-diếp, Đức Thế Tôn đề ra giới luật này vì ba lý do: **(i)** để kiềm chế những người không hành xử tốt lành (tăng xấu) và vì sự an ổn của các Tỳ kheo hành xử tốt lành (tăng tốt), **(ii)** [với chủ ý để] ‘Cầu cho những tâm nguyện xấu ác đó, tức bằng cách lập phe lập nhóm, không thể gây chia rẽ trong Tăng Đoàn!’; và **(iii)** vì lòng bi-mẫn đối với các gia đình.¹⁷⁶ Ngài Ca-diếp, đây là ba lý do đức Thế Tôn đã đề ra giới luật này.”

“Đạo hữu Ānanda, vậy thì thầy lại đi du hành cùng với đoàn Tỳ kheo trẻ là những người với các giác-quan (sáu căn) không được phòng hộ, ăn uống không tiết độ, và không hết mình vì sự tỉnh-thức? Người ta có thể nghĩ các thầy đang đi du hành như để đập phá mùa màng; người ta có thể nghĩ các thầy đang đi du hành như để phá hoại các gia đình. Đoàn môn đệ của thầy đã tan rã, này thầy Ānanda, những đệ tử trẻ tuổi của thầy đã tuột dốc mất rồi. Chỉ còn lại người trẻ con này không biết lượng sức bản thân mình!”

“Ngài Ca-diếp, tóc bạc đang mọc trên đầu tôi đây. Liệu chúng tôi có thoát khỏi cái sự bị Ngài Đại Ca-diếp gọi là một đứa trẻ con hay không?”

“Đạo hữu Ānanda, chỉ là do thầy đi du hành với những Tỳ kheo trẻ, những người có các giác-quan không được phòng hộ Chỉ còn lại người trẻ con này không biết lượng sức bản thân mình!”

Tỳ kheo ni tên Thullanandā đã nghe rằng:¹⁷⁷ “Su Thầy Đại Ca-diếp đã chê bai Su Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha, bằng cách gọi thầy là một người trẻ con.” Rồi, do không bằng lòng với việc đó, ni đã diễn đạt sự không bằng lòng của mình như vậy:

“Làm sao Su Thầy Đại Ca-diếp, trước kia là một người theo giáo phái khác,¹⁷⁸ nghĩ tới việc chê bai Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha, bằng cách gọi thầy là một người trẻ con, như vậy?”

Thầy Đại Ca-diếp lại nghe được Tỳ kheo ni Thullanandā tuyên bố điều này, và thầy đã nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, Tỳ kheo ni Thullanandā đã tuyên bố một cách câu thả, thiếu suy xét. Bởi vì ngày trước tôi đã tự cạo bỏ râu tóc, khoát y cà-sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tôi không nhớ mình đã từng thừa nhận một vị sư thầy nào khác ngoài đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (tức thầy ca-diếp chưa từng theo giáo phái hay đạo sư ngoại đạo nào khác)

“Ngày xưa, khi tôi còn là một gia chủ, điều này đã xảy đến với tôi: ‘Đời sống tại gia là chật chội, là một đường đi đầy bụi bẩn, còn (đời sống) xuất gia thì như một bầu không khí rộng mở. Không dễ gì ở nhà mà sống một đời sống hoàn toàn thánh thiện, một đời sống trong sạch toàn thiện như một vỏ sò được chà trắng. Vậy nên tôi đã cạo bỏ râu tóc, khoát áo cà sa vàng úa (áo màu vàng nghệ, màu đất sét vàng, ào vàng úa), và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Một thời gian sau đó, tôi đã tự làm áo cà-sa từ giẻ rách; rồi, do nhận biết

được những người là bậc A-la-hán trong thế gian [là những tấm gương để noi theo], tôi đã cạo bỏ râu tóc, khoát áo cà-sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

“Sau khi tôi đã xuất gia như vậy, tôi cứ bước đi, dọc đường tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi trong Ngõi Đền nằm ở đoạn giữa Rājagaha và Nālandā. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: ‘Nếu tôi có gặp vị Sư Thầy, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn. Nếu tôi có gặp bậc Phúc Lành, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn. Nếu tôi có gặp bậc Toàn Giác, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn.’ Rồi tôi quỳ xuống dưới chân đức Thế Tôn và thưa: ‘Thưa ngài, đức Thế Tôn là vị sư thầy của tôi, tôi là đệ tử của vị ấy. Thưa ngài, đức Thế Tôn là vị sư thầy của tôi. Tôi là đệ tử của vị ấy.’

“Khi tôi nói ra điều này, đức Thế Tôn đã nói với tôi: ‘Này Ca-diếp, nếu ai không biết và không thấy mà lại nói, thì cái đầu người nói sẽ bị bể tan. Nhưng này Ca-diếp, do ta biết ta nói “Ta biết”; do ta thấy ta nói “Ta thấy”’.

(i) “Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Ta sẽ phát khởi một cách nhiệt tình sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái đối với những vị trưởng lão, đối với những người mới thụ giới (tuổi hạ nhỏ), và đối với những vị trung niên (tuổi hạ vừa).” Thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.

(ii) “Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Mỗi khi ta lắng nghe Giáo Pháp nào nối kết với điều thiện lành, ta sẽ lắng nghe nó bằng hai tai nhiệt tình, chú tâm vào nó như một vấn đề sống-còn, vận dụng cả tâm trí vào nó.” Thầy nên tu tập bản thân như vậy.

(iii) “Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Ta sẽ không bao giờ bỏ quên [từ bỏ] *sự chánh-niệm hướng vào thân* đi kèm với sự hoan-hỷ”¹⁷⁹ Thầy nên tu tập bản thân như vậy.’

“Rồi, sau khi đã nói cho tôi lời khởi xướng đó, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và bước đi. Nay đạo hữu, trong suốt bảy ngày sau đó tôi đã ăn đồ cúng dường của xứ sở này như một con nợ (hàm ý: người tu được cúng dường mà tu không kết quả chẳng khác nào mắc nợ những thí chủ), nhưng đến ngày thứ tám thì trí-biết cuối cùng đã khởi sinh.

“Rồi sau đó, nay đạo hữu, đức Thế Tôn đã từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây. Tôi gấp tư áo cà-sa của tôi may từ nhiều mảnh vải cắt, và thưa với Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống đây. Điều này sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con.’ Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và nói với tôi: ‘Này Ca-diếp, áo cà-sa của thầy làm bằng vải cắt nên mềm mại.’ – ‘Thưa Thế Tôn, Thế Tôn hãy nhận cà-sa làm bằng vải cắt này, vì lòng bi-mẫn đối với con.’ – ‘Còn thầy sẽ mặc được mấy áo cà-sa đã sờn cũ làm từ giẻ rách bao bố của ta?’ – ‘Thưa Thế Tôn, con sẽ mặc được vậy.’ Vậy đó, ta đã cúng dường cho đức Thế Tôn áo cà-sa làm bằng vải cắt và nhận lãnh từ đức Thế Tôn áo cà-sa của đức Thế Tôn đã sờn cũ làm từ giẻ rách bao bố.

“Nay đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai kiểu như: ‘Người đó là con của đức Thế Tôn, được sinh ra từ ngực của đức Thế Tôn, được sinh ra từ miệng của đức Thế Tôn, được sinh ra từ Giáo Pháp, được tạo ra bởi Giáo Pháp, là một người thừa tự của Giáo Pháp, một người nhận lãnh mấy áo cà-sa đã sờn cũ làm từ giẻ rách bao bố’, thì đó là nói về tôi nếu người nói một cách đúng đắn đó muốn nói điều như vậy.

(1) “Nay đạo hữu, tùy theo tôi muốn (tôi có thể): Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó ... [Tiếp tục như kinh **SN 16:09**

ở trên, lần lượt những chứng-đắc thiên định và sáu trí-biết trực tiếp từ (2)–(14) ...]

(15) “Này đạo hữu, bằng (đã) sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tôi chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm, và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.

“Này đạo hữu, ai nghĩ có thể che đậy sáu trí-biết trực tiếp (sáu trí) của ta thì chẳng khác nào như nghĩ tới việc dùng một lá cọ để che giấu một con voi đực cao bảy hoặc bảy rưỡi cubit.”

Nhưng Tỳ kheo ni Thullanandā đã rút ra khỏi đời sống tâm linh. (bị quả báo, phải cỡi bỏ y cà-sa và hoàn tục, như ni Tissa trong kinh kể trên)

(SN 16:11)

12 Sau Khi Chết

Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp và Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Thầy chào hỏi với thầy Đại Ca-diếp, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ca-diếp:

“Là sao, này đạo hữu Ca-diếp, Như Lai có tồn tại sau khi chết hay không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố: ‘Như Lai tồn tại sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, vậy Như Lai không tồn tại sau khi chết phải không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Nhu Lai không tồn tại sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, vậy là sao, Nhu Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết phải không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Nhu Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, vậy là Nhu Lai không tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết phải không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Nhu Lai không tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’”

“Này đạo hữu, tại sao đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này?”

“Bởi vì điều đó là không ích lợi, không liên quan đến những căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Vì vậy nên đức Thế Tôn đã không tuyên bố về điều đó.”

“Này đạo hữu, vậy đức Thế Tôn đã tuyên bố điều gì?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã tuyên bố điều này: ‘Đây là khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.’”

“Này đạo hữu, tại sao đức Thế Tôn đã tuyên bố điều này?”

“Này đạo hữu, bởi vì điều đó là ích lợi, liên hệ đến những căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Vì vậy nên đức Thế Tôn đã tuyên bố điều đó.”

(SN 16:12)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, lý do gì, nguyên nhân gì, tại sao trước kia có ít giới-luật tu hành mà có nhiều Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (tức giác-ngộ), trong khi bây giờ có thêm nhiều giới-luật tu hành nhưng lại có ít Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng?”¹⁸⁰

“Đường lối nó là như vậy, này Ca-diếp. Khi chúng sinh đang suy đồi và Giáo Pháp đích thực (chân Pháp) đang biến mất thì có thêm nhiều giới-luật tu hành nhưng càng có ít số Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng. Này Ca-diếp, chân Pháp không biến mất khi chưa có sự giả-mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian. Nhưng khi sự giả mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian, lúc đó chân Pháp sẽ biến mất.¹⁸¹

“Này Ca-diếp, giống như vàng không biến mất khi chưa có vàng giả phát sinh trong thế gian, nhưng khi có vàng giả phát sinh, thì vàng thật biến mất; cũng giống như vậy, chân Pháp không biến mất khi chưa có sự giả mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian, nhưng khi có sự giả mạo chân Pháp, thì lúc đó chân Pháp biến mất.

“Này Ca-diếp, đó không phải do yếu-tố đất làm cho chân Pháp biến mất, cũng không phải do yếu-tố nước, hay yếu-tố nhiệt, hay yếu-tố khí. Đó là do những kẻ vô tri vô giác đã sinh ra ở đây là những kẻ làm cho chân Pháp biến mất.

- “Chân Pháp không biến mất một cái rụp như kiểu một con tàu chìm mất. Mà này Ca-diếp, có năm điều tệ-hại dẫn tới sự suy-tàn và sự biến-mất của chân Pháp. Năm đó là gì? Ở đây, những Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo ni, nam đệ tử tại gia, và nữ đệ tử tại gia sống *không có* sự kính trọng và tôn trọng đối với vị Sư Thầy; (ii) họ sống không có sự kính trọng và tôn

trọng đối với Giáo Pháp; (iii) họ sống không có sự kính trọng và tôn trọng đối với Tăng Đoàn; (iv) họ sống không có sự kính trọng và tôn trọng đối với sự tu-tập; (v) họ sống không có sự kính trọng và tôn trọng đối với sự định-tâm ([tức: không chứng đắc hay nỗ lực tu để chứng đắc tám tầng thiền định]). Nay Ca-diếp, đó là năm điều tệ-hại dẫn tới sự suy-tàn và sự biến-mất của chân Pháp.

- “Này Ca-diếp, có năm điều dẫn tới sự trường-tồn của chân Pháp, sự không suy-tàn của nó, và sự không biến-mất của nó. Năm đó là gì? Ở đây, những Tỷ kheo, (i) Tỷ kheo ni, nam đệ tử tại gia, và nữ đệ tử tại gia sống có sự kính trọng và tôn trọng đối với vị Sư Thầy; (ii) họ sống có sự kính trọng và tôn trọng đối với Giáo Pháp; (iii) họ sống có sự kính trọng và tôn trọng đối với Tăng Đoàn; (iv) họ sống có sự kính trọng và tôn trọng đối với sự tu tập; (v) họ sống có sự kính trọng và tôn trọng đối với sự định-tâm (có tu tập sự định-tâm và chứng đắc các tầng thiền định). Nay Ca-diếp, đó là năm điều dẫn tới sự không suy-tàn và sự không biến-mất của chân Pháp.”

(SN 16:13)

Chương 17

Liên Kết LỢI-DANH

(17 Lābhasakkāra-saṃyutta)

(17 Tương ứng Lợi Danh)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

[Tai Hại]

1 (1) *Tai Hại* (chết chóc)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattḥī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tỉnh xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử).¹⁸² Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự “lợi, danh, vinh” đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự “lợi, danh, vinh” đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:01)

2 (2) *Lưỡi Câu*

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỷ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại, là đắng cay, tẻ bạc, cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử). Ví như có một ngư dân thả một lưỡi câu có mồi xuống một hồ sâu, và một con cá đang đi tìm thức ăn nước nó. Con cá đó, sau khi đã

nuốt lưỡi câu của ngư dân, coi như đã gặp tai nạn và thảm họa, và ngư dân đó muốn làm gì nó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, ‘Ngư dân’: là chữ để chỉ Ma Vương Ác Ma (thần chết). ‘Lưỡi câu có mồi’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, vinh’. Tỳ kheo nào thích thú và hưởng thụ ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh thì được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt mồi câu, đã gặp tai nạn và thảm họa trong tay Ác Ma. Này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, vinh’ thật là tai hại, là đắng cay, tẻ bạc, cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi trói-buộc. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự “lợi, danh, vinh” đã khởi sinh, và chúng ta không để cho sự “lợi, danh, vinh” đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:02)

3 (3) Con Rùa

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Thuở xưa có một đại gia đình rùa đã sống từ rất lâu trong một hồ nước. Lúc đó một con rùa đã nói với một con rùa khác: ‘Này bạn rùa thân mến, đừng có đi tới vùng đó.’ Nhưng con rùa (nghe) vẫn cứ đi tới vùng đó, và một thợ săn đã phóng trúng nó bằng cây lao móc có buộc dây. Rồi con rùa đó đi về gặp con rùa thứ nhất. Khi con rùa thứ nhất thấy nó đang đi đến từ xa, con rùa thứ nhất nói: ‘Này anh bạn, tôi hy vọng anh đã không tới vùng đó.’ – ‘Có, tôi đã tới vùng đó.’ – ‘Vậy tôi hy vọng bạn đã không bị đập hay bị đánh.’ – ‘Tôi không bị đập hay bị đánh; nhưng có một sợi dây cứ liên tục theo sau tôi.’ – ‘Bạn đúng thiệt đã bị đập rồi, bạn rùa thân mến; bạn đúng thiệt đã bị đánh rồi! Cha của bạn và ông của bạn cũng đã gặp tai nạn và thảm họa bởi cái dây đó rồi. Giờ thì bạn đi mất rồi, bạn rùa

thân mến, bạn không còn là rùa trong đàn ở đây nữa.’ (tức sẽ bị thợ săn kéo dây bắt đi và chết)

“Này các Tỳ kheo, ‘Thợ săn’: là chữ để chỉ Ma Vương Ác Ma. ‘Lao móc có buộc dây’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, vinh’. ‘Sợi dây’: là chữ để chỉ sự khoái-lạc và nhục-dục (năm dây ngũ dục). Tỳ kheo nào thích thú và thụ hưởng sự ‘lợi, danh, vinh’ thì được gọi là một Tỳ kheo đã bị phóng trúng bởi lao móc có buộc dây, là người đã gặp tai nạn và thảm họa trong tay của Ác Ma. Này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:03)

4 (4) Con Dê Lông Dày

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Giả sử có một con dê cái có lông dày chui vào khóm cây gai (như cây thạch nam, cây tầm xuân) thì chỗ này chỗ kia nó bị dính vương, chỗ này chỗ kia nó bị dính kẹt, chỗ này chỗ kia nó bị dính mắc, và coi như chỗ này chỗ kia nó cứ gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, buổi sáng mặc y áo, và mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Chỗ này chỗ kia người đó bị dính vương, chỗ này chỗ kia người đó bị dính kẹt, chỗ này chỗ kia người đó bị dính mắc, và coi như chỗ này chỗ kia người đó cứ gặp tai nạn và thảm họa. ‘Lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:04)

5 (5) Con Bọ Trong Phân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Giả sử có một con bọ, là con ăn phân, nhồi nhét đầy phân, bụng đầy phân, và trước mặt nó là một đồng phân lớn. Do được như vậy nên nó khinh rẻ những con bọ khác, nó nghĩ: ‘Ta là con ăn phân, nhồi nhét đầy phân, bụng đầy phân, và trước mặt ta có một đồng phân lớn.’ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, buổi sáng mặc ý áo, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị khát thực. Người đó ăn uống thả sức mình muốn, người đó được mời tới bữa cơm ngày mai, và thức ăn khát thực của người đó rất nhiều. Khi người đó trở về tu viện (tịnh xá, chùa), người đó khoe khoan với nhóm Tỳ kheo rằng: ‘Tôi đã ăn uống thả sức tôi muốn, tôi được mời tới bữa cơm ngày mai, và thức ăn khát thực của tôi rất nhiều. Tôi là người có được y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang, nhưng những Tỳ kheo khác có ít phước đức và ảnh hưởng nên họ không có được nhiều y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.’ Như vậy là, do tâm của người đó bị chế ngự và ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên người đó khinh rẻ những Tỳ kheo thiện-hành (hành xử thiện khéo) khác. Điều đó dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho thứ người vô tri ngu dại đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:05)

6 (6) Sét Đánh

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Này các Tỳ kheo, ai bị sét đánh? Một người tu học mà sự ‘lợi, danh, vinh’ cứ ập tới trong khi người đó chưa đạt tới lý-tưởng ([thánh quả A-la-hán, sự giải-thoát]) của tâm.

“Này các Tỳ kheo, ‘Sét đánh’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, vinh’. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:06)

7 (7) Mũi Tên Tầm Độc

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Này các Tỳ kheo, ai bị đâm bởi một mũi tên tầm độc? Một người tu học mà sự ‘lợi, danh, vinh’ cứ ập tới trong khi người đó chưa đạt tới lý-tướng của tâm.

“Này các Tỳ kheo, ‘Mũi tên’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, vinh’. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:07)

8 (8) Chó Rừng

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Các thầy có nghe một con chó rừng (con giả can) già rú tiếng khi đêm sắp tàn không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Con chó già đó bị mắc một căn bệnh gọi là bệnh ghẻ lở. Nó không thấy dễ chịu cho dù nó có chui vào hang, hoặc chạy tới chỗ gốc cây, hay chỗ thoáng khí. Dù nó đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu, nó luôn gặp phải tai nạn và thảm họa như vậy. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, tâm của ai bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’ thì không cảm thấy dễ chịu (với sự sống tách ly, thanh bần) cho dù có đang

ở trong chồi trống, hoặc chỗ gốc cây, hay chỗ thoáng khí. Dù người đó đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu, người đó cứ luôn như gặp phải tai nạn và thảm họa như vậy. Nay các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:08)

9 (9) *Cuồng Phong*

Ở Sāvattthī.

“Nay các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Nay các Tỳ kheo, trên trời cao những cơn gió mạnh được gọi là cuồng phong đang thổi. Nếu một con chim bay lên đó, những cơn gió mạnh sẽ thổi tung nó, và khi nó bị thổi tung bởi gió mạnh như vậy, chân nó quăng một hướng, cánh quăng hướng khác, đầu quăng hướng khác, và thân quăng hướng khác (như tan tác). Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, buổi sáng mặc y áo, và mang bình bát và cà-sa, đi vô làng hoặc phố thị để khát thực với thân, lời-nói, và tâm không được phòng hộ, không được thiết lập trong sự chánh-niệm, không được kiềm-chế ở các giác-quan. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc mỏng mảnh hoặc không che kín, rồi nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Rồi người khác lấy cà-sa của người đó, người kia thì lấy bình bát, người nọ lấy gối ngồi thiền, và người nữa lấy hộp đựng kim chỉ của người đó, nên giờ (người đó và đời sống tu hành của mình) đã bị tan tác, giống như chim đã bị những cuồng phong thổi bay. Nay các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:09)

10 (10) Có Thêm Bài Kệ

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử). Này các Tỳ kheo, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi *sự vinh-hạnh* (vinh; được tôn vinh và tiếp đón, được cung kính bởi những người tại gia hay người khác...), khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong trạng thái khổ đau, trong một nơi đến thấp xấu, trong cảnh giới địa ngục, trong địa ngục.

“Rồi, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi *sự không-được vinh-hạnh* (không được tôn vinh và tiếp đón, không được cung kính...), khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong trạng thái khổ đau, trong một nơi đến thấp xấu, trong cảnh giới địa ngục, trong địa ngục.

“Rồi, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi cả *sự vinh-hạnh* và *sự không-được vinh-hạnh*, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong trạng thái khổ đau, trong một nơi đến thấp xấu, trong cõi dưới, trong địa ngục. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc. Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm điều này:

“Dù có được tắm trong vinh-hạnh,
 Hay không-được vinh-hạnh, hay cả hai,
 Sự định-tâm của người đó là không lay chuyển,
 Khi người đó an trú trong trạng thái (định) vô lượng.

Khi người hành thiền với sự kiên định,
Là người tuệ-thấy được tâm-nhìn vi tế,
Vui thích phá bỏ sự dính-chấp,
Người ta gọi vị đó là một bậc thượng nhân.”

(SN 17:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

[Bình Bát]

11 (1) *Bình Bát Vàng*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (với thế gian). Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người ở đây khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói một lời nói-dối cố-ý cho dù để có được một bình bát bằng vàng đựng đầy bột bằng bạc.’ Nhưng một thời gian sau đó ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’ nên đã có nói lời nói-dối cố-ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:11)

12 (2) *Bình Bát Bạc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người ở đây khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói một lời nói-dối cố-ý cho dù để có được một bình bát bằng bạc đựng đầy bột bằng vàng.’ Nhưng một thời gian sau đó ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’ nên có nói lời nói-dối cố-ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:12)

13 (3) Một Đồng Tiền Vàng Suvanṇa

14 (4) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Suvanṇa

15 (5) Một Đồng Tiền Vàng Singi

16 (6) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Singi

17 (7) Trái Đất Chứa Toàn Vàng

18 (8) Mọi Phần Thượng Vật Chất

19 (9) Mạng Sống

20 (10) Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người ở đây khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói lời nói-dối cố-ý cho dù để có được một đồng tiền vàng *suvanṇa* ... cho dù để có được một trăm đồng tiền vàng *suvanṇa* ... cho dù để có được một đồng tiền vàng *singi* ... cho dù để có được một trăm đồng tiền vàng *singi* ... cho dù để có được cả trái đất chứa toàn vàng ... cho dù để có được mọi phần thượng vật chất ... cho dù để có được (vì) mạng sống ... cho dù để có được người phụ nữ đẹp nhất (hoa hậu) của vùng đất. Nhưng thời gian sau ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’ nên có nói lời nói-dối cố-ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:13–20)

NHÓM 3

‘NHÓM THỨ BA’

(*Tatiya-vagga*)

[Phụ Nữ]

21 (1) *Một Phụ Nữ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (với thế gian). Này các Tỳ kheo, cho dù một người đang ở riêng với một phụ nữ, người phụ nữ đó có thể không ám muội tâm trí người đó, nhưng sự ‘lợi, danh, vinh’ vẫn ám muội tâm trí người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:21)

22 (2) *Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Này các Tỳ kheo, cho dù một người đang ở riêng với một phụ nữ đẹp nhất vùng đất (hoa hậu), người phụ nữ đó có thể không ám muội tâm trí người đó, nhưng sự ‘lợi, danh, vinh’ vẫn ám muội tâm trí người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:22)

23 (3) *Con Trai Duy Nhất*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nếu cầu ước một cách đúng đắn cho con trai duy nhất của mình, đưa con yêu dấu và thân thương, thì nên cầu ước cho con trai như vậy: ‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Āḷavaka’— vì đây là tiêu chuẩn và mục thước cho những nam đệ tử của ta là người tại-gia, đó là, gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Āḷavaka.¹⁸³ ‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên’— vì đây là tiêu chuẩn và mục thước cho các đệ tử nam của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo], đó là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. ‘Trong khi, này con yêu dấu, con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình ([A-la-hán, giác ngộ]), cầu mong cho sự ‘lợi, danh, vinh’ không xảy đến với con!’

“Này các Tỳ kheo, nếu sự ‘lợi, danh, vinh’ xảy đến với một Tỳ kheo khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:23)

24 (3) Con Gái Duy Nhất

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nếu cầu ước một cách đúng đắn cho con gái duy nhất của mình, đưa con yêu dấu và thân thương, thì nên cầu ước cho con gái như vậy: ‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và bà Veḷukaṇḍakīyā (tức Uttarā), mẹ của

Nanda’— vì đây là tiêu chuẩn và mực thước cho các nữ đệ tử của ta là người tại-gia, đó là Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và bà Veḷukaṇḍakiyā, mẹ của Nanda.¹⁸⁴ ‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như Tỳ kheo ni Khemā và Uppalavaṇṇā’— vì đây là tiêu chuẩn và mực thước cho những nữ đệ tử của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo ni], đó là, Khemā và Uppalavaṇṇā.¹⁸⁵ ‘Trong khi, này con yêu dấu, con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình ([A-la-hán, giác ngộ]), cầu mong cho sự ‘lợi, danh, vinh’ không xảy đến với con!’

“Này các Tỳ kheo, nếu sự ‘lợi, danh, vinh’ xảy đến với một Tỳ kheo ni khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người ni đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:24)

25 (5) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào *không* hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sự ‘lợi, danh, vinh’, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số các tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ trí-biết cuối cùng, trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự ‘lợi, danh, vinh’,

đúng như chúng thực là: thì những người đó ta ta coi là tu sĩ trong số các tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách đã tự mình chứng ngộ trí-biết cuối cùng, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 17:25)

26 (6) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào *không* hiểu được nguồn-gốc và sự chấm-dứt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự ‘lợi, danh, vinh’, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ....

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được nguồn-gốc và sự chấm-dứt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự ‘lợi, danh, vinh’, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số các tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết cuối cùng, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 17:26)

27 (7) Các Tu Sĩ và Bà-la-môn (3)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào *không* hiểu được sự ‘lợi, danh, vinh’, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-

đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ....

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số các tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết cuối cùng, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 17:27)

28 (8) Da

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Sự ‘lợi, danh, vinh’ cắt xuyên qua lớp da ngoài, rồi cắt xuyên qua lớp da trong, rồi xuyên qua thịt, rồi xuyên qua gân, rồi xuyên qua xương. Sau khi cắt xuyên qua xương, chúng cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:28)

29 (9) Sợi Dây

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Sự ‘lợi, danh, vinh’ cắt qua lớp da ngoài, rồi cắt qua lớp da trong, rồi cắt qua lớp thịt, rồi cắt qua gân, rồi cắt qua xương. Sau khi cắt qua xương, chúng cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, giả sử có một lực sĩ quấn chặt chân của một người bằng sợi dây làm từ lông ngựa và cứ xiết chặt nó. Nó có thể cắt qua lớp da ngoài, rồi cắt qua lớp da trong, rồi cắt qua lớp thịt, rồi cắt qua gân, rồi cắt qua xương. Sau khi cắt qua xương, nó có thể cắt tới tủy

sống. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, vinh’ cắt qua lớp da ngoài ... cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:29)

30 (10) Một Tỳ Kheo

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, vinh’, ta nói, là chướng-ngại đối với ngay cả một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.”

Khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda liền hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, tại sao sự ‘lợi, danh, vinh’ còn là một chướng-ngại đối với một Tỳ kheo đã diệt sạch mọi ô-nhiễm?”

“Này Ānanda, ta không nói rằng sự ‘lợi, danh, vinh’ là một chướng-ngại đối với sự giải-thoát bất lay chuyển của-tâm của người đó. Nhưng ta nói chúng là một chướng-ngại đối với [sự chứng đắc] những trạng thái an trú lạc trú của người đó ngay trong kiếp này— đó là những sự an trú an lạc đạt được bởi một người tu sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.¹⁸⁶ Này Ānanda, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), cay đắng, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở cho sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi trói-buộc (với thế gian, sinh tử). Do vậy, này Ānanda, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:30)

NHÓM 4

‘NHÓM THỨ TU’

(*Catuttha-vagga*)

[Sự Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn]

31 (1) *Sự Chia Rẽ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tẻ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử). Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) mới gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:31)

32 (2) *Gốc Rễ Thiện*

.... “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên gốc rễ thiện lành của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:32)

33 (3) *Bản Chất Thiện*

.... “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên bản chất thiện của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt....

(SN 17:33)

34 (4) Bản Chất Sáng

.... “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên bản chất sáng của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt....

(SN 17:34)

35 (5) Không Lâu Sau Khi Ông Ấy Bỏ Đi

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha, trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bỏ đi (khỏi giáo đoàn của Phật). Ở đó, khi đề cập tới Đề-bà-đạt-đa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh dẫn tới sự suy-đồi và hủy-hoại của chính ông ấy. Giống như (1) cây chuối lá, (2) cây tre, hay (3) cây sậy khi nó ra hoa kết quả là dẫn tới sự suy-tàn và hủy-hoại của chính nó; (như cây chuối ra hoa ra trái rồi chết luôn, không như những cây khác vẫn sống và tiếp tục ra hoa trái); tương tự vậy, sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đồi và hủy-hoại của chính ông ấy. (4) Giống như một con la khi nó mang thai là dẫn tới sự suy-tàn và hủy-hoại của chính nó; ([vì con la thường không sinh con nổi, nó sẽ bị mổ bụng khi sinh con, và sẽ bị chết]); tương tự vậy, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đồi và hủy-hoại của chính thầy ấy. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói như vậy:

“Nhu chính trái quả của mình hủy diệt mình,
Đó là cây chuối, cây tre, và cây sậy,
Nhu chính bào thai của mình hủy diệt con la,
Cũng như cái danh hủy diệt kẻ vô lại.”¹⁸⁷

(SN 17:35)

36 (6) Năm Trăm Cỗ Xe

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó có Hoàng tử A-xà-thế (Ajātasattu) đang tới gặp Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) vào buổi sáng và buổi chiều với năm trăm cỗ xe, và phần thức ăn khát thực được chuyển tới trong năm trăm cái nồi cho thầy ấy. Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, đừng ghen tỵ với sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa. Chừng nào Hoàng tử A-xà-thế còn đến gặp Đề-bà-đạt-đa buổi sáng và chiều với năm trăm cỗ xe, và phần thức ăn khát thực được chuyển tới trong năm trăm cái nồi cho ‘ông ấy’, thì có thể biết trước đối với Đề-bà-đạt-đa những trạng thái thiện lành chỉ càng suy giảm, chứ không tăng trưởng.

“Giống như một con chó hoang càng thêm hoang dại khi người ta rắc mật đắng tanh lên mũi của nó ([như: mật cá, mật gấu...]); cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào Hoàng tử A-xà-thế còn đến gặp Đề-bà-đạt-đa ... thì có thể biết trước đối với Đề-bà-đạt-đa những trạng thái thiện lành chỉ càng suy giảm, chứ không tăng trưởng. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại.... Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:16)

37 (7) Mẹ

38 (8) Cha

39 (9) Anh

40 (10) Chị

41 (11) Con Trai

42 (12) Con Gái

43 (13) Vợ

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là cay đắng, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở cho sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi trói-buộc (với thế gian). Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói một lời nói-dối cố-ý cho dù ngay cả vì mẹ mình ... cho dù ngay cả vì cha mình ... cho dù ngay cả vì anh mình ... chị mình ... con trai mình ... con gái mình ... vợ mình.’ Nhưng một thời gian sau ta nhìn thấy người đó, tâm của người đó lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên có nói lời nói-dối cố-ý.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại, là cay đắng, tệ bạc, cản trở cho sự đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi trói-buộc (với thế gian). Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 17:16–43)

Chương 18

Liên Kết RĀHULA

(18 *Rāhula-saṃyutta*)

(18 *Tương ứng La-Hầu-La*)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

1 (1) Mắt...

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Lúc đó Ngài Rāhula (La-hầu-la) đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:¹⁸⁸

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp một cách ngắn gọn cho con, để cho, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định (tu tập).”

“Này Rāhula, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Tai ... lưỡi ... thân ... tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với tai, sự ghê-sợ đối với mũi, sự ghê-sợ đối với lưỡi, sự ghê-sợ đối với thân, sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên

chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:01)

2 (2) Những Hình-sắc...

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, những hình-sắc ... những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”....

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với những hình-sắc ... sự ghê-sợ đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:02)

3 (3) Thức

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, thức mắt ... thức tai ... thức mũi ... thức lưỡi ... thức thân ... thức tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”....

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với thức mắt ... thức tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:03)

4 (4) *Sự Tiếp Xúc* (xúc)

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự tiếp-xúc ở mắt ... tiếp-xúc ở tai ... tiếp-xúc ở mũi ... tiếp-xúc ở lưỡi ... tiếp-xúc ở thân ... tiếp-xúc ở tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”
....

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với sự tiếp-xúc ở mắt ... sự tiếp-xúc ở tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:04)

5 (5) *Cảm Giác* (thọ)

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc ở mắt ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc ở tai ... cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc ở mũi ... cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc ở lưỡi ... cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc ở thân ... cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc ở tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc ở mắt ... cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc ở tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:05)

6 (6) Nhận Thức (tưởng)

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những âm-thanh ... nhận-thức về những mùi-hương ... nhận-thức về những mùi-vị ... nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc ... nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:06)

7 (7) Sự Cố Ý (tư)

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những âm-thanh ... sự cố-ý đối với những mùi-hương ... sự cố-ý đối với những mùi vị ... sự cố-ý đối với những đối tượng chạm xúc ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:07)

8 (8) Dục Vọng (ái)

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những âm-thanh ... dục-vọng đối với những mùi-hương ... dục-vọng đối với những mùi-vị ... dục-vọng đối với những đối-tượng chạm xúc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:08)

9 (9) Các Yếu Tố (giới)

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:09)

10 (10) Các Uẩn (tập hợp, đồng)

.... “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với thân-sắc ... thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 18:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

11 (1) Mắt...

12 (2) Những Hình-sắc...

13 (3) Thức

14 (4) Sự Tiếp Xúc (xúc)

15 (5) Cảm Giác (thọ)

16 (6) Nhận Thức (tưởng)

17 (7) Sự Cố Ý (tư)

18 (8) Dục Vọng (ái)

19 (9) Những Yếu Tố (xứ)

20 (10) Các Uẩn (tập hợp, đồng)

[10 bài kinh này là giống hệt như 10 bài kinh kể trên (**SN 18:01–10**), tức **NHÓM 1**, chỉ khác là trong những bài kinh này Đức Phật đã tự đặt câu hỏi thăm vấn Rāhula chứ không phải do Rāhula đến hỏi Phật giảng giải về những giáo lý này.]

21 (11) Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (tùy miên)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, làm sao một người biết, làm sao một người thấy để mà: đối với thân có-thức này (tức thân có-thức của mình) và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) ở bên ngoài (tức thân có-thức của chúng sinh khác), thì cái sự tạo-nên (đặt nên, đặt điều, chấp có) cái ‘ta’ (chức năng của ngã-kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (chức năng của dục-vọng), và cái khuynh-hướng tiềm-ẩn của (tạo ra) sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) không còn xảy ra ở bên-trong (tâm) nữa?”¹⁸⁹

“Này Rāhula, mọi thân-sắc dù là loại gì: thuộc quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần—¹⁹⁰ một người nhìn thấy tất cả thể-sắc, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã’ của ta.’

“Mọi loại cảm-giác ... Mọi loại nhận-thức ... Mọi loại sự tạo-tác cố-ý ... Mọi loại thức dù là loại gì: thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy mọi cảm-giác ... thức, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta.’

“Khi một người biết và thấy như vậy, này Rāhula, thì đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn của (tạo ra) sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) không còn xảy ra ở bên-trong (tâm) nữa”

(SN 18:21)

22 (12) Không Còn

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, làm sao một người biết, làm sao một người thấy, để cho: đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu ở bên ngoài, tâm không-còn (đã loại bỏ được) cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn của (tạo ra) sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn), (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?”¹⁹¹

“Này Rāhula, mọi thân-sắc dù là loại gì: thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta’, thì người đó được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.

“Mọi loại cảm-giác ... Mọi loại nhận-thức ... Mọi loại sự tạo-tác cố-ý ... Mọi loại thức dù là loại gì: dù là quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta’, thì người đó được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.

“Này Rāhula, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu ở bên ngoài, tâm không-còn sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn của sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo.”

(SN 18:22)

Chương 19

Liên Kết LAKKHAṆA

(19 Lakkhaṇa-saṃyutta)

(19 Tương ứng Lakkhaṇa)

NHÓM 1

‘NHÓM THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

1 (1) Bộ Xương

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Lakkhaṇa và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang ở trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Đại Mục-kiền-liên mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, thầy đến gặp thầy Lakkhaṇa và nói với thầy ấy:

“Đi nào, đạo hữu Lakkhaṇa, chúng ta cùng đi vô thành Rājagaha để khát thực.”

“Được rồi, này đạo hữu”, thầy Lakkhaṇa đáp lại. Rồi, khi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, thầy Đại Mục-kiền-liên có lúc thể hiện một nụ cười trên đường đi. Thầy Lakkhaṇa liền nói với thầy: “Này đạo hữu, vì lý do gì mà thầy thể hiện một nụ cười?”

“Lúc này không hợp để hỏi, này đạo hữu Lakkhaṇa. Hãy hỏi câu hỏi này khi chúng ta có mặt đức Thế Tôn.”

Rồi, sau khi thầy Lakkhaṇa và thầy Đại Mục-kiền-liên đã đi khát thực trong thành Rājagaha và trở về sau một vòng đi khát thực, sau khi ăn trưa, họ đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thầy Lakkhaṇa đã nói với thầy Đại Mục-kiền-liên: “Ồ đây, khi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, Ngài Đại Mục-kiền-liên có lúc đã thể hiện một nụ cười trên đường đi. Này đạo hữu Mục-kiền-liên, vì lý do gì mà thầy đã thể hiện một nụ cười như vậy?”

“Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, tôi đã nhìn thấy một bộ xương đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi sát theo nó, mổ cắn chỗ giữa các xương sườn, đâm mổ nó, và cắn xé nó ra trong khi nó phát ra những tiếng kêu đau đớn.¹⁹² Điều này đã xảy đến với tôi: ‘Thật kỳ diệu, thật vậy! Thật đáng ngạc nhiên, thật vậy! Rằng có thể có một chúng sinh như vậy, rằng có thể có một ‘hồn ma’ như vậy, rằng có thể có một dạng hiện-hữu cá thể như vậy!’”¹⁹³

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, có những đệ tử sống sau khi đã trở thành tâm-nhìn (kiến), đã trở thành trí-biết (trí), trong đó một đệ tử có thể biết, thấy, và chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Này các Tỳ kheo, trước đây ta cũng nhìn thấy chúng sinh đó, nhưng ta đã không nói về điều đó, vì nếu ta nói những người khác có thể sẽ không tin ta, và nếu họ không tin ta, điều đó sẽ dẫn sự nguy-hại và sự khổ-đau dài lâu cho họ.

“Này các Tỳ kheo, (kiếp trước) chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-súc (trâu, bò, heo...) cũng ở vùng Rājagaha này. Sau khi đã bị đày đọa trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm vì quả báo của nghiệp (ác) đó, do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót lại, nên hiện tại chúng sinh đó đang nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể như vậy.”¹⁹⁴

(SN 19:01)

[Những bài kinh sau giống hệt theo khuôn-mẫu của bài kinh đầu tiên này. Như bản gốc Pāli chỉ ghi lại phần câu chữ khác-nhau trong các bài kinh mà thôi.]

2 (2) Miếng Thịt

... “Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kèn Kèn, tôi đã nhìn thấy một miếng thịt đang bay trong không trung. Những con kèn kèn, quạ, và điều hâu bay đuổi sát theo nó, đâm mổ nó, và cắn xé nó ra trong khi nó phát ra những tiếng kêu đau đớn.”....

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-súc cũng ở vùng Rājagaha này....”¹⁹⁵

(SN 19:02)

3 (3) Cục Thịt

... “Tôi đã nhìn thấy một cục thịt đang bay....”

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-cầm (gà, vịt ...) cũng ở vùng Rājagaha này....”

(SN 19:03)

4 (4) Người Bị Lột Da

... “Tôi đã thấy một người bị lột da đang bay”

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt cừu cũng ở vùng Rājagaha này....”

(SN 19:04)

5 (5) Lòng Bằng Lưỡi Kiếm

... “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lòng bằng lưỡi kiếm đang bay trong không trung. Những lưỡi kiếm cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn....”

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt heo cũng ở vùng Rājagaha này....”

(SN 19:05)

6 (6) *Lông Bằng Lưỡi Giáo*

... “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng lưỡi giáo đang bay trong không trung. Những lưỡi giáo cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn....”

“Chúng sinh đó đã từng là người săn bắn hươu nai cũng ở vùng Rājagaha này....”

(SN 19:06)

7 (7) *Lông Bằng Mũi Tên*

... “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng mũi tên đang bay trong không trung. Những mũi tên cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra tiếng kêu đau đớn....”

“Chúng sinh đó đã từng là người tra tấn (người khác) cũng ở vùng Rājagaha này....”¹⁹⁶

(SN 19:07)

8 (8) *Lông Bằng Kim (1)*¹⁹⁷

... “Tôi đã nhìn thấy một người có thân với lông bằng kim nhọn đang bay trong không trung. Những cây kim cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra tiếng kêu đau đớn....”

“Chúng sinh đó đã từng là người huấn luyện ngựa (thường đánh đập ngựa) cũng ở vùng Rājagaha này....”

(SN 19:08)

9 (9) *Lông Bằng Kim (2)*

... “Tôi đã nhìn thấy một người có thân với lông bằng kim nhọn đang bay trong không trung. Những cây kim đó chui vô đầu người đó rồi đâm ra ở miệng; chúng chui vô miệng rồi đâm ra ở ngực; chúng chui vô ngực rồi đâm ra ở bụng; chúng chui vô bụng rồi đâm ra ở đùi; chúng chui vô đùi rồi đâm ra ở bắp chân; chúng chui vô bắp chân rồi đâm ra ở bàn chân, trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn...”

“Chúng sinh đó đã từng là kẻ vu khống vu oan cũng ở vùng Rājagaha này....”¹⁹⁸

(SN 19:09)

10 (10) *Tinh Hoàn Bằng Cái Nồi*

... “Tôi đã nhìn thấy một người có hai tinh hoàn giống như hai cái nồi đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ ông ta và xé xác ông ta ra trong khi ông ta phát ra những tiếng kêu đau đớn”

“Chúng sinh đó đã từng là một quan tòa tham nhũng cũng ở vùng Rājagaha này....”¹⁹⁹

(SN 19:10)

NHÓM 2

‘NHÓM THỨ HAI’

(*Dutiya-vagga*)

11 (1) *Đầu Bị Dìm*

... “Tôi nhìn thấy một người đàn ông với cái đầu bị dìm ngập trong đồng phân”

“Chúng sinh đó (kiếp trước) đã từng là một kẻ dâm phu (với vợ người khác) cũng ở trong vùng Rājagaha này....”

(SN 19:11)

12 (2) *Người Ăn Phân*

... “Tôi đã nhìn thấy một người đàn ông với cái đầu bị dìm ngập trong đồng phân, đang hót phân ăn bằng cả hai tay”

“Này các Tỳ kheo, chúng sinh đó đã từng là một bà-la-môn tàn ác cũng ở trong vùng Rājagaha này. Vào thời kiếp của Đức Phật Ca-Điếp đang giáo hóa (thế gian), ông đã mời Tăng đoàn các Tỳ kheo bữa cơm. Nhưng ông bỏ phân vào các nồi đựng cơm và nói với các Tỳ kheo: ‘Này các ngài, các ngài muốn bao nhiêu cứ ăn cho đã và mang luôn phần còn lại đi về.’...”

(SN 19:12)

13 (3) *Người Phụ Nữ Bị Lộ Da*

... “Tôi đã nhìn thấy một phụ nữ bị lộ da đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và điều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ bà ta và xé xác bà ta ra trong khi bà phát ra những tiếng kêu đau đớn....”

“Người phụ nữ đó từng là kẻ dâm phụ (ngoại tình với đàn ông khác) cũng ở trong vùng Rājagaha này....”

(SN 19:13)

14 (4) Người Đàn Bà Xấu Xí

... “Tôi nhìn thấy một phụ nữ, bốc mùi hôi thúi và xấu xí, đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ bà ta và xé xác bà ra trong khi bà phát ra những tiếng kêu đau đớn”

“Người phụ nữ đó từng là một thầy bói cũng ở trong vùng Rājagaha này....”²⁰⁰

(SN 19:14)

15 (5) Người Đàn Bà Cháy Bốc Khói

... “Tôi đã nhìn thấy một phụ nữ, với thân đang cháy nung, cháy bốc khói, dính đầy mụi than đen, đang bay trong không trung, trong khi bà ta đang phát ra những tiếng kêu đau đớn”

“Người phụ nữ đó từng là hoàng hậu chánh cung của vua xứ Kalinga. Do tính ghen tỵ, bà ta đã đổ một nồi than cháy lên người một trong những thiếp của nhà vua”

(SN 19:15)

16 (6) Thân Không Đầu

... “Tôi nhìn thấy một cái thân người không đầu đang bay trong không trung; mắt và miệng nằm ở trên ngực. Những con kền kền, quạ,

và điều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ vào nó và xé xác nó ra, trong khi nó phát ra những tiếng kêu đau đớn”

“Chúng sinh đó từng là một kẻ hành quyết (đồ tể) tên là Hārīka cũng ở trong vùng Rājagaha này”

(SN 19:16)

17 (7) Tỳ Kheo Xấu Ác

... “Tôi nhìn thấy một Tỳ kheo đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn”

“Tỳ kheo đó từng là Tỳ kheo xấu ác vào thời của Đức Phật Ca-Điếp đang giáo hóa....”²⁰¹

(SN 19:17)

18 (8) Tỳ Kheo Ni Xấu Ác

... “Tôi đã nhìn thấy một Tỳ kheo ni đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn”

“Tỳ kheo ni đó từng là Tỳ kheo ni xấu ác vào thời của Đức Phật Ca-Điếp đang giáo hóa....”

(SN 19:18)

19 (9) Một Nữ Tu Tập Sự Xấu Ác

20 (10) Một Sa-Di Xấu Ác

21 (11) Một Sa-Di Ni Xấu Ác

... “Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kèn Kèn, tôi đã nhìn thấy một nữ tu tập sự ... một sa-di ... một sa-di ni đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn. Điều này đã xảy đến với tôi: ‘Thật kỳ diệu, thật vậy! Thật đáng ngạc nhiên, thật vậy! Rằng có thể có một chúng sinh như vậy, rằng có thể có một ‘hồn ma’ như vậy, rằng có thể có một dạng hiện-hữu cá thể như vậy!’”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, có những đệ tử sống sau khi đã trở thành tâm-nhìn (kiến), đã trở thành trí-biết (trí), trong đó một đệ tử có thể biết, thấy, và chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Này các Tỳ kheo, trước đây ta cũng nhìn thấy chúng sinh đó, nhưng ta đã không nói về điều đó, vì nếu ta nói những người khác có thể sẽ không tin ta, và nếu họ không tin ta, điều đó sẽ dẫn sự nguy-hại và sự khổ-đau dài lâu cho họ.

“Này các Tỳ kheo, (kiếp trước) nữ tu tập sự đó ... sa-di đó ... sa-di ni đó đã từng là một nữ tu tập sự xấu ác ... một sa-di xấu ác ... một sa-di ni xấu ác trong thời của Đức Phật Ca-Diếp đang giáo hóa. Sau khi đã bị đày đọa trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm vì quả báo của nghiệp (ác) đó, do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót lại, nên hiện tại chúng sinh đó đang nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể như vậy.”

(SN 19:19–21)

Chương 20

Liên Kết VÍ DỤ

(20 *Opamma-samyutta*)

(20 *Tương ứng Thí Dụ*)

1 **Đỉnh Chóp Mái Nhà**

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ví dụ những thanh xà dọc của một căn nhà có mái chóp thì đều dẫn lên đỉnh chóp và hội tụ nơi đỉnh chóp, và tất cả chúng sẽ bị dỡ bung khi đỉnh chóp bị gỡ đi; cũng giống như vậy, tất cả những trạng thái bất thiện được bắt rễ từ vô-minh và hội tụ chỗ vô-minh, và tất cả chúng sẽ được búng bỏ khi vô-minh được búng bỏ.²⁰² Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu hành) một cách chuyên cần.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:01)

2 **Móng Tay**

Ở Sāvattthī.

Lúc đó đức Thế Tôn lấy chút đất trong móng tay của mình và nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: chút đất lấy trong móng tay của ta hay đại địa cầu?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Một chút đất được lấy trong móng tay của Thế Tôn chỉ là nhỏ nhất. So với đại địa cầu, nó chẳng đáng để tính, chẳng đáng để so, thậm chí chẳng được một phân nào.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tái sinh trong loài người ([và trong giới thiên thân]) thì rất ít. Nhưng những chúng sinh tái sinh ở những nơi khác loài người thì nhiều hơn.²⁰³ Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu hành) một cách chuyên cần.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:02)

3 Các Gia Đình

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ những kẻ trộm cướp dễ dàng tấn công những gia đình có nhiều nữ và ít nam; cũng giống như vậy, những chúng sinh phi-nhân (ác quỷ, quỷ dữ) dễ dàng tấn công một Tỳ kheo là người không tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ.

“Ví dụ những kẻ trộm cướp khó tấn công những gia đình có nhiều nam và ít nữ; cũng giống như vậy, những chúng sinh phi-nhân khó mà tấn công một Tỳ kheo là người đã phát triển và tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:03)

4 Những Nồi Thức Ăn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai cho đi (bố thí) một trăm nồi thức ăn từ thiện vào buổi sáng, một trăm nồi thức ăn từ thiện vào buổi trưa, và một trăm nồi thức ăn từ thiện vào buổi cuối chiều; và, có người khác thì tu tập tâm-từ trong chỉ một chút thời gian thậm chí chỉ đủ để kéo một nùm vú con bò (để vắt sữa), dù là lúc buổi sáng, hay buổi trưa, hay buổi

chiều, thì việc (tu tập tâm-từ) đó còn mang lại nhiều phước quả hơn việc (bồ thí nhiều) kia.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:04)

5 Ngọn Giáo

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ như có một cây giáo lưỡi nhọn, và một người đến nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bẻ gập cây giáo nhọn này bằng tay hoặc nắm tay của ta, vặn xoắn nó, và cuộn nó lại.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, người đó có làm được vậy không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì không dễ dàng bẻ được cây giáo lưỡi nhọn đó bằng tay hoặc nắm tay của một người, rồi vặn xoắn nó, và cuộn nó lại. Người đó chỉ ném trái sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã phát triển và tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, đã làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), đã làm nó thành một căn bản, đã ổn định nó, đã thực hành chính bản thân mình trong nó, đã hoàn thiện nó một cách tròn đầy, nếu có chúng sinh phi-nhân nào nghĩ tới việc làm khuynh đảo tâm trí của Tỳ kheo đó, thì họ chỉ ném trái sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn

định nó, thực hành chính bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:05)

6 *Cung Thủ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có bốn cung thủ với thanh cung chắc cứng, được thao luyện, thiện thạo, đầy kinh nghiệm, bốn người đang đứng bốn hướng.²⁰⁴ Rồi một người đến và nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bắt được những mũi tên bốn cung thủ này bắn ra từ bốn hướng trước khi chúng rơi xuống đất, rồi mang chúng về lại (cho họ).’ Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, nếu là như vậy thì có đủ để chúng ta nói: ‘Đó là người chạy nhanh với tốc độ siêu phàm?’”

“Thưa Thế Tôn, ngay cả khi người đó chỉ bắt được một mũi tên bắn ra bởi một cung thủ trước khi nó rơi xuống đất và mang nó về lại (cho cung thủ đó) thì chỉ vậy cũng đủ để chúng ta nói: ‘Đó là người chạy nhanh với tốc độ siêu phàm.’ Đâu cần phải nói tới việc bắt cả bốn mũi tên bắn ra bởi bốn cung thủ!”

“Này các Tỳ kheo, người đó là quá nhanh, nhưng mặt trăng và mặt trời còn nhanh hơn. Quá nhanh như người đó, và quá nhanh như mặt trăng và mặt trời, và quá nhanh như các thiên-thần chạy trước mặt trăng và mặt trời, nhưng những sự tạo-tác sự sống (hành sinh-mạng)²⁰⁵. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu hành) một cách chuyên cần.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:06)

7 Cái Chốt Trống

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thời xưa những người Dasāraha có một cái trống làng được gọi tên là Người Triệu Tập. Mỗi khi trống triệu tập bị nứt (chỗ chốt), những người Dasāraha đóng chêm vào đó bằng một cái chốt khác.²⁰⁶ Rồi dần dà về sau, cái mặt (da) trống cũng biến mất (rớt ra), chỉ còn lại một mớ chốt (vô dụng).

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, các Tỳ kheo trong thời tương lai cũng giống như vậy. Khi những bài thuyết giảng (kinh) được nói bởi Như Lai là thâm sâu, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên thế gian, liên hệ đến tính-không, đang được tụng giảng, thì họ sẽ không muốn lắng nghe chúng, không lóng tai nghe chúng, và cũng không ứng dụng vào tâm để hiểu chúng; và họ không cho rằng những giáo lý đó nên cần được học-hiểu và nắm vững. Nhưng khi những bài thuyết giảng chỉ là những bài thơ ca của các thi sĩ, với câu chữ mỹ miều, được sáng tạo bởi người những người ngoài đạo, được nói ra bởi những đệ tử [của họ], đang được ngâm đọc, thì họ lại muốn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và ứng dụng tâm để hiểu chúng, và họ cho rằng những giáo lý đó mới cần được học-hiểu và nắm vững. Theo cách như vậy, này các Tỳ kheo, thì những bài thuyết giảng được nói bởi Như Lai là thâm sâu, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên thế gian, liên hệ đến tính-không, sẽ dần dà biến mất (giống như cái mặt trống làng biến mất, chỉ còn lại mớ chốt vô dụng).

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Khi những bài thuyết giảng được nói bởi Như Lai là thâm sâu, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên thế gian, liên hệ đến tính-không, đang được tụng giảng thì chúng ta sẽ luôn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và ứng dụng tâm để hiểu chúng; và chúng ta sẽ cho rằng những giáo lý đó mới

cần được học-hiểu và nắm vững.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.’

(SN 20:07)

8 Những Khôi Gỗ

Tôi nghe như vậy, trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), ở chỗ Ngôi Đền Mái Nhọn. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, thời bây giờ những người Licchavi (= người Bạt-kỳ) sống dùng những gỗ súc để làm nệm gối; họ siêng năng và nhiệt thành trong thao tác. Vua A-xà-thế (Ajātasattu) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), người con vùng Videha, thì không thể tiếp cận được (tấn công) họ; ông không thể nắm (điều khiển) được họ. Nhưng trong thời tương lai những người Licchavi sẽ trở nên mỏng manh, vói tay và chân mềm mại và mảnh mai; họ sẽ ngủ dài cho tới khi mặt trời mọc trên giường nệm mềm đầy gối bông. Lúc đó Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà sẽ tiếp cận được họ; rồi ông sẽ nắm được họ.

“Này các Tỳ kheo, thời bây giờ các Tỳ kheo dùng những gỗ súc để làm nệm gối; họ chuyên cần và nhiệt thành trong nỗ lực tinh tấn. Ma Vương Ác Ma không thể tiếp cận được họ; hấn không nắm (điều khiển, phá hoại) được họ. Nhưng trong thời tương lai các Tỳ kheo sẽ trở nên mỏng manh, vói tay chân mềm mại và mảnh mai; họ sẽ ngủ dài tới khi mặt trời mọc trên giường nệm mềm với đầy gối bông. Lúc đó Ma Vương Ác Ma sẽ tiếp cận được họ; hấn sẽ nắm được họ.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Dùng gỗ súc làm nệm gối, chúng ta sẽ sống (tu hành) chuyên cần và

niệt thành trong sự phân-đấu (tinh cần).’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:08)

9 Con Voi Đực

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo vừa mới thụ giới đang đến gặp các gia đình quá nhiều (gặp lâu, gặp nhiều lần). Các Tỳ kheo khác mới nói với thầy ấy: “Quý thầy chớ nên đến gặp các gia đình quá nhiều”, nhưng khi được họ khuyên bảo như vậy thầy ấy nói lại: “Những vị Tỳ kheo trưởng lão nghĩ họ có thể đến gặp các gia đình, sao tôi lại không được?” Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại chuyện đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

(a) “Này các Tỳ kheo, thời xưa có một hồ nước lớn trong một khu rừng, nơi có những con voi đực sống lân cận ở đó. Những con voi thường lội xuống hồ nước, kéo nhỏ những cây sen lên, và giữ rửa chúng kỹ càng (trong nước), sau đó nhai ăn và nuốt chúng, đã sạch bùn. Điều đó làm tăng thêm sắc đẹp và sức mạnh (của voi), và nhờ vào điều đó chúng không gặp phải chết chóc hay đau khổ như chết.

(b) “Những con cháu của chúng sau này, theo gương những con voi đực, cũng lội xuống hồ và kéo nhỏ những cây sen lên, *nhưng* không giữ rửa chúng kỹ càng, không nhai kỹ chúng, chỉ nuốt trọn chúng, còn dính bùn. Điều đó không làm tăng sắc đẹp và sức mạnh, và do bị điều đó chúng gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết.

(a’) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thời bây giờ các Tỳ kheo trưởng lão sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay

phố thị để khát thực. Ở đó họ nói giảng Giáo Pháp, và những người tại gia thể hiện niềm-tin vào các thầy. Các thầy sử dụng những lợi lộc (đồ cúng dường) mà không bị dính-chấp vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng. Điều này làm tăng vẻ đẹp và sự mạnh mẽ của họ, và nhờ vào điều đó họ không gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết.

(b’) “Những Tỳ kheo mới thụ giới, theo gương những Tỳ kheo trưởng lão, sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Ở đó họ nói về Giáo Pháp và những người tại gia thể hiện niềm-tin vào họ. Họ dùng những lợi lộc (đồ cúng dường) mà bị dính chấp vào chúng, mê thích chúng, bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng, chứ không nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng và không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng. Điều này không làm tăng vẻ đẹp và sự mạnh mẽ của họ, và do bị điều đó họ gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ dùng những thứ lợi lộc (đồ cúng dường) mà không bị dính-chấp vào chúng, không mê-thích chúng, không bị cuốn-hút một cách mù quáng vào chúng, mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng và hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:09)

10 Con Mèo

Ở Sāvattḥī.

Bây giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo đang gặp gỡ giao lưu quá nhiều với các gia đình. Các trưởng lão khác mới nói với thầy ấy: “Quý thầy

không nên gặp gỡ giao lưu quá nhiều với các gia đình”, nhưng khi được khuyến bảo như vậy, thầy ấy vẫn không chừa bỏ.

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại chuyện đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

(a) “Này các Tỳ kheo, thời xưa có một con mèo đứng chờ nơi một ngõ hẹp, hay một rãnh cống, hay một thùng rác để canh bắt con chuột nhỏ, nó nghĩ rằng: ‘Khi con chuột nhất chạy ra kiếm ăn, ngay lúc đó ta bắt nó và ăn thịt nó.’ Rồi con chuột nhất chạy ra kiếm ăn, và con mèo đã bắt nó và nuốt trọn nó ngay, không nhai nó. Rồi con chuột nhất (còn sống) đã ăn ruột và mỡ sa trong bụng con mèo, và do bởi điều đó nên con mèo gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết.

(a’) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có Tỳ kheo sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hoặc phố thị để khát thực với thân, lời-nói, và tâm không được phòng hộ, không được thiết lập trong sự chánh-niệm, không kiềm chế các giác-quan. Người đó thấy phụ nữ ăn mặc mỏng mảnh hoặc không che kín, rồi nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết. Này các Tỳ kheo, ‘chết chóc’ ở đây theo Thánh Giới Luật là: Tỳ kheo đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Còn ‘khổ đau như chết’ ở đây là: người đó vi phạm một tội do ô-nhiễm (ở đây, do nhục-dục) thuộc loại tội cho phép có thể (chịu hình phạt, sám hối) để khôi phục.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy: ‘Chúng ta sẽ đi vô làng hoặc phố thị để khát thực với thân, lời-nói, và tâm được phòng hộ, với sự chánh-niệm được thiết lập, kiềm chế các giác-quan.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:10)

11 Con Chó Rừng (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy đã nghe tiếng một con chó rừng già (con già can) tru trước lúc trời rạng sáng không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Con chó già đó bị mắc một căn bệnh gọi là bệnh ghẻ lở. Nhưng nó vẫn đi đâu nó muốn, đứng đâu nó muốn, ngồi đâu nó muốn, nằm đâu nó muốn, và thậm chí còn bị gió lạnh thổi vào nó. Sẽ tốt lành cho ‘một người nào đó’ ở đây tuyên bố mình là một tu sĩ [sa-môn] đi theo người con của họ tộc Thích-Ca (tức Phật) nếu người đó đang nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể (đầy đọa, khổ đau) như vậy.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống (tu hành) một cách chuyên cần.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”²⁰⁷

(SN 20:11)

12 Con Chó Rừng (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy đã nghe tiếng một con chó rừng già tru trước lúc trời rạng sáng không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Có thể còn có một chút lòng biết ơn và cảm ơn trong (tâm) con chó già đó, nhưng không có chút sự biết ơn và cảm ơn nào trong ‘người nào đó’ ở đây khi tuyên bố mình là một đệ tử đi theo người con xứ Thích-Ca.”²⁰⁸

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ biết ơn và cảm ơn, và chúng ta sẽ không bỏ quên dù một chút xíu công ơn (người khác) đã làm cho chúng ta.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 20:12)

Chương 21

Liên Kết CÁC TỖ KHEO

(21 Bhikkhu-samyutta)

(21 Tương ứng Tỷ Kheo)

1 *Kolita*

*(Kolita là tên gọi của Ngài Mục-kiền-liên; Mục-kiền-liên là họ.)*²⁰⁹

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó Ngài Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các đạo hữu!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỷ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, khi tôi đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu (suy xét) đã khởi sinh trong tôi tâm tôi như vậy: ‘Từng nghe nói, “sự im lặng thánh thiện, sự im lặng thánh thiện.” Giờ cái gì là sự im lặng thánh thiện?’²¹⁰

“Này các đạo hữu, rồi điều này đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây được gọi là sự im lặng thánh thiện.’

“Sau đó, này các đạo hữu, với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái ... có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm. Trong khi tôi an trú trong đó, sự nhận-thức và sự chú-tâm (tác ý) có đi kèm ý-nghĩ (tâm) đã tấn công tôi.

“Rồi, này các đạo hữu, đức Thế Tôn bằng thân thông đã đến với tôi và nói điều này: ‘Này Mục-kiền-liên, này Mục-kiền-liên, không được lo ngại (xao lãng) đối với ‘sự im lặng thánh thiện’, này bà-la-môn. Ôn định tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’, hợp nhất tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’, định tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện.’

Rồi, này các đạo hữu, một lúc sau đó, với sự lảng lạn của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai như vậy: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó có thể nói điều này.”²¹¹

(SN 21:01)

2 *Upatissa*

(Upatissa là tên gọi của Ngài Xá-lợi-phất; Xá-lợi-phất là họ.)

Ở Sāvattthī. Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỷ kheo!”

“Thưa đạo hữu!”, các Tỷ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, khi đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Có thứ gì trong thế gian mà sự thay đổi và sự biến đổi của nó làm khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong tôi?’ Rồi điều này đã xảy đến với tôi: ‘Không có thứ gì trong thế gian mà sự thay đổi và sự biến đổi của nó làm khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong tôi?’”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda nói với thầy Xá-lợi-phất: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, ngay cả khi vị Sư Thầy (tức Phật) có trải qua sự thay đổi và sự biến đổi (chết), thì sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong đạo hữu đúng không?”

“Này đạo hữu,²¹² ngay cả khi vị Sư Thầy có trải qua sự thay đổi và sự biến đổi, thì sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong tôi. Tuy nhiên, có điều này sẽ xảy đến với tôi: ‘Vị Sư Thầy, thật ảnh hưởng (lỗi lạc), thật uy lực và uy dũng, đã qua đời. Nếu đức Thế Tôn sống lâu thêm nữa, thì điều đó sẽ là vì phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì phúc lợi và hạnh phúc của các thiên thần và loài người.’”

“Chắc bởi vì cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã chấp), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (thân kiến) và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) đã được búng bỏ sạch sẽ trong (tâm của) Ngài Xá-lợi-phất từ lâu,²¹³ cho nên ngay cả khi vị Sư Thầy trải qua sự thay đổi và sự biến đổi, thì sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong thầy ấy.”

(SN 21:02)

3 Cái Thùng

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Lúc bảy giờ, vào lúc đó thì Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong một khu trú ngụ duy nhất trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Thầy ấy chào hỏi thầy Đại Mục-kiền-liên, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Mục-kiền-liên:

“Này đạo hữu Mục-kiền-liên, các giác quan của thầy tĩnh lặng, sắc diện của thầy trong và sáng. Có phải Ngài Đại Mục-kiền-liên mới trải qua một ngày trong sự an trú bình an không?”

“Này đạo hữu, tôi trải qua một ngày trong sự an trú thô tế,²¹⁴ nhưng tôi có nói chuyện Giáo Pháp.”

“Ngài Đại Mục-kiền-liên nói chuyện Giáo Pháp với ai?”

“Này đạo hữu, tôi nói chuyện Giáo Pháp với đức Thế Tôn.”

“Nhưng đức Thế Tôn đang đi xa mà, đạo hữu. Đức Thế Tôn hiện đang ở tại Sāvathī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh xá Cấp Cô Độc. Có phải Ngài Đại Mục-kiền-liên tiếp cận đức Thế Tôn qua phương tiện thần-thông (năng lực tâm linh), hay đức Thế Tôn đã tiếp cận Ngài Đại Mục-kiền-liên qua phương tiện thần-thông?”

“Này đạo hữu, tôi không tiếp cận đức Thế Tôn qua phương tiện thần-thông, và đức Thế Tôn cũng không tiếp cận tôi qua phương tiện thần-thông. Thay vì vậy, đức Thế Tôn đã để (mở) yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn thông) và tai thiên thánh (thiên nhĩ thông) để liên lạc với tôi, và tôi đã để (mở) yếu-tố mắt thiên thánh và tai thiên thánh để liên lạc với đức Thế Tôn.”

“Loại Giáo Pháp nào Ngài Đại Mục-kiền-liên đã mới đàm thoại với đức Thế Tôn?”

“Ồ đây, này đạo hữu, tôi đã nói với đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, từng nghe nói “người có sự nỗ-lực được phát khởi, người có sự nỗ-lực được phát khởi.” Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người có sự nỗ-lực được phát khởi?’ Rồi đức Thế Tôn đã nói với tôi rằng: ‘Ồ đây, này Mục-kiền-liên, một Tỷ kheo có sự nỗ-lực (tinh tấn) được phát khởi sẽ an trú như vậy: “Quyết tâm rằng, cho dù chỉ còn da, gân, xương, và cho dù thịt-máu khô cạn trong thân này của ta, ta cũng không xao lãng sự nỗ-lực (tinh tấn) cho tới khi nào ta chưa chứng ngộ điều có thể chứng ngộ bằng sức người, bằng sự nỗ-lực của con người, bằng sự phấn-đấu của con người.”²¹⁵ Này Mục-kiền-liên, theo cách như vậy là người đó đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).’ Này đạo hữu, đó là Pháp thoại mà tôi đã nói với đức Thế Tôn.”

(Thầy Xá-lợi-phất nói:) “Này đạo hữu, so với Ngài Đại Mục-kiền-liên chúng tôi chỉ giống như vài hột sỏi đem so với dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi. Bởi vì Ngài Đại Mục-kiền-liên có uy lực và uy dũng của đại thần-thông nên nếu thầy ấy muốn thầy ấy có thể sống được (ở đây) một đại-kiếp.”²¹⁶

(Thầy Mục-kiền-liên nói:) “Này đạo hữu, so với Ngài Xá-lợi-phất, chúng tôi chỉ giống như vài hột muối đem so với một thùng muối. Bởi vì Ngài Xá-lợi-phất đã được tuyên dương, được ca ngợi, được khen ngợi theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn như vậy:

“Vì Xá-lợi-phất là cao nhất,
Về trí-tuệ, đức-hạnh, và bình-an,
Nên một Tỳ kheo có hơn bao nhiêu,
Thì cao nhất cũng chỉ bằng thầy ấy.”

Theo cách này cả hai con rồng lớn mỗi vị đều thấy hoan-hỷ với những lời được khẳng định và tuyên bố bởi người kia.²¹⁷

(SN 21:03)

4 Tỳ Kheo Mới Thụ Giới

Ở Sāvattihī.

Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo mới thụ giới, sau khi trở về sau một vòng khát thực, thầy đó lánh về chỗ ở của mình sau bữa ăn trưa, và bỏ qua thời gian sống thư thái, và thầy đó cứ im lặng. Thầy đó không phụ giúp các Tỳ kheo vào giờ may vá các y phục. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo như vậy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo đó rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy đi đến chỗ Tỳ kheo đó và nói: “Sur Thầy mới cho gọi thầy, này đạo hữu.”

“Được, đạo hữu”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Tỳ kheo, có đúng vậy không, rằng sau khi trở về sau một vòng khát thực thầy đã lánh về chỗ ở của mình sau bữa ăn trưa, và bỏ qua thời gian sống thư thái, và thầy không phụ giúp các Tỳ kheo trong giờ may vá những y phục?”

“Thưa Thế Tôn, con bận làm phận sự của mình.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi bằng tâm mình quán chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, đừng bắt lỗi Tỳ kheo này. Tỳ kheo này là người: tùy theo mình muốn, không bị khó khăn hay rắc rối gì, có thể đạt tới bốn tầng thiền định *tạo nên* cái tâm bậc-cao và *tạo ra* một sự an-trú lạc trú ngay trong kiếp này. Và vị này là người, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sur Thầy đã nói thêm như vậy:

“Không phải bằng sự phẩn-đầu (tinh cần) lơ lửng,
Không phải bằng sự nỗ-lực (tinh tấn) yếu ớt,
Mà thành tựu tới Niết-bàn,
Thoát khỏi mọi khổ đau.

“Vị Tỳ kheo trẻ này [bên cạnh ta]
Thực là người tối thượng:

Người chỉ còn mang thân này cuối cùng,
Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hấn.²¹⁸

(SN 21:04)

5 *Sujāta*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Sujāta đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, người họ tộc này đẹp đẽ về cả hai phương diện. Thầy ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ ưa mến, có được vẻ đẹp bậc nhất của làn da. Và thầy ấy là người, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Tỷ kheo này chiếu sáng với vẻ đẹp siêu phàm,
Có một cái tâm đích thực chánh-trực.
Người đã tách ly, thoát khỏi những gông-cùm,
Đã chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp.
Người chỉ còn mang thân này cuối cùng,
Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hấn.”

(SN 21:05)

6 *Lakuṇṭaka Bhaddiya*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Lakunṭaka Bhaddiya ([*chú lùn Bhaddiya*]) đến gặp đức Thế Tôn.²¹⁹ Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy Tỳ kheo đó đang đi đến, xấu xí, không dễ nhìn, tật vẹo, bị khinh thường trong số các Tỳ kheo, hay không?”

“Dạ thầy, thưa Thế Tôn.”

“Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần-thông (năng lực tâm linh). Không dễ gì có được sự chứng đắc mà vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và thầy ấy, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Ngỗng, cò, và công,
Voi, và nai lông đốm,
Tất cả đều nể sợ sư tử,
Dù là sư tử lùn sư tử nhỏ.

“Trong chúng sinh loài người cũng vậy,
Người nhỏ lùn được phú cho trí-tuệ—
Đó mới thực là bậc đại vĩ,
Chứ không phải kẻ to xác mà ngu si.”

(SN 21:06)

Tôi nghe như vậy, trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Visākha Pañcālīputta đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội trường (chỗ tụ họp của các Tỳ kheo, chỗ hội chúng, sảnh đường) bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày khéo léo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính chấp.²²⁰

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội đường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dành sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, (lúc nãy) ai đã đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội đường này bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày khéo léo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính chấp, như vậy?”

“Đó là Ngài Visākha Pañcālīputta, thưa Thế Tôn.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Visākha Pañcālīputta như vậy:

“Tốt, tốt, này Visākha! Tốt thay thầy đã chỉ dạy các Tỳ kheo bằng một cuộc nói chuyện Giáo Pháp như vậy.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Khi người trí ở giữa những người ngu,
Họ không biết vị đó nếu vị đó không thuyết giảng.²²¹
Nhưng họ sẽ biết vị đó nếu vị đó thuyết giảng,
(Và) chỉ ra trạng thái bất-tử (sự giải thoát).

“Vị đó nên nói và giảng giải Giáo Pháp
Vị đó giương cao ngọn cờ của bậc nhìn-thấy.
Những lời thuyết hay khéo là ngọn cờ của bậc nhìn-thấy:

Bởi Giáo Pháp là ngọn cờ của những bậc nhìn-thấy.”

(SN 21:07)

8 Nanda

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Nanda, người em trai họ phía mẹ (con của dì ruột Kiền-đàm-di; cũng là anh em bạn dì và cùng cha) của đức Thế Tôn, ăn mặc chải chuốt, với y áo trắng thóm, tô hai mắt, mang bình bát sáng bóng, và đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Nanda, kiểu đó không phù hợp cho thầy, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, khi thầy ăn mặc chải chuốt, với y áo trắng thóm, tô hai mắt, mang bình bát sáng bóng như vậy. Kiểu này mới phù hợp cho thầy, này Nanda, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, rằng thầy nên là người sống tu trong rừng, ăn thức ăn khát thực, mặc y áo làm từ giẻ rách, và thầy sống bàng quan (không quan tâm, vô tư, tách ly) đối với những khoái-lạc giác-quan.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Biết khi nào ta mới nhìn thấy Nanda,
Thành người sống tu trong rừng,
Mặc y áo được may từ giẻ rách,
Sống nhờ những đồ ăn thừa của những người lạ,²²²
Và sống bàng quan với dục-lạc?”

Rồi, một thời gian sau đó, thầy Nanda đã trở thành một người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khát thực, người mặc y áo làm từ giẻ rách, và sống bàng quan đối với những khoái-lạc giác-quan.

(SN 21:08)

9 Tissa

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Tissa, người em trai họ phía cha của đức Thế Tôn (con của cô ruột Amitā; tức anh em cô cậu của Phật), đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên— khổ sở, buồn bã, nước mắt chảy dài. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Tissa, tại sao thầy ngồi đó, khổ sở, buồn bã, nước mắt chảy dài như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, bởi vì các Tỷ kheo đã công kích con từ mọi phía bằng những lời lẽ đâm chọc.”

“Này Tissa, đó là do thầy trách người khác nhưng không chịu được người khác trách mình. Này Tissa, kiểu đó không phù hợp với thầy, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, rằng thầy khiển trách người khác nhưng không thể chấp nhận sự khiển trách từ người khác. Này Tissa, kiểu này mới phù hợp với thầy, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, rằng thầy khiển trách người khác và biết chấp nhận sự khiển trách từ người khác.

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Vì sao thầy tức giận? Đừng tức giận!

Vô-sân là tốt hơn cho thầy, này Tissa.

Đó là đẹp bỏ thân giận, tự đại, và khinh miệt,
Đó mới là sống đời sống tâm linh, ôi Tissa.”

(SN 21:09)

10 *Tỳ Kheo Tên Là Trưởng Lão* (Thera)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bảy giờ, lúc đó một Tỳ kheo có tên là *Trưởng Lão* [*theranāmakō*] là người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một-mình. Thầy ấy đi một mình vô làng khát thực, thầy trở về một mình, thầy ấy ngồi một mình riêng tư, thầy ấy đi-thiền một mình.

Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Ở đây, thưa đức Thế Tôn, có một Tỳ kheo tên là Trưởng Lão là người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một-mình.”

Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo như vậy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Trưởng Lão rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến chỗ thầy Trưởng Lão và nói: “Này đạo hữu Trưởng Lão, Sư Thầy mới cho gọi thầy.”

“Được, đạo hữu”, thầy Trưởng Lão đáp lại, và đi đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Trưởng Lão, thật không, rằng thầy là một người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một-mình?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”

“Nhưng, này Trưởng Lão, theo cách nào thầy là người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một-mình?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn, con đi một mình vô làng khát thực, con trở về một mình, con ngồi một mình riêng tư, và con đi-thiền một mình. Theo cách như vậy con là người sống một mình và đề cao sự sống một-mình.”

“Đó là một cách sống một-mình, này Trưởng Lão, ta không chối cãi điều này. Nhưng theo cách nào là sự sống một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Và, này Trưởng Lão, theo cách nào là sự sống một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết? Ở đây, này Trưởng Lão, cái gì thuộc quá khứ đã được dẹp bỏ, cái gì thuộc tương lai đã được từ bỏ, và tham-muốn nhục-dục đối với những thân-sắc hiện tại cho sự hiện-hữu cá thể đã được loại bỏ một cách triệt để.²²³ Này Trưởng Lão, theo cách như vậy là sự sống một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Bậc hiền trí, người chinh phục tất cả,
Người hiểu biết tất cả,
Giữa tất cả không bị dính nhiễm,
Với tất cả đều đã bỏ đi,
Được giải-thoát nhờ tiêu diệt dục-vọng:
Ta gọi người đó là ‘người sống một-mình’.”²²⁴

(SN 21:10)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Đại Kappina (Mahākappina) đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy Tỳ kheo đó, da trắng, người mảnh khảnh, mũi cao, đang đi đến không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần-thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và thầy ấy, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Người giai cấp chiến-sĩ là tốt nhất trong thiên hạ
Vì đối với họ chuẩn mực là họ tộc.
Nhưng người thành tựu về trí-biết và đức-hạnh,
Là người tốt nhất trong các thiên thần và loài người.

“Mặt trời sáng ban ngày, trăng sáng ban đêm,
Áo giáp làm sáng người giai cấp chiến-sĩ,
Thiền định làm sáng bà-la-môn.
Nhưng suốt cả ngày và đêm,
Phật sáng bằng hào quang.”

(SN 21:11)

12 Những Người Đồng Hành

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có hai Tỳ kheo là hai người đồng hành (đồng môn, đồng đạo), là những học trò của Ngài Đại Kappina, đến gặp đức Thế Tôn.²²⁵ Đức Thế Tôn nhìn thấy họ đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy hai Tỳ kheo, là những học trò của thầy Kappina, đang đi đến, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Những Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần-thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà hai vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và các thầy ấy, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Các [hai] vị Tỳ kheo đồng hành này,
Đã thân kết từ lâu đời;²²⁶
Giáo Pháp chân thực đã kết hợp họ với nhau,
Trong Giáo Pháp Phật đã tuyên thuyết.

“Họ đã được Kappina kèm cặp kỹ càng
Trong Giáo Pháp bậc Thánh Nhân đã tuyên thuyết.
Họ mang thân này lần cuối cùng,
Sau khi đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hấn.”

(SN 21:12)

—HẾT QUYỂN 2—
(QUYỂN NHÂN-DUYÊN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: *phiên bản Miến Điện của SN*

Ee: *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

Se: *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

SS = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

CDB = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề*

SC = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

▶ Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tụ Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Patīs*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāpāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Trương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bô-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society: *Hội Kinh Điển Pali*

Skt = Sanskrit: *tiếng Phạn*

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

¹ [Spk: Khi nói: “Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có những sự tạo-tác cố-ý” thì nghĩa của nó nên được hiểu theo phương pháp như vậy: “Chính là vô-minh và nó là một điều kiện (duyên), tức là ‘vô-minh-là-điều-kiện’ (avijjā ca sā paccayo cā ti avijjāpaccayo). Thông qua ‘vô-minh-là-điều-kiện’ nên những sự tạo-tác cố-ý (hành) đi đến hiện thành (tasmā avijjāpaccayā saṅkhārā sambhavanti).” Sự giải thích này cho thấy động từ *sambhavanti*, chỉ nằm cuối cùng của toàn bộ vòng nhân-duyên, nên được dùng để kết nối với những phần nhân-duyên nối tiếp nhau. 12 nhân-duyên của công thức này sẽ được phân tích kỹ hơn trong kinh tiếp theo. Cuối đoạn này, **Ee** ghi là *ayaṃ vuccati bhikkhave samuppādo*, nhưng đây chắc hẳn là lỗi ghi chép, vì cả **Be** và **Se** đều ghi là *paṭicca-samuppādo*.] (1)

² [Luận giảng **Spk** giải thích: khi dùng chữ “sự qua đời” hay “sự hết thời gian” là chỉ cái chết theo nghĩa thế tục (*lokasammutiyā*); khi dùng chữ “sự tan rã của các uẩn” và “sự đặt xuống thân xác này” là nói theo nghĩa tốt cùng (*paramattha*). Vì theo nghĩa tốt cùng, chỉ có các uẩn tan rã, chứ không có ‘người’ nào chết cả. Khi các uẩn đang tan rã, người ta nói ‘Chúng sinh đang chết’, và khi chúng đã tan rã, người ta nói ‘Chúng sinh đã chết’.] (2)

³ [**Spk** giải thích: Từ ‘sinh ... sự sản sinh’ là giáo lý thuộc quy ước truyền thống (*voḥāradesanā*); còn ‘sự hiện thân của năm-uẩn, sự có được sáu giác-quan’ là giáo lý tốt cùng (*paramatthadesanā*). Bởi vì trong ý nghĩa tốt cùng, chỉ có các uẩn hiện thị, không có ‘người’ nào cả.] (3)

⁴ [Về nghĩa của chữ *bhava*, mời coi thêm phần *Giới Thiệu Chung* của bộ kinh bởi TKBD (trang 52–53 bản dịch tiếng Anh). **Spk** giải thích: Khi giảng về sự hiện-hữu: *sự hiện-hữu trong cõi dục-giới* là gồm cả *sự hiện-hữu do nghiệp* (*kammabhava*) và *sự hiện-hữu do tái-sinh* (*upapattibhava*). Trong hai dạng, *sự hiện-hữu do nghiệp* là chỉ do nghiệp dẫn tới sự hiện-hữu trong cõi dục-giới; vì nghiệp [là nguyên nhân tạo ra sự hiện-hữu do tái sinh trong cõi đó] được nói là ‘*sự hiện-hữu*’ bằng cách gán tên quả cho nhân. *Sự hiện-hữu do tái-sinh* là

bộ 05-uẩn tích nghiệp được sản sinh từ nghiệp đó; vì đây được gọi là ‘*sự hiện-hữu*’ theo cái nghĩa ‘*nó sẽ trở thành ở đó*’.

- Tương tự như vậy trong *sự hiện-hữu trong cõi sắc-giới* và *sự hiện-hữu trong cõi vô-sắc giới* [ngoại trừ trong cõi vô-sắc giới thì sự hiện-hữu do tái-sinh chỉ có bốn có 04-uẩn thuộc tâm.] (4)

⁵ [Spk định nghĩa *sự dính-chấp* [chấp-thủ] là sự chấp, nắm giữ, giữ chặt, bám chặt, sự dính theo (*upādānan ti dalhaggahaṇaṃ vuccati*). Định nghĩa 4 loại dính-chấp có trong **Dhs 1214–17**. Nói ngắn gọn: (1) *sự dính-chấp khoái-lạc giác-quan* hay dục-chấp (*kāmuṇḍāna*) là đồng nghĩa tham dục, nhục dục, dục vọng khoái-lạc giác-quan. (2) *Sự dính-chấp những quan-điểm này nọ* hay kiến-chấp (*diṭṭhupādāna*) là sự dính vào những tà-kiến; **Dhs 1215** có đưa ví dụ cả quan điểm tự-diệt nữa [coi thêm kinh **SN 24:05** (Quyển 3)]. (3) *Sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín* hay giới cấm thủ là cách thường dịch chữ *sīlabbatupādāna* là ‘*sự dính chấp những luật lệ và tập tục*’ nhưng không có kinh hay giảng luận nào ủng hộ cách dịch này. Tôi [TKBĐ] diễn dịch chữ *sīla* như những luật lệ và chữ *vata* như những lời thệ nguyện. **Dhs 1222** thì ghi là: “*Sự dính-chấp vào các luật lệ (như nghi luật, nghi lễ cúng tế) và những lời thệ nguyện là quan điểm của những tu sĩ và bà-la-môn ngoài đạo Phật cho rằng sự thanh-lọc có thể đạt được thông qua những luật lệ, thông qua những lời thệ nguyện, hoặc thông qua những luật lệ và thệ nguyện*” [rút gọn]. *Sự dính-chấp vào giáo lý cái ‘ta’* hay ngã-chấp (*attavādupādāna*) được định nghĩa bởi 20 loại *quan-điểm về cái ‘ta’* hay thân kiến (*sakkāyadiṭṭhi*); coi thêm kinh **SN 22:07 ...**] (5)

⁶ [Về sự dịch nghĩa chữ *phân danh-sắc* (*nāma-rūpa*), coi phần *Giới Thiệu Chung* của tôi ở trang 47–49 (bản dịch của TKBĐ). **Vism 558,23–28** (**Ppn 17:187**) giải thích rằng: *phân nāma* là chỉ ba uẩn—*cảm-giác, nhận-thức, và những sự tạo-tác cố-ý* (thọ, tưởng, hành)—chúng được gọi vậy vì sự “uốn cong” (*namana*) của chúng vào một đối-tượng [trong hành vi nhận biết nó]. Sự cố-ý (tư), tiếp-xúc (xúc), và sự chú-tâm (tác ý) đều thuộc đồng *những sự tạo-tác* (hành uẩn), và, theo **Spk**, chúng được chọn để đại diện cho hành uẩn bởi vì chúng hoạt động ở những tầng thấp nhất của (tâm) thức.] (6)

⁷ [Về cách dịch chữ *saṅkhārā*, mời đọc lại phần *Giới Thiệu Chung* của bộ kinh này bởi TKBĐ (trang 44-47 bản dịch tiếng Anh). **Spk** nói: *những sự tạo-tác cố-ý* (hành) có đặc tính tạo tác (*abhisankharaṇa*). *Sự tạo-tác cố-ý thuộc/của thân* (thân hành) là một sự tạo-tác cố-ý xảy ra thông qua thân; thuật ngữ thân-

hành là chỉ chung cho 20 loại *sự cố-ý của thân* (*kāyasancetanā*, thân tư)—gồm 8 thứ thiện và 12 thứ bất thiện thuộc dục-giới—thúc đẩy hành vi hoạt động trong của thân [coi **CMA 1:4-7, 13**]. *Sự tạo-tác cố-ý thuộc/của lời-nói* (khẩu hành) là một sự tạo-tác cố-ý xảy ra thông qua lời-nói; thuật ngữ khẩu-hành là chỉ chung cho 20 loại *sự cố-ý của lời-nói* (*vacīsancetanā*, khẩu tư)—thúc đẩy hành vi hoạt động của sự nói ra lời. *Sự tạo-tác cố-ý thuộc/của tâm* (tâm hành) là một sự tạo-tác cố-ý xảy ra thông qua cái tâm; thuật ngữ tâm-hành là chỉ 29 loại *sự cố-ý của tâm* (*manosancetanā*, tâm tư) thiện và bất thiện thế tục xảy ra một cách riêng tư trong ý-nghĩ chứ không thúc đẩy thành hành-động ở cửa thân và cửa lời-nói. [Thêm 09 sự cố-ý (tâm tư) gồm có 05 thuộc những tâm (*citta*) sắc-giới và 04 thuộc những tâm vô-sắc giới, là những trạng thái của thiền-định mà thôi; coi thêm **CMA 1:18, 22**.]

- Ba loại hành (*saṅkhārā*) này không nên được hiểu nhầm với ba loại hành được nói trong kinh **SN 41:06** (Quyển 4) hay cũng có trong kinh **MN I 301**, 17-29. (*) Tôi đã thêm vào chữ “cố-ý” để tạo nên sự khác biệt của hai bộ 03-hành này, mặc dù trong tiếng Pāli thì hai loại thuật ngữ ghi giống nhau. Bộ 03-hành sau luôn luôn được nói liên quan tới *sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* (diệt thọ thường) và không bao giờ được đưa vào hay liên quan tới *sự khởi-sinh tùy thuộc*.] (7)

- (*) (► [1] Những số hiệu kinh **AN** đã được so chiếu và trích dẫn trong những chú thích trong bản dịch của thầy TKBD đều là các số hiệu theo bản dịch tiếng Anh của **PTS**. Do vậy, nên người dịch Việt phải dùng máy tính để tra lại với bản dịch Việt của **AN**, nếu tìm thấy sẽ dẫn ra cho quý vị đối chiếu. [2] Và những số hiệu kinh **DN, MN** được so chiếu và trích dẫn (ví dụ như **MN I 301**, 17-29 trong chú thích này) cũng là các số hiệu theo bản dịch tiếng Anh của **PTS**: và do hai bộ kinh này chưa được dịch Việt trong khi đang dịch bộ kinh **SN** này và bộ kinh **AN**, nên người dịch Việt không thể tra chiếu, tuy nhiên vẫn giữ nguyên những số hiệu mà thầy TKBD đã dẫn ra. Đây là một sự áy náy đáng tiếc của người dịch Việt khi dịch những chú thích trong bộ kinh **AN** và bộ kinh **SN** này!)

⁸ [Định nghĩa này cho thấy vô-minh là *nguyên nhân căn gốc nhất* của sự luân hồi sinh tử, đó là *sự không hiểu biết về Bốn Diệu Đế*. Mặc dù vô-minh cũng thường được biết là tư tưởng (sai lầm) về cái ‘ta’ (ngã chấp), nhưng các định nghĩa lại cho *quan-điểm về cái ‘ta’* (ngã kiến) là một mặt của *sự dính-chấp; sự*

dính-chấp là do bị điều kiện (duyên) bởi *dục-vọng*, và *dục-vọng* thì do bị điều kiện bởi *vô-minh*; [coi thêm **AN 5:116, 16–21**.] (8)

⁹ [**Spk** giải thích: bằng chữ “*sự chấm-dứt*” chỗ này là tuyên bố về Niết-bàn. Bởi vì tất cả những hiện-tượng đó đều chấm dứt tùy thuộc vào Niết-bàn, và do vậy Niết-bàn được nói là *sự chấm-dứt* của chúng. Như vậy trong kinh này đức Thế Tôn đã chỉ dạy về vòng hiện-hữu (*vatta*) và *sự chấm dứt* của vòng đó (*vivatta*) theo cách 12 cụm chữ nhân-duyên và đưa bài kinh đến đỉnh cao là thánh quả A-la-hán.] (9)

¹⁰ [10 bài kinh kế tiếp này, với những câu chữ giống nhau, cho thấy sự giác-ngộ của 06 vị Phật quá khứ và Phật Thích-ca hiện tại chính là sự khám-phá ra ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ và *sự chấm-dứt* của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’. Tôi chỉ dịch đầy đủ lời cho kinh cuối, trong đó Phật Thích-Ca nói về sự chứng đắc giác-ngộ của mình.] (10)

¹¹ [Từ cách giải thích của **Spk** về *bồ-tát* (*bodhisatta*) có về truyền thống luận giảng Pāli công nhận chữ này có 02 từ nguyên khác nhau có nghĩa: (a) *bồ-tát* có nghĩa như chữ (tiếng Phạn) một *bodhisattva* [*một chúng sinh giác-ngộ*] hoặc (b) có nghĩa như chữ **bodhisakta* [*người tận tâm hướng tới tới sự giác-ngộ*]; coi **PED**, về chữ s.v. *satta* (1).

Spk: *Bodhi* (Bồ-đề) là sự hiểu-biết; một chúng sinh được phú cho *bodhi* là một vị *bồ-tát*, một người biết, một người trí, một bậc trí hiền. Vì từ lúc người đó đã xác lập tâm-nguyện dưới chân những vị Phật trước kia, người đó luôn luôn có trí, không bao giờ là kẻ ngu mù. Hoặc cách khác, giống như hoa sen trưởng thành đã ngoi lên khỏi nước và sắp nở khi được tiếp xúc tia nắng mặt trời, thì được gọi là “*một hoa sen đang thức dậy*”, tương tự một người đã có được sự dự báo (thọ ký) từ những vị Phật (để đạt tới quả vị Phật trong tương lai) và người đó sẽ tất nhiên hoàn thiện những sự hoàn-thiện (ba-la-mật, *pāramī*) và chứng đắc sự giác-ngộ, thì được gọi là “*một chúng sinh đang thức tỉnh*” (*bu-jjhanasatta*); người đó là một *bồ-tát*. Người sống khao khát sự giác-ngộ—đó là trí-biết của bốn thánh đạo—thì tận tâm hết mình vì sự giác-ngộ, dính liền với sự giác-ngộ (*bodhiyaṃ satto āsatto*); bậc ấy là một *bồ-tát*.] (11)

¹² [Phật Vipassī vị Phật thứ sáu cổ xưa nếu đếm ngược từ Phật Cồ-đàm Thích-Ca. Kinh DN II 11–51 có nói về cả sự nghiệp của vị Phật này. Vị Phật này khởi sinh trong thế gian cách đây 91 đại kiếp. Phật Sikhī và Phật Vessabhū khởi

sinh cách đây 31 đại kiếp; Phật Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa, và Phật Thích-Ca đều khởi sinh trong *đại kiếp xuất sắc (bhaddakappa)* này.] (12)

13 [Nguyên văn mệnh đề này: *Yoniso manasikārā ahu paññāya abhisamayo*. Các luận giảng cứ một mực giải nghĩa chữ *yoniso manasikāra* là *upāyamanasikāra, pathamanasikāra* (sự chú-tâm đó là phương tiện đúng đắn, sự chú-tâm về đường lối [đúng đắn]). Còn cụm chữ [trong ta] đã xảy ra một sự đột-phá bằng trí-tuệ, (**Spk** đã giải thích một cách rất khó hiểu, bất khả dĩ, và không thỏa đáng, theo TKBD, nên người dịch Việt tạm bỏ qua).

- Nói chung, cách dùng trong các kinh là *yoniso manasikāra* (sự chú-tâm kỹ càng, như lý tác ý) là thứ dẫn trước *paññā* (trí-tuệ), còn *paññā* là nguyên nhân hiệu lực tạo ra *abhisamaya* (sự đột-phá). Chữ *abhisamaya* là một thuật ngữ, nó xuất hiện trong các bộ kinh Nikāya trong 02 ngữ cảnh chính: (1) Để chỉ *sự đột-phá khởi đầu vào Giáo Pháp (dhammābhisamaya)*, đồng nghĩa với việc *đạt-được tầm-nhìn của Giáo Pháp (dhammacakkhupatilābha)*, và như vậy đồng nghĩa với việc *chứng thánh quả Nhập-lưu*; coi thêm kinh **SN 13:01** (Quyển 2 này). (2) Để chỉ *sự xuyên-phá sự tự-ta (ngã mạn) (sammā mānābhisamaya)* đồng nghĩa với việc *chứng thánh quả A-la-hán*; coi kinh **36:05** (Quyển 4). Thêm nữa, (3) một cách dùng thứ ba trong các kinh là để chỉ *sự khám-phá của Phật về Giáo Pháp*, như chữ này và động từ của nó là *abhisameti* được dùng trong kinh **12:20** bên dưới.

- Trong những luận giảng thì chữ *abhisamaya* là đồng nghĩa với chữ *paṭivedha* (*sự thâm nhập, sự xuyên thấu*), hai chữ này được dùng hoán đổi thay thế lẫn nhau để mô tả bốn chức năng của thánh đạo siêu-thế; coi **Vism 689–91 (Ppn 22:92–97)**.] (13)

14 [Hai mệnh đề này nói về *nguồn-gốc của sự già-chết là sự sinh*, chúng tương ứng với hai dạng của nguyên-lý trừu tượng về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’. Công thức trừu tượng xảy ra ở kinh **12:21, 22, 49, 50, 61, and 62**, với chút biến thể ở kinh **12:41**. Coi thêm chú thích số đuôi (59) trong kinh **12:21** bên dưới.] (14)

15 [Trong câu chuyện về sự giác-ngộ của Phật ở kinh **12:65** bên dưới, Phật đã lần truy ngược chuỗi các điều-kiện chỉ xa đến thức, rồi Phật chỉ ra nó *khởi-sinh* tùy thuộc vào phần danh-sắc. Sự khác nhau này cũng xảy ra trong cách xử lý trong đoạn tương ứng về sự *chấm-dứt*.] (15)

16 [Tiếng Pāli 05 chữ này là *cakkhu, ñāṇa, paññā, vijjā*, và *āloka*.

Chữ *vijjā* (minh, hữu minh) đích thực xuất thân từ chữ *vindati*, nhưng **Spk** ở đây lại giải nghĩa nó là *paṭivedha* (sự thâm nhập, sự xuyên thấu) theo kiểu như nó xuất thân từ chữ *vijjhati* (đâm xuyên) vậy.] (16)

17 [Nguyên văn câu này: *Bhūtānaṃ vā sattānaṃ thitīyā sambhavesīnaṃ vā anuggahāya*. Về chữ *sambhavesin* là phân từ chủ động tương lai được tạo thành từ đuôi chữ *-esi(n)*, coi thêm quyển *Văn Phạm Pali (Pāli Grammar)* của Geiger, §193A, EV I, n. to 527, và **CPD**, s.v.-*esi(n)* (2). Những nhà giảng luận thời xưa rõ ràng đã không thông thuộc với hình thức văn phạm này [vì rất ích trường hợp như vậy có trong tiếng Pāli] cho nên họ đã giải thích chữ *sambhavesin* như thể nó là một chữ kết hợp *bahubbhi* được tạo nên từ danh từ *sambhava* và đuôi tính từ *-esin*. Do vậy nên **Spk** đã chú giải câu “*Những chúng sinh đã đi đến hiện thành*” ở trên là những chúng sinh đã được sinh ra, đã được sản sinh. Câu “*Những chúng sinh sắp đi đến hiện thành*” [hoặc, theo cách diễn dịch của **Spk**, là “*những người tìm sự hiện-hữu mới*”] là những chúng sinh đang tìm kiếm, đang tìm cầu một sự hiện-hữu mới, sự sinh mới, sự sản sinh mới (*sambhavesino ti ye sambhavaṃ jātiṃ nibbattiṃ esanti gavesanti*).”

- (Do vậy, lời dịch Việt trong ấn bản trước là: “... *những chúng sinh đã được sinh ra và những chúng sinh sắp được sinh ra*”, trong bản hiệu đính này, sau khi tham khảo lại chú thích này, lời dịch được sửa lại là: “... *những chúng sinh đã đi đến hiện thành và những chúng sinh sắp đi đến hiện thành*”. Nếu quý vị muốn nhớ ý nghĩa lời kinh theo lời dịch trước thì có lẽ cũng không sao.) (17)

18 [**Spk**: Những *dưỡng-chất* là những điều-kiện (*paccayā*, duyên); những điều-kiện được gọi là những *dưỡng-chất* (*āhārā*) bởi vì chúng nuôi dưỡng [hay *mang đến* (*āharanti*)] những tác-động (quả) của chúng. Mặc dù cũng còn có những điều-kiện khác để tạo ra những ‘chúng sinh’, những riêng bốn điều-kiện này được gọi là những *dưỡng-chất* bởi vì chúng có chức năng là *những điều-kiện đặc biệt* để duy trì sự liên tục sự sống của một cá thể (*ajjhattikasantatiyā visesapaccayattā*). Vì *dưỡng chất thức-ăn* (*kabaliṅkāra āhāra*) là một điều-kiện đặc biệt đối với *thân thể-xác* của những loại chúng sinh *sống nhờ thức-ăn*. Còn đối với *thân (thuộc) tâm* thì sự tiếp-xúc là điều-kiện đặc biệt tạo ra cảm-giác; sự cố-ý của tâm là điều-kiện đặc biệt tạo ra thức, và thức là điều-kiện đặc biệt tạo ra phần danh-sắc.

- Trong bộ kinh SN này, những dưỡng-chất cũng được thảo luận thêm trong các kinh **12:12**, **31**, **63**, và **64**. Về những đặc điểm chung về bốn loại dưỡng-chất, mời coi thêm **Vism 341,7–18 (Ppn 11:1–3)**. Nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera trong quyển *Bốn Dưỡng Chất cho Sự Sống (The Four Nutriments of Life)* cũng đưa ra các bài kinh liên quan tới những dưỡng-chất cùng những giảng luận của ngài. Bản thân chữ *āhāra* cũng được dùng với nghĩa rộng hơn là có nghĩa là “điều-kiện đặc biệt” mà không liên quan gì đến những dưỡng-chất, như ở kinh **SN 46:51** và **55:31** (Quyển 5).] (18)

19 [*Bốn loại dưỡng-chất này có dực-vọng là nguồn gốc của chúng. Spk* giải thích: bắt đầu ngay lúc sinh, những loại dưỡng-chất này có trong *sự hiện-hữu cá thể (attabhāva)*, cơ chế hữu tình, tức trong một ‘người’) nên được hiểu là bắt nguồn theo cách của dực-vọng trước đó (*purimatanhā*; tức dực-vọng từ kiếp trước tạo ra sự tái-sinh). Theo cách nào? Ngay thời khắc tái-sinh, trước tiên, ngay đó có tinh-cốt dưỡng chất (*ojā*) được tạo ra bên trong (thân) sắc đã khởi sinh; đây là dưỡng-chất thức-ăn tích lũy theo nghiệp bắt nguồn từ dực-vọng trước đó. Rồi (i) sự tiếp-xúc và (ii) sự cố-y liên kết với thức tái-sinh, và (iii) bản thân cái thức đó, lần lượt là những dưỡng-chất: sự tiếp-xúc, sự cố-y của tâm, và thức bắt nguồn từ dực-vọng trước đó. Như vậy, ngay khi tái-sinh, những dưỡng-chất đó đã có nguồn gốc của chúng là dực-vọng trước đó. Và ngay lúc tái sinh, những dưỡng-chất đó kế tiếp được sản xuất vào thời khắc của *bhavaṅgacitta* thứ nhất cũng nên được hiểu một cách tương tự (như những loại dưỡng chất nói trên). (*bhavaṅgacitta* thường được dịch trước kia là: *tâm hữu phần* hay *tâm hộ kiếp*)

- Về vai trò tác động (duyên) của những dưỡng-chất, coi thêm **CMA 8:23**.

- Giải thích theo luận giảng về cách dực-vọng là nguyên-nhân của bốn dưỡng-chất đó có vẻ cứ lòng vòng. Cách giải thích đơn giản hơn, phù hợp hơn với tinh thần của những bài kinh, có lẽ như vậy: *chính dực-vọng luôn thúc đẩy chúng sinh vào trong một cuộc tranh đấu bất tận để đạt được dưỡng-chất về vật chất (thân) và tâm trong kiếp này và cả những kiếp sau.*] (19)

20 [**Spk**: Đức Thế Tôn đã dùng lời dạy ngay chỗ này bởi vì Phật biết có một nhà lý thuyết (*ditthigatika*) đang ngồi trong hội chúng và Phật muốn cho người đó một cơ hội để đặt câu hỏi.] (20)

21 [**Spk** giải thích nhà lý thuyết đó tên là *Moliya* (tóc búi) đây là tên tại gia của người đó, vì người đó để búi tóc (*molī*) lớn trên đỉnh đầu, và đó trở thành biệt

đánh mất theo sau khi đã xuất gia. Kinh MN I 122–24 người đó đã bị quả trách vì thân thiện quá mức đối với những Tỳ kheo ni; trong kinh 12:32 bên dưới chúng ta thấy người đó đã bỏ tu và quay lại đời sống tại gia.] (21)

22 [Câu hỏi của Tỳ kheo *Moḷiya Phagguna* “*Ai tiêu thụ...?*” là đã thai nghén (đánh chung, hàm nghĩa) với quan-điểm có cái ‘ta’ (ngã kiến). Thầy ấy nhìn thấy như có ‘ai’—một bản ngã—đứng sau thức trong vai trò của một chủ-thể thực chất. Do đó Phật phải từ chối ngay đó là câu hỏi không hợp lệ, dựa trên một giả định không đúng pháp. **Spk** giải thích cả câu: “*Ta không nói ‘Ai tiêu thụ’.*” có nghĩa là: “*Ta không nói có ai—một chúng sinh hay một người (koci satto vā puggalo vā)—tiêu thụ.*”.] (22)

23 [Trong câu hỏi hợp lệ này, Phật đã thay chữ *ko* [là đại từ chỉ nhân cách, nó hàm chứa những ý nghĩa hữu thể hữu ngã] bằng dạng phi nhân cách là chữ *kissa*, đây là chữ số ít có gốc từ đầu chữ *ki-* [coi thêm quyển *Văn Phạm Pali (Pāli Grammar)* của see Geiger, §111.1]. Mặc dù tất cả các phiên bản đều ghi là *kissa nu kho bhante vinnānāhāro*, nhưng nghĩa ở đây hình như cần có thêm chữ *paccayo* ở cuối câu. **Spk** giải nghĩa bằng câu hỏi như vậy: *Bhante*

ayam vinnānāhāro katamassa dhammassa paccayo? (Nghĩa là, thực ra chữ *paccayo* (phải) có ở cuối câu.)] (23)

24 [**Spk**: *duyong-chất thức*: là (tâm) thức tái-sinh (*paṭisandhicitta*). *Sự sản sinh ra sự tái hiện-hữu trong tương lai (āyatim punabbhavābhiniḍḍatti)*: là phần danh-sắc đã khởi sinh cùng với loại thức tái-sinh này. At AN I 223–24 (?) có nói: “*Nghiệp là đồng ruộng, thức là hạt giống, và dục-vọng là độ ẩm, để thức ... được lập thành trong một cảnh giới thấp (trung, cao); như vậy là có sự sản sinh ra sự tái hiện-hữu trong tương lai*” (*kammaṃ khettaṃ vinñāṇaṃ bijaṃ taṇhā sineho ... hināya (majjhimāya, paṇitāya) dhātuyā vinñāṇaṃ patiṭṭhitaṃ; evaṃ āyatim punabbhavābhiniḍḍatti hoti*). Điều này hàm nghĩa rằng, chính dòng thức đi từ kiếp trước làm chức năng là *duyong-chất thức* bằng cách tạo ra [vào lúc nhập thai] thức tái-sinh *khởi đầu*, và đến lượt thức này mang lại và nuôi dưỡng *phần danh-sắc*.] (24)

25 [Câu này là: *Tasmim bhūte sati saḷāyatanaṃ*. **Spk** giải thích: khi phần danh-sắc đó, được gọi là “*sự sản sinh ra sự tái-hiện hữu*”, được tạo ra, khi nó có mặt, thì *sáu cơ-sở (để) cảm-nhận* (sáu giác-quan) đi đến hiện thành. Chữ kết nối *bhūte sati* ở đây là bất thường và sự dư thừa chỉ được tránh bỏ nếu phân từ

quá khứ *bhūte* ở đây được hiểu có chức năng là một danh từ để mô tả chúng sinh đó đã đi đến hiện thành.] (25)

26 [Spk: Tại sao nhà lý thuyết đó đã không hỏi câu ‘*Ai đi đến hiện thành?*’? Bởi do người đó đã nắm giữ niềm tin rằng ‘một chúng sinh’ đi đến hiện thành, nhưng câu trả lời của Phật đã trực tiếp mâu thuẫn với niềm tin đó rồi. Thêm nữa, sau khi đã bị mâu thuẫn nhiều lần, thầy ấy trở nên được thuyết phục, và do vậy vị Sư Thầy đã tiếp tục bài thuyết giảng liên tục không dừng để cho thầy ấy không còn hỏi thêm những câu hỏi những câu hỏi vô ích như vậy.] (26)

27 [Spk: Họ không hiểu được *sự già-chết* theo cách của *diệu-đế về khổ*; không hiểu được nguồn-gốc của nó theo cách của *diệu-đế về nguồn-gốc khổ*; không hiểu được [tức không hiểu được *sự già-chết* khởi sinh từ *sự sinh-ra* và *đục-vọng*]; không hiểu được *chấm-dứt* của nó theo cách của *diệu-đế về sự chấm-dứt khổ*; không hiểu được phương pháp dẫn tới *sự chấm-dứt* của nó theo cách của *diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ*. Tương tự ở các đoạn kế tiếp, ý nghĩa lời kinh nên được hiểu theo cách của *bốn diệu đế*.

- Sự vô-minh không được đề cập trong chuỗi nhân-duyên này bởi vì nó đã được hàm chỉ trong cụm chữ *nguồn-gốc của những sự tạo-tác cố-ý* rồi; (nguồn gốc/nhân duyên của hành chính là vô-minh).] (27)

28 [*Sāmannattham* vā *brahmannattham* vā (trong mục tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn) hay mục tiêu của bà-la-môn). Spk: Ở đây thánh đạo là đời sống sa-môn và đời sống bà-la-môn, và trong cả hai trường hợp, mục-tiêu đều nên được hiểu là thánh-quả. Coi thêm các kinh SN 45:35–38 (Quyển 5).] (28)

29 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào*, hay *cúi chào*...” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chắp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”.)

30 [Nguyên văn câu này là: *Dvayanissito khvāyaṃ Kaccāna loko yebhuyyena atthitan c’ eva natthitan ca*. Spk giải thích: “*Hầu hết*” (*yebhuyyena*) có nghĩa là phần lớn đại chúng, ngoại trừ những thánh nhân (*ariyapuggala*). *Ý-niệm về sự hiện-hữu* (*atthitā*) là tư tưởng trường tồn (*sassata*), thường kiến; *ý-niệm về sự không hiện-hữu* (*natthitā*) là tư tưởng tự diệt hay diệt vong (*uccheda*), đoạn kiến. Spk-pt giải thích: *ý-niệm* (quan niệm, khái niệm) *hiện-hữu* là tư tưởng

trường tồn bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới [của sự hiện-hữu cá thể] (như ‘chúng sinh’, ‘con người’) là tồn tại mãi mãi. Còn *ý-niệm không hiện-hữu* là tư tưởng tự diệt hay diệt vong bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới không tồn tại [mãi mãi] mà sẽ bị phá bỏ. Dựa theo quan điểm của những giải thích này thì sẽ sai lệch nếu chỉ dịch hai chữ *atthitā* và *natthitā* đơn giản là “*sự hiện-hữu*” và “*sự không hiện-hữu*” rồi cứ mặc nhiên [như chuyện đã rồi] rằng Đức Phật đã từ chối tất cả những quan-niệm mang tính bản thể này như vốn dĩ là không hợp lệ và không đúng. Ví dụ, lời Phật nói trong kinh **22:94** cho thấy Phật đã không ngần ngại nói những lời tuyên bố với những thông tin rõ ràng về tính bản thể nếu được yêu cầu tuyên bố. Trong đoạn kinh chúng ta đang đọc thì chữ *atthitā* và *natthitā* là những danh từ trừu tượng được tạo từ những động từ là *atthi* và *natthi*. Như vậy những giả định siêu hình hàm chứa trong những sự trừu tượng đó mới là vấn đề đúng sai, chứ không phải những sự mô tả về sự hiện-hữu hay sự không hiện-hữu. Tôi đã cố gắng chuyển tải nghĩa của sự trừu tượng siêu hình đó, được chuyển tải trong tiếng Pāli bằng đuôi chữ *-tā*, bằng cách diễn dịch hai chữ lần lượt là “*ý-niệm về sự hiện-hữu*” và “*ý niệm về sự không hiện-hữu*”. Về hai cực đoan đã bị Đức Phật từ chối trong kinh **SN 12:48**, và bởi giáo lý của Phật về sự khởi-sinh và biến-diệt của thế giới trong kinh **SN 12:44**. Không may, chữ *atthitā* và *bhava* đều phải được dịch là “*sự hiện-hữu*”, chỗ này cần chỉ ra rõ sự thật rằng trong tiếng Pāli chúng bắt nguồn từ những gốc từ khác nhau. Chữ *atthitā* là *ý-niệm về sự hiện-hữu theo nghĩa trừu tượng*, còn chữ *bhava* là *sự hiện-hữu cá thể cụ thể* (theo nghĩa hữu sinh, có mặt, có sống) trong một trong ba cõi hiện-hữu. Để đánh dấu sự khác biệt của 02 chữ này, chữ *bhava* đã được dịch là “*sự sống, sự có mặt, hay sự hữu sinh*”.] (29)

31 [Spk: *Nguồn-gốc của thế giới*: là sự sản sinh của thế giới của những sự tạo-tác. *Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự ‘không-hiện-hữu’ đối với thế giới*: là không xảy ra trong người đó quan-điểm diệt-vong (đoạn kiến) có thể khởi sinh đối với những hiện-tượng được sản sinh và được làm cho hiện thị trong thế giới của những sự tạo-tác, họ cứ chấp rằng “*chúng không hiện hữu*”. **Spk-pt**: Quan-điểm diệt vong có thể khởi sinh đối với thế giới của những sự tạo-tác như vậy: ‘Do có sự diệt vong và hủy diệt của những chúng sinh ngay tại nơi chúng có mặt, nên sẽ không có sự hiện-hữu trường tồn hay những hiện-tượng trường tồn.’ Điều này gồm cả cách-nhìn sai lạc (tà kiến), sau khi những sự tạo-tác đó là đối-tượng của nó, cách-nhìn đó chấp rằng: ‘*Không có chúng sinh nào là (chúng sinh) được tái sinh.*’ Cách-nhìn đó *không xảy ra trong người đó*; bởi người đó đang nhìn thấy bằng sự hiểu đúng đắn rằng (I) *có sự sản sinh và sự bắt nguồn của thế giới của những sự tạo-tác tùy thuộc vào những điều-kiện đủ*

loại đủ kiểu như: nghiệp, sự vô-minh, dục-vọng ..., do vậy quan-điểm diệt-vong đó không còn xảy ra, vì người đó nhìn thấy *sự sản sinh liên tục không gián đoạn của những sự tạo-tác*.

Spk: *Sự chấm-dứt của thế giới:* là sự tan hoại (*bhaoga*) của thế giới. *Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự hiện-hữu đối với thế giới:* là không xảy ra trong người đó quan-điểm bất-diệt (thường kiến) có thể khởi sinh đối với những hiện-tượng đã được sản sinh và được làm cho hiện thị trong thế giới của những sự tạo-tác, họ cứ chấp rằng “*chúng luôn hiện hữu*”. **Spk-pt:** Quan-điểm bất-diệt có thể khởi sinh đối với thế giới của những sự tạo-tác, coi nó là tồn tại mãi mãi, từ nỗi sợ-hãi rằng cái danh-tính của trong sự liên-tục (như dạng ‘linh hồn’) sẽ bị tác động bởi quy luật nhân-quả. Nhưng cái quan-điểm đó *không còn xảy ra trong người đó*; bởi người đó nhìn thấy (II) *có sự chấm-dứt của những hiện-tượng khởi sinh liên tục và sự khởi-sinh liên tục của những hiện-tượng mới*, do vậy quan-điểm bất-diệt đó không còn xảy ra trong người đó.

Spk: Thêm nữa, “*nguồn-gốc của thế giới*” là tính nhân duyên theo trật tự trực tiếp (*anuloma-paccayākāra*); còn “*sự chấm-dứt của thế giới*” là tính nhân duyên theo trật tự đảo ngược (*paṭiloma-paccayākāra*). [**Spk-pt:** “*Tính nhân duyên theo trật tự trực tiếp*” (chiều khởi sinh) là tác động nhân duyên của những điều-kiện tạo ra hệ quả; còn “*tính điều-kiện theo thứ tự đảo ngược*” (chiều hoàn diệt) là sự chấm-dứt những hệ quả đó bằng cách chấm dứt những nguyên-nhân.] (I) Vì nhìn thấy sự tùy-thuộc mà-có (duyên sinh) của thế giới, người nhìn thấy *sự không kết-thúc* của những hiện-tượng đã khởi-sinh tùy duyên (những pháp duyên khởi) bởi do *sự không kết-thúc* của những điều-kiện của chúng, cho nên cái quan-điểm diệt-vong đó, vốn từng khởi sinh trong người đó, giờ không còn xảy ra nữa. Và, (II) vì nhìn thấy *có sự chấm-dứt* của những điều-kiện (duyên diệt), khi người nhìn thấy sự chấm-dứt của những hiện-tượng đã khởi-sinh tùy duyên (những pháp duyên khởi) bởi do *có sự chấm-dứt* của những điều-kiện của chúng, nên cái quan-điểm bất-diệt đó, vốn từng khởi sinh trong người đó, giờ không còn xảy ra nữa.

- (Những cách nhìn nhận như (I) và (II) là khoa học, đúng đắn, và hiện thực, nhờ đó người hiểu và thấy hai lẽ thực này sẽ không bị rút vào cực đoan đoan-kiến (trước sau gì cũng diệt vọng, chết là hết) và cực đoan thường-kiến (có ‘linh hồn’ cố định của ‘ta’ là bất diệt, chỉ di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác).] (30)

32 [Tôi chọn câu này theo cách ghi phối ghép của **Be** và **Se** là: *upayupādān-ābhinivesavinibaddho*. Tôi chọn đuôi chữ *upay-* từ **Be** [**Se** và **Ee** ghi: *upāy-*] và chọn đuôi chữ *-vinibaddho* từ **Se** [**Be** và **Ee** ghi: *-vinibandho*]... **Spk** giải thích mỗi trong ba danh từ—*sự dính-lúu*, *sự dính-chấp*, và *sự cố-chấp*—đều xảy ra theo cách của (do) dục-vọng và những tà-kiến (*taṇhā*, *diṭṭhi*), vì thông qua những dục-vọng và tà-kiến này nọ một người mới dính lúu, dính chấp, và cố chấp theo những hiện-tượng của ba cõi là (có) cái ‘ta’ (ngã) và cái ‘của-ta’ (ngã chấp).] (31)

33 [Nguyên văn cả câu này: *Tan cāyaṃ upayupādānaṃ cetaso adhiṭṭhānaṃ abhinivesānusayaṃ na upeti na upādiyati nādhiṭṭhāti “attā me” ti*. Tôi đã được giải thỏa khỏi sự khó khăn về cú pháp của câu này nhờ sự trợ giúp của luận giảng **Spk**; **Spk** đã giải nghĩa chữ *ayaṃ* là “người thánh đệ tử này” (*ayaṃ ariyasāvako*, *thánh tinh văn này*). **Spk** nói dục-vọng và những quan-điểm này nọ (tà kiến) cũng được gọi là *những quan-điểm này nọ của tâm (adhiṭṭhāna)* bởi chúng là nền tảng cho cái tâm [bất thiện] và cũng được gọi là “*những sự cố-chấp và những khuynh-hướng tiềm ẩn*” (*abhinivesānusaya*) bởi chúng cố chấp theo cái tâm và nằm ẩn tiềm trong cái tâm. **Spk** kết nối động từ *adhiṭṭhāti* với chữ theo sau là “*attā me*” và tôi cũng làm theo cách diễn dịch này trong bản dịch của tôi.] (32)

34 [**Spk** giải thích khổ (*dukkha*) ở đây đơn giản là chỉ “*năm-uẩn bị dính chấp*” (năm-uẩn bị chấp thủ, năm thủ uẩn; *pancupādānakkhandhamattam eva*). Như vậy cái mà thánh đệ tử nhìn thấy, khi người đó quán chiếu về sự hiện-hữu cá thể của mình, không phải là cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ của mình hay là ‘một người có thực chất tự tính’ mà chỉ là một sự lắp-ráp của những hiện-tượng có điều-kiện (sự kết hợp của những thứ hữu-vi) khởi sinh và biến diệt thông qua tiến trình tùy-duyên được chi phối bởi (lý) *sự khởi-sinh tùy thuộc*. Ý này có trong những thi kệ của Tỳ kheo ni Vajirā (trong **SN** Quyển 1): “*Chỉ bấy nhiêu vậy—sự đẹp bỏ cái tư tưởng có một ‘chúng sinh’ (sattasannā)—là có sự nhìn-thấy đúng đắn (chánh kiến).*” *Sự hiểu-biết không phụ thuộc vào người khác (aparappaccayā ñāṇaṃ)* được giải thích bởi **Spk** là sự hiểu-biết trực tiếp của cá nhân không tùy thuộc vào người khác (*annassa apattiyāyetvā attapaccakkhanāṇaṃ*). Điều này là do người thánh đệ tử, từ Nhập-lưu trở lên, đã nhìn thấy chân-lý cốt lõi của Giáo Pháp, và do vậy không cần dựa vào người khác, ngay cả đó là Phật, để minh sát thấu suốt Giáo Pháp. ► Tuy nhiên, khi chưa chứng A-la-hán, một thánh đệ tử như vậy vẫn đến gặp Phật (hay một vị khác đã giác-ngộ) để được chỉ dẫn về phần thiền tập.] (33)

35 (Vương Xá là Hán dịch theo nghĩa, không phải do phiên âm, nên không ghi có dấu gạch nối. (*Rājagaha*: Rāja là vua, thuộc vua, vương triều; *gaha* là chỗ, nơi, chỗ ở...). Tương tự như chữ Cấp Cô Độc cũng là dịch nghĩa. Các chữ do phiên âm thì được ghi có dấu gạch ngang như: Tỳ-xá-li, Ma-kiệt-đà, Câu-xá-lợi, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Thích-ca...)

36 [**Spk**: Vì sao đức Thế Tôn từ chối ba lần? Là để những người hỏi lý thuyết khởi sinh sự kính trọng; vì nếu trả lời họ ngay họ sẽ không kính trọng. Rồi họ sẽ muốn lắng nghe và phát sinh niềm-tin. Cũng vậy, Phật từ chối để tạo cơ hội cho căn hiểu-biết của người đó được chín muồi.] (36)

37 [Trong 04 trường hợp vừa hỏi, trường hợp thứ nhất và thứ hai, như sẽ được chỉ ra, lần lượt là câu công thức hàm nghĩa là *tư tưởng trường tồn bất-diệt* (thường kiến) và *tư tưởng diệt-vong* (đoạn kiến). Trường hợp thứ ba là giải pháp hỗn hợp, có lẽ là một dạng *tư tưởng bất-diệt bán phần* (*ekaccasassatavāda*; coi thêm kinh **DN I 17–21**). Trường hợp thứ tư là *thuyết khởi-sinh ngẫu nhiên tình cờ* (*adhiccasamuppannāvāda*; coi **DN I 28–29**).] (37)

38 [**Spk** giải thích: Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo không ngã theo cực đoan nào—sự bất diệt hay sự đoạn diệt—sau khi đã dứt khoát dẹp bỏ 2 tư tưởng cực đoan đó. Giáo Pháp trung-đạo đó là gì? Bằng công thức “*khởi-sinh tùy thuộc*”: mọi sự xảy ra do có nhân và chấm dứt khi nhân chấm dứt, chứ không có tác-nhân (*kāraṇa*) hay người ném-trái (*vedaka*) nào được mô tả trong đó.] (41)

39 [*Thụ giới xuất gia* (*pabbajjā*) là nghi thức thụ giới đầu tiên trở thành sa-di (*sāmaṇera*); *thụ giới cao hơn*, hay *thụ giới toàn bộ*, hay *đại thọ giới* (*upasampadā*) là chấp nhận một sa-di thụ lãnh toàn bộ giới bốn để trở thành một Tỳ Kheo trong Tăng Đoàn.] (42)

40 [Để biết thêm chi tiết về sự thụ giới cho một du sĩ trước đó thuộc đạo giáo khác, mời coi Luật Tạng **Vin I 69–71**. **Spk**: Ứng cử viên thực sự được ban cho sự xuất-gia và sống như một sa-di trong thời gian tập sự, sau thời gian đó những Tỳ kheo sẽ xem xét và ban cho người đó sự thụ giới cao hơn (thụ lãnh giới toàn bộ giới bốn Tỳ kheo, trở thành một Tỳ kheo) nếu họ thấy hài lòng với người đó. Tuy nhiên, riêng Phật có quyền bỏ qua thủ tục thông thường này khi Phật nhận thấy ứng cử viên là đủ năng lực và không cần phải qua thời gian thử thách hay tập sự. Như trong trường hợp này của thầy Ca-diếp, thầy ấy đã đã được

ban cho giới xuất-gia, rồi ngay sau đó Phật nói với hội đồng các Tỳ kheo ban luôn cho thầy ấy đại thọ giới trở thành một Tỳ kheo.] (43)

⁴¹ [Spk: Trong kinh này cảm-giác sướng và khổ (*vedanāsukhadukkha*) đã được thảo luận; cũng có thể cho rằng chủ-đề của kinh này là sự sướng và khổ là (nghiệp) quả (*vipākasukhadukkha*).] (45)

⁴² [Spk: *Thân này đã khởi sinh từ đó (evam ayam kāyo samudāgato)*: là thân này đã được tạo ra như vậy bởi do người đó đã bị cản trở bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng. *Vì vậy nên có thân này*: là thân có-thức của một người. *Và phần danh-sắc ở bên ngoài (bahiddhā ca nāmarūpaṃ)*: là thân có-thức của người khác ở bên ngoài. Ý nghĩa này nên được giải thích theo thuật ngữ của năm-uẩn và sáu cơ-sở cảm nhận của mình và của người khác.

- Sự diễn dịch cụm chữ *bahiddhā nāmarūpa* như vậy dường như đáng ngờ và không chắc. Thay vì vậy, ở đây chúng ta có thể có ví dụ hiếm có về thuật ngữ *danh-sắc (nāmarūpa)* được dùng để trình bày toàn bộ lĩnh vực của sự trải nghiệm dành cho thức, phần “*danh bên ngoài*” là những khái niệm được dùng để chỉ những đối-tượng được nhận biết. Coi lại lời diễn đạt chung trong các kinh là *imasmiṃ savinñāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu (đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài)* trong các kinh **18:21, 22; 22:71, 72** ... và được giải thích trong chú thích đầu tiên của kinh **SN 18:21** bên dưới, chú thích số đuôi (164). **Spk** diễn dịch *bộ-đôi này (etaṃ dvayaṃ)* là *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu giác quan, sáu nội xứ) và *sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài* (sáu ngoại xứ), đó gọi là “*bộ-đôi lớn*” (*mahādvaya*). Tuy nhiên, trong khi *sáu cơ-sở cảm-nhận* thường được nói là điều-kiện (duyên) cho *sự tiếp-xúc* [như trong các kinh **12:43, 12:44**] và cũng được gọi là một *bộ-đôi* [như trong các kinh **35:92, 35: 93** (Quyển 4)], cho nên có lẽ ý lời kinh ở đây nói chữ *bộ-đôi* để chỉ *thân có-thức của một người* và *phần danh-sắc ở bên ngoài*. Còn *sáu cơ-sở cảm nhận* chỉ được đưa vào trong câu tiếp theo, sau khi sự tiếp-xúc đã được nói là khởi sinh từ một *bộ-đôi*. Trong kinh dài **DN II 62,12–37** Đức Phật cũng chứng minh *phần danh-sắc* có thể là một điều-kiện (duyên) trực tiếp tạo ra *sự tiếp-xúc* mà không đề cập đến (trung gian là) *sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu giác-quan).] (48)

⁴³ [Trong bài kinh này chúng ta thấy rõ sơ đồ giảng dạy đã được phát họa về “*bốn nhóm*” (*catusaokhepa*) và “*hai mươi phương thức*” (*vīsātākāra*), như đã được giảng giải trong luận giảng **Paṭi I 51–52**; trong **Vism 579–81 (Ppn 17:288–98)**; và trong **CMA 8:07**. Trong bài kinh này chúng ta thấy rõ sơ đồ

giảng dạy đã được phát họa về “bốn nhóm” (*catusaokhepa*) và “hai mươi phương thức” (*vīsataṅkāra*), như đã được giảng giải trong luận giảng **Paṭiṣ I 51–52**; trong **Vism 579–81 (Ppn 17:288–98)**; và trong **CMA 8:07**.

- Những nhân quá khứ là *vô-minh* và *dục-vọng* đều đưa cả người-ngu và người-trí vào trong sự hiện-hữu hiện tại (kiếp hiện tại); những quả hiện tại—gồm: *thân có-thức*, *phần danh-sắc*, *sáu cơ-sở cảm-nhận*, *sự tiếp-xúc*, và *cảm-giác*; những nhân hiện tại—gồm *vô-minh* và *dục-vọng* mà người-ngu không dẹp bỏ; những nhân tương lai—gồm *sự sinh*, *già*, *chết* mà người-ngu phải bị nếm trải trong sự hiện-hữu tiếp theo (trong những kiếp sau). Điều này cũng giúp thiết lập sự xác đáng rằng sự diễn dịch vòng 12 nhân-duyên (*paṭicca-samuppāda*) theo “*ba-đời*” không phải là sự đổi mới hay phát kiến sau này của các luận giảng.] (50)

⁴⁴ [Nguyên văn cả câu này: *Thitā va sā dhātu dhammaṭṭhitatā dhammaniyāmatā idappaccayatā*. **Spk** giải thích: *Yếu-tố đó (sā dhātu)*, là bản chất cố hữu của những điều-kiện (*paccayasabhāva*), vẫn luôn tồn tại; không bao giờ có chuyện sự sinh-ra không phải một là điều-kiện (duyên) dẫn tới sự già-chết (vì không sinh ra thì đâu có già đi và chết). Hai thuật ngữ kế tiếp cũng hàm chỉ cái lý nhân-duyên tính nhân-duyên mà thôi. Bởi vì, *những hiện tượng đã khởi-sinh tùy thuộc (paccayena hi paccayupppannā dhammā tiṭṭhanti)* có mặt là do có điều-kiện (duyên), cho nên bản thân tính điều-kiện (nhân-duyên) đó được gọi là *sự chắc-chắn của Giáo Pháp (dhammaṭṭhitatā)*. Điều-kiện cố định [hay quyết định] những hiện-tượng tùy thuộc (*paccayo dhammeniyameti*); do vậy nó được gọi là *đường lối cố-định của Giáo Pháp (dhammaniyāmatā)*. Tính điều-kiện (*nhân duyên*) rõ ràng cụ thể là chỉ một những điều-kiện riêng biệt dẫn tới sự già-chết ...

Spk-pt nói thêm đại ý như: ... đây là nguyên lý (chân lý, lẽ thực, sự thật) cho dù có Như lai khởi sinh hay không, Như Lai không tạo ra điều đó, sự già-chết hiển nhiên sẽ xảy ra sau khi có sự sinh-ra là điều kiện (duyên) của nó. Như Lai chỉ là người khám phá ra nguyên lý này, và đi tuyên thuyết cho chúng sinh biết, chứ Như Lai không chế tạo ra nó ...] (51)

⁴⁵ [Cụm chữ cuối *thức tỉnh tới điều này và đột phá tới điều này (abhisambujjhati abhisameti)*. Động từ trước, được dành cho sự giác-ngộ của Phật, là động từ tha cách. Như vậy tôi dịch là “*tỉnh thức tới (đối tượng)*”, mặc dù có thể theo cách khác mà tôi thường dịch các chữ từ động từ *bujjhati* để diễn tả

nghĩa “*sự giác-ngộ*”. *Abhisameti* là động từ ứng với *abhisamaya*, mời coi lại trong chú thích đầu tiên của kinh **12:10** ở trên, chú thích số đuôi (13).] (52)

46 [*Tính thực-tại (tathatā), sự không sai-lầm (avitathatā), sự không-thể nào khác (anannathatā).*] (54)

47 [*Bằng trí-tuệ chánh đúng (sammappaññāya).* **Spk** giải nghĩa đó là: *bằng trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát (savipassanāya maggapaññāya).*] (55)

48 [16 *sự nghi-ngờ* đã được đề cập trong kinh **MN I 8,4–15**. Thảo luận chi tiết về sự dẹp-bỏ chúng, mời coi **Vism 599 (Ppn 19:5–6)** và **Vism 603–605 (Ppn 19:21–27)**...] (56)

- (Hai đoạn kết này có nghĩa là: khi người tu đã nhìn thấy rõ rệt ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ trong tất cả mọi sự, thì nhìn thấy không có một cái ‘ta’ hay ‘ngã’ hay ‘linh hồn’ cố định hay biệt lập nào trong quá khứ, hoặc chuyển kiếp từ kiếp quá khứ tới hiện tại và tương lai. Như vậy thì đâu còn những câu hỏi hay nghi vấn như vậy nữa.)

49 [Mười năng-lực, tức là *năng lực hiểu-biết (nāṇabala; trí lực)*, được giảng giải trong kinh **MN 12** [từ đoạn 9. trở đi], trong đó chúng cũng được gọi là *mười năng lực của Như-Lai (tathāgatabala)*. Mười loại trí-biết này cũng được tuyên thuyết bởi Ngài Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) trong các kinh **SN 52:15–24**, nhưng chỉ mới được một phần, theo **Spk**. Trong **Vibh 335–44** có phân tích chi tiết. Bốn nền tảng của sự tự-tin (*vesārajja*) được giảng giải trong kinh **MN** [từ đoạn 22. trở đi]. Tóm gọn là: chúng là sự tự-tin rằng: (i) không ai có thể thách đố sự tuyên bố của Phật về sự *đã giác-ngộ* về tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp); (ii) không ai có thể thách đố tuyên bố của Phật về sự *đã diệt-trừ* mọi ô-nhiễm; (iii) không ai thách đố sự *tuyên-bố* của Phật về những trạng thái vốn là những chướng-ngại (đối với sự tu tập); (iv) không ai có thể thách đố sự *tuyên-bố* của Phật về Giáo Pháp của Phật dẫn dắt người thực hành theo nó sẽ đi tới sự thoát-khổ.] (57)

50 [*Không bị chấp vá, đã gỡ hết những những miếng vá là tạm dịch chữ chin-*napilotika*. Ví dụ, được chấp vá từ những miếng vải khác nhau là y phục được chấp vá, (giống như y phục được may từ giẻ rách của những người sống tu trong rừng (theo hạnh đầu-đà), như trong kinh SN 16:11 bên dưới có ghi sự diễn tả paṭapilotikānaṃ saūghāti (áo cà sa được làm từ giẻ rách).*

Nghĩa ở đây là *Giáo Pháp* này không phải được chấp vá bằng những phương tiện dẫn lừa, bằng những điều lừa ...] (60)

51 [Spk gọi đây là sự nỗ-lực bốn yếu-tố (*caturaogasamannāgataṃ viriyam*); bốn yếu tố ở đây được hiểu theo cách của *da, gân, xương, và thịt-máu*. Thời thế nguyện này cũng có ghi trong kinh **SN 21:3** bên dưới và trong kinh **MN I 481,1–5**. Trong Chuyện Tiền Thân **Ja I 71,24–27** vị Bồ-tát (Phật) cũng đã làm sự thế nguyện như vậy khi đang ngồi dưới gốc Cây Bồ-Đề trước khi giác-ngộ.] (61)

52 [Spk giải thích nghĩa câu này là: Không phải bằng niềm-tin thấp kém, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ thấp kém mà chúng đắc được điều (trạng thái) tối thượng (cao nhất)—tức thánh quả A-la-hán. Trạng thái tốt thượng đó phải được chúng đắc bằng niềm-tin cao nhất, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ cao nhất.] (63)

53 (Nghĩa nôm na là: Sự nỗ-lực tu thành vừa mang lại lợi lạc cho mình, vừa mang lại phước quả cho những thí chủ đã cúng dường để mình có điều kiện tu thành).

54 [Sự giải-thoát có trước, và chúng đắc thánh quả A-la-hán, và rồi có sự nhìn-lại và có được sự hiểu-biết mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt (lậu tận minh).] (68)

55 (Kinh gốc ghi đầy đủ như 2 câu kể trên, người dịch Việt ghi tóm lược từ câu này và các câu bên dưới cho người dễ đọc thấy nghĩa của đoạn kinh.)

56 [Spk giải thích những thuật ngữ [theo thứ tự từ cuối lên đầu] như vậy: *Sự khổ* là khổ đau của vòng luân hồi (*vaṭṭadukkha*). *Niềm-tin* là niềm tin khởi sinh bồi đắp liên tục (*aparāparaṃ uppajjanasaddhā*; lúc này chỉ là niềm-tin dự kiến, chưa phải là niềm-tin bất lay chuyển của một thánh đệ tử). *Niềm-vui* (*pāmojja*, sự vui vẻ, phấn khích) là một dạng “yếu hơn” của sự hoan-hỷ, *sự hoan-hỷ* (*pīti*) là niềm hân hoan vui mừng mạnh mẽ. *Sự tĩnh-lặng* (*passaddhi*, khinh an) là sự lắng lặn phiền khổ, là điều kiện (duyên) cho *sự hạnh-phúc* (lạc), đó là sự hạnh phúc trong những tầng thiền định thấp. Tầng thiền định là trạng thái *định-tâm* của tầng thiền định được dùng để làm cơ-sở [cho thiền quán minh-sát; *pāda-kajjhānasamādhī*]. *Sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực là* (*yathābhutañāṇadassana*) là một dạng “yếu hơn” của minh-sát tuệ, đó là: *những trí-biết để nhận thấy những sự tạo-tác, để vượt qua sự nghi-ngờ, và để biết cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo* [coi thêm Thanh Tịnh

Đạo, chương 18–20]. *Sự ghê-sợ (nibbidā)* là một loại minh-sát mạnh, đó là: *sự hiểu-biết về sự hiện thị (tái sinh?) đáng sợ hãi, sự về sự suy xét về sự nguy-hại, về sự quán-chiếu, và về sự buông-bỏ đối với những sự tạo-tác* [coi Thanh Tịnh đạo, Vism 645–57; Ppn 21:29–66]. *Sự chán-bỏ (virāga)* là đạo, làm khởi sinh sự tẩy bỏ những ô-nhiễm.

- Lưu ý: trong đoạn kế tiếp thì *sự khổ* thay thế *sự già-chết* vốn thường thấy trong công thức thông thường.] (69)

57 [Ví dụ này cũng có ở kinh SN 55:38 (Quyển 5) và kinh AN 10:61, 10:62.] (70)

58 [Về 04 trường hợp này, mời coi lại chú thích ở kinh 22:17 ở trên, chú thích số đuôi (37).] (71)

59 [Cách diễn đạt của đoạn (*) này được coi như đoạn “mẫu” được dùng trong các bộ kinh *Nikāya*, thường có thể được lặp lại hơi khác nhau chút xíu tùy theo ngữ cảnh của mỗi bài kinh, ví dụ trong các kinh SN 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02, và 45:05, (và trong mấy kinh thuộc AN).] (72)

60 [Spk giải thích “*cùng ý nghĩa đó*” (*es’ ev’ attho*) tức là cùng ý nghĩa của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ hàm chứa trong mệnh đề “*Khổ là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc*”.] (74)

61 [Ngài Bhūmija là người có tên kinh là kinh *Bhūmija Sutta (MN 126)*, trong đó thầy ấy đã trả lời mấy câu hỏi của Hoàng tử Jayasena và tham gia vào cuộc đàm đạo với Phật. Phần đầu [i] của kinh này trình bày như phần đầu [i] của kinh kế trước, chỉ khác là kinh này nói về sự “sống và khổ”, kinh trước chỉ nói về sự “khổ”.] (75)

62 [Thật khó hiểu những tu sĩ này được cho là những người *chủ trương thuyết nghiệp (kammavādā)* mà họ lại chấp rằng sự sống và khổ khởi sinh một cách tự ngẫu nhiên (không do nghiệp). Chỗ này cả luận giảng Spk và Spk-pt đều không giải thích gì.] (76)

63 (Phần [iii] này giống hệt kinh AN 4:171. Mời coi thêm các chú thích trong kinh đó.)

64 [Spk nói rằng Phật đã thêm phần này để chỉ ra sự sống và khổ không khởi sinh với một mình sự tiếp-xúc là điều-kiện, mà phải có những điều-kiện khác. Trong trường hợp này, những sự cố-ý của thân (thân tư tâm sở, *kāya-sancetanā*), sự cố-ý của lời-nói (khẩu tư tâm sở, *vacī-sancetanā*), sự cố-ý của tâm (tâm tư tâm sở, *mano-sancetanā*) là những sự cố-ý mang hiệu quả của nghiệp, chúng có chức năng là những điều-kiện tạo ra quả là sự sống và khổ (*vipākasukhadukkha*). Tôi làm theo **Be** và **Se** ghi là *avijjāpaccayā ca* và coi mệnh đề này là nằm ở cuối của đoạn này. Điều này cũng được ủng hộ bởi **Spk**, nó giải thích rằng điều này được Phật nói ra để cho thấy những *sự cố-ý* này là do tác động (duyên) bởi vô-minh. **Ee** ghi chữ *va* thay vì *ca*, và không để mệnh đề này ở cuối đoạn này mà đưa nó qua làm câu bắt đầu đoạn kế tiếp.] (77)

65 [Spk nhận dạng ba loại *sự tạo-tác cố-ý* (hành) này là—*kāya-saṅkhāra* (thân hành), *vacī-saṅkhāra* (khẩu hành), *mano-saṅkhāra* (tâm hành)—chính là ba loại *sự cố-ý* (tư, tư tâm sở) được mới nói ở đoạn kết trên (và chú thích kế trên). (i) Một người tạo ra các hành “do mình tự phát” (*sāmao*) là khi người đó làm không có sự xúi giục bởi người khác, với cái tâm không bị kích giục (*asaṅkhārikacitta*); (ii) một người tạo ra các hành “do bị kích giục bởi người khác” là khi người đó làm với một cái tâm bị xúi giục (*sasaṅkhārikacitta*). (iii) Một người tạo ra các hành *một cách cố-tình* (*sampajāno*) là khi người đó làm với sự hiểu-biết về nghiệp và nghiệp quả; và (iv) một người tạo ra các hành *một cách vô-tình* (*asampajāno*) là khi người đó làm không có sự hiểu-biết về nghiệp và nghiệp quả.

- Lối đoạn kinh này có thể đã là cơ-sở gốc dẫn tới sự phân-biệt trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) giữa hai chữ *saṅkhārikacitta* và *asaṅkhārikacitta*, về vấn đề này mời coi **CMA 1:04.**] (78)

66 [Chữ gốc được dùng ở đây *mano-saṅkhāra* (tâm hành) nhưng từ ngữ cảnh này cho thấy chữ này rõ ràng là đồng nghĩa với chữ *citta-saṅkhāra* được ghi trong kinh **12:02**. (Khác nhau chữ *mano* và *citta*: mời coi lại chú thích rất quan trọng về những chữ này trong kinh **12:61**, chú thích số đuôi (154).) Tuy nhiên trong các bộ kinh không có chỗ nào để biện chứng cho sự nhận dạng chữ *mano-saṅkhāra* là đồng nghĩa với chữ *citta-saṅkhāra* được ghi trong kinh *cit-tasaṅkhāra* **41:06** (Quyển 4) và trong kinh **MN I 301,28–29** được định nghĩa là nhận-thức (*sannā*) và thức (*vedanā*).] (79)

67 [Spk: *Thân không còn tồn tại*, vì nếu nó còn tồn tại nó sẽ có sự sống và khổ khởi sinh do tác động (duyên) bởi sự cố-ý của thân (thân tư tâm sở); cách

giải thích tương tự cho trường hợp *lời-nói không còn tồn tại* và *tâm không còn tồn tại*. [Câu hỏi:] *Nhưng một A-la-hán cũng hành động, nói, và nghĩ, vậy sao nói là thân, lời-nói, và tâm không còn tồn tại?* [Trả lời] Theo cái nghĩa là họ không còn tạo nghiệp quả. Vì những hành-động được làm bởi một A-la-hán là không còn là nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện, mà chỉ đơn giản là (hành vi thuộc) chức năng (*kiriyamatta*) mà thôi; do vậy đối với bậc A-la-hán người ta thường nói rằng “*thân, lời-nói... không còn tồn tại*”. Về thức chức năng của một A-la-hán, mời đọc thêm ở **CMA 1:15**. Cách giải thích khác đơn giản hơn là: sự loại bỏ vô-minh sẽ không còn khởi sinh năm-uẩn, là cơ sở của mọi sự nếm trải, và do đó không còn nếm trải sự sướng và khổ nào nữa.] (81)

68 [Spk giải thích: *ruộng-đất (khetta)* theo nghĩa là nơi để phát triển; *căn-cứ (vatthu)* theo nghĩa là sự trợ giúp; *cơ-sở (āyatana, xứ)* theo nghĩa là một điều-kiện; *chỗ-nơi (adhikaraṇa)* theo nghĩa là một nguyên nhân. (So sánh với chú thích tương tự nhưng hơi khác bởi luận giảng **Mp** ở cuối kinh **AN 4:171**).] (82)

69 [Ngài Upavāṇa là người hầu cận của Phật như được nói trong kinh **SN 7:13** (Quyển 1). Kinh này hầu như giống hệt với phần đầu [i] của kinh **12:24**.] (83)

70 [Toàn bộ đoạn này cũng được lặp lại trong các kinh **12:28, 33, 49, và 50**. **Spk** giải thích nghĩa là: *Người đó được phú cho cách-nhìn của đạo (mag-gaditṭhi), tầm-nhìn của đạo ...* Chữ *sekha* được dùng ở đây như một tính từ để bổ nghĩa cho chữ *ñāṇa* (trí-biết) và *vijjā* (minh, hữu minh). *Sekha* là bậc học-nhân là người đã đạt tới thánh đạo siêu-thể và đang tu tập trong đó nhưng chưa chứng tới A-la-hán [như những bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; khi chứng A-la-hán thì người đó trở thành bậc *asekha* (vô-học nhân), là người đã vượt qua sự tu học (đã tu xong, đã tu thành, không còn tu học nữa).] (85)

71 [Kinh này hầu như giống hệt kinh **12:13**; chỉ khác nhau chỗ động từ chính, trong kinh đó là *hiếu (pajānāti)* và trong kinh này là *hoàn-toàn hiếu (pari-jānāti)*.] (86)

72 [Chương *Pārāyana* (Đáo Bỉ Ngạn) là chương cuối cùng của tập *Kinh Tập (Sn)*. Chương này gồm 16 phần (cộng với phần lời mở đầu và lời kết thúc) trong mỗi phần Đức Phật trả lời những câu hỏi được hỏi bởi một trong 16 môn sinh bà-la-môn. Phần “*Những Câu Hỏi Của Ajita*” là phần thứ nhất của 16 phần đó.] (87)

73 [**Spk-pt**: *Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp (saṅkhātaḍḍhammā)*: là những A-la-hán, người đã thâm nhập [bốn] diệu-đế. *Những học-nhân (sekhā)* là 07 loại người đang ở trong giai đoạn 04 thánh đạo và 03 thánh quả (tức trừ thánh quả A-la-hán là loại thứ 8). Chữ *saṅkhātaḍḍhammā* có thể được hiểu theo 02 nghĩa là: (i) *Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp* [như: về những giáo lý] hoặc (ii) *Những người đã thấu hiểu mọi thứ* [như: những hiện-tượng (các pháp) và những nguyên-lý của chúng]. Còn **Nidd II 34–35** (của **Be**) cũng diễn dịch theo cả 02 nghĩa là: (i) *những người đã biết Giáo Pháp (nātaḍḍhammā), bằng cách biết tất cả mọi sự tạo-tác là vô thường, khổ...* và (ii) *những người đã hiểu thấu các uẩn, các yếu-tố (giới), các cơ-sở cảm-nhận (xú)...* Những học-nhân (*sekhā*) được gọi như vậy vì họ đang tu học phần *giới-hạnh bậc cao*, phần *tâm bậc cao* (các tầng thiền định), và phần *trí-tuệ bậc cao*.] (88)

74 [**Spk**: Thầy Xá-lợi-phát không phải bị ngập ngừng bởi câu hỏi mà bởi muốn biết ý của Phật. Vì câu hỏi đó có thể trả lời thông qua nhiều cách: theo cách năm-uẩn, theo cách các yếu-tố, hay theo sáu giác-quan, hay theo lý duyên-khởi. Và Phật cũng nhận ra điều đó nên đã mở ý ngay bằng câu “*Này Xá-lợi-phát, thầy có nhìn thấy...*”.] (89)

75 [**Spk**: *Điều này (đã) ắt sẽ xảy ra (bhutam idaṃ)*: ngay chỗ này chính là năm-uẩn (tức thân năm-uẩn là điều đã ắt sẽ xảy ra, sẽ được tái sinh, theo nghiệp và lý nhân-duyên). Như vậy Phật đã nói luôn phương pháp cho vị trưởng lão Xá-lợi-phát, hàm nghĩa là: “Hãy trả lời câu hỏi của ta theo cách của năm-uẩn” Rồi, giống như đại dương rộng lớn ở một bên với một người đứng một bên bờ có thể nhìn thấy rõ đại dương, ngay sau khi được nói cho phương pháp để trả lời câu hỏi thì đối với vị trưởng lão có luôn cả trăm và cả ngàn phương pháp. *Bằng trí-tuệ chánh đúng (sammā paññāya)*: người tu nhìn thấy bằng trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát. *Người đang tu tập*: ‘từ giai đoạn tu giới-hạnh cho đến thánh đạo A-la-hán’ được cho là đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ ... Phần này được cho là phần tu tập của người học-nhân.]

76 [Coi lại các *dưỡng-chất* trong kinh **SN 12:11**, **SN 12:12** ở trên.]

77 [Thực ra thầy Xá-lợi-phát đã không tuyên bố *trí-biết cuối cùng (aññā)* [tức thánh quả A-la-hán] bằng nguyên văn như vậy.] (94)

78 [Spk giải thích ý như vậy: (Do thầy Xá-lợi-phất không muốn nói về sự chứng ngộ của mình) Phật ví hỏi câu hỏi để cho thầy Xá-lợi-phất trả lời (theo Giáo Pháp).] (95)

79 [Spk: Ở đây cũng vậy [cũng giống trong kinh **12:31** ở trên] thầy Xá-lợi-phất bị bối rối không phải bởi câu hỏi của Phật mà do thầy chưa hiểu ý Phật; thầy ấy chưa biết chắc Phật muốn thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán *theo cách nào* (vì có nhiều cách theo Giáo Pháp để tuyên bố về sự chứng ngộ của mình). (Phật đã hiểu nên Phật đã bắt đầu bằng câu hỏi “... *cái gì là nguồn gốc của sự sinh...?*” thì thầy đã hiểu ý Phật và thầy đã bắt đầu trả lời theo cách lý nhân-duyên. Rồi ngay sau đó thầy nhận ra mình cũng có thể trả lời theo một trăm hay một ngàn cách khác nhau.

- Tôi (TKBĐ) đã dịch câu trả lời trước ở trên của thầy Xá-lợi-phất theo nghĩa mà Spk đã chú giải như vậy: “*Với sự tiêu diệt điều-kiện (duyên) cụ thể tạo ra sự-sinh, tôi đã hiểu rằng ‘Khi cái điều-kiện tạo ra sự-sinh bị tiêu diệt, thì quả của nó, là sự-sinh, cũng bị tiêu diệt’.*” (nôm na: nguồn-gốc sinh đã diệt thì sinh cũng không còn).] (96)

80 [Spk: Đức Phật đã hỏi như vậy để cho thầy Xá-lợi-phất trả lời, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong lĩnh vực (trú xứ) thích hợp của mình. Vì thầy Xá-lợi-phất đã chứng tới *sự hoàn-thiện* (ba-la-mật) của *trí-biết của một đệ tử* sau khi thầy ấy đã nhận thấy (nhận biết, liễu ngộ) *03 cảm-giác* trong khi Đức Phật đang giảng nó cho du sĩ Dīghanakha về “*Bài Thuyết Giảng Về Sự Nhận-Biết Những Cảm-Giác*”, và chủ đề này trở thành lĩnh vực (trú xứ, *savisaaya*) của thầy ấy. Ở đây Spk muốn nói tới kinh *Dīghanakha Sutta* (MN 74), và dường như Spk đã đổi tên gọi thành kinh “*Vedanāpariggaha Sutta*” (*Bài Thuyết Giảng Về Sự Nhận-Biết Những Cảm-Giác*).] (97)

81 [*Sự giải-thoát bên-trong* (*ajjhataṃ vimokkha*): thầy ấy chứng ngộ A-la-hán khi thấu hiểu (ngộ) những sự tạo-tác (hành) ở bên trong. *Những ô-nhiễm không còn chảy ở bên trong tôi* (*āsavaṇānussavanti*): tức ba loại ô-nhiễm chính không còn chảy qua sáu cửa giác-quan tới các đối-tượng giác quan, tức là: chúng không còn khởi sinh trong thầy ấy. *Tôi không coi thường chính mình* (*attāna ca nāvajānāmi*): tức dẹp bỏ sự coi thường chính mình, sự tự ti (*omāna*).] (99)

82 (*Bạc Phúc Lành* là dịch chữ Pali “*sugata*” theo một cách của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề; nghĩa đen là “*đi qua (bờ giải thoát) một cách thiện khéo*”, hay “*đã đi*

tới trạng thái thiện lành”], nên nó còn được dịch (HV) là *bậc Thiện Thệ* (thiện: thiện khéo, thệ: đi qua.)

83 [**Spk** giải thích: Ở đây, ‘*yếu-tố của Giáo Pháp*’ (*sā dhammadhātu*) là trí-biết của sự hoàn-thiện (ba-la-mật) của một đệ tử, (trí-biết đó) có khả năng nhìn thấy ‘nguyên lý duyên-khởi’ một cách không bị che khuất (*paccayākārassa vivaṭabhāvadassanasamattham sāvakaṭāramiññaṇam*).]

84 [*Sự hiểu-biết về nguyên-lý*: nguyên văn là *Dhamme-ñāṇa*. **Spk** giải thích chữ *Dhamma* (Giáo Pháp, nguyên lý, chân lý) ở đây là *Bốn Diệu Đế* (*catusaccadhamma*), tức cũng chính là *sự hiểu-biết con đường đạo* (*magga-ñāṇa-dhamma*).] (102)

85 [*Nguyên văn*: *Iminā dhammena diṭṭhena viditena akālikena pattaṇa pariyoḡāḡhena*. Lưu ý, loạt các các phân từ ở đây là tương ứng chính xác với công thức mô tả về một người đã đạt tới “*tầm-nhìn của Giáo Pháp*” (*dhammacakkhu*), đó là: *diṭṭhadhammo, pattadhammo, viditadhammo, pariyoḡāḡhadhammo* (*đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng đắc Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thông thấu Giáo Pháp*”; ví dụ cũng được ghi trong kinh **DN I 110,14–15**). Điều này hàm ý rằng Giáo Pháp mà bậc thánh Nhập-Lưu đã nhìn thấy chính là “*sự khởi-sinh tùy thuộc*” (lý duyên khởi). Suy luận này cũng được xác nhận thêm bởi đoạn kết thúc của bài kinh này.

Spk: Ở đây coi chữ *akālikena* là một tính từ độc lập bổ nghĩa cho chữ *dhammena* và giải thích điều đó có nghĩa con đường đạo tạo ra đạo quả tức thì ngay sau khi người tu thâm nhập được nguyên-lý này, không cần phải quá giang thời gian nào nữa (*kiñci kālam anatikkamitvā paṭivedhānantaram yeva phaladāyakena*). Tuy nhiên, khi luận giải về bài kinh **SN 42:11**, trong đó cũng có ghi những câu kinh này, thì **Spk** lại giải thích chữ *akālikena* là một trạng từ chỉ cách thức được dùng để ghép vào chữ *pattaṇa* [coi thêm chú thích thứ hai của kinh **SN 42:11**]. Tôi cũng hiểu chữ *akālikena* trong đoạn kinh hiện tại theo cách y hệt như vậy; nếu không thì rất khó để nhìn thấy tại sao nó lại nằm ở khúc giữa của một dãy các phân từ quá khứ như vậy. Hơn nữa, do từ này mô tả mối quan hệ giữa các sự kiện theo thời gian như sinh và già, nên cách diễn dịch nó chung chung theo nghĩa “phi thời gian” là hoàn toàn không thỏa đáng. Cái nghĩa đáng có trong ngữ cảnh này là “*không liên quan một đoạn thời gian nào*”, tức là “*tức-thì*”, để bổ nghĩa rằng đó là *sự hiểu-biết về cái mối liên-hệ nhân duyên giữa các yếu-tố* (nhân duyên), chứ không phải hiểu-biết về bản thân các yếu-tố nhân duyên đó. Lý ở đây là: sự hiểu-biết là vấn đề của một sự

trải nghiệm trực tiếp “nhìn thấy được”, hay “trực quan”, hơn là suy lý hay suy luận.] (103)

86 [**Spk**: Sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp (*dhammatthitināna*) là sự hiểu-biết về nguyên lý nhân-duyên. (Tính chắc-chắn ở đây nghĩa là tính ổn-định, không thể sai khác, tất hữu xảy ra). Vì lý nhân-duyên được gọi là “tính chắc-chắn của Giáo Pháp” bởi vì nó là nguyên nhân tạo ra sự xảy ra liên tục của những hiện-tượng (*pavattiṭṭhitikāraṇatā*); sự hiểu-biết về sự xảy ra liên tục của những hiện-tượng được gọi là “sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp”. Đây là một cách để chỉ sáu loại hiểu-biết. Tôi dịch chữ *dhammatthitā* [trong kinh SN 12:20] là “sự chắc-chắn của Giáo Pháp” và chữ *dhammatthiti* trong kinh này là “tính chắc-chắn của Giáo Pháp”. Chữ sau cũng thấy có trong kinh SN 12:70, trong phần [iii]. Hai chữ dường như cũng đồng nghĩa với nhau. Còn “sự hiểu-biết rằng: ‘sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp’ này cũng sẽ bị hoại diệt” được **Spk** gọi là “sự minh-sát phản lại vào chính sự minh-sát” (*vipassanā-paṭivipassanā*), chẳng hạn như sự minh-sát (nhìn vào) sự giải thể của chính cái sự hiểu-biết minh-sát vốn đã nhận biết sự giải thể của đối-tượng (thiền) ban đầu. Coi thêm Thanh Tịnh Đạo, **Vism 641–42 (Ppn 21:11–13)**, tuy nhiên trong đó không có giải thích về thuật ngữ *vipassanā-paṭivipassanā*.] (105)

87 [Nguyên văn câu hỏi: *Kassa ca pan’ idaṃ jarāmaṇaṃ*. Câu hỏi này, và những câu hỏi sau, được đúc ra từ một khuôn, coi như đã giả định trước về một thực tại có cái ‘ta’ (ngã), và do vậy, cũng như những câu hỏi ở kinh SN 12:12, phải bị Phật từ chối là không hợp lệ. **Spk** giải thích: Mặc dù câu hỏi “Cái gì là sự già-chết?” là hợp lệ nhưng nó được kết hợp với câu hỏi “Đối với ai có sự già-chết?”—nó ngầm khẳng định có một cái ‘ai’ hay ‘người’ cố định nên nó thành không hợp lệ.] (106)

88 [**Spk** giải thích nghĩa các câu này (và người dịch Việt dịch đại ý như vậy): Sự sống đời sống tâm linh (*brahmacariyavāsa*) là sự sống của thánh đạo (đời sống tu hành thánh thiện; phạm hạnh). (a) Người nắm giữ quan điểm “linh hồn và thể xác như nhau” (*taṃ jivaṃ taṃ sariraṃ*) thì tin rằng linh hồn và thể xác đều bị hủy diệt cùng lúc (khi chết). Người có quan điểm thì có tư tưởng tự diệt-vong, vì họ cho rằng “một chúng sinh sẽ bị diệt vong mãi mãi”. Họ tin rằng chết là chấm hết, đấng nào cũng không có luân hồi tái sinh gì nữa, và do vậy cho dù có sống tu theo thánh đạo cũng chỉ vô ích. (Do vậy lời kinh nói: nếu vậy thì đâu cần có đời sống tâm linh để làm gì). Trường hợp thứ hai, người nắm quan điểm “linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác” (*annaṃ jivaṃ annaṃ*)

sariram) thì cho rằng riêng thể xác sẽ bị hủy diệt, còn tâm hồn thì trôi giạt đây đó như chim ra khỏi lồng. Quan điểm này là tư tưởng có linh hồn bất diệt (thường kiến). Nhưng nếu quan điểm này đúng, rằng có ‘linh hồn’ thường hằng, chắc chắn, và bất diệt thì thánh đạo cũng đâu thể nào làm chấm dứt vòng luân hồi (vì ‘linh hồn’ cố định bất diệt thì đâu có luân hồi tái sinh để mà chặn hay xóa bỏ), và do vậy việc sống tu theo thánh đạo cũng vô ích, vì mục tiêu của đời sống tâm linh là chặn và xóa vòng luân hồi tái sinh. (Do vậy lời kinh nói: nếu vậy thì cũng đâu cần có đời sống tâm linh để làm gì.)] (107)

89 [Spk: Vì thực sự không có cái ‘ta’ (ngã) nào cả, cho nên cũng không có gì thuộc cái ‘ta’ (không thực) đó cả; do vậy Phật mới nói: “*Thân này không phải của-ta*” [*của các-thầy*] (*na tumhākaṃ*). Và do cũng không có cái ‘ta’ nào của người khác, nên Phật mới nói: “*Nó cũng không phải của-ai khác*” (*na pi annesaṃ*). Coi thêm kinh **22:33** và **35:101**.] (110)

90 [Spk: “*Đó là nghiệp cũ*” (*purāṇam idaṃ kammaṃ*): thân này thực chất không phải là nghiệp cũ, nhưng vì nó được sinh ra bởi nghiệp cũ, nên nói như vậy, tức nói dựa theo nhân-duyên của nó. Nó được coi là: “*được tạo ra*” (*abhisankhata*), do nó được tạo ra bởi những điều kiện (duyên); “*được tạo tác bởi sự cố-ý*” (*abhisancetayita*), do nó được dựa trên sự cố-ý, được bắt rễ từ sự cố-ý (tư tâm sở); và “*là thứ để được cảm nhận*” (*vedaniya*), do nó là một cơ sở cho mọi thứ được cảm nhận, [Spk-p: bởi vì nó là một cơ sở và đối tượng của cảm-giác]. Coi thêm kinh **35:146**, trong đó ý tưởng này được giảng rộng thành *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu giác quan, sáu nội xứ). Để quán chiếu thân này theo cách của lý duyên-khởi, người tu coi rằng thân này có thể được gộp trong phần “*sắc*” của phần kết hợp là “*danh-sắc*”.

Rồi người tu quán chiếu rằng: *phần danh-sắc* hình thành cùng với *thức*, [chẳng hạn: thức tái-sinh] như một điều-kiện đồng-sinh (đồng duyên), và rằng: cả *thức* và *phần danh-sắc* đều phát sinh từ *những sự tạo-tác cố-ý* (hành) [ví dụ: những hành vi tạo nghiệp trong kiếp trước]. Như vậy chủ đề của bài kinh này cũng dính liền chủ đề của ba kinh kế tiếp] (111)

91 [Spk giải thích: Ở đây, *người ý định* (*ceteti*) là chỉ bao gồm tất cả những sự cố-ý thiện và bất thiện trong ba cõi hiện hữu; *người dự tính* (*pakappeti*, kế hoạch) là chỉ ‘những sự tạo tác phát kiến trong tâm’ của dực-vọng và những quan-điểm này nọ (*tanhādiṭṭhikappā*) trong 08 loại tâm (*citta*) có đi kèm bởi *tham*. [Spk-p: nói: ‘những sự tạo tác phát kiến’ của những quan-điểm chỉ xảy ra trong 04 loại tâm (*citta*) có đi kèm bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến)];

và *bất cứ điều gì một người có một khuynh-hướng theo đó (anuseti)* đều nằm trong *những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên, anusaya)* dưới những ‘nhãn hiệu’ là sự đồng khởi sinh và những điều-khien trợ giúp (trợ duyên) quyết định cho 12 sự cố-ý [bất thiện]. [Về 12 tâm (*citta*) bất thiện, mời coi **CMA 1:4–7.**] *Điều này trở thành một cơ-sở (ārammaṇam etaṃ hoti):* nghĩa là: những trạng thái khác nhau này [ví dụ *sự cố-ý*] trở thành một điều-khien (duyên); bởi vì chỗ này chữ *ārammaṇa* được hàm ý là một điều-khien (*paccaya*) [tức là, chỗ này chữ *ārammaṇa* không biểu thị một đối-tượng của thức theo nghĩa thông thường trong Vi Diệu Pháp]. *Cho sự liên-tục [duy-trì] của thức (vinñānassa thitiyā):* tức cho mục đích duy trì thức của nghiệp (nghiệp thức). Khi có điều-khien này, thì *có sự trợ-giúp cho sự lập thành của thức (patiṭṭhā vinñānassa hoti),* tức sự lập thành thức của nghiệp (nghiệp thức). [**Spk-pt** nói: nó có một khả năng để tạo ra quả trong sự liên-tục của tâm thức của một người]. *Khi thức [của nghiệp] đó được lập thành và đi đến sự tăng-trưởng (tasmim patiṭṭhite vinnāṇe ... virūlḥe):* khi, sau khi đã thúc đẩy nghiệp, nó đã tăng trưởng, tạo gốc rễ, thông qua khả năng của nó kết tạo sự tái sinh, thì *có sự sản sinh ra sự tái hiện-hữu tương lai,* tức là sự sản sinh thành sự tái sinh mới. So sánh thêm với kinh **SN 12:64** và các kinh **22:53–54** bên dưới. Kinh **AN I 223–24** (? : người dịch Việt không biết các kinh thầy TKBD ghi ký hiệu như vậy là kinh nào) có giải thích tiến trình của sự tái hiện-hữu theo những thuật ngữ giống vậy [coi thêm chú thích số đuôi (24) ở kinh **SN 12:12** ở trên]. Tôi thấy các động từ *ceteti* và *pakappeti* là ám chỉ nghĩa là *saṅkhārā* [chữ này, khi có nghĩa là những hành-vi của nghiệp, thì nó được diễn tả là *cetanā*—coi kinh **AN III 415,7–8** (?). Chữ *anuseti* (có *khuynh hướng*) rõ ràng là đề cập theo nghĩa chữ *anusaya* (*những khuynh-hướng tiềm ẩn, tùy miên*), nó gồm có *khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si (tùy miên vô minh, avijjānusaya)* [*si* ở đây là = *vô-minh* trong chuỗi 12 nhân duyên] và *khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham (rāgānusaya)* [*tham* ở đây là = *dục-vọng* trong chuỗi 12 nhân duyên]. Cách mà nó duy trì (sự liên tục của) thức như vậy là khác với cách của những sự tạo-tác cố-ý (hành), vốn được bơm nhiên liệu bởi vô-minh và dục-vọng, có vai trò là điều-khien (duyên) cho thức, bơm vào thức những tiềm-năng của nghiệp để dẫn tới sự tái hiện-hữu, và hoạch định nó thành một sự hiện-hữu mới, và qua đó kích hoạt tiến trình dẫn tới kết quả là sự sinh-ra.

- Tôi không hoàn toàn đồng ý với **Spk** trong việc coi thức (*vinñāṇa*) là được “duy trì” và được “lập thành” như thức của nghiệp. Tôi diễn dịch đó chỉ đơn giản là một tiến trình tiếp diễn của thức, bao gồm những giai đoạn chủ động theo nghiệp và những giai đoạn do quả. Ở các kinh **22:53–54** thì bốn uẩn kia (sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý) được nói tới như những

ārammaṇa và *patiṭṭhā* của thức (*vinñāṇa*) nhưng tôi nghi cách áp dụng này sẽ không đúng. Nếu dùng những sự phân loại của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) thì hình như trong kinh này những chữ như *ārammaṇa* và *patiṭṭhā* có nghĩa là điều-kiện (duyên) trợ giúp quyết định (*upanissayapaccaya*) cho thức, trong khi trong 02 kinh trong phần *Liên-Kết “Năm Uẩn”* (*Khandhasamyutta*, Tương ưng uẩn) thì chúng có nghĩa là sự đồng-khởi-sinh và những điều-kiện trợ giúp (*sahajātapaccaya*, *nissayapaccaya*). Tôi dùng chữ “*sự cố-y*” để diễn dịch chữ *ce-tanā* (tư tâm sở?) và chữ “*y định*” để diễn dịch chữ *ceteti* (tư niệm?). Tôi dùng chữ “*sự y định*” để dịch danh từ không liên quan là *saṅkappa*. Tôi chứng minh sự không nhất quán (mâu thuẫn) dựa trên cơ sở rằng trong tiếng Pāli động từ *saṅkappeti* [tương ứng với danh từ *saṅkappa*] rất hiếm khi được dùng, trong khi đó tiếng Anh để dịch thì thiếu một động từ đơn giản tương xứng với chữ “*sự cố-y*”. “*Một trợ giúp cho sự lập thành của thức*” là dịch cụm chữ *patiṭṭhā vinñāṇassa*. Tôi thấy chữ “*được lập thành*” là chữ tốt nghĩa hơn dùng để dịch phân từ *patiṭṭhita*, nhưng “*trợ giúp*” thì dùng để dịch danh từ *patiṭṭhā*: làm như vậy nói cầu hòa hợp phân từ và danh từ đó trong đoạn kinh này [và cả trong kinh 22:53, 22:54]. Và tôi đã đặt ra (sáng chế) luôn cách diễn đạt kết-hợp này.] (112)

⁹² [*Góc-gác sinh ra phần danh-sắc (nāmarūpassa avakkanti)*. Coi kinh SN 12:12 ở trên, trong đó sự tạo ra (sản sinh) *sự tái-sinh (tái hiện-hữu) trong tương lai* đã được đặt nằm giữa *thức* và *sáu cơ-sở cảm nhận (sáu giác-quan)*. Với mắc xích này, hai bài kinh hàm ý rằng: “*một góc-gác sinh ra phần danh-sắc*” và “*sự tạo ra ra sự tái-sinh trong tương lai*” là có thể hoán đổi cho nhau được... Spk chỉ ra rằng có một mối kết nối (*sandhi*) nằm giữa thức và phần danh-sắc; như vậy theo cách diễn dịch này thì thức là biểu thị cho ‘thức do nghiệp tạo ra’ của sự hiện-hữu (kiếp) trước, còn phần danh-sắc là biểu thị cho sự ‘bắt đầu’ của sự hiện-hữu (kiếp) hiện tại. Tuy nhiên đối với tôi hình như thức (*vinñāṇa*) đứng hai chân trên cả kiếp trước và kiếp này, như nguyên lý của sự liên-tục cá thể.] (115)

⁹³ (“*Có khuynh hướng theo*”: *anuseti*: ở đây hàm chỉ những *khuynh-hướng tiềm ẩn* (tùy miên; *anusaya*.)

[Còn chữ “*thiên-hướng*”: *nati*: ở đây là chỉ dục-vọng, được gọi là “*thiên-hướng*” theo nghĩa là ‘sự hướng thành’ hay ‘sự ngã hướng’ (*namanaṭṭhena*) tới thân-sắc đẹp đẽ....; “*sự đến-đi*” hay “*sự-đến và sự-đi*”: *āgatigati*: tức là, có sự đi của thức qua đường tái sinh (tới chỗ đã thiên hướng tới) [ngay khi chết], nó

thể hiện là nghiệp (*kamma*) hay dấu hiệu của nghiệp hay dấu hiệu nơi-đến (cảnh giới tái sinh) sau đó.] (116)

⁹⁴ [Lời kinh này cũng được lặp lại bởi Ngài Mahacunda trong kinh **SN 35:87** (Quyển 4).] (117)

⁹⁵ [Lời bài kinh này cũng có trong kinh **SN 55:28** và kinh **AN 5:182–84**. **Spk** giải thích “*bhayāni verāni*” là những ý-hành [mang lại] sự sợ-hãi và sự thù-ghét (*bhayaveracetanāyo*). **Spk-pt**: Sự sát-sinh và hệ quả là đáng sợ và tai hại cho cả người làm và nạn nhân; chúng tạo ra sự sợ-hãi và thù-ghét để người ta thấy sợ.

- Lời tự tuyên bố về thánh quả Nhập-lưu của mình như vậy cũng có trong kinh **SN 55:8–10**. Bậc Nhập-lưu không còn bị tái sinh trong những cõi thấp xấu, cõi dưới; người đó “*đã định xong vận mệnh*” (*niyata*), tức chắc chắn không còn quá bảy lần tái sinh trong cõi người hay cõi trời; và người đó có “*sự giác-ngộ là đích đến của mình*” (*sambodhiparāyaṇa*), nghĩa là trước sau gì cũng chứng ngộ Niết-bàn, tức A-la-hán.] (118)

⁹⁶ [**Spk**: “*Bốn yếu-tố Nhập-lưu*” (*sotāpattiyaṅga*) gồm có hai loại (mặc dù chúng đều được ghi bằng một chữ như vậy trong tiếng Pali). Loại thứ nhất có thể dịch nghĩa luôn là (i) “*bốn yếu tố giúp đạt tới thánh quả Nhập-lưu*”, bao gồm: 1/ giao lưu với bậc thượng nhân, 2/ nghe Giáo Pháp chân thực (chân pháp), 3/ sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và 4/ thực hành đúng theo Giáo Pháp, [coi kinh **SN 55:55**]. Và loại thứ hai có nghĩa là (ii) “*bốn yếu-tố của một bậc Nhập-lưu*”. Đó là những yếu tố (phẩm chất) mà một người tu chứng đắc Nhập-lưu có được, bao gồm: 1/ niềm-tin xác thực vào Đức Phật, 2/ niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, 3/ niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Niềm-tin xác-thực là niềm tin không lay chuyển [đạt được] thông qua điều đã đắc được [**Spk-pt**: điều đã đắc được chính là *thánh-đạo*] (*aveccappasādenā ti adhigatena* [*maggena*] *acalappasādena*). Công thức niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) được phân tích chi tiết trong **Vism 197–221 (Ppn 7:1–100)**. Cộng thêm một yếu-tố thứ tư là: 4/ “*đức-hạnh được những bậc thánh quý trọng*” để đủ thành “*bốn yếu-tố của bậc Nhập-lưu*”. Đoạn kinh này đang nói về loại thứ (ii) này.] (120)

⁹⁷ [**Spk**: “*những đức-hạnh [giới hạnh] được những bậc thánh nhân quý trọng* (*ariyakantāni sīlāni*) chính là năm giới-hạnh, mà những bậc thánh không bao giờ từ bỏ ngay cả khi họ chuyển qua kiếp sau. Những chữ này được giải thích

chi tiết trong **Vism 222 (Ppn 7:104)**. Những giới-hạnh này là “*không bị nắm-giữ*” (*aparāmatṭha*), tức là chúng không phải để được tôn giữ chấp giữ vì dục-vọng hay tà-kiến (mà giới-hạnh được giữ với sự buông-bỏ và chánh-kiến).] (121)

98 [Spk luận giải: Ở đây, *phương pháp* (*nāya*) là gồm cả ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ và ‘*sự hiểu-biết vững chắc*’ sau khi người tu đã biết (mọi sự?) đã khởi-sinh một cách tùy thuộc. Như Phật đã nói: “Chính sự ‘*khởi-sinh tùy thuộc*’ được gọi là phương pháp; phương pháp cũng chính là Bát Thánh Đạo” [*câu này không dẫn nguồn Phật nói ở đâu*]. *Trí-tuệ* ở đây là minh-sát tuệ đã khởi sinh một cách liên tục (*aparāparam uppannā vipassanāpaññā*). **Spk-pt** nói: ‘*Khởi-sinh tùy thuộc*’ được gọi là “*phương pháp*” đó bởi vì, với sự áp dụng những phương tiện đúng đắn, thì *cái được biết* (*ñāyati*) *đúng như nó thực là* trong thứ đã khởi-sinh tùy thuộc. Nhưng *sự-biết* (*ñāṇa*) được gọi là “*phương pháp*” đó bởi vì nhờ *do điều này* nên điều sau được biết. Dù các nhà luận giảng có nói sao, chữ *nāya* không có quan hệ gì với chữ *ñāṇa* cả mà nó vốn xuất thân từ *ni + i*.] (122)

99 (Từ chỗ này do người dịch Việt xuống dòng, và ghi lại đầy đủ chi tiết của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ để có người đọc dễ đối chiếu với kinh song hành **AN 10:92**.)

100 [Spk: Sự khổ ở đây là sự khổ đau của vòng luân hồi sinh tử (*vaṭṭa-dukkha*). Có 2 loại nguồn-gốc của khổ: (a) nguồn gốc tức thời (*khaṇikasamudaya*) và nguồn-gốc do những điều-kiện (duyên) (*paccayasamudaya*). Một Tỷ kheo nhìn thấy một loại là thấy luôn loại kia. *Sự phai biến* cũng có 2 loại: (a) sự phai-biến cuối cùng (*accantatthaogama*; **Spk-pt**: sự không tái diễn, sự chấm dứt, Niết-bàn) và (b) sự phai-biến do tan rã (*bhedatthaogama*; **Spk-pt**: sự chấm dứt tức thời của những sự tạo-tác (hành)). Người tu nhìn thấy một loại là thấy luôn loại kia.] (123)

101 [Spk: *Thế giới* ở đây là thế giới của những sự tạo-tác (*saokhāraloka*).] (182)

102 [Lời kinh này được lặp lại trong kinh **SN 35:113**.] (125)

103 [Coi thêm kinh **SN 12:17, 12:18**, và chú thích ở đó.] (126)

104 [Bà-la-môn tên Jāṇussoṇi cũng được nói đến trong kinh **SN 45:04** và những chỗ khác trong các bộ kinh. **Spk** nói ông ta là quan tế lễ hay đại tế quan

(*mahāpurohita*) rất giàu có, ông nổi tiếng vì sự giàu có và chức vị đó. Về chủ đề của kinh này, mời coi kinh **SN 12:15.**] (127)

105 [Những đoạn trong ngoặc vuông [...] là không có trong các phiên bản kinh Thái, Tích Lan. Phân biệt với kinh kế tiếp.] (132)

106 [NHÓM này có tên là NHÓM ‘KHỔ’ (*Dukkhavagga*) trong phiên bản **Be** và **Se**, nhưng trong **Ee** thì có tên là NHÓM ‘CÂY’ (*Rukkhavagga*).] (133)

107 [Chữ *paritassati* rõ ràng là tương đương chữ *paritṛṣyati* (tiếng Phạn) có nghĩa là: *khát dục, thèm khát, có dục-vọng*, và có kết nối về mặt từ nguyên với chữ *taṇhā*. Tuy nhiên, trong tiếng Pāli [và có lẽ là phương ngữ MIA] gốc động từ này đã được thổi phồng nghĩa bằng chữ *tasati* = *sợ hãi, run rẩy, chao động, động vọng*, và do vậy những danh từ phái sinh của nó như *paritassanā* và *paritasita* tích thêm nghĩa của các danh từ phái sinh từ chữ *tasati*. Sự hội tụ các nghĩa như vậy, như đã rõ ràng thấy trong các bộ kinh the Nikāya, đã được làm rõ hơn bởi các luận giảng. Tôi đã cố gắng ‘bắt’ cho được cả 02 sắc thái bằng cách dịch động từ là “*bị kích động, động vọng*” và danh từ là “*sự kích động, sự động vọng*”. Ở đây **Spk** giải nghĩa là *na paritassati*: “Người đó không bị kích động bởi sự kích động của dục-vọng (*taṇhāparitassanā*) hay bởi sự kích động của sự sợ-hãi (*bhayaparitassanā*); nghĩa là, người đó không khát dục và không sợ hãi.” Cả **Spk** và **Spk-pt** đều không luận giải gì về chữ *parinibbāyati*, nhưng nghĩa của nó rõ ràng là sự đạt tới trạng thái *kilesaparinibbāna* (*sự hoàn toàn giải-hết những ô-nhiễm*). Về *trí-biết do quán-chiếu lại*, coi chú thích số đuôi (376), bộ kinh SN (Quyển 1).] (137)

108 [**Spk**: “*Một cảm-giác kết liễu cùng với thân*” (*kāyapariyantikaṃ vedanaṃ*) là cảm giác bị định hạn bởi thân (*kāyapariyantikaṃ vedanaṃ*); “*Một cảm-giác kết liễu cùng với mạng sống*” (*jīvitapariyantikaṃ vedanaṃ*) là cảm-giác bị định hạn bởi tuổi thọ. Chừng nào thân với năm cửa giác-quan còn, thì những cảm-giác còn xảy ra ở năm cửa giác-quan đó.] (139)

109 [**Spk**: “*Sẽ trở thành nguội tắt ngay tại đây* (*idh’ eva ... sītibhavissanti*): ngay tại đây, không còn đi đâu theo cách tái-sinh, chúng sẽ trở thành nguội tắt, không còn xảy ra gì nữa, nên không còn động hay nhiễu nào nữa.] (140)

110 [**Spk** giải nghĩa ví dụ như vậy: “*Lò nung nóng rực*” chỉ ba cõi hiện hữu, “*người thợ gốm*” là người thiện, và “*cây kẹp gấp nôi*” là trí-biết của thánh đạo A-la-hán. Chỗ “*nền đất phẳng*” là Niết-bàn. Thời gian người thợ gốm lấy cái

nồi đất sét từ trong lò nung ra và đặt lên nền đất là ví như thời gian khi người thiên, sau khi đã chứng đắc thánh quả A-la-hán tối cao, loại bỏ sắc-thân cá nhân ra khỏi bốn cõi thống khổ và đặt nó lên nền phẳng của Niết-bàn, bằng cách chứng đắc thánh quả. Giống như cái nồi đất nung chưa bẻ tan hết khi mới lấy ra, bậc A-la-hán cũng chưa chứng đắc Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn, *parinibbāna*) vào ngày mình chứng đắc thánh quả A-la-hán. Vì đó có thể sống thêm 50-60 năm nữa, nỗ lực bảo tồn Phật Pháp. Khi nào vị ấy đạt tới khoảng-khắc tâm (sát-na) cuối cùng của mình, với sự tan rã của thân năm-uẩn vị ấy chứng Niết-bàn cuối cùng không còn tàn dư hơi hướng (vô dư y bát-Niết-bàn). Rồi, giống như những mảnh xác tan rã của nồi đất sét, bậc giác-ngộ chỉ để lại những mảnh xác thân vô tri vô giác.] (141)

111 [*“Những thứ có thể gông cùm mình” (saṃyojanīyesu dhammesu)*]. **Spk**: Đó là những điều-khien tạo ra mười loại gông-cùm (kiết sử). Về *“những thứ có thể gông cùm mình”*, coi thêm kinh **SN 22:120, 35:109, 35:122**. Chỗ này chữ *“gông-cùm”* được giải thích đơn giản là sự tham-muôn và nhục-dục.] (147)

112 [*Một góc-gác sinh ra phần danh-sắc (nāmarūpassa avakkanti)*]. **Spk** không luận giải gì, nhưng dưới ánh sáng của các kinh khác chúng ta có thể coi mệnh đề này hàm nghĩa có *dục-vọng* nằm bên dưới sự suy-ngẫm đó, và nó chính là nguyên nhân duy trì chính cho tiến trình tái sinh, vốn bắt đầu từ *“một góc-gác sinh ra phần danh-sắc”*. Sự nối kết này cũng được thấy trong kinh **SN 12:39, 12:64**, và mời đọc thêm chú thích ở kinh **SN 12:39**, số đuôi (115).] (150)

113 [**Spk** định nghĩa: *Không được chỉ dạy (assutavā)*: không có sự học-hiểu, sự vấn-hỏi, và sự phân biệt đối với các uẩn, các yếu-tố (giới), những cơ-sở cảm nhận (sáu xứ, sáu giác quan), tính điều-khien (nhân duyên), những sự thiết-lập chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... *Người phạm phu hay phạm tục (puthujjana)* là một người trong “quần chúng thế tục”, được gọi là người phạm tục bởi vì còn tích tạo đủ thứ ô-nhiễm ... (*puthūnaṃ nānappakārānaṃ kilesādināṃ janānādikāraṇehi puthujjano*); và cũng bởi vì người đó còn thuộc trong quần chúng thế tục (*puthūnaṃ janānaṃ antogadhattā*), số đông không thể tính hết, là những người còn dính vào những Giáo Pháp thấp hèn ngược lại với Giáo Pháp của những thánh nhân. Hoặc nói khác, theo chữ *puthu* có nghĩa là *“được coi là tách khỏi”*, người phạm phu là người tách khỏi hàng thánh nhân là những bậc có được giới-hạnh, sự học-hiểu ... (*puthu vā ayaṃ viṣuṃ yeva saokhamaṃ gato; viṣaṃsaṭṭho sīlasutādiguṇayuttehi ariyehi jano ti puthujjano*).] (153)

114 [Nguyên văn câu này: *Cittam iti pi mano iti pi vinñāṇam iti pi*. So sánh với kinh dài **DN I 21,21** ghi là: *Yaṃ ... idaṃ vuccati cittaṃ ti vā mano ti vā vinñāṇan ti vā*. **Spk** nói đây là tất cả tên gọi để chỉ giác-quan ‘tâm’ (tâm xứ; *manāyatana*). Thường thì tôi dịch cả hai chữ *citta* và *mano* là “tâm” nhưng do tiếng Anh chỉ có 02 chữ dùng chung để chỉ căn nhận-biết—đó là “tâm” và “thức”—nên ở đây tôi bị bắt buộc phải dùng thêm một chữ là “tâm thần” như một chữ dùng tạm bất đắc dĩ cho chữ *mano*. Trong khi về kỹ thuật thì cả ba chữ này đều biểu thị nghĩa giống nhau, nhưng trong các kinh bộ *Nikāya* thì chúng được dùng trong những ngữ cảnh khác biệt. Khái quát sơ lược về chúng là:

(1) *Vinñāṇa* (thức) biểu thị (i) *sự ý thức riêng biệt hóa* thông qua một căn cảm-nhận [như thức-mắt ... thức-tâm, theo khuôn mẫu có sáu thức] (*), và cũng biểu thị cho (ii) *dòng tiềm thức* nó ‘duy trì’ sự liên tục cá-thể suốt một kiếp sống và ‘xâu kết’ những kiếp sống kế tiếp nhau [như được nhấn mạnh ở kinh **SN 12:38–40**].

(2) *Mano* (tâm thần) làm chức năng (i) là cửa thứ ba của hành-động [tức: *tâm* cùng với *thân* và *lời-nói*], và (ii) là cơ-sở cảm-nhận bên trong thứ sáu (giác-quan thứ sáu) [tức: *tâm* cùng với năm giác-quan thuộc thân là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân*]; (ii) là một giác-quan nên nó phối hợp thông tin dữ liệu của năm giác-quan kia và cũng nhận biết những hiện-tượng thuộc tâm (các pháp, *dhammā*), đó là những đối-tượng thuộc loại đặc biệt của tâm.

(3) *Citta* biểu thị cái tâm là ‘trung tâm’ của sự trải nghiệm cá-thể, là ‘chủ-thể’ của ý-nghĩ, sự cố-ý, và cảm-xúc. Chính *citta* mới là cái “tâm” cần phải được hiểu, cần được tu-tập, và cần được giải-thoát. Để hiểu thêm chi tiết, mời quý vị đọc thêm quyển ‘*Danh-tính và Sự Trải-nghiệm*’, chương 5, của học giả Hamilton.] (154)

- (*) (*Sự ý thức riêng biệt hóa* hay *sự nhận thức biệt hóa* (tạm dịch Việt) là riêng biệt hóa thông tin hay đặc tính của một đối-tượng, là phân biệt nó thành này nọ. Ví dụ: qua mắt, một người ý thức một hình-sắc thành đẹp hay xấu hay gì đó ...). (154)

115 [**Spk** giải thích: Nó (cái được gọi là tâm) *được nắm-giữ (ajjhosita)* bởi sự nuốt chửng bởi dục-vọng; *được chấp-hữu (mamāvita)* bởi sự bị chấp hữu bởi dục-vọng, và *được giữ-chặt (parāmatṭha)* bởi sự bị giữ chặt bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến). “*Đây là của-ta*” (*etaṃ mama*): là sự nắm giữ (điều khiển)

của dục-vọng (*taṇhāgāha*); bằng sự nắm giữ này nên có 108 ý-nghĩ dục-vọng. “*Đây là cái ‘ta’*” (*eso ’ham asmi*): là sự nắm giữ của sự tự-ta hay ngã-mạn (*mānagāha*); bằng sự nắm giữ này nên có 09 loại tự-ngã. “*Đây là ‘bản ngã’ của ta*” (*eso me attā*): đây là sự nắm giữ của những quan-điểm này nọ hay tà kiến (*ditṭhigāha*); bằng sự nắm giữ này nên có 62 loại quan-điểm (tà kiến) [như được nói trong kinh dài **DN 01** (kinh Phạm Võng).] (155)

116 [Ví dụ này cũng có trong kinh **SN 36:10** và **48:39**] (159)

117 [**Spk**: Một Tỷ kheo nên dùng thức ăn khát thực theo cách: không tham lam và thèm muốn đồ ăn thức uống; không cố ăn nhiều; không ăn ngón miếng lớn; không dành ích kỷ; không ngu mờ về những thứ mình ăn (ví dụ: phải biết có hợp với giới luật hay không); không mong muốn được ăn lại món đó; không để dành tích trữ thức ăn; không thỏa thê tự mãn (vì đã ăn được thức ăn đó); không chê bai thức ăn; và không tranh cãi vì thức ăn.] (161)

118 [**Spk**: *Không còn có gông-cùm trói buộc: giáo lý theo cách dưỡng chất thức-ăn* chỉ được giảng giải tới thánh đạo Bất-lai là xa nhất; nhưng nếu người tu tu tập sự minh-sát nhìn vào năm-uẩn cũng theo cách minh-sát những thứ thuộc thể-sắc như thức ăn... thì có thể giải thích câu này tới thánh đạo A-la-hán.] (163)

119 [**Spk**: Ví như một con bò khi nhìn thấy sự nguy-hại bị ăn thịt bởi những con vật khác ở những nơi nó có mặt, thì nó đâu còn muốn được coi trọng và tôn trọng, hay được cung chiều, được chải lông, được cho tắm... ở những nơi đó. Một Tỷ kheo sau khi nhìn thấy sự nguy-hại bị ăn bởi những ‘con vật’ là những sự ô-nhiễm bắt rễ từ dưỡng chất tiếp-xúc, thì người đó trở nên hết tham-muốn đối với những sự tiếp-xúc trong ba cõi hiện-hữu.] (164)

120 [**Spk** giải thích sự hoàn-toàn hiểu tiếp-xúc theo cách giải thích trên về thức ăn, chỉ khác là ở đây sự tiếp-xúc được coi là điểm bắt đầu cho sự nhận-thấy về năm-uẩn là gì. Khi sự tiếp-xúc được hoàn toàn hiểu thì *ba loại cảm-giác được hoàn toàn hiểu* vì chúng bắt rễ từ sự tiếp-xúc và liên hợp với sự tiếp-xúc. Giáo lý theo cách dưỡng chất tiếp-xúc được giảng giải tới thánh quả A-la-hán luôn.] (165)

121 [**Spk** diễn dịch như vậy: Hồ than đang cháy là ví như vòng luân hồi sinh tử trong ba cõi hiện-hữu; người muốn sống là người phạm phu vô minh còn bị dính trong vòng luân hồi sinh tử; hai lực sĩ là nghiệp thiện và nghiệp bất thiện.

Khi họ nắm lấy người đó và lôi tới hồ than, điều này giống như sự tích lũy nghiệp của người phạm phu; bởi nghiệp được lũy sẽ kéo lê tới sự tái sinh. Sự đau đớn do rút xuống hồ tan cháy giống như sự khổ đau trong vòng luân hồi sinh tử.] (166)

122 [**Spk** giải thích: *Ba loại dục-vọng được hiểu hoàn toàn: Ba loại dục-vọng là dục-vọng đối với những khoái-lạc giác-quan, dục vọng muốn được hiện-hữu, và dục-vọng muốn bị hủy-diệt.* Chúng được hiểu hoàn toàn vì dục-vọng bắt rễ từ ý-muốn [sự cố-ý của tâm]. Ở đây giáo lý theo cách ý-muốn được giảng giải tới thánh quả A-la-hán.] (167)

123 [**Spk** diễn dịch: Nhà vua là ví như nghiệp; người phạm tội là người phạm phu vô minh; 300 mũi giáo là thức tái-sinh. Thời gian nhà vua ra lệnh giống như thời gian người phạm phu bị lôi tới sự tái-sinh bởi nhà vua là nghiệp. Sự đau đớn do bị đâm bởi những ngọn giáo là sự khổ đau trong một kiếp hiện-hữu mỗi lần bị tái sinh.] (168)

124 [**Spk**: *Phần danh-sắc* được hoàn toàn hiểu khi thức được hoàn toàn hiểu vì phần danh-sắc bắt rễ từ thức và khởi sinh cùng với thức. Giáo lý theo cách dưỡng chất thức cũng được giảng giải tới thánh quả A-la-hán.] (169)

125 [**Spk** giải thích *tham-dục (rāga)*, *sự khoái-thích (nandi)*, và *dục-vọng (taṇhā)* đều đồng nghĩa là (*lobha*). *Thức trở thành được thiết lập (được lập thành) ở đó và đi đến sự tăng trưởng (patiṭṭhitam tattha vinñānam virūḷham)*: sau khi đã thúc đẩy một nghiệp, nó “được lập thành và đi đến sự tăng trưởng” nhờ khả năng của nó kéo tới sự tái-sinh. Về sự lập thành của thức, coi kinh **SN 12:38** ở trên và chú thích số đuôi (112) của nó, và về gốc-gác sinh ra phần danh-sắc, coi kinh **SN 12:39** ở trên và chú thích số đuôi (115) của nó] (170)

126 [Đoạn đầu này giống như trong kinh **SN 12:10**.] (175)

127 [(**a**) So sánh với ‘công thức duyên-khởi’ là giống hệt nhau khi nói về sự giác-ngộ của Phật Vipassi (Tỳ-bà-thi) trong kinh **DN II 32**; (**b**) Đoạn cuối cho thấy *sự tùy-thuộc lẫn nhau* của “*thức*” và “*phần danh-sắc*”: chúng vừa là nhân và vừa là duyên của nhau; Phật có giảng giải chỗ này một cách chi tiết trong kinh **DN II 62, 38 – 63, 26**.] (176)

128 [*Thức này quay lại (pacceḍāvattati kho idaṃ vinnānam)*. **Spk** giải thích: thức nào quay lại? Đó là thức tái-sinh và thức minh-sát. Thức tái-sinh quay lại

từ điều-kiện (duyên) của nó; thức minh-sát quay lại từ đối-tượng của nó. Không có thức nào trong đó vượt qua phần danh-sắc, vượt quá phần danh-sắc.

Spk-pt: *Từ điều-kiện của nó:* nghĩa là, thức tái sinh quay lại từ những sự tạo-tác cố-ý (các hành)—là nguyên nhân đặc biệt tạo ra thức—chưa được đề cập tới; nó không quay lại từ tất cả điều-kiện, vì chỉ có phần danh-sắc được cho là điều-kiện của thức, (như vậy là nó quay lại từ phần danh-sắc). *Từ đối-tượng của nó:* nghĩa là, quay lại từ sự vô-minh và những sự tạo-tác cố-ý (hành) là đối-tượng, hoặc từ kiếp-trước là đối tượng của nó.

Có thể trước đó vị Bồ-tát (tức Phật lúc chưa thành Phật) đã đang tìm kiếm một ‘bản ngã’ theo kiểu trong Upanisad (Áo Nghĩa Thư, triết lý về bản ngã của Vệ-đà) là một chủ-thể tự tồn tại gồm có một cái thức tinh khiết không cần điều kiện gì để tồn tại. Rồi Phật đã khám phá ra thức là thường hằng tùy thuộc vào phần danh-sắc mà có, nên sự tìm kiếm đó chỉ là việc vô ích, và điều đó cho thấy ngay cả thức, cơ sở vi tế nhất cho ý-niệm có ‘bản ngã’ [coi thêm kinh **12:61**] cũng là có điều-kiện, chỉ là hữu vi, và do vậy cũng vô thường, khổ, và vô-ngã mà thôi.] (177)

Spk-pt: ‘*từ điều kiện (nhân duyên) của nó*’ nghĩa là: thức tái-sinh quay lại từ những sự tạo-tác cố-ý (các hành)—đó là nhân duyên đặc biệt của thức—đã không được nói ra ở đây; nó không quay lại từ tất cả mọi điều kiện, vì phần danh-sắc được cho là điều kiện của thức. ‘*từ đối tượng của nó*’ nghĩa là: từ vô-minh và những sự tạo-tác cố-ý (các hành) là đối tượng, hoặc từ sự hiện-hữu quá khứ là đối tượng.

- Có thể lúc đó vị Bồ-tát đang đi tìm kiếm một cái ‘ngã’ theo mô tả của bà-la-môn giáo [trong *Upaniṣad*, Áo Nghĩa Thư] như là một chủ-thể tự-tính có ‘thức’ tinh khiết (cố định)... Sự khám phá ra rằng “*thức là ắt hẳn tùy thuộc vào phần danh-sắc*” đã cho vị bồ-tát thấy sự tìm kiếm đó chỉ là vô-ích, và cho thấy rằng ngay cả thức, là căn bản vi tế nhất cho quan niệm ‘tự ngã’ [coi thêm kinh **SN 12:61**], cũng là do điều kiện mà có và mất (hữu vi, tùy duyên), và do vậy cũng mang đặc tính ‘vô thường, khổ, vô ngã’.] (177)

129 [Tới đoạn này thì chữ *những sự tạo-tác cố-ý (saṅkhārā)*, vốn đã bị bỏ đi ở phần trên của bài kinh, cuối cùng cũng đã được đưa vào lại; và cả cái điều-kiện (duyên) tạo ra chúng đó là *nguồn gốc của chúng* cũng được đưa vào lại: *nguồn gốc của chúng* chính là vô-minh.] (181)

130 [Nội dung ở đoạn cuối này cũng có trong kinh **SN 51:10**. (Và cũng có trong đoạn cuối trong mấy phần đoạn mà Ma-vương đã nhắc lại với Phật trong kinh **AN 8:70**, vì phần đầu của kinh **AN 8:70** cho tới hết phần thi kệ là giống hệt kinh **SN 51:10**.)] (182)

131 [Nguyên văn câu này: *Sammasatha no tumhe bhikkhave antaram sammasan ti*. **Spk** giải thích “*sự khám phá hướng-nội*” là sự khám phá bên trong về những điều-kiện (duyên) (*abbhantaram paccayasammasanam*). Trong văn chương chú giải, chữ *sammasana-nāṇa* là một chữ thuật ngữ để chỉ *sự hiểu-thấu về năm-uẩn* theo cách ba đặc-tính của chúng [coi **Paṭi I 53–54**, được trích dẫn trong **Vism607–8**; (**Ppn 20:6–20**). Tuy nhiên, ở đây chữ *sammasana* được dùng với nghĩa gần hơn với khái niệm “*sự nhận-thấy các điều-kiện*” (*paccayapariggaha*), như trong **Vism 598–600**; (**Ppn 19:1–13**). (Như vậy có thể tạm hiểu “*sự khám phá hướng-nội*” là sự nhận thấy, nhận ra, hiểu thấu những điều-kiện (nhân duyên).)] (184)

132 (Sự dính-chấp (chấp, chấp-thủ, thủ) là một mắc xích trong 12 nhân-duyên của vòng duyên-khởi. Sự dính-chấp là gồm cả sự *tham-chấp* (về sở hữu vật chất, về sự sở hữu, về thứ có được, như: thân năm-uẩn...) và sự *kiến-chấp* (về sự chứng đắc, cách-nhìn, quan-niệm này nọ...). Ngược lại với chúng là sự buông-bỏ.)

[Nguyên văn câu này: *Idamkha dukkha ṃ upadhinidānam*.... **Spk** giải nghĩa là: Nó có nguồn gốc trong “*sự chấp-thủ là các uẩn*” (*khandhupadhini-dānam*); do ở đây “*sự chấp-thủ*” là hàm chỉ năm-uẩn.

- Về chữ *upadhi* (*sự chấp-thủ, sự dính-chấp*), mời coi thêm chú thích (21) ở kinh **SN 1:12**.

- Theo sự phân tích chuẩn thì sự chấp-thủ hay dính-chấp (*upadhi*) gồm có 04 loại, đó là: những ô-nhiễm, năm-uẩn, những dục-lạc, và những sự tạo-tác cố-ý. Vì *upadhi* (sự chấp-thủ, dính chấp) là do tác động của dục-vọng (*taṇhā*) nên có người bằng lòng với chữ *upadhi* là đồng nghĩa chữ *upādāna*. Tuy nhiên **Spk** không ủng hộ cách diễn dịch này, và cái điều *upadhi* (sự chấp-thủ, dính chấp) là cơ sở gây ra sự già-chết và những loại khổ đau khác thì ủng hộ theo sự giải nghĩa của **Spk** là = *khandhupadhi* (sự chấp-thủ năm-uẩn). Có thể lời kinh muốn chỉ cả 02 nghĩa: (i) *upadhi* chính là các uẩn, là điều-kiện (duyên) kế cận (trực tiếp) cho sự già-chết; còn khi (ii) *upadhi* có nghĩa là *upādāna* thì đó là điều-

kiện xa (gián tiếp) cho sự hiện-hữu và sự sinh-ra, rồi tới lượt hai thứ này lại là điều-kiện xa dẫn tới sự già-chết.

- Về *upadhi* (sự chấp-thủ, dính chấp) là nguồn-gốc khổ, mời coi thêm kinh **Sn** (trang 141, đoạn 7–8, theo bản dịch của TKBD): *yaṃ kinci dukkhaṃ samhoti sabbaṃ upadhipaccayā.*] (187)

133 (Kinh gốc ghi đầy đủ các đoạn này; người dịch Việt tóm lược cho người đọc dễ đọc).

134 [So sánh kinh này với kinh **SN 12:16**. **Spk** giải thích: *ba mươi sáu nền tảng*: là ba 36 lý-do, có được từ 03 trường-hợp nhân với 12 nhân-duyên. Thứ nhất là phẩm chất để thành một người thuyết giảng Giáo Pháp, thứ hai là sự tu-tập, và thứ ba là kết-quả tu tập. Thứ nhất là phẩm chất mục đích của sự chỉ dạy giáo lý, thứ hai là cảnh giới của bậc học-nhân (*sekha*), thứ ba là cảnh giới của bậc vô-học nhân (*asekha*) đã hết phần tu học (đó là A-la-hán).] (196)

135 [**Spk** không nhận diện ra các trưởng lão này. Ngài Savitṭha cũng xuất hiện trong kinh **AN I, 118-119**, và Ngài Nārada trong kinh **AN III, 57-62.**] (197)

136 [Đây là 05 cơ-sở để chấp nhận một giả thuyết (hay một điều gì). Chúng cũng được nói trong kinh **SN 35:153**, và cũng được xem xét kỹ bởi Đức Phật trong kinh **MN 101** [từ đoạn 15.–21.]. Điều này ngược lại với *sự trực-tiếp biết* của chính mình (*paccattamevanāṇa*). Để đọc chi tiết hơn, coi quyển ‘*Giáo Lý Phật Giáo Tiền Thân về sự Hiểu-Biết*’ của Jayatilleke, tr. 182–188, 274–276.

- Chấp nhận hay biết một điều gì ‘*thông qua niềm-tin*’ (*saddhā*); ‘*thông qua thiên-kiến cá nhân*’ (*ruci*); ‘*dựa theo lời-truyền từ xưa*’ (*anussava*), ‘*bằng sự suy-xét theo lý*’ (*ākāraparivitakka*). [Jayatilleke cũng coi chữ *ākāra* là ‘*lý do, lý lẽ*’ ở tr. 274]; và ‘*có một quan-điểm sau khi cân nhắc kỹ về nó*’ (*ditṭhinijjhānakkhanti*).] (198)

137 [*Bhavanirodho nibbānaṃ*. **Spk** nói đây là đồng nghĩa với *sự chấm dứt năm-uẩn*.] (199)

138 [**Spk**: trưởng lão Musīla đã là một A-la-hán, nhưng thầy chỉ im lặng.] (200)

139 [**Spk**: “*Đã nhìn thấy rõ ràng ... bằng trí-tuệ chánh đúng*”: là đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với tuệ minh-sát. “*Tôi không phải là một A-la-hán*”: thầy ấy nói vậy vì thầy ấy đang ở chặng thánh đạo Bất-lai.

Nhưng sự hiểu-biết của thầy ấy “*Niét-bàn là sự chấm dứt sự hiện hữu*” là một loại *trí quán-xét lại* (*paccavekkhaṇanāṇa*), nó khác với 19 loại *trí quán-xét* [thông thường] khác (19 phân khán trí?), [coi **Vism** 676; **Ppn** 22:19–21.] (202)

140 [**Spk** giải thích chỗ này: Vì thầy Ananda đã từng biết Susīma cũng là một vị thầy bên giáo phái của họ và cũng sợ sau khi gia nhập ông ta có thể cố phá hoại Tăng đoàn của Phật. Đức Phật thì đã biết động cơ của Susīma gia nhập là để “ăn cắp Giáo Pháp”, như vậy sẽ làm ô nhiễm Tăng Đoàn, nhưng Phật đã tiên đoán được rằng Susīma sẽ nhanh chóng thay đổi tâm mình và sẽ chứng thánh quả A-la-hán. Vì vậy Phật đã chỉ thị cho thầy Ananda cho ông ta xuất gia luôn.

- Điều hơi lạ là Phật không nhắc gì đến “thời gian thử thách”, hay “sự đặc cách” mà Phật đã luôn nói với các du sĩ ngoài đạo mỗi khi họ xin xuất gia theo Phật. Điều này có lẽ do Phật cũng tiên đoán được nếu làm vậy Susīma sẽ cảm thấy nản chí bởi quy định đó và sẽ không còn xin gia nhập Tăng đoàn, và kết cục sẽ không đạt tới sự giác ngộ và giải thoát (nên Phật đã từ bi không nhắc tới quy định này).] (206)

141 [**Spk-pt**: tức chỉ những tầng thiên vô-sắc và sự giải-thoát khỏi nhận-thức (*āruppajjhāna-sannāvimokkhā*).] (208)

142 [*Nguyên văn câu này: “Pannāvimuttā kho mayaṃ āvuso Susīma.” Spk*: Ý thầy đó nói: “Này đạo hữu, chúng tôi là không có/ không chứng các tầng thiên định sắc-giới (*jhāna*), chúng tôi là những người thiên minh-sát khô (tức chỉ tu thiên-quán minh-sát thôi, không tu thiên-định), chúng tôi được giải thoát chỉ nhờ trí-tuệ” (*āvuso mayaṃ nijjhānakā sukkhavi-passakā pannā-matten’ eva vimuttā*). **Spk-pt** nói rõ thêm: ‘Được giải thoát chỉ nhờ trí-tuệ’ nghĩa là không phải ‘được giải thoát bằng cả hai cách’ (*na ubhatobhāgavimuttā*).

- TKBD: Theo lời giải thích của **Spk** ở trên thì các Tỳ kheo đó ‘không tu chứng tầng thiên định sắc-giới (*jhāna*) nào cả’, nhưng chúng ta thấy kinh chỉ nói họ (a) thiếu những *năng lực thần-thông* (*abhinnā*, thần thông) và (b) thiếu những *tầng chứng đặc vô-sắc giới* (*aruppa*), chứ đâu nói gì về việc họ có chứng đặc các tầng thiên định sắc-giới (*jhāna*) hay không.(*). Đáng lưu ý nữa là những câu hỏi của Susīma cũng không đề cập tới những tầng thiên định sắc-giới (*jhāna*). Dù gì đi nữa, lời bài kinh không đi xa hơn việc phân biệt những A-la-

hán ‘*được giải thoát nhờ trí-tuệ*’ (*pannāvimutta*) so với những A-la-hán chứng được sáu loại *thần-thông* (*abhinnā*) và *những tầng chứng đắc vô-sắc giới*.

- Các luận giảng giải thích bậc A-la-hán ‘*được giải thoát nhờ trí-tuệ*’ là thuộc năm loại sau: 04 loại có chứng đắc (một hay nhiều trong bốn) tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), và một (1) loại người thiền minh-sát khô (*sukkhavipassaka*) không chứng tầng thiền định sắc-giới *thế tục* (*mundane jhāna*) nào, nhưng vẫn chứng đắc tầng thiền định sắc-giới *siêu thế* (*supramundane jhāna*) vốn không thể tách rời khỏi thánh-đạo; [mời coi thêm **Sv II 512,19–28**].

- Về sự khác biệt giữa ‘*sự giải thoát nhờ trí-tuệ*’ và ‘*sự giải thoát bằng cả hai phương diện*’, coi thêm kinh **MN 70**.] (210)

(*) (Người chưa chứng đắc tầng chứng đắc vô-sắc giới nào thì chưa chắc họ đã không chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới; nhưng người đã chứng tầng chứng đắc vô-sắc giới thì chắc chắn họ đã chứng qua 4 tầng thiền định sắc-giới, vì những tầng thiền định sắc-giới là dưới những tầng chứng đắc vô-sắc giới.)

143 [Spk giải thích: trí-biết minh sát, là sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp, có trước. Tới cuối lộ trình minh-sát mới khởi sinh trí-biết của đạo, là sự hiểu-biết về Niết-bàn.] (211)

144 [Spk: Tại sao Phật nói câu này? Mục đích là để chỉ: *có khởi sinh trí-biết như vậy ngay cả khi không có sự định-tâm (samādhi, của thiền định)*. Câu này có nghĩa như là: “Này Susīma, đạo và quả không phải là ‘sản phẩm’ của sự định-tâm (*samādhinissanda*), cũng không phải ‘lợi thế’ do sự định-tâm mang lại (*samādhi-ānisamsā*), cũng không phải ‘kết quả’ của sự định-tâm (*samāhinipphatti*). Chúng là ‘sản phẩm’ của sự minh-sát (*vipassanā, của thiền quán*), là ‘lợi thế’ do sự minh-sát mang lại, là ‘kết quả’ của sự minh-sát. Bởi vậy, dù người tu có hiểu hay không, thì trước tiên cần có *sự trí-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp (Dhamma)*, sau đó mới tới *trí-biết về Niết-bàn*.”

- **Spk-pt** nói: ‘*Ngay cả khi không có sự định-tâm*’ (*vinā pi samādhim*): nghĩa là ngay cả khi không được thiết lập trong trạng thái định-tâm có đặc tính vắng-lặng (*samathalakkhaṇappattam*); ý câu này là chỉ những người tu theo cỗ xe thiền minh-sát (*vipassanāyānika*, minh-sát thừa). Nếu hiểu đúng nghĩa của thuật ngữ này, thì lời kinh chỉ đúng khi thánh quả A-la-hán có thể được chứng ngộ mà không cần có các năng-lực siêu thường (thần thông) và những tầng

chứng-đắc vô sắc giới. Nếu đọc theo cách lý giải của **Spk** và **Spk-pt**, thì có thể xác thực sự tồn-tại của một pháp-môn là “*cỗ xe thuần minh-sát*” (*minh-sát thừa, thiền minh sát ‘khô’*; ‘*khô*’ tức là không dính thiền-định), phương pháp tu đó bắt đầu một cách trực tiếp bằng “*sự quán sát có chánh-niệm*” về các hiện-tượng của tâm và thân (tâm pháp và thân pháp), không phụ thuộc vào căn bản định-tâm nào qua phương tiện các tầng thiền định (*jhana*) hay các trạng thái cận-định (*upacārasamādhī*). (Nên nhớ đây chỉ là sự chú giải của các luận giảng **Spk** và **Spk-pt**, không có nghĩa lời của các luận giảng là luôn đúng).

-► TKBD: Mặc dù các kinh Phật chẳng nói gì về một pháp môn hay cỗ xe ‘*thiền thuần minh-sát*’, nhưng một số sư thầy đương đại đã coi bài kinh “*Các Nền Tảng Chánh Niệm*” (*Satipaṭṭhāna Sutta*, kinh Niệm Xứ) là sự đề xướng cho một pháp tu như vậy, và họ còn vịn vào lời chú giải trên của **Spk** và **Spk-pt** để phụ họa thêm cho sự đề xướng đó. (Thực ra, như Phật đã đề cao, người tu chỉ cần tu chứng các tầng thiền định sắc-giới (*jhana*), và tốt nhất là lấy Tứ thiền làm cơ sở để thiền-quán (minh sát) dẫn tới sự giác-ngộ.) (212)

145 [Mẫu câu xin thú tội và hỏi lỗi này cũng có trong kinh **SN 16:06**.] (215)

146 [Giống như **NHÓM 8** kể trên có **12** bài kinh, mỗi bài kinh nói về **1** trong **12** yếu tố nhân-duyên (kinh **71, 72 ... 81**); như vậy, mỗi bài kinh sau đây có thể được chia thành **12** bài (ứng với mỗi yếu tố); (nhưng ở đây đã gộp chúng lại và nói luôn **12** yếu tố đó một lần).

- **Spk** nói rằng tất cả những kinh này đều được nói dựa theo những căn cơ tính khí của những người được chỉ dạy và được khai ngộ dựa theo những căn cơ khác nhau của họ (*sabbe pi tathā tathā bujghanakānaṃ veneyyapuggalānaṃ ajjhāsayavasena vuttā*).] (216)

147 [Chữ *diṭṭhisampanna* (người đã thành tựu về cách-nhìn) là chỉ về người đã nhìn thấy chân-lý (sự thật) của Giáo Pháp, bắt đầu từ bậc Nhập-lưu (*sotāpanna*). (Trong nhiều kinh thuật ngữ ‘đã thành tựu chánh-kiến là chỉ bậc Nhập-lưu)

- **Spk** giải nghĩa chữ *abhisametāvino* (đã làm nên sự đột-phá) là mô tả “đổi với người an trú sau khi đã làm nên sự đột-phá (chứng ngộ) những diệu-đế bằng phương tiện trí-tuệ” (*paññāya ariyasaccāni abhisametaṃ vā hitassa*) ...]

- (**Spk** có giải thích hơi khó hiểu, nhưng người dịch Việt giải thích luôn như vậy: Lời kinh là dễ hiểu và đơn giản: Những khổ đau đã bị tiêu diệt là gì? Đó

là đồng khổ đau đã bị tiêu diệt sau khi người tu đã chứng thánh quả Nhập-lưu, (bao gồm những khổ đau *ít đã có* trong kiếp này và *ít sẽ có* trong ít nhất 07 kiếp kế tiếp nếu một người không đi tu và không chứng thánh quả Nhập-lưu). *Những khổ đau còn lại là gì?* Đó đơn giản là những khổ đau còn lại mà bậc thánh đó sẽ tiêu diệt trong những chặng thánh đạo cao hơn trước khi chứng thánh quả A-la-hán.) (218)

148 [Đề ý, đoạn kết trong kinh cuối này khác với mẫu đoạn kết trong 10 kinh kể trên của Chương này.] (222)

149 [Spk giải thích: *sự đa-dạng của những yếu-tố*: là bản chất vốn đa dạng của những hiện-tượng; những hiện-tượng có tên là “yếu-tố” theo nghĩa chúng có một bản chất cố hữu bao gồm sự trống-không (tánh không) và sự vắng hiện-hữu (*nissattaṭṭha-sunnataṭṭhasa okhātena sabhāvaṭṭhena dhātū ti laddhanāmānaṃ dhammānaṃ nānāsabhāvo dhātunānattam*). (?)] (223)

150 [Phần lời trong ngoặc [...] này có ghi trong các phiên bản **Ee** và **Se**.] (229)

151 [Chỗ này đang cố gắng kết hợp thành một chuỗi sự không liên lạc bắt đầu chỗ ‘tiếp-xúc’ và ‘nhận-thức’ dẫn tới những mâu thuẫn kỳ lạ, thậm chí nó trở thành quá lạ trong số những sự phủ định của kinh kế tiếp. Ở các kinh khác, sự tiếp-xúc được có là điều-kiện (duyên) để thể hiện các uẩn cảm-giác, nhận-thức, và những sự tạo-tác cố-ý (thọ, tưởng, hành) [ví dụ trong kinh **22:82** (Quyển 3), và thấy trong kinh **35:93** (Quyển 4)]; còn ở đây sự tiếp-xúc và cảm-giác được cho là tùy thuộc vào nhận-thức và ý-định. Các luận giảng **Spk** và **Spk-pt** đều không tỏ dấu hiệu khó chịu về sự sai lệch này, cũng không cố biện minh gì về những sai lệch này.

- Trong kinh **MN I 111**,35–112,13 một chuỗi các hiện-tượng thuộc tâm được ghi như sau: *sự tiếp-xúc > cảm-giác > nhận-thức > ý-nghĩ > sự phóng-tâm theo quan niệm > sự ám-muội bởi những nhận-thức và những ý-niệm khởi sinh từ sự phóng-tâm đó*. Lời kinh thường coi ý-nghĩ (tâm, *vitakka*) là một nghĩa với ý-định (*saṅkappa*); sự phóng-tâm (*papaṅca*) có chứa dục-vọng (*taṇhā*) là đồng nghĩa với tham-muốn (*chanda*); và sự ám-muội (*samudācāra*) có thể gồm có những sự đam-mê và tìm-cầu ... Điều này càng cung cấp cho chúng ta một phiên bản đúng hơn của chuỗi thứ tự này.

- Thật ra **Spk** có đề cập tới một trưởng lão tên là Uruvelāyavāsī Cūḷatissa Thera, vị đó đã nói: “Mặc dù đức Thế Tôn đã đưa sự tiếp-xúc và cảm-giác vào

giữa lời kinh, làm đảo lộn lời kinh (*pāḷiṃ pana parivaṭṭetvā*), chúng ta vẫn có (thứ tự): *nhận-thức, ý-định, tham-muốn, sự đam-mê, sự tìm-câu, và sự đạt-được đối với đối-tượng đã nói ra* [ví dụ như hình-sắc...], ‘*sự đạt-được hình-sắc*’ là đối tượng đã đạt được cùng với dục-vọng; vậy thì có *sự tiếp-xúc* là tiếp-xúc [thuộc tâm] với đối-tượng đã đạt được, và cảm-giác là sự trải-nghiệm của đối-tượng. Theo cách như vậy cặp đôi này—*sự tiếp-xúc* bằng *hình-sắc* và *cảm-giác*—được thấy.”

Spk tiếp tục bình luận thêm: “Và ở đây, nhận-thức, ý-định, sự tiếp-xúc, cảm-giác, và tham-muốn đều được thấy trong cùng tiến trình *javana* (tốc hành tâm) và trong cả những tiến trình *javana* khác; còn sự đam-mê, sự tìm-câu, và sự đạt-được chỉ được thấy trong những tiến trình *javana* khác. (?)” (230)

152 [**Spk**: *Yếu-tố ánh sáng* (*ābhādhātu*) là một tên để gọi tầng thiền định (*jhāna*) cùng với đối-tượng của nó, đó làm ánh sáng (*āloka*) và tầng thiền định đã khởi sinh sau khi làm xong việc chuẩn bị (sơ khởi thiền) về *kaṣiṇa*-ánh sáng. *Yếu-tố vẻ đẹp* (*subhadhātu*) đơn giản là tầng thiền định cùng với đối tượng của nó, được gọi là, tầng thiền định đã khởi sinh trên cơ sở một *kaṣiṇa*-ánh sáng. Còn những thuật ngữ kia thì lời kinh đã tự giải thích nghĩa của chúng.] (231)

153 [**Spk** nói: từ chỗ này trở đi, chữ “*yếu-tố*” đã chuyển qua nghĩa là “*khuyh-hướng*” (*ajjhāsa*).] (240)

154 [Tên của vị Tỳ kheo này là trong **Ee**. Trong **Be** và **Se** tên chỉ được ghi đơn giản là Kaccāna. Trong kinh **SN 44:11** cũng có một Tỳ kheo tên là Sabhiya Kaccāna, cũng ở trong Hội Trường Gạch, và hai người này có thể là một.

- **Spk** diễn dịch câu hỏi của thầy ấy theo hai nghĩa: **(i)** “Tại sao sáu vị thầy (giáo phái khác) có cách-nhìn cho rằng ‘họ là những bậc giác ngộ?’”, **(ii)** “Tại sao những đệ tử của họ có cách-nhìn cho rằng ‘những vị thầy của họ là những bậc giác ngộ hoàn toàn’ mà thực ra họ không phải là những bậc giác ngộ?”

- Nhân tiện, chữ *sammāsambuddho ti* trong **Ee** nên được sửa lại thành *sammāsambuddhā ti*.] (241)

155 (Sự “*học-hiểu*” (học thức) được dịch Việt trong các kinh có nghĩa là: học, học biết, học-hiểu về những giáo lý, kinh, luật... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “*hiểu được ý-nghĩa*” hay các thuật ngữ “*hoàn-toàn hiểu*” (liễu tri), “*trực-tiếp biết*” (tự trí, thấy biết).)

156 [*Vimariyādikatena cetasā: với một cái tâm đã hết những rào-cản. Spk* giải nghĩa: Những rào-cản (*mariyādā*) có hai phần: (i) rào cản là những ô-nhiễm (như tham, sân, si...) và (ii) rào-cản chính là vòng luân-hồi hiện-hữu (tức những rào cản là do còn bị vướng trong luân hồi sinh tử). Ở đây, nhờ có sự loại-bỏ cả hai loại rào-cản, nên lời kinh mới nói là ‘họ sống với một cái tâm không còn những rào-cản’.] (251)

157 [**Spk**: Nó sướng trong trong cái sự nó là một điều-kiện (duyên) cho cảm-giác sướng (lạc thọ).] (252)

158 [Nguyên gốc trong câu này hai vế thiếu đối xứng như vậy: tức, vế đầu có bốn danh từ “*sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện*” (*uppādo thiti abhinibbatti pātubhāvo*), nhưng vế sau thì chỉ có ba, chữ “*sự sản sinh*” (*abhinibbatti*) bị bỏ đi. Mẫu lời kinh kiểu này cũng có trong các kinh **SN 22:30, 35:21, và 35:22.**]

159 [“Vòng luân hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được/khám phá được” (*Anamataggo ’yaṃ bhikkhave saṃsāro*). Nghĩa gốc của chữ *anamatagga* là: không chắc chắn. **Spk** giải nghĩa chữ *anamatagga* là *anu amatagga*, có nghĩa là “*có điểm khởi đầu không thể tìm thấy được*”, và giải thích rằng: “Cho dù có dùng trí hiểu-biết để truy ngược một trăm hay một ngàn năm thì điểm khởi đầu cũng không thể nghĩ bàn được, điểm khởi đầu là không thể biết được (*vassasatam vassasahassam nāṇena anugantvā pi amataggo aviditaggo*). Không thể nào biết được điểm khởi đầu là từ khi nào, ở đâu; nghĩa là không có một phân định đâu là điểm đầu hay điểm cuối. Vòng luân-hồi là một tiến trình liên tục của năm-uẩn ... (*khandhādinam avicchinappavattā patipāṭi*)”. Chữ lai Phạn tương đương của chữ *anamatagga* là *anavarāgra* [ví dụ trong **Mvu I 34,7**], có nghĩa là “*không có giới hạn bên dưới hay bên trên.*” Để coi thêm nhiều cách giải nghĩa từ này, coi thêm **CPD s.v. amat’agga.**] (254)

160 [“*Đại kiếp*” là dịch chữ “*kappa*”. Rõ ràng ý lời kinh là một đại-kiếp (*mahākappa*), là chiều dài thời gian cần có để một thế-giới khởi sinh, phát triển, và hoại diệt. Mỗi đại kiếp gồm có bốn giai đoạn *a-tăng-tỳ kiếp* (*asaṅkheyyakappa*) ứng với mỗi giai đoạn mở-rộng, củng-cố, co-lại, và tan-hoại của thế-giới.] (256)

161 [Một dặm Ân hay do-tuần (*yojana*) dài bằng khoảng 7 dặm Anh, khoảng gần 11,3 Km.] (257)

162 [Ví dụ này cũng có ở kinh **SN 56:33**.] (259)

163 [Nội dung kinh này, gồm cả phần thi kệ, cũng có ở kinh **It 17-18**.]

164 [Nhóm Tỳ kheo này đến trong dịp lễ dâng y (*kāṭhina*) cuối kỳ An Cư mùa Mưa (*Vassa*); coi thêm trong luật tạng **Vin I 253–54**. “*Sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khát thực, người mặc y áo làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y*” là 4 giới tu thuộc 13 giới khổ hạnh hay hạnh đầu-đà (*dhutaṅga*). **Spk**: “*nhưng tất cả họ đều còn những gông-cùm trói buộc*” (*sabbe sasamyojanā*) nghĩa là: một số họ là bậc Nhập-lưu, một số là Nhất-lai, một số là Bất-lai; không có ai còn là người phạm, nhưng cũng chưa ai là A-la-hán.] (262)

165 [**Spk** thảo luận về ba loại *sự biết hài-lòng* (*santosa*): (i) hài lòng với những gì mình có được (*yathālābhasantosa*), như hài lòng với những thứ mình cần để duy trì sức khỏe để tu hành; (ii) hài lòng với khả năng của mình (*yathābalasantosa*), theo nghĩa thô tế hay vi tế; và (iii) hài lòng với sự phù hợp (*yathāsāruppasantosa*), như cho đi những thứ cao sang xa xỉ, chỉ giữ lại thứ đơn giản thiết yếu mình cần có để sống.

- Coi thêm quyển sách của TKBD mang tên bài kinh “*Những Kết Quả Của Đời Sống Tu Hành*” (*Sa-môn quả*), trang 134-137, thảo luận chi tiết về đức hạnh “*biết hài-lòng*” này. Ngược lại với đức hạnh này là những *sự tìm-cầu sai lạc* (*anesanā*), được nêu rõ trong **Vism 22–30 (Ppn 1:60–84)**.] (266)

166 [**Spk** giải thích “*không nhiệt-thành*” (*anātāpī*) là không có năng lượng nỗ lực để đốt cháy (*ātapati*) những ô-nhiễm, và “*không biết sợ-hãi việc làm sai trái*” (*anottappī*) là không thấy sợ hãi về sự khởi-sinh những ô-nhiễm (lậu hoặc) và về sự không khởi những phẩm-tính thiện lành. Hai chữ này đều bắt nguồn từ một gốc từ là “*tap*”: nghĩa là đốt cháy. **Spk** giải thích chữ “*an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc*” (*anuttara yogakkhema*) là = thánh quả A-la-hán, nó được gọi như vậy vì đó là sự an toàn thoát khỏi 4 sự trói-buộc (*yoga*); [coi thêm kinh **SN 45:172** (Quyển 5), 4 sự trói-buộc là: sự trói-buộc bởi tham-dục, sự trói-buộc bởi sự hiện-hữu, sự trói-buộc bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự trói-buộc bởi vô-minh].] (270)

167 [Bốn phần suy xét (quán chiếu) này là tương ứng với bốn phương diện của *sự nỗ-lực đúng đắn* (chánh tinh tấn); [coi kinh **SN 45:08**] tương đương với *bốn loại nỗ-lực* [coi kinh các **SN 49:01–12**] (271)

168 [**Spk**: Y áo của thầy Ca-diếp được nói là đã cũ tàn (*nibbasana*) bởi vì Đức Thế Tôn đã mặc nó những y phục đó và đã thải bỏ. [Coi thêm kinh **SN 16:11** bên dưới]. Đức Phật rõ ràng đang yêu cầu thầy Đại Ca-diếp dẹp bỏ 3 giới tu khổ hạnh (hạnh đầu-đà)—mặc y phục được làm từ giẻ rách, chỉ ăn thức ăn mà mình đã tự đi khát thực được, và sống tu trong rừng. Đức Phật cũng mặc y phục được cúng dường bởi người tại gia, chấp nhận những lời mời tới dùng cơm tại nơi của họ, và sống trong những tịnh xá trong những thành thị; coi thêm kinh **MN II 7–8**. Theo **Spk**, thực ra Phật không ý định làm cho thầy Ca-diếp bỏ những giới tu khổ hạnh đó, Phật chỉ nói vậy để thầy Ca-diếp phát biểu suy nghĩ của mình, như cất lên ‘tiếng gầm sư tử’ của mình.] (278)

169 [Đây là lời tuyên bố [tiếng gầm sư tử] của thầy Đại Ca-diếp; coi thêm kinh **MN I 214,1–17**. Trong kinh **AN 1:191** Đức Phật đã tuyên bố thầy Đại Ca-diếp là đệ nhất tu hạnh đầu-đà như vậy, và điều đó cũng được nói rõ trong kinh **SN 14:15** ở trên.] (279)

170 [TKBD: Trong *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ), tôi dịch chữ *cetovimutti paññāvimutti* là “*sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*” như thể hai sự giải-thoát đó là viết dính nhau trong chữ ghép. Giờ tôi nghĩ lại sẽ tốt hơn nên bỏ sự kết ghép này, vì nghĩa của hai sự giải-thoát đó là riêng biệt. (Chữ *cetovimutti* (*sự giải-thoát của cái tâm*: tức của cái tâm đã không còn ô-nhiễm; tâm sạch nhiễm là nó tự giải thoát khỏi những ô-nhiễm). **Spk** giải thích chữ *cetovimutti* (*sự giải-thoát của tâm*) là sự định-tâm của thánh quả A-la-hán (*arahattaphalasamādhī*); còn chữ *paññāvimutti* (*sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*) là trí-tuệ của thánh quả A-la-hán (*arahattaphalapaññā*).] (285)

171 [Bài kinh này không đề cập tới Đức Phật: có lẽ nó xảy ra sau khi Phật đã mất, bởi vậy lúc này thầy Ānanda mới gọi thầy Ca-diếp lớn tuổi hơn là “Ngài” (*bhante*), theo lời chỉ thị cuối cùng của Phật; trước khi Phật mất, các Tỷ kheo vẫn thường gọi nhau bằng “đạo hữu” (*āvuso*).] (286)

172 [Tên của ni đó có nghĩa là “*Tissā Mập*”. **Spk** giải thích chữ “*bạc trí giả xứ Videha*” hay “*bạc mâu-ni xứ Videha*” (*vedehimuni*); chữ *vedehimuni* có nghĩa như chữ *paṇḍitamuni*: tu sĩ hiền trí, bạc trí giả, trí sĩ”, và giải thích rằng: “*Một bạc trí nỗ-lực với sự uyên bác gồm có sự hiểu-biết—đó là, thầy ấy làm tất cả*

trách phận của mình— do vậy nên được gọi là bậc trí giả xứ Videhan (*paṇḍito hi nāṇasaṅkhā-tena vedena ṭhati ... tasmā vedeho ti vuccati*). Thầy ấy là người quê Videha và là một bậc trí sĩ, nên được gọi là ‘bậc trí giả xứ Videha.’” Còn **Ap-a 128,12** thì giải thích khác và đơn giản rằng: “*Ānanda được gọi là bậc trí giả xứ Videha bởi vì thầy ấy là một tu sĩ và là con của một người mẹ quê ở xứ Videha (Vedeharaṭṭhe jātattā Vedehiyā putto).*” (288)

173 [Nguyên văn câu này: “*Khamatha bhante Kassapa bālo mātuḡāmo*”. Tôi [TKBĐ] đã dịch câu này hoàn toàn trung thực với lời kinh gốc, cũng ý thức rằng một số độc giả sẽ cho cách dịch này mang tính ‘khích bác’. Một người tư vấn đã nói với tôi rằng: “(dịch thẳng như vậy là) *Thầy mới đánh mất hết nửa số người đọc đờ*”, và người đó khuyên tôi nên tránh sự chỉ trích từ phía họ, nên tránh dịch thẳng câu *bālo mātuḡāmo* là “*ni đó là một phụ nữ ngu xuẩn*”. Theo ý của tôi, nếu làm vậy là dịch méo mó sai lệch với lời kinh Pāli nguyên thủy chỉ để thuận theo quan điểm của người thời nay về nam nữ bình đẳng. Tôi không biết câu nó nên được dịch theo cách nào khác hơn là cách tôi đã dịch. Tôi để cho những người đọc tự mình quyết định tin rằng thầy Ananda có thực sự tự mình nói ra câu đó hay không, hay đó chỉ là câu được chêm vào bởi những người kết tập kinh điển sau đó.] (289)

174 [**Spk**: câu này có nghĩa là: “*Đừng để Tăng Đoàn nghĩ rằng ‘Thầy Ānanda chỉ lo kiếm ché (giáo giới, giới hạnh) những người đồng-sự của Phật (tức những người đã tu chứng giống như Phật) chứ không kiếm ché các Tỳ kheo ni. Liệu có sự thân mật hay tình cảm gì giữa họ hay không?’*”. Tiếp theo, thầy Đại Ca-diếp tuyên thuyết những đoạn kinh sau [về những sự chứng đắc về thiền định và trí biết của mình] để chứng minh rằng mình là một đồng-sự của Đức Phật.] (290)

175 [Ni đó đã bị quả báo. **Spk** chú giải: Sau khi Tỳ kheo ni này đã phê phán vị đệ tử là người đồng-sự của Phật (tức thầy Đại Ca-diếp là một người đã tu chứng giống như Phật), và trong khi Ngài Đại Ca-diếp đang cất tiếng gầm sư tử tuyên thuyết về sáu loại trí-biết (*abhinnā*) của mình, thì cà-sa ni của ni đó trở thành như có gai nhọn đâm chích thân thể của ni. Đến nỗi ni đó buộc phải cởi bỏ y cà-sa của mình và mặc y phục màu trắng của người tại gia bình thường thì mới hết bị đâm chích (tức buộc phải hoàn tục vì không còn xứng với phẩm chất một Tỳ kheo ni).] (292)

176 [Giới-luật này đã được đưa ra bởi Đức Phật trong thời gian thầy *Devadatta* đang tạo phe nhóm và gây chia rẽ trong Tăng đoàn. “*Vì lòng bi-mẫn đối với*

các gia đình” có thể giải thích hợp lý là: “*để giảm bớt gánh nặng họ phải lo chuẩn bị và cúng dường thức ăn cùng lúc cho nhiều Tỳ kheo*”.] (295)

177 [Tên của ni này có nghĩa là “*Nandā mậ*”. Ni cũng hay được đề cập trong quyển “*Bhikkhunī Vibhaṅga*” là một người hay gây rối trong Ni Đoàn; chẳng hạn coi thêm **Vin IV 216, 218, 223–24** ... Còn **KS 2:148** đã sai khi gọi ni này là “*Tissā mậ*”, họ tưởng ni này là ni đã phán xét thầy Ca-diếp trong kinh kể trên.] (297)

178 [*Người theo giáo phái khác (annatitthiyapubbo samāno)*. **Spk**: Là do trước kia thầy Ca-diếp đã tự mình khoát y cà-sa vàng úa và từ bỏ thế tục khi chưa biết Phật hay bất cứ ai trong Tăng đoàn của Phật; và ni đó trong lúc phần nộ đã gọi thầy ấy là người theo giáo phái khác (ngoại đạo). Về thầy Ānanda được gọi là “*tu sĩ hay sa-môn xứ Videha*”, coi chú thích ở kinh **SN 16:10** ở trên.] (298)

179 [Nguyên văn câu này: *Sātasahagatā ca me kāyagatā sati*. **Spk** giải thích: đây chính là “*sự chánh-niệm về thân*” với niềm vui sướng có trong tầng thiền định thứ nhất có trong sự *thiền quán về sự không-sạch* (của thân) và *sự chánh-niệm về hơi-thở*. Bản thân sự khởi xướng ba-điều này chính là sự xuất-gia và sự thụ-giới của thầy Ca-diếp.] (304)

180 [Trong kinh **MN I** (444,36–445,25) cũng có cùng câu hỏi này, nhưng câu trả lời thì khác. Có thể ở đây là sự quan tâm của Ngài Đại Ca-diếp về việc bảo tồn Giáo Pháp đích thực (chân Pháp), được chứng tỏ trong kinh này, báo trước vai trò là người chủ trì *Hội Đồng Kết Tập Kinh Điển Phật Giáo* lần thứ nhất không lâu sau khi Đức Phật đã bát-niết-bàn [được mô tả trong Luật tạng, **Vin II 284–85**]. Ở đó chúng ta thấy, trong phản ứng dữ dội của vị Tỳ kheo già tên là Subhadda đối với tin báo về cái chết của Phật, là sự quấy động đầu tiên đối với sự nguy cấp (xuất hiện) của Giáo Pháp “giả mạo”. Ngài Đại ca-diếp đã chủ trì Hội Đồng Kết Tập lần 1 để bảo đảm Giáo Pháp đích thực và Giới-luật sẽ được duy trì dài lâu và không bị mai một bởi Giáo Pháp giả mạo được tà chế bởi những tu sĩ thất đạo thất đức] (311)

181 [**Spk** giảng giải: Có hai *sự giả mạo Giáo Pháp đích thực (saddhammapaṭirūpaka)*: (i) *sự giả mạo về chứng-đắc (adhigama)*, (ii) *sự giả mạo về phần pháp-học (pariyatti)*. Sự giả mạo thứ nhất là chỉ 10 *sự suy-đòi của trí-biết mình sát* [Thanh Tịnh Đạo, **Vism 633–38; Ppn 20:105–28**]. Sự giả mạo thứ hai là *những kinh kệ khác với Lời Phật đích thực* (Phật ngôn) đã được

thẩm định (bởi hội đồng thánh tăng) trong 03 kỳ kết tập kinh điển Phật giáo; phần ngoại trừ là gồm 05 *chủ-đề thảo luận* (*kathāvatthu*): sự thảo luận về những yếu-tố (giới), sự thảo luận về những đối-tượng, sự thảo luận về sự không-sạch (bất tịnh), sự thảo luận về những cơ-sở của trí-biết, và hộp đựng chân-trí. [Những kinh kệ giả mạo bao gồm:] *Luật Tạng Bí Truyền* (*gulhavinaya*), *Vessantara Bí Truyền*, *Mahosadha Bí Truyền*, *Tạng Vaṇṇa Piṭaka*, *Tạng Aogulimāla Piṭaka*, *Raṭṭhapāla-gajjita*, *Ālavaka-gajjita*, và *Tạng Vedalla Piṭaka*. **Spk-pt** giải thích: Tạng “*Vedalla Piṭaka*” chính là Tạng *Vetulla Piṭaka*, họ cho rằng nó được cho là được cất giữ và mang ra từ chỗ ẩn trú của những con rồng *nāga*; số khác thì nói rằng nó gồm có những điều đã được nói ra trong các cuộc tranh luận (*vādabhāsita*).

- Chữ “*khác với Lời Phật đích thực*” (*abuddhavacana*) nghĩa là nó mâu thuẫn với Lời Dạy của Phật; vì bậc Giác Ngộ thì không nói điều gì không nhất quán với (thực nghĩa) bên trong (*pubbāparaviruddha*). Có những sự cố gắng lớn được thực hiện ở thế kỷ 14 với mục đích nhận diện ra những phần kinh kệ (giả mạo) đã được chỉ ra bởi **Spk** ở trên; gồm những tác phẩm như quyển *Nikāyasaograha* được thảo luận bởi Adikaram, *Lịch Sử Tiền Thân của Phật Giáo ở Tích Lan* (*Early History of Buddhism in Ceylon*), trang 99–100. Quyển *Nikāyasaograha* đã xếp loại mỗi kinh kệ đó vào mỗi trường phái *khác với Trưởng Lão Bộ* (*Theravāda*).

- Phân bình luận của **Spk-pt** về Tạng *Vedalla Piṭaka* đã gợi ý nó là một sự kết tập của những kinh Đại Thừa (*Mahāyāna sūtra*). Đại Thừa (*Mahāyāna*) được đề cập đến trong các biên niên sử Tích Lan chính là nhánh phái *Vetullavāda* (Phạn: *Vaitulyavāda*); mời đọc lại quyển *Lịch Sử Phật Giáo ở Tích Lan* (*History of Buddhism in Ceylon*) của Ngài W. Rahula, trang 87–90. **Spk-pt** rõ ràng đang ám chỉ về cái niềm tin rằng Ngài Nāgārjuna (Long Thọ) đã mang ra những kinh *Prajñāpāramitā Sūtra* (*Bát-nhã Ba-la-mật-đa*) từ lãnh cõi của rồng *nāga*.

- Năm “*chủ-đề thảo luận*” (*kathāvatthu*), được chấp nhận bởi những người theo Trưởng Lão Bộ (*Theravādin*) mặc dù đã không được thẩm định là phần kinh điển, có thể chỉ là những chuyên luận về mặt triết học ghi lại những ý kiến của những vị thầy nổi tiếng về những luận-điểm quan trọng của giáo thuyết.

- **Spk** đã mô tả rất dài về sự biến-mất của Giáo đoàn của Phật là sự biến mất ba-phần là *phần chứng-đắc*, *phần tu-tập*, và *phần pháp-học* (*adhigama-, paṭipatti-, pariyatti-saddhamma*).] (312)

182 [**Spk** giải thích: *Lợi* hay *lợi lộc* (*lābha*) là lợi lộc thuộc bốn thứ (y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh); *danh* hay *danh dự* (*sakkāra*) là những lợi lộc đặc biệt để vinh danh; *vinh* hay *tôn vinh* (*siloka*) là tôn vinh, tôn lên (*vaṇṇaghosa*).] (316)

183 [Gia chủ *Citta* đệ tử tại gia nam đệ nhất về thuyết pháp; và gia chủ *Hatthaka* của xứ Ālavaka là đệ tử tại gia nam đệ nhất về có tài vận dụng bốn phương tiện hấp dẫn và duy trì mối quan hệ với người khác. Về hai người này, mời coi lại kinh **AN 250** và **251**, và các chú thích ở đó.] (328)

184 [*Khujjuttarā* nữ đệ tử tại gia đệ nhất đa văn; và *Veḷukaṇḍakīyā* nữ đệ tử tại gia đệ nhất về tu thiền. Về 2 người này, mời coi lại kinh **AN 1:260** và **262**, và các chú thích ở đó.] (329)

185 [*Khemā* là Tỳ kheo ni đệ nhất về trí tuệ; và *Uppalavaṇṇā* là Tỳ kheo ni đệ nhất về thần thông. Tỳ kheo ni *Uppalavaṇṇā* đã xuất hiện trong kinh **SN 5:05**, và *Khemā* đã thuyết pháp trong kinh **SN 44:01**. Về 2 thánh ni này, mời coi lại kinh **AN1: 236** và **237**, và các chú thích ở đó.] (329)

186 [**Spk**: “*những trạng thái an trú lạc trú*” tức là trạng thái tăng thiền định. **Spk** giải thích: ví dụ như có những bậc A-la-hán nhận đồ cúng dường của thí chủ, phải lo cảm ơn và chỉ dạy Giáo Pháp cho họ, không còn thời gian để an trú lạc trú trong các tăng thiền định.] (332)

187 (Kinh này và thi kệ giống hết kinh **AN 4:68**.)

188 [Rāhula là con trai của Phật. Thầy ấy trở thành sa-di (*sāmaṇera*) năm bảy tuổi, được thụ giới trong lần đầu tiên Đức Phật về thăm quê và kinh thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) sau khi giác ngộ. Những kinh khác nói về thầy ấy là: **MN 61**, **MN 62**, và **MN 147** [**MN 147** tương đương kinh **SN 35:121**] và **Sn II, 11** (trang 58–59).] (337)

189 [**Spk**: (i) *Đối với thân có-thức này* (*imasmim savinnāṇake kāye*): thầy ấy chỉ cái thân có-thức của mình. (ii) *Và đối với tất cả dấu-hiệu bên ngoài* (*bahiddhā ca sabbanimittesu*): là cái thân có-thức của những người khác và

những đối-tượng vô tri (không hữu tình). Hoặc giải thích theo cách khác: (i) là thầy ấy chỉ cái *co-chế hữu tình của mình* và *co-chế hữu tình của những người khác* [**Se** ghi là *attano ca parassa ca savinñāṇakam eva*]; còn (ii) *thể-sắc ở bên ngoài* không có dính líu với các căn cảm-nhận hay giác-quan (*bahiddhā anindriyabaddharūpaṃ*). (iii) (cụm chữ kép) *ahaṅkāramamaṅkāramā nānusayā* được giải quyết như vậy: *sự tạo-nên cái ‘ta’ (ahaṅkāra)*, *sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (mamaṅkāra)*, và *khuyh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (mānānusayā, tùy-miên ngã mạn)*. [Lời kinh cũng được ghi giống trong **Be** và **Se**, nhưng nếu, vì hình như là, sự kết thúc số nhiều xuất phát từ chữ kép *asamāhāra*, sau khi giải quyết thành phần cuối cùng phải là chữ *mānānusayo.*] “*Sự tạo-nên cái ‘ta’*” được coi là chức năng của cách-nhìn sai lạc (tà kiến: ngã kiến, quan-điểm có cái ‘ta’, có ‘bản ngã’), “*sự tạo-nên cái ‘của-ta’*” có chức năng của dục-vọng. Còn gốc rễ ‘*tự-ta*’ (ngã mạn) là tự-đại cái “*ta-là*” (*asmimāna*), do vậy sự tự-đại này cũng chịu trách nhiệm cho cái “*sự tạo-nên cái ‘ta’*”.] (340)

190 [Cách phân loại này theo 11 tính chất của mỗi uẩn thuộc năm-uẩn cũng được ghi rõ trong **Vibh 1–12.**] (341)

191 [**Spk**: “*đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi (vidhā samatikkantaṃ)*: nghĩa là tâm đã vượt lên những loại tính tự-ta (ngã mạn) khác nhau; “*được bình-an (santaṃ)*: là nhờ sự lặn mất của những ô-nhiễm; và “*được giải-thoát một cách khéo léo*” (*suvimuttaṃ*): là được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi ô-nhiễm.”] (342)

192 [Ở đây tôi dịch theo **Be** ghi là: *vitudenti vitacchenti virājenti*. **Se** chỉ ghi *vitudenti*, còn **Ee** ghi là *vitacchenti vibhajenti*. **Spk** chỉ bình luận về chữ *vitudenti*: “Chúng ... cắn mổ (bộ xương đó) liên tục liên tục bằng cái mỏ bằng kim loại của chúng sắc bén như lưỡi kiếm.” Theo **Spk** giải nghĩa: kèn kèn, quạ, điều hâu ở đây thực ra là ba loại quỷ dạ-xoa (*yakkha*) [như *yakkhagijjhā, yakkhakākā, yakkhakulalā*]; bởi vì loại thân sắc này (bộ xương bay) là không thể nào nằm trong tầm nhìn của những con kèn kèn, quạ, điều hâu bình thường được.] (345)

193 [Nguyên văn cả câu cuối: *Evarūpo pi nāma satto bhavissati evarūpo pi nāma yakkho bhavissati evarūpo pi nāma attabhāvapaṭilābho bhavissati*. **Spk** giải thích: Khi nói ra điều này Ngài Mục-kiền-liên đã cho thấy *cảm-nhận* [của thầy ấy] về *sự cấp-bách* trong Giáo Pháp, khởi sinh vì lòng bi-mẫn đối với những chúng sinh như vậy. Cụm chữ *attabhāvapaṭilābho*, nghĩa gốc là “*sự chấp-thủ cái ‘ta’*” (ngã chấp) được dùng một cách thành ngữ để fàm chỉ một

hình-dạng cụ thể của một cá thể danh tính. Chữ *attabhāva* nhiều lúc được dùng với nghĩa hạn chế để chỉ riêng về phần thể xác mà thôi, ví dụ trong kinh **Ud 54,17–19.**] (346)

194 [**Spk:** *Do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót lại (tass’ eva kammaṣṣa vipākāvasesena):* nghĩa là, “nghiệp” đã được ném trải trong những kiếp sau đó (*aparāpariyakamma*) vốn đã được tích lũy bởi nhiều sự cố-ý (tu) khác nhau. Vì sự tái sinh rong địa ngục được tạo ra bởi một sự cố-ý nào đó, và khi quả báo của nó đã hết thì sự tái sinh sẽ được tạo ra trong cảnh giới ngạ-quỷ, súc-sinh ... có đối-tượng của nó là *phần sót lại của nghiệp* đó hoặc *dấu-hiệu* (hình tướng) của nghiệp đó [coi thêm **CMA 5:35–38**]. Bởi vậy, sự tái sinh xảy ra thông qua sự ứng báo của nghiệp, hay sự ứng báo của đối-tượng (*kamma-sabhāgatāya ārammaṇasabhāgatāya vā*), đó được gọi là “*quả báo còn sót lại của cùng nghiệp đó*”. Điều này được cho là, vào lúc người đó ‘qua đời’ hay ‘kết kiếp’ ở địa-ngục, một đồng những con bò không-thịt trở thành *dấu-hiệu* [chẳng hạn: đó là đối-tượng của tiến trình thức cuối cùng, rồi nó trở thành đối-tượng của thức tái-sinh]. Như vậy ‘người đó’ trở thành ‘hồn-ma’ (ngạ-quỷ) [trong hình dạng của] một bộ xương, cứ như để thể hiện cái ‘nghiệp ẩn khuất’ đó ra cho bậc trí ngộ nhìn thấy được (như Ngài Mục-kiền-liên).] (347)

195 [**Spk:** Người này đã từng làm nghề nghiệp lò mổ nhiều năm giết thịt gia súc, là người mổ, cắt, lóc, xẻ thịt, ướp gia vị, phơi khô, và bán thịt khô. Khi người này ‘hết kiếp’ ở địa-ngục, một miếng thịt trở thành *dấu-hiệu* và người này trở thành một ‘hồn-ma’ (trong hình dạng) một miếng thịt.] (348)

196 [**Spk:** Người này từng là đồ tể đã dùng nhiều nhục hình để tra tấn nhiều người phạm tội và sau đó dùng cung bắn tử hình họ. Sau khi ‘hết kiếp’ ở địa-ngục, người đó tiếp tục bị tái sinh theo quả báo còn sót lại của nghiệp cũ và trạng thái bị bắn bởi mũi tên trở thành *dấu-hiệu* (hình tướng), và do vậy người này trở thành ngạ-quỷ với thân có lông làm bằng (vô số) mũi tên (như đã dùng để bắn giết người ta trước kia).] (349)

197 [Trong **Be** và **Se**, kinh này và kinh kế dưới được đặt tên là kinh *Sūciloma* và kinh *Dutiya-sūciloma* (*Sūciloma thứ hai*) còn trong **Ee** thì chúng lần lượt có tên là kinh *Sūci-sārathi* và kinh *Sūcako*. Trong **Be** và **Se**, ‘hồn-ma’ (ngạ-quỷ) bị đày đọa được nói trong kinh này được cho đã từng là một *sūta*, mà **Spk** giải nghĩa là *assadamaka* (*một người huấn luyện ngựa*), còn trong **Ee** thì cho nó từng là một *sūcaka*. Trong cả 03 phiên bản, ‘hồn-ma’ trong kinh sau được cho là một *sūcaka*, mà **Spk** giải nghĩa là *pesunnakāraka* (*người vu khống*). Tôi làm

theo **Be** và **Se** về cả hai thứ là *tên các kinh* và ‘*loại người*’ trước kia của hai ‘hồn-ma’ bị đày đọa này.] (350)

198 [**Spk**: Người này là một người vu khống vu oan người khác, gây chia rẽ người khác, và nói lời ám chỉ, chỉ chọt, giả như thật... để làm tan nát và làm khổ sở người khác. Do vậy, những người bị chia rẽ do những lời ám chỉ đâm chọt của ông ta (*tena sūcetvā manussā bhinnā*), họ nếm trải sự khổ đau như bị kim đâm (*sūchi bhedanadukkham paccanubhotum*), người đó nhận lãnh nghiệp đó là *dấu-hiệu* nên trở thành ‘hồn-ma’ có lông bằng kim (*sūci-lomapeta*). Chữ Pāli *sūci* là kim, và động từ *sūceti* là ám chỉ, chỉ chọt.] (351)

199 [*Quan tòa tham những*: nguyên văn danh từ chỉ người này là *gāmakūṭa*, nghĩa gốc là “*kẻ lừa đảo trong làng*”. **Spk** giải thích đại ý là: người này nhận tiền hối lộ, làm sai lệch những vụ án và những bản án, xử oan của người này thành của người khác. Ông ta làm ngang nhiên như không che dấu bộ phận nào của thân mình. Do ông ta đã gây ra những gánh nặng không thể gánh nổi cho những người khác bằng cách phán quyết những hình phạt khắc nghiệt, nên quả báo là những bộ phận của thân ông trở thành gánh nặng không thể gánh nổi đối với ông ...] (352)

200 [Nguyên văn chữ này: *maogulitthi*. **Spk** giải nghĩa là: *maogulin ti virūpaṃ duddasikaṃ bibhaccham*. Cô ta đã lừa gạt nhiều người, nhận đồ cúng như dầu thơm và bông hoa, nói rằng họ sẽ được giàu có nếu làm theo những lễ nghi này nọ. Cô ta làm cho số đông chấp nhận những cách-nhìn xấu, cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do vậy bản thân cô ta trở thành người hôi thối đối lại cho dầu thơm đã lừa nhận, và trở thành xấu xí do khiến họ chấp nhận những cách-nhìn xấu như vậy.] (356)

201 [**Spk** giải thích: trước kia trong khi hưởng dụng bốn thứ cúng dường (y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang) được chu cấp bởi những người tại gia vì niềm-tin, nhưng người đó không kiềm chế về thân nghiệp và ngữ nghiệp, và sa đọa trong những cách mưu-sinh, chỉ lo lêu lộng sung sướng. Cách giải thích tương tự cho những trường hợp còn lại bên dưới.] (358)

202 [Ví dụ căn nhà mái chóp (mái nhọn) là khá nhiều trong các bộ kinh *Nikāya*, trong bộ kinh **SN** này cũng được dùng lại trong các kinh **22:102** (Quyển 3), **45:141**, **46:7**, **48:52** (Quyển 5). **Spk** giải nghĩa chữ “*chuyên cần*” là “*thường*

trực trối kết trong sự chánh-niệm” (appamattā ti satiyā avippavāse tithā hutvā).] (359)

203 [Về chủ đề này, mời coi thêm chi tiết ở các kinh **SN 56:102–131** (Quyển 5). **Spk** diễn dịch rằng “*những thiên-thần*” cũng nằm chung với nhóm “*loài người*” nên lời kinh có thể hiểu là chỉ có số ít được tái sinh trong số loài người và những thiên-thần] (360)

204 [(Ở đây, **Spk** đã giải thích những chữ mô tả phẩm chất của bốn cung thủ một cách gần như tương tự như chú giải của luận giảng **Mp** trong kinh **AN 9:36**, sẵn trích dẫn luôn như vậy: [Ở đây, **Mp** nói rằng: “*Cung thủ dùng cung cứng chắc (daḷhadhammā dhanuggaho)*: là một cung thủ cầm một loại cung cứng chắc. Một ‘*cung cứng chắc*’ (*daḷhadhanu*) được gọi là ‘*sức mạnh của hai-ngàn*’ (*dvisahassathāmaṃ*) [*Sức mạnh hai-ngàn* có nghĩa là một khối lượng kim loại, như đồng hay chì... được dùng làm đầu mũi tên...]. *Được thao luyện (sikkhito)* nghĩa là: họ đã ở trong họ tộc của vị cung sư 10-12 năm để học kỹ năng bắn. *Thiện thạo (katahattho)* nghĩa là: người đã được thao luyện, đã học kỹ năng bắn chưa chắc đã thiện thạo; họ thiện thạo là khi họ đã đạt tới sự làm chủ (nắm vững, điều khiển) nó. *Đầy kinh nghiệm (katūpāsano)* nghĩa là: họ đã từng biểu diễn thi đấu bắn cung ở nhiều hội thao, trường bắn của vua chúa, triều đình.] (725).] (365)

205 [*Āyusāṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống, hành sinh-mạng*. **Spk** nói: Câu này được cho là nói tới tới *căn mạng-sống của thân (rūpajivitindriya)*; vì cái này chấm dứt còn nhanh hơn những tốc độ đó; (ý nghĩa giống câu “*Mạng người trong một hơi thở*”. Nhưng không thể nào mô tả sự tan-rã của những hiện-tượng vô-sắc [như: những trạng thái thuộc tâm, bởi vì theo Vi Diệu Pháp thì chúng tan rã nhanh gấp 16 lần so với những hiện-tượng vật chất (sắc giới).] (366)

- (Về *sự tạo-tác sự sống* (hành sinh-mạng), mời coi thêm những chú thích ở kinh **AN 8:70**, chú thích 171, số đầu (1790), và chú thích ở kinh **SN 51:10** (Quyển 5), chú thích số đầu (254).)

206 [**Spk**: Những người *Dasāraha* ở đây là họ tộc giai cấp chiến sĩ, họ được gọi tên như vậy vì họ lấy phần thứ mười từ 100 (*satato dasabhāgaṃ gaṇhimsu*—câu này không rõ nghĩa). Người triệu tập (*ānaka*) là tên cái trống, được làm từ càn của một con cua vĩ đại. Nó phát ra tiếng trống có thể được

nghe từ khoảng cách 12 do-tuần, do vậy nó được dùng để triệu tập dân chúng trong những ngày lễ hội.] (367)

207 [Coi thêm kinh **SN 17:08**. **Spk**: ‘*người nào đó*’ ở đây là chỉ Đề-bà-đạt-đa (*Devadatta*); ý nói, ‘*thầy ấy*’ nên chấp nhận làm một đệ tử của Phật hơn là cứ tự tung tự tác (trong Tăng đoàn) như con chó bị mắc bệnh ở trên. ‘*Đi theo người con của học tộc Thích-ca*’ (*Sakyaputtiya*): chính là đi theo Đức Phật; coi thêm kinh **SN 55:07**. ‘*Tu sĩ đi theo người con của họ tộc Thích-ca*’: (*samaṇa sakyaputtiya*); coi thêm kinh **SN 28:10**, **SN 42:10**.] (376)

208 [**Spk**: (như kinh trên) ‘*người nào đó*’ ở đây là chỉ Đề-bà-đạt-đa (*Devadatta*); (nghĩa là: ngay cả lúc nói mình là đệ tử của Phật mà trong lòng cũng không có chút sự biết ơn nào).] (377)

209 [*Kolita* tên gọi của Ngài Mục-kiền-liên; Mục-kiền-liên (*Moggallāna*) là họ. Bài kinh này gần như giống hết kinh **SN 40:02**, chỉ khác ở chỗ kinh này nói về ‘*sự im lặng thánh thiện*’, kinh sau thay bằng chữ ‘*tăng thiên định thứ hai*’. **Spk**: nói rõ rằng kinh này nói lại tuần lễ thầy Mục-kiền-liên đang nỗ lực tu để chứng thánh quả A-la-hán.] (378)

210 [**Spk** giải thích tăng thiên định thứ hai được gọi tên là ‘*sự im lặng thánh thiện*’ (*ariya tunhībhāva*) bởi vì trong trạng thái đó ý-nghĩ (tâm, *vitakka*) và sự soi-xét (tứ, *vicārā*) chấm dứt, và với sự chấm-dứt đó lời-nói không thể xảy ra. Trong kinh **SN 41:06** (Quyển 4) tâm và tứ được gọi là *sự tạo-tác lời-nói* (*vacīsaṅkhāra*, ngữ hành), chúng là những yếu-tố của tâm chịu trách nhiệm phát ra lời-nói. Nhưng, **Spk** nói thêm, khi Phật nói khi các Tỷ kheo gặp gỡ nhau họ nên “*nói về Giáo Pháp hoặc giữ sự im lặng thánh thiện*”, thì cả sự chú-tâm (tác ý) tới một đối-tượng thiên cũng được coi là “*sự im lặng thánh thiện*”.] (379)

211 [**Spk** giải thích: Câu này được nói ra vì hoàn cảnh là: qua 07 ngày vị Sư Thầy (Phật) đã giúp thầy Mục-kiền-liên tu tập sự định-tâm vào những lúc sự định-tâm bị sa sút (*hānabhāgiya*), sự trợ giúp đó đã dẫn dắt thầy ấy đến “*sự lớn lao của trí-biết trực tiếp*” (*mahābhinnatā*), tức dẫn tới 06 loại trí-biết trực tiếp.] (380)

212 [Chỗ này **Ee** chỉ ghi *āvuso* (đạo hữu), còn **Be** và **Se** ghi đầy đủ *āvuso Sāriputta* (đạo hữu Xá-lợi-phát).] (382)

213 [**Spk** giải thích: *Từ lâu* (hay *đã lâu*, *trong một thời gian lâu*): ý thầy Mục-kiền-liên nói đã lâu từ lúc Phật đang dạy cho du sĩ Dīghanakha bài thuyết giảng về “*Sự Nhận Thấy Những Cảm-Giác*” ở cửa Hang Heo Rừng. Vì chính vào ngày đó (sau khi thầy Xá-lợi-phất đứng gần nghe và tự chứng ngộ) những ô-nhiễm cố hữu của vòng luân hồi sinh tử đã được búng bỏ bên trong thầy Xá-lợi-phất. Quý vị có thể coi lại chú thích ở kinh **SN 12:32** ở trên, chú thích số đuôi (97).] (383)

214 [**Spk** giải thích: Sự an trú được gọi là thô tế là dựa theo đối-tượng của nó. Vì thầy Mục-kiền-liên đã an trú trong sự thực tập yếu-tổ (thần thông) *mắt thiên-thánh* (thiên nhãn thông) và *tai thiên-thánh* (thiên nhĩ thông), sự thực tập này có những đối-tượng là thô tế, như là, cơ sở (xứ) âm-thanh và cơ sở hình-sắc.] (384)

215 [Mẫu lời kinh ‘quyết tâm’ này cũng có trong kinh **SN 12:22**.] (386)

216 [**Spk** giải nghĩa chữ *kappa* ở đây là một kiếp người (*āyukappa*) đại thọ, tức 120 năm. Tuy nhiên lời kinh hình như có nghĩa là một *kiếp vũ trụ*, tức một đại-kiếp, khoảng thời gian dài cho một hệ thế giới tiến hóa và hủy hoại. Mời quý vị coi thêm kinh **51:10** (Quyển 5) và chú thích của nó chi tiết hơn về chữ này, chú thích số đuôi (249).] (387)

217 [Chữ con rồng (*nāga*) được dùng ở đây với nghĩa là bậc A-la-hán.] (388)

218 [“*Đã chinh phục Ma-vương và yên cương của hấn*” (*Jetvā Māraṃ savāhanam*). **Spk** không bình luận về chữ “yên cương” là gì, nhưng những luận giảng khác giải thích đó là (i) *con voi Girimekha* [như **Pj Ī 392,3**; **Sn 442**] hay là (ii) *đội quân của Ma-vương*. Trong chuyện Tiền Thân của Phật, **Ja I 72**, thấy Ma-vương đang cưỡi con voi Girimekha của hấn trước lúc tấn công vị Phật sắp thành dưới Cây Bồ-Đề.] (389)

219 [Tên *Lakuṇṭaka Bhaddiya* có nghĩa là “*Chú lùn Bhaddiya*”. Phần lời kinh chính cũng có ở kinh **Ud 76**; coi thêm kinh **Ud 74,20–75,6**. **Spk** lưu ý có “*nhóm sáu Tỷ kheo*” (*chabbhagiyā bhikkhū*, là những người tích nghịch gây rối trong Tăng đoàn thường được nói đến trong Luật Tạng) thường xuyên trêu chọc vị thầy này. Sự hình dạng xấu xí của thầy Bhaddiya, theo **Spk**, là nghiệp quả của hành-vi trong kiếp trước của mình là một vị vua những luôn quấy rối và làm khó những người già. Mặc dù thân hình xấu xí nhưng thầy có giọng nói rất dễ mến, đó là nghiệp quả từ một kiếp khác trước khi đó là một con chim cuốc đã

cúng dường một trái xoài chín ngọt cho Đức Phật Vipassī trong quá khứ. Phật (Thích-Ca) đã tuyên bố thầy ấy là đệ nhất có giọng nói ngọt ngào (*manjussara*), [coi kinh AN 1:194]. Những thi kệ của thầy ấy là **Th 466–72**, không gồm phần thi kệ trong kinh này.] (390)

220 [Những thi kệ của vị Tỳ kheo này là **Th 209–10**. Sự mô tả về lời thuyết giảng của thầy cũng giống như lời mô tả về sự thuyết giảng của thầy Xá-lợi-phất trong kinh AN 8:06. Toàn bộ kinh này cũng giống kinh AN 4:48.] (391)

221 [Câu này chúng ta nên đọc theo **Be** (và **Ee** trong kinh AN 4:48) là: *nābhāsamā nam jānanti*. Cách ghi *no bhāsamānam* (của **Ee** trong kinh này) và *na bhāsamānam* (của **Se**) cho ra một nghĩa trái ngược với nghĩa cần có. Bài thi kệ song hành trong **BHS** là **Uv 29:43–44** thì ủng hộ cách ghi của **Be** là *nābhāsamānā jñāyante*.] (392)

222 [Nguyên văn câu này: *Annātunchena yāpentam*. **Spk** giải thích: rác (đồ ăn thừa, thức ăn bỏ đi) có được bởi một người tìm kiếm thức ăn cao sang mỹ vị ở chỗ những gia đình giàu có quyền lực thì được gọi là *đồ ăn thừa từ những người nổi tiếng* (*nātuncha*, nghĩa gốc là: *đồ ăn thừa nổi tiếng, rác được biết nhiều*). Nhưng thức ăn tạp nhạp có được bằng cách đứng trước cửa nhà người ta để xin ăn thì được gọi là *đồ ăn thừa của những người lạ* (nghĩa gốc là: *đồ ăn thừa không được biết, đồ ăn thừa không nổi tiếng*).] (394)

223 [**Spk** giải thích: Quá khứ nên được dẹp bỏ dẹp bỏ (*pahīnam*) bằng cách dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với (thân) năm-uẩn của quá khứ; tương lai được từ bỏ (*paṭinissatṭham*) bằng cách từ bỏ tham muốn và nhục dục đối với năm-uẩn của tương lai.] (398)

224 [Ba câu kệ (pāda) đầu cũng có trong kinh Sn 211, và trong kinh Pháp Cú **Dhp 353** với chút khác nhau. **Spk** giải thích: *Người chinh phục tất cả* (*sabbābhibhum*): là người an trú sau khi đã chinh phục năm-uẩn, những cơ-sở cảm-nhận (giác quan, sáu xứ), và những yếu-tố (giới), và ba (cõi) loại sự hiện-hữu. *Không bị dính nhiễm* (*anupalittam*, hay *không bị dính kẹt*) giữa những thứ dễ dính như sự dính (*lepa*, *chất dính*) của dục-vọng và những tà-kiến. *Được giải thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng* (*taṇhakkhaye vimuttam*): là được giải thoát trong Niết-bàn, Niết-bàn được gọi là sự tiêu diệt dục-vọng theo cách sự giải-thoát lấy Niết-bàn/ sự diệt-dục là đối-tượng của nó.] (399)

225 [Thầy Đại Kappina là đệ nhất về khởi xướng giáo giới [coi kinh **AN 1:231**, *bhikkhu-ovāḍaka*). Những thi kệ của thầy ấy là **Th 547–56**, và thầy ấy được Đức Phật khen ngợi trong kinh **SN 54:07** (Quyển 5). **Spk** giải thích: Thầy Kappina trước kia từng là một vị vua cai trị ở kinh thành Kukkuṭavaṭī. Ngay khi nghe tin từ một nhóm thương buôn về Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, nhà vua liền rời khỏi kinh thành để đi đến Sāvattḥī cùng với 1.000 quan thượng thư, với ý định xuất gia. Hoàng hậu Anojā cũng đi theo ông, đi chung với những bà vợ của những quan thượng thư, cũng với ý định xuất gia. Đức Phật đã ra gặp cả hai đoàn. Trước tiên Phật đã thụ giới cho Tỳ kheo cho những người trong đoàn nam, và sau đó cho trưởng lão ni Uppalavaṇṇā thụ giới Tỳ kheo ni cho những người trong đoàn nữ.] (400)

226 [**Spk** nói: Họ đã từng là hai bạn hữu đồng hành trong 500 kiếp trước.] (401)

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, sửa lỗi, hiệu đính, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch; email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc thư viện chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0918735176 (sư cô Quang Kiến); 0908475521 (chú Bính).

(b) Hoặc về kỹ thuật, liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.